

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP
CHO TRẺ TỰ KỶ 3 - 4 TUỔI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Hà Nội - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VIỆN KHOA HỌC GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THANH

BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP
CHO TRẺ TỰ KỶ 3 - 4 TUỔI

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KHOA HỌC GIÁO DỤC

Chuyên ngành: Lí luận và lịch sử giáo dục

Mã số: 62.14.01.02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: 1. PGS.TS NGUYỄN VĂN LÊ

2. PGS.TS LÊ VĂN TẠC

Hà Nội - 2014

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành công trình nghiên cứu này tôi đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của các tập thể và cá nhân.

Tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới:

* PGS.TS Nguyễn Văn Lê, người thầy với lòng nhiệt tình truyền thụ kiến thức đã chỉ bảo cho tôi trong suốt thời gian học tập, nghiên cứu. Thầy đã trực tiếp hướng dẫn và tạo mọi điều kiện tốt nhất để tôi hoàn thành luận án.

* PGS.TS Lê Văn Tạc, người thầy đã trực tiếp hướng dẫn, sửa chữa, đóng góp cho tôi nhiều ý kiến quý báu để tôi hoàn thiện luận án này.

* Ban Lãnh đạo Viện Khoa học giáo dục Việt Nam và các Cán bộ của Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng của Viện, đã giúp đỡ và tạo mọi điều kiện thuận lợi trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu của tôi.

* Tất cả các bạn đồng nghiệp Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục đặc biệt, Khoa Giáo dục đặc biệt – Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương

* Ban lãnh đạo, giáo viên, phụ huynh, trẻ của phòng Giáo dục, Trường mầm non quận Cầu Giấy, Quận Ba Đình, Quận Đống Đa Hà Nội

* Ban lãnh đạo, giáo viên, phụ huynh, trẻ của Trường mầm non thực hành Hoa Sen (Ba Đình), Justkid (Cầu Giấy), Yên Hòa (Cầu Giấy).

* Gia đình, người thân và bạn bè đã luôn bên cạnh tôi, cùng tôi chia sẻ khó khăn, động viên, an ủi, khích lệ và hết lòng giúp đỡ tôi hoàn thành luận án này.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thanh

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong Luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào.

Tác giả luận án

Nguyễn Thị Thanh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

APD	:	rối loạn xử lý thính giác
CAPD	:	rối loạn xử lý thính giác trung tâm
CDC	:	Trung tâm phòng chống dịch bệnh của Mỹ
DSM	:	Hội tâm thần bệnh học của Mỹ
GD	:	Giáo dục
GDHN	:	Giáo dục hoà nhập
GV	:	Giáo viên
HCTK	:	Hội chứng tự kỷ
HVBT	:	Hành vi bất thường
KHGDCN	:	Kế hoạch giáo dục cá nhân
KN	:	Kĩ năng
KNGT	:	Kĩ năng giao tiếp
PH	:	Phụ huynh
PP	:	Phương pháp
TK	:	Tự kỷ
TKT	:	Trẻ khuyết tật
TTK	:	Trẻ tự kỷ
MGHN	:	Mẫu giáo hòa nhập
GDMN	:	Giáo dục mầm non

MỤC LỤC

Trang phụ bìa

Lời cảm ơn	i
Lời cam đoan	ii
Danh mục các chữ viết tắt	iii
Mục lục	iv
Danh mục bảng	vi
Danh mục biểu đồ	vii
Danh mục các phụ lục	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu	1
2. Mục đích nghiên cứu	3
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu	3
4. Giả thuyết khoa học	3
5. Nhiệm vụ nghiên cứu	4
6. Phạm vi nghiên cứu	4
7. Phương pháp nghiên cứu	4
8. Những đóng góp mới của luận án	6
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ	7
1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu	7
1.1.1 Trên thế giới	7
1.1.2 Ở Việt Nam	12
1.2. Một số khái niệm cơ bản	14
1.2.1 Kỹ năng	14
1.2.2 Kỹ năng giao tiếp	16
1.2.3 Biện pháp phát triển KNGT cho TTK	21
1.2.4 Giáo dục hòa nhập	22
1.3 Những vấn đề chung về trẻ Tự kỷ	23
1.3.1 Trẻ tự kỷ	23
1.3.2 Nguyên nhân trẻ Tự kỷ	25
1.3.3 Tiêu chí, công cụ chẩn đoán trẻ Tự kỷ	27
1.3.4 Đặc điểm trẻ Tự kỷ	31
1.4 Phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ	40
1.4.1 Ý nghĩa phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ	40
1.4.2 Mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ	41
1.4.3 Nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ	41

1.4.4 Con đường phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ	42
1.4.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ	42
Kết luận chương 1	47
	48
CHƯƠNG 2: CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ	
2.1 Cơ sở thực tiễn biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ.....	48
2.1.1 Sự phát triển giáo dục hòa nhập cho trẻ Tự kỷ ở Việt Nam	48
2.1.2 Vài nét về phát triển KNGT trong chương trình GDMN ở nước ta hiện nay	49
2.1.3 Thực trạng phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi	50
2.2. Đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi.....	70
2.2.1 Nguyên tắc xây dựng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi	70
2.2.2 Đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ	71
2.2.3. Mối quan hệ giữa các biện pháp	99
Kết luận chương 2	99
CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KNGT CHO TRẺ TỰ KỶ 3 – 4 TUỔI	102
3.1 Những vấn đề chung về thực nghiệm	102
3.1.1 Mục đích của thực nghiệm	102
3.1.2 Nội dung thực nghiệm	102
3.1.3 Tổ chức thực nghiệm	102
3.2 Đánh giá kết quả thực nghiệm	106
3.2.1 Trường hợp 1: Bé Nh.A	106
3.2.2 Trường hợp 2: Bé DA	114
3.2.3 Trường hợp 3: Bé MĐ	121
3.2.4 Trường hợp 4: Bé ĐA	128
3.2.5 Trường hợp 5: Bé DKH	134
3.2.6 Một số ý kiến bình luận về 05 trường hợp nghiên cứu	141
Kết luận chương 3	145
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	147
1. Kết luận	147
2. Khuyến nghị	149
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	151
TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

DANH MỤC BẢNG

		Trang
Bảng 2.1	Mức độ cần thiết phát triển KNGT cho TTK	55
Bảng 2.2	Thống kê mô tả kết quả đánh giá kỹ năng giao tiếp của TTK	56
Bảng 2.3	Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng tập trung chú ý	57
Bảng 2.4	Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng bắt chước	58
Bảng 2.5	Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng luân phiên	59
Bảng 2.6	Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ	60
Bảng 2.7	Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ	61
Bảng 3.1	Bảng thống kê mô tả KNGT trước thực nghiệm	106
Bảng 3.2	Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé Nh.A	109
Bảng 3.3	Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé DA	116
Bảng 3.4	Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé MĐ	124
Bảng 3.5	Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé ĐA	131
Bảng 3.6	Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé DKH	137
Bảng 3.7	Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm của 5 trường hợp nghiên cứu	142

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 3.1	Kết quả đánh giá KNGT của bé Nh.A trước TN.....	107
Biểu đồ 3.2	Kết quả đánh giá KN sử dụng ngôn ngữ của bé Nh.A qua các lần đo	112
Biểu đồ 3.3	Kết quả thực nghiệm của bé Nh.A qua các lần đo	114
Biểu đồ 3.4	Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé Nh.A qua các lần đo TN	114
Biểu đồ 3.5	Kết quả đánh giá KNGT của bé DA trước TN.....	115
Biểu đồ 3.6	Kết quả đánh giá KN tập trung chú ý bé DA qua các lần đo	118
Biểu đồ 3.7	Kết quả thực nghiệm của bé DA qua các lần đo	120
Biểu đồ 3.8	Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DA qua các lần đo TN	120
Biểu đồ 3.9	Kết quả đánh giá KNGT của bé MĐ trước TN.....	122
Biểu đồ 3.10	Kết quả đánh giá KN luân phiên của bé MĐ qua các lần đo	125
Biểu đồ 3.11	Kết quả thực nghiệm của bé MĐ qua các lần đo	127
Biểu đồ 3.12	Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé MĐ qua các lần đo TN	127
Biểu đồ 3.13	Kết quả đánh giá KNGT của bé ĐA trước TN	129
Biểu đồ 3.14	Kết quả đánh giá KN bắt chước của bé ĐA qua các lần đo	132
Biểu đồ 3.15	Kết quả thực nghiệm của bé ĐA qua các lần đo	133
Biểu đồ 3.16	Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé ĐA qua các lần đo TN	133
Biểu đồ 3.17	Kết quả đánh giá KNGT của bé DKH trước TN.....	136
Biểu đồ 3.18	Kết quả đánh giá KN nghe hiểu ngôn ngữ của bé DKH qua các lần đo	138
Biểu đồ 3.19	Kết quả thực nghiệm của bé DKH qua các lần đo	140
Biểu đồ 3.20	Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DKH qua các lần đo TN	140
Biểu đồ 3.21	So sánh điểm của 5 trẻ các lần đo	142
Biểu đồ 3.22	So sánh điểm của 5 trẻ trước thực nghiệm và sau thực nghiệm	143

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: Bảng đánh giá mức độ tự kỷ ở trẻ em CARS	160
PHỤ LỤC 2: Tiêu chí đánh giá KNGT của TTK	164
PHỤ LỤC 3: Phiếu trưng cầu ý kiến	165
PHỤ LỤC 4.A: Kế hoạch GDCN của bé Nh.A	169
PHỤ LỤC 4.B: Kế hoạch GDCN của bé DA	171
PHỤ LỤC 4.C: Kế hoạch GDCN của bé MĐ.....	173
PHỤ LỤC 4.D: Kế hoạch GDCN của bé ĐA.....	175
PHỤ LỤC 4.E: Kế hoạch GDCN của bé D.KH.....	177
PHỤ LỤC 5: Số liệu trung gian.....	179
PHỤ LỤC 6: Bảng quan sát trẻ giao tiếp.....	187
PHỤ LỤC 7: Bảng phỏng vấn phụ huynh.....	188
PHỤ LỤC 8: Minh họa tài liệu hướng dẫn phụ huynh phát triển KNGT cho TTK	189
PHỤ LỤC 9: Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV	194

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu

Tự kỷ là một loại khuyết tật do rối loạn của hệ thần kinh gây ảnh hưởng đến hoạt động não bộ. Hiện nay Tự kỷ được coi là căn bệnh của thời đại, số lượng trẻ tự kỉ tăng lên nhanh chóng ở tất cả các quốc gia trên thế giới, trẻ Tự kỷ được báo cáo xảy ra trong tất cả các nhóm chủng tộc, màu da, các dân tộc và nền kinh tế xã hội khác nhau. Ngày 30/3/2012 trên trang tin của Trung tâm phòng chống dịch bệnh của Mỹ (CDC - Centers for disease control and prevention) chính thức công bố số liệu thống kê mới về Tự kỷ là hiện cứ 88 trẻ có 1 trẻ được xác định với một rối loạn phổ Tự kỷ (ASD - Autism Spectrum Disorder); tỷ lệ trẻ trai mắc chứng Tự kỷ cao gấp 5 lần so với bé gái. Tại Mỹ, số trẻ được chẩn đoán mắc chứng Tự kỷ cao hơn so với tổng số trẻ bệnh ung thư, tiểu đường và AIDS cộng lại [116].

Giao tiếp có vai trò quan trọng trong đời sống mỗi cá nhân cũng như các quan hệ cá nhân trong xã hội. Thông qua giao tiếp mà con người tiếp thu, lĩnh hội các giá trị văn hoá tinh thần trong nền văn hoá xã hội, các chuẩn mực đạo đức để hình thành, phát triển các phẩm chất nhân cách, đạo đức, hành vi, thói quen.

Giao tiếp là một nhu cầu không thể thiếu của mỗi con người, nhờ có kỹ năng giao tiếp (KNGT) mà con người có thể chung sống và hòa nhập trong một xã hội. Vì vậy, để thực hiện các mục tiêu giáo dục cho trẻ thì điều cần thiết là phải hình thành và phát triển ở các em KNGT ngay từ lứa tuổi mầm non. KNGT không phải bẩm sinh, di truyền mà nó được hình thành và phát triển trong quá trình sống, qua hoạt động, trải nghiệm, luyện tập, rèn luyện... Dạy cho trẻ biết cách giao tiếp với mọi người xung quanh, biết tập trung chú ý khi giao tiếp, biết cách tiếp cận và biết bày tỏ thái độ, quan điểm của mình bằng lời nói, cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, biết cách giải quyết những tình huống trong cuộc sống hằng ngày, biểu đạt những mong muốn, cảm xúc, suy nghĩ, làm những việc nên làm, đồng thời biết lắng nghe và hiểu người khác. Đây là một nội dung vô cùng quan trọng trong chăm sóc và giáo dục cho trẻ em độ tuổi mầm non cũng như trong công tác can thiệp và giáo dục cho trẻ Tự kỷ.

Trẻ Tự kỷ có những rối loạn của hệ thần kinh gây ảnh hưởng đến hoạt động não bộ dẫn đến trẻ gặp khó khăn trong học tập, vui chơi, hòa nhập cộng đồng. Mức độ Tự kỷ ở mỗi trẻ mắc phải có sự khác nhau từ nhẹ đến nặng và thời điểm triệu chứng thể hiện ra cũng khác nhau. Nhưng tất cả TTK đều có một điểm chung giống nhau là khó khăn về giao tiếp và tương tác xã hội. Điều này được thể hiện ở việc TTK ít hoặc gần như không có nhu cầu giao tiếp với người khác, thiếu kỹ năng tập trung chú ý, bất chước, luân phiên, bắt đầu, duy trì, mở rộng hội thoại, hiểu và sử dụng công cụ giao tiếp... điều này không những là khó khăn của riêng bản thân trẻ mà còn là trở ngại đối với người lớn (cha mẹ, thầy, cô...) muốn giao tiếp cùng với trẻ. Những khó khăn trong giao tiếp đã ảnh hưởng trầm trọng đến sự phát triển các lĩnh vực khác của trẻ tự kỷ như ngôn ngữ, nhận thức và hòa nhập vào cộng đồng. Do vậy, khắc phục những hạn chế trong giao tiếp, đặc biệt là KNGT cho TTK là một trong những nhiệm vụ quan trọng trong giáo dục nhóm trẻ này.

Trong lĩnh vực chăm sóc và giáo dục trẻ TTK ở mỗi giai đoạn lứa tuổi đều có những nét đặc trưng. Giai đoạn từ 3 – 4 tuổi là mốc quan trọng xác định xem trẻ đó có phải là TTK không. Đây là thời điểm quan trọng để Nhà giáo dục đưa ra những biện pháp tác động nhằm hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK, giúp trẻ khắc phục và sửa chữa những khiếm khuyết về giao tiếp để hòa nhập cộng đồng.

Nghiên cứu về TTK và giáo dục TTK trở thành vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà khoa học trên cả lĩnh vực y tế, giáo dục, xã hội... Các phát hiện mới về TTK và thành tựu trong GD, can thiệp, trị liệu cho TTK được công bố đã giúp cho con người có những hiểu biết hơn về TTK. Song các nhà khoa học vẫn cho rằng khó khăn trong giao tiếp đặc biệt là việc phát triển KNGT là một vấn đề cần được nghiên cứu, tìm kiếm để giúp cho TTK, phụ huynh TTK, giáo viên dạy TTK được hữu ích hơn.

Ở nước ta vấn đề chăm sóc, giáo dục TTK là một lĩnh vực còn rất mới mẻ. Các công trình nghiên cứu về TTK chưa nhiều, đặc biệt các nghiên cứu về vấn đề phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK.

Giáo dục hòa nhập cho trẻ Tự kỉ lứa tuổi mầm non đã được triển khai tại Việt Nam, tuy nhiên giáo viên mầm non còn thiếu kiến thức và kỹ năng giao tiếp, tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ. Nguồn tài liệu tham khảo về vấn đề giao tiếp với TTK cũng rất hạn chế. Điều này đã ảnh hưởng ít nhiều đến kết quả giáo dục TTK.

Sự bùng nổ, gia tăng số lượng TTK được phát hiện bắt đầu từ những năm 2000 trở lại đây với tỉ lệ đáng kể TTK học tập trong các trường mầm non hòa nhập đặt ra nhiệm vụ cấp thiết cần nghiên cứu tìm kiếm phương pháp, biện pháp giáo dục cho trẻ, cách thức tác động, giao tiếp với TTK và phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ trong môi trường giáo dục hòa nhập.

Vì vậy, luận án nghiên cứu “*Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi*” sẽ đi sâu nghiên cứu việc phát triển các kỹ năng giao tiếp cho TTK, góp phần giải quyết những vấn đề bất cập đang đặt ra trong quá trình giáo dục TTK hiện nay, nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục TTK và đóng góp cho sự phát triển của khoa học Giáo dục đặc biệt ở Việt Nam.

2. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kỹ năng giao tiếp của TTK, luận án đề xuất các biện pháp tác động nhằm góp phần phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- *Khách thể nghiên cứu*: Quá trình GD phát triển KNGT cho TTK 3- 4 tuổi.

- *Đối tượng nghiên cứu*: Các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi.

4. Giả thuyết khoa học

KNGT của TTK còn nhiều hạn chế: tập trung chú ý kém, không biết cách bắt chước lời nói, không biết luân phiên, nghe hiểu nội dung giao tiếp kém, không biết cách sử dụng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp. Nếu xây dựng được các biện pháp phát triển KNGT cho TTK một cách đồng bộ từ gia đình đến nhà trường và xã hội, gắn kết giữa việc can thiệp và giáo dục, tạo cơ hội cho trẻ hòa nhập cộng đồng, thể

hiện, trải nghiệm, luyện tập kỹ năng giao tiếp thì góp phần nâng cao hiệu quả việc chăm sóc, giáo dục cho trẻ Tự kỷ nói chung cũng như việc phát triển KNGT cho TTK nói riêng.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1 Nghiên cứu cơ sở lí luận về phát triển kỹ năng giao tiếp của TTK.

5.2 Nghiên cứu, đánh giá thực trạng KNGT của TTK 3 - 4 tuổi; thực trạng các biện pháp giao tiếp của GV với TTK trong quá trình tổ chức các hoạt động dạy học ở trường mầm non. Tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển KNGT cho TTK, làm cơ sở thực tiễn đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi.

5.3 Đề xuất các biện pháp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi và tổ chức thực nghiệm sư phạm nhằm kiểm chứng tính khả thi và hiệu quả giáo dục của các biện pháp.

6. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu và đề xuất một số biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi đang học ở lớp hòa nhập ở trường mầm non (không nghiên cứu trẻ Tự kỷ có đi kèm hội chứng Asperger, rối loạn phân rã, rối loạn phát triển lan tỏa, hội chứng Rett).

Đề tài được tiến hành điều tra khảo sát thực tế và tổ chức thực nghiệm ở 3 trường mầm non có TTK học hòa nhập. Trường mầm non Yên Hòa, Juskid - Cầu Giấy – Hà Nội, Trường mầm non Hoa Sen - Ba Đình – Hà Nội.

7. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phối hợp một số phương pháp nghiên cứu:

7.1. Phương pháp nghiên cứu lý luận

Sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, phân loại và hệ thống hoá lý thuyết nhằm:

- Thu thập, xử lý, chọn lọc và khái quát hoá những vấn đề lý luận cơ bản, những kết quả nghiên cứu ở trong nước và nước ngoài về TTK, phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK.

- Xây dựng các khái niệm công cụ cốt lõi của đề tài.

7.2. Phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1 Phương pháp quan sát

Quan sát, theo dõi và ghi chép các biểu hiện giao tiếp của TTK với các bạn trong lớp, với cô giáo để đánh giá khả năng giao tiếp của TTK.

Quan sát quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc và giáo dục hằng ngày của giáo viên trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non để có cơ sở đánh giá thực trạng việc sử dụng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK.

Ghi biên bản, thu âm, quay video các hoạt động giao tiếp của TTK làm tư liệu nghiên cứu.

7.2.2 Phương pháp điều tra

Sử dụng phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi đối với giáo viên, cán bộ quản lý, cha mẹ TTK và phương pháp phỏng vấn giáo viên, cán bộ quản lý và cha mẹ TTK nhằm tìm hiểu thực trạng các biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK trong lớp học hoà nhập ở địa bàn nghiên cứu làm cơ sở cho việc đánh giá thực trạng và tiến hành thực nghiệm sư phạm.

Phỏng vấn sâu một số giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục để làm rõ hơn các nội dung thu thập được từ phiếu hỏi.

7.2.3 Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Tổ chức thực nghiệm các biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 - 4 tuổi để kiểm nghiệm tính khoa học và khẳng định tính khả thi của biện pháp đã đề xuất.

7.2.4 Phương pháp chuyên gia

Tham khảo ý kiến của các chuyên gia trong các lĩnh vực y tế, tâm lý, giáo dục đặc biệt về các biện pháp phát triển KNGT cho TTK. Mặt khác lấy ý kiến từ các giáo viên có kinh nghiệm đang trực tiếp dạy TTK tại một số trường MN.

7.2.5 Phương pháp nghiên cứu trường hợp

Nghiên cứu trên 05 trường hợp điển hình nhằm kiểm định kết quả của các biện pháp phát triển KNGT cho TTK đã được đề xuất.

7.3. Phương pháp xử lý thông tin bằng thống kê toán học

Sử dụng phương pháp thống kê toán học và phần mềm SPSS 16.0 để xử lý và kiểm định các số liệu thu thập được trong quá trình nghiên cứu.

8. Những đóng góp mới của luận án

8.1. Về lý luận

- Làm sáng tỏ khái niệm và đặc trưng của quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp của trẻ Tự kỷ, biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ làm phong phú cơ sở lý luận về giáo dục cho TTK.
- Xác định những tác động của giáo viên trong môi trường giáo dục hòa nhập đến sự phát triển kỹ năng giao tiếp, tổng kết những nghiên cứu lý luận về giáo dục hòa nhập cho trẻ Tự kỷ.
- Xây dựng các biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non, làm cơ sở để xây dựng tài liệu hướng dẫn cho phụ huynh và giáo viên.

8.2. Về thực tiễn

Trên cơ sở điều tra, khảo sát luận án đã đánh giá một cách toàn diện về thực trạng kỹ năng giao tiếp của trẻ Tự kỷ và các biện pháp phát triển KNGT cho TTK trong các lớp hòa nhập ở trường mầm non hiện nay.

Những biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ 3 - 4 tuổi được đề xuất và kiểm chứng qua thực nghiệm sư phạm 05 trường hợp nghiên cứu có giá trị trong giáo dục trẻ Tự kỷ. Đây là tài liệu tham khảo dành cho giáo viên, phụ huynh và phục vụ trong công tác nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non, giáo dục đặc biệt.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ 3 - 4 TUỔI

1.1. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

1.1.1 Trên thế giới

TTK được phát hiện vào những năm 40 của thế kỷ trước nhưng thực ra đã có từ rất lâu trong lịch sử loài người. Trên thế giới nói chung và ở Việt Nam nói riêng số lượng TTK ngày càng được phát hiện nhiều tại các thành phố lớn, các khu đô thị. Hiện nay Tự kỷ trở thành "*căn bệnh của thời đại*" và đã có rất nhiều nhà khoa học nghiên cứu về trẻ Tự kỷ. Dưới đây chúng tôi xin tổng hợp những nghiên cứu về vấn đề hình thành và phát triển KNGT của TTK từ các nguồn tài liệu của các nước trên thế giới. Các công trình nghiên cứu về vấn đề này rất đa dạng và được xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau.

- *Nghiên cứu về phát hiện trẻ Tự kỷ*

Jean Marc Itard (1774 – 1838) đã tiếp nhận một cậu bé "*hoang dã*" tên là Victor. Những mô tả cho thấy, cậu bé không có khả năng hiểu và biểu đạt ngôn ngữ, không có khả năng giao tiếp hoặc nhận thức, cách ứng xử xa lạ với cuộc sống của xã hội loài người. Victor bị mất khả năng giao tiếp về mặt xã hội và không có khả năng nhận thức như trẻ bình thường. Ngày nay, người ta cho rằng Victor chính là TTK. Để khắc phục tình trạng này Itard đã nghĩ rằng giáo dục TTK khác với những trẻ khác [18, *trg.11*].

Thuật ngữ Tự kỷ (Autism) được bác sỹ tâm thần người Thụy Sĩ Engen Bleuler (1857 – 1940) đưa ra năm 1919 để mô tả giai đoạn bắt đầu của rối loạn thần kinh ở người lớn, đây là hiện tượng mất nhận thức thực tế của người bệnh khi cách ly với đời sống thực tại hằng ngày và nhận thức của người bệnh có xu hướng không thống nhất với kinh nghiệm thông thường của họ [18, *trg.12*].

Cho đến năm 1943 bác sỹ tâm thần người Mỹ là Leo Kanner mô tả trong một bài báo với nhan đề "*Autism Disturbance of Effective Contract*". Ông cho rằng TTK là trẻ thiếu quan hệ tiếp xúc về mặt tình cảm với người khác; cách thể hiện các thói

quen hằng ngày rất giống nhau, tỉ mỉ và có tính rập khuôn; không có ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ nói thể hiện sự bất thường rõ rệt (nói nhại lời, nói lí nhí, không nhìn vào mắt khi giao tiếp); rất thích xoay tròn các đồ vật và thao tác rất khéo; có khả năng cao trong quan sát không gian và trí nhớ “*nư con vẹt*”; khó khăn trong học tập ở những lĩnh vực khác nhau; thích độc thoại trong thế giới riêng của mình, khó khăn trong việc thực hiện các trò chơi đóng vai theo chủ đề như cho búp bê ăn, nói chuyện điện thoại, bác sỹ tiêm bệnh nhân; chỉ hiểu nghĩa đen của câu nói, thích tiếng động và vận động lặp đi lặp lại đơn điệu: giới hạn đa dạng các hoạt động tự phát, mặc dù vẻ bề ngoài nhanh nhẹn, thông minh. Kanner nhận mạnh triệu chứng Tự kỷ có thể phát hiện được ngay khi trẻ ra đời hoặc trong khoảng 30 tháng đầu. Công trình khoa học của Kanner đã đánh dấu một bước ngoặt trong lịch sử giáo dục TTK, ngày nay là cơ sở của nhiều công trình nghiên cứu tại nhiều nước thế giới, [18, *trg.12*].

Năm 1944, một bác sỹ tâm thần người Áo là Han Asperger (1906 – 1980) sử dụng thuật ngữ Autism trong khi mô tả những vấn đề xã hội trong nhóm trẻ trai mà ông làm việc. Mô tả của ông như sau: ngôn ngữ của trẻ phát triển bình thường, tuy nhiên trong cách diễn tả và cách phát âm nhiều cung điệu lên xuống không thích hợp với hoàn cảnh; có những rối loạn trong cách sử dụng đại từ nhân xưng ngôi thứ nhất “*con, tôi*” lẫn lộn với ngôi thứ hai và ba. Trẻ vẫn có những tiếp xúc về mặt xã hội nhưng có xu hướng thích cô đơn, đơn độc. Rối loạn đặc biệt nhất trong hội chứng này là cách suy luận rườm rà, phức tạp, không thích ứng với những điều kiện, hoàn cảnh xã hội. Những trẻ này có sở thích đặc biệt về mặt kỹ thuật và toán học và có khả năng nhớ tốt một cách lạ thường [63], [64], [65], mọi người lấy tên của ông để đặt tên cho hội chứng này là Asperger.

Cũng từ những năm 60 của thế kỷ XX, những hiểu biết về Tự kỷ đã có những thay đổi hết sức lớn lao. Đặc biệt, nghiên cứu của Michael Rutter đã chỉ ra rằng cách chăm sóc, giáo dục của cha mẹ không phải là nguyên nhân chính dẫn đến việc trẻ bị Tự kỷ [63], [64].

Trong những năm 70 và 80 của thế kỷ XX, người ta bắt đầu xem xét đến khái niệm phổ Tụ kỷ. Trong cuốn sách “*Hiện tượng Tụ kỷ*”, Lorna Wing (1978) đã tìm ra những dấu hiệu rối loạn Tụ kỷ liên quan đến nhân vật “*sur huynh Juniper*”. Theo nhận định của bà, người này có những dấu hiệu Tụ kỷ như: không muốn giao tiếp, tiếp xúc; thờ ơ với mọi người xung quanh, thích những hoạt động nhằm chán lậ đi, lậ lại; không hiểu và đáp lại những tình cảm của người khác [97]. Tuy chưa khẳng định một cách chắc chắn Juniper có bị Tụ kỷ hay không, nhưng theo mô tả của Lorna Wing cho thấy một số biểu hiện mà ngày nay chúng ta thường gặp ở TTK.

- *Nghiên cứu về công cụ chẩn đoán, đánh giá trẻ Tụ kỷ*

Năm 1996, Baron- Cohen, Allen và Gilber nghiên cứu công cụ sàng lọc Tụ kỷ trên hơn 12.000 trẻ ở độ 18 tháng. Sau đó chọn được 9 dấu hiệu đặc hiệu được dùng dưới dạng bộ câu hỏi khẳng định, dễ sử dụng tại các phòng khám nhi, Phục hồi chức năng. Bộ câu hỏi này có tên “*Bảng đánh giá Tụ kỷ ở trẻ nhỏ*” (Checklist for Autism in Toddler – CHAT). Bộ câu hỏi CHAT này (gồm 9 dấu hiệu) có tính đặc hiệu cao. Nghĩa là trẻ có những dấu hiệu này thì nguy cơ bị Tụ kỷ cao. Nhưng nó lại có độ nhạy thấp. Nghĩa là nếu trẻ bị Tụ kỷ nhẹ thì có thể các dấu hiệu trên sẽ không quan sát thấy; dẫn tới dễ bỏ sót trẻ bị nhẹ hoặc không điển hình [96, trg.22,23]. Vì vậy, năm 2001 Robin, Fein, Barton & Green bổ sung vào công cụ sàng lọc này thêm 14 câu hỏi thuộc các lĩnh vực rối loạn vận động, quan hệ xã hội, bắt chước và định hướng. Bộ câu hỏi bổ sung có tên là M-CHAT 2001, được dùng để sàng lọc TTK trong độ tuổi 18 - 24 tháng [96].

Hội tâm thần học Mỹ, sau nhiều năm nghiên cứu năm 1994 đưa ra Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV, bao gồm các tiêu chuẩn chẩn đoán Tụ kỷ tìm ra những biểu hiện khiếm khuyết về chất lượng quan hệ xã hội, chất lượng giao tiếp và mẫu một số hành vi bất thường. Theo một Ba-rem được hướng dẫn, nếu trẻ có đủ các dấu hiệu tiêu chuẩn theo thang đánh giá thì sẽ được xác định là có Tụ kỷ hay không. Tiếp theo đó, tổ chức y tế thế giới (WHO) cũng đưa ra Bảng phân loại quốc tế ICD (International Classification of Diseases) qui định những tiêu

chuẩn chẩn đoán các bệnh tâm thần trong đó bao gồm các tiêu chí đánh giá để chẩn đoán Tự kỷ [71].

- Nghiên cứu về phương pháp dạy trẻ Tự kỷ

Một nghiên cứu có ứng dụng tích cực trong can thiệp sớm cho TTK là *Ứng dụng phân tích hành vi (Applied Behavior Analysis-ABA)*. Đây là kết quả nghiên cứu của Ivar Lovaas vào năm 1990 ở Đại học Los Angeles - California. Kết quả nghiên cứu là cơ sở để hình thành phương pháp can thiệp hành vi, được dùng để phát huy tối đa khả năng học tập của TTK. ABA là một chương trình can thiệp hành vi của TTK một cách toàn diện trong mọi lĩnh vực liên quan. Tác giả thử nghiệm chương trình can thiệp sớm cho trẻ nhỏ dựa vào gia đình cho trẻ. Các lĩnh vực đó có thể là: xã hội, giao tiếp, tự chăm sóc, vui chơi.... Cấu trúc của ABA gồm hai thành phần chính: dạy thử nghiệm các kỹ năng riêng biệt và thay đổi hành vi. Các nghiên cứu đều cho thấy sự giáo dục phù hợp nhất đối với TTK là can thiệp hành vi sớm và tích cực [112].

Andrew Bandy (nhà tâm lý Nhi) và Lori Frost (nhà âm ngữ trị liệu) nghiên cứu phương pháp PECS (Hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi tranh - Picture Exchange Communication System) ứng dụng vào can thiệp sớm cho TTK. Tác giả sử dụng một loạt chiến lược để giúp TTK có được các kỹ năng giao tiếp. Tuy nhiên, phương pháp này mới tập trung vào giúp trẻ giao tiếp không lời, cho phép trẻ lựa chọn cách thể hiện nhu cầu của mình bằng tranh ảnh. Điều này đã giảm nhẹ hành vi của TTK, và trẻ trở nên vui vẻ hơn chứ chưa tập trung vào phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ [105].

Có thể nói, các nghiên cứu về Tự kỷ trên thế giới chủ yếu được thực hiện ở các nước phát triển như Anh, Pháp, Nhật Bản, Úc, Thụy Điển và đặc biệt là Mỹ. Những nghiên cứu có đủ cả lý thuyết và thực nghiệm với nội dung chủ yếu là phát hiện TTK, đưa ra các tiêu chí sàng lọc hay xác định Tự kỷ, phương pháp dạy cho TTK.

- Nghiên cứu về phát triển kỹ năng giao tiếp

Tác giả Kak – Hai – Nodich [31] người Đức đã nêu rõ về ngôn ngữ của trẻ có một vai trò quan trọng và quá trình phát triển ở từng giai đoạn. Trong mỗi giai đoạn,

nhiệm vụ của người lớn là giúp trẻ thâm nhập vào thế giới ngôn ngữ phong phú và đa dạng, dẫn dắt trẻ từ những âm thanh “gừ, gừ” ở tuổi sơ sinh đến sử dụng, nắm vững ngôn ngữ thành thạo, điều đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển về trí tuệ. TTK chưa có ngôn ngữ, chưa biết cách giao tiếp, các bậc phụ huynh cần phải bắt đầu công việc can thiệp như: luyện âm, luyện giọng, luyện hơi sau đó đến luyện nói. Bằng những ví dụ, cách làm cụ thể, thiết thực tác giả đã giúp các bậc phụ huynh có con Tự kỷ có thêm những kiến thức cơ bản trong việc giáo dục và dạy dỗ giúp trẻ phát triển KNGT.

Để nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ, tác giả Linda Maget [41] đã giới thiệu những kỹ năng giao tiếp xã hội, giúp trẻ giải quyết những trở ngại trong việc kết giao bạn bè. Muốn giúp TTK giao tiếp phải tạo môi trường giao tiếp cho trẻ, phải cho trẻ học, chơi với bạn thì mới làm xuất hiện, nảy sinh nhu cầu giao tiếp. Tác giả đã giúp cho phụ huynh TTK biết cách lựa chọn môi trường can thiệp và giáo dục cho TTK phù hợp để trẻ phát triển KNGT.

Tác giả Steven Gutstin cho rằng để giúp trẻ phát triển KNGT cần phải hình thành và phát triển mối quan hệ xã hội [105], giúp trẻ hiểu được bản thân trẻ (tên gọi, các bộ phận cơ thể), hiểu được mối quan hệ giữa trẻ và các đồ vật trong gia đình (tên gọi, đặc điểm, cách sử dụng), mối quan hệ giữa trẻ và các sự vật, hiện tượng trong thế giới xung quanh. Trong mỗi hoàn cảnh, tình huống có vấn đề TTK biết cách giao tiếp phù hợp. Tác giả đã giúp cho GV, PH biết được một phương pháp mới trong việc phát triển KNGT cho TTK.

Tóm lại, nghiên cứu công tác chăm sóc, giáo dục cho trẻ Tự kỷ là một lĩnh vực nghiên cứu còn mới mẻ. Những công trình nghiên cứu về lĩnh vực này ở trên thế giới tuy nhiều nhưng chỉ tập trung vào nghiên cứu cách phát hiện, chẩn đoán TTK, phương pháp dạy TTK, chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về phát triển kỹ năng giao tiếp của TTK. Nếu được nghiên cứu sâu đề tài sẽ góp phần không nhỏ vào quá trình chăm sóc, giáo dục nâng cao chất lượng cuộc sống cho TTK.

1.1.2. Ở Việt Nam

Nghiên cứu về TTK nói chung và việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK nói riêng ở Việt Nam hầu như mới chỉ được bắt đầu vào khoảng thập kỷ 80 của thế kỷ XX. Từ năm 2000 trở lại đây, vấn đề TTK đã được nhiều ngành quan tâm nghiên cứu như tâm lý học, giáo dục học, y học... Một loạt các trung tâm nuôi dạy TTK ra đời, các bệnh viện mở ra các khoa để can thiệp cho TTK, các Trường học mở ra các lớp học chăm sóc - GD TTK là những điều kiện thuận lợi cho các nghiên cứu này.

- Nghiên cứu về phát hiện và can thiệp sớm cho trẻ Tự kỷ

Tác giả Nguyễn Văn Thành, một Việt kiều sống tại Thụy Sĩ, đã xuất bản cuốn sách "*Trẻ em Tự kỷ phương thức giáo dục*" [49]. Tài liệu đã phổ biến kiến thức về cách chăm sóc, nuôi dạy TTK.

Tác giả Vũ Thị Bích Hạnh trong cuốn sách "*Trẻ Tự kỷ - phát hiện sớm và can thiệp sớm*" [23] đã nêu ra những vấn đề cơ bản, chung nhất về cách phát hiện sớm và can thiệp sớm mà chưa nêu ra cách làm cụ thể ở một nội dung nào trong can thiệp sớm cho TTK.

Tác giả Võ Nguyễn Tinh Vân người Úc gốc Việt đã xuất bản cuốn sách "*Nuôi con bị Tự kỷ*" [63], "*Để hiểu Tự kỷ*" [64], "*Tự kỷ và trị liệu*" [66], giúp hiểu rõ về Tự kỷ ở trẻ em và giúp cho các phụ huynh biết cách chăm sóc, nuôi con Tự kỷ cũng như cách trị liệu cho TTK.

Câu lạc bộ gia đình TTK Hà Nội được thành lập năm 2002 và mở trang web có tên là www.tretuky.com. Đây là nơi chia sẻ thông tin, tài liệu và kinh nghiệm chăm sóc, giáo dục TTK của phụ huynh và các cán bộ chuyên môn. Bên cạnh đó, Câu lạc bộ còn Tổ chức nhiều các khóa tập huấn do các chuyên gia trong nước và nước ngoài giảng dạy nhằm giúp cho mọi người hiểu rõ hơn về Tự kỷ, giúp TTK hòa nhập cộng đồng. Những hoạt động thiết thực mà Câu lạc bộ tổ chức không chỉ mang lại lợi ích thiết thực cho trẻ em mắc hội chứng Tự kỷ, cha mẹ, giáo viên mà còn góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về Hội chứng Tự kỷ ở Việt Nam. Các thông tin về TTK ngày càng phổ biến trên đất nước Việt Nam qua đài, báo, truyền hình.

- *Nghiên cứu về phương pháp dạy trẻ Tự kỷ*

Năm 2004, tác giả Đỗ Thị Thảo với đề tài “*Xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo viên và cha mẹ có con Tự kỷ trong chương trình Can thiệp sớm tại Hà Nội*” [50] nhưng chưa đề cập đến mảng phát triển KNGT cho TTK.

Năm 2007, tác giả Nguyễn Nữ Tâm An với đề tài “*Sử dụng phương pháp TEACCH trong giáo dục trẻ Tự kỷ tại Hà Nội*”[1] cho thấy được một góc nhìn về vấn đề định hướng và điều trị trẻ Tự kỷ thông qua giao tiếp, cách vận dụng phương pháp TEACCH (Treatment and Education of Autistic and related Communication handicapped Children) vào trong quá trình can thiệp sớm cho trẻ Tự kỷ.

Năm 2008, tác giả Đào Thu Thủy với đề tài “*Xây dựng bài tập phát triển giao tiếp tổng thể cho trẻ Tự kỷ tuổi mầm non*” [55]. Đề tài đã thiết kế 20 bài tập phát triển giao tiếp cho trẻ Tự kỷ 24 – 36 tháng dành cho phụ huynh. Tuy nhiên chưa tiến hành thực nghiệm để kiểm nghiệm tính khả thi của các bài tập phát triển giao tiếp tổng thể.

Năm 2009, tác giả Ngô Xuân Điệp trong đề tài “*Nghiên cứu nhận thức trẻ Tự kỷ tại Thành Phố Hồ Chí Minh*” [18] đã cho thấy được thực trạng mức độ nhận thức của trẻ Tự kỷ và mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố chủ quan và khách quan đến nhận thức của TTK.

- *Nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ*

Ở nước ta, đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về vấn đề giao tiếp dưới góc độ tâm lý học, giáo dục học. Bắt đầu từ những năm 80 của thế kỷ trước có nhiều bài viết và công trình nghiên cứu của các nhà khoa học như: Phạm Minh Hạc, Trần Trọng Thủy, Ngô Công Hoàn, Nguyễn Văn Lê, Nguyễn Quang Uẩn... đã được in ấn, công bố, xuất bản và áp dụng trong chăm sóc, giáo dục, can thiệp cho trẻ em, sinh viên, giáo viên, phụ huynh.

Nguyễn Hoàng Anh nghiên cứu về kỹ năng giao tiếp sư phạm của sinh viên dưới góc độ tâm lý học. Tác giả đã đề xuất quy trình rèn luyện kỹ năng sư phạm cho sinh viên các trường sư phạm. Như vậy, kỹ năng giao tiếp được khai thác dưới góc độ nghề dạy học [2].

Năm 2003, tác giả Hoàng Thị Phương [46] trong công trình “*Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ 5 – 6 tuổi*”, trong đó giao tiếp được khai thác dưới góc độ hành vi văn hóa sơ đẳng nhưng là cơ bản, phổ biến, đặc trưng cho lứa tuổi mẫu giáo lớn. Đó là những kỹ năng mang tính nền tảng làm cơ sở để giáo dục và phát triển sau này cho trẻ ở cấp tiểu học.

Nhìn chung, tại Việt Nam đã có một số công trình nghiên cứu về chăm sóc, giáo dục cho TTK, kỹ năng giao tiếp nhưng chưa có công trình nào đi sâu nghiên cứu về phát triển KNGT của TTK. Nhìn chung những công trình nghiên cứu trên đã có những tác động nhất định đối với việc phát triển KNGT nhưng vẫn còn thiếu những công trình nghiên cứu KNGT cho TTK. Do đó, nghiên cứu về phát triển KNGT cho TTK là một yêu cầu khách quan và cần thiết. Trong đề tài này chúng tôi chỉ tập trung nghiên cứu biện pháp phát triển KNGT cho TTK nhằm tìm khắc phục được những khiếm khuyết của TTK về giao tiếp, giúp TTK hòa nhập cộng đồng, nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục TTK.

Tóm lại, từ kết quả các nghiên cứu được dẫn ra trên đây đã giúp khẳng định được một số vấn đề sau:

Yếu tố quan trọng hỗ trợ để phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK là ngôn ngữ và môi trường giao tiếp.

Giao tiếp là công cụ quan trọng giúp cho TTK tiếp thu kiến thức, kinh nghiệm lịch sử xã hội của loài người. Muốn giúp cho TTK có kỹ năng giao tiếp cần có biện pháp tác động phù hợp.

Các kết quả nghiên cứu cho thấy sự thiếu vắng những nghiên cứu về biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ.

1.2. Một số khái niệm cơ bản

1.2.1 Kỹ năng

Cho đến nay trên thế giới và ở nước ta có nhiều quan niệm về kỹ năng và nó được nhìn dưới những góc độ khác nhau. Khi nhìn nhận về kỹ năng, các nhà tâm lý học xem xét kỹ năng theo 2 khuynh hướng chính.

Khuyhnh hướng thứ nhất, xem xét kỹ năng nghiêng về mặt kỹ thuật của hành động, theo các tác giả chỉ cần nắm vững cách thức của hành động là có kỹ năng. Đại diện cho nhóm này là V.X.Cudin, A.G.Covaliop, Trần Trọng Thủy... Chẳng hạn, theo V.A Krutetxki kỹ năng là phương thức thực hiện hành động đã được con người nắm vững và chỉ cần nắm vững phương thức hành động là con người có kỹ năng.

Khuyhnh hướng thứ hai xem xét kỹ năng nghiêng về năng lực của con người trong quá trình giao tiếp. Đại diện cho nhóm này là N.D. Levitop, K.K.Platonop, G.G.Coluvep,...

Các nhà giáo dục Việt Nam quan niệm kỹ năng như là khả năng của con người thực hiện có kết quả hành động tương ứng với mục đích và điều kiện trong đó hành động xảy ra. Một số tác giả khác lại quan niệm, kỹ năng là sự thực hiện có kết quả một số thao tác hay một loạt các thao tác phức hợp của hành động bằng cách lựa chọn và vận dụng tri thức vào quy trình đúng đắn.

Theo Lê Văn Hồng, kỹ năng là “*khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một nhiệm vụ mới*” [2]. Còn tác giả Nguyễn Văn Đồng [20] cho rằng: “*kỹ năng là năng lực vận dụng những tri thức đã được lĩnh hội để thực hiện có hiệu quả một hoạt động tương ứng trong những điều kiện cụ thể*” hay tác giả Nguyễn Quang Uẩn [2] cho rằng: “*Kỹ năng là năng lực của con người biết vận hành các thao tác của một hành động theo đúng quy trình*”.

Từ những khái niệm của những nhà nghiên cứu trên cho thấy những điểm chung trong quan niệm về kỹ năng:

- + Tri thức là cơ sở, là nền tảng để hình thành kỹ năng. Tri thức ở đây bao gồm tri thức về cách thức hành động và tri thức về đối tượng hành động;
- + Kỹ năng là sự chuyển hóa tri thức thành năng lực hành động của cá nhân;
- + Kỹ năng luôn gắn với một hành động hoặc một hoạt động nhất định nhằm đạt được mục đích đã đặt ra.

Từ sự phân tích trên, chúng tôi hiểu kỹ năng như sau: *kỹ năng là khả năng của con người được thực hiện thuần thục trên kinh nghiệm của bản thân thông qua quá trình rèn luyện, luyện tập nhằm tạo ra kết quả mong đợi.*

2.2.2 Kỹ năng giao tiếp

1.2.2.1 Giao tiếp

Giao tiếp là một hiện tượng tâm lý xã hội. Bất cứ người nào cũng có nhu cầu giao tiếp để tồn tại và phát triển trong xã hội. Giao tiếp là một trong những điều kiện tiên quyết để hình thành và phát triển nhân cách mỗi người. Có nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này:

- Quan điểm thứ nhất cho rằng giao tiếp là một dạng của hoạt động, hoặc có thể là phương tiện, điều kiện của hoạt động. Đại diện cho quan điểm này là A.A.Leonchiev [22].

- Quan điểm thứ hai lại cho rằng, hoạt động và giao tiếp được xem xét như hai mặt tương đối độc lập của quá trình thống nhất trong cuộc sống con người, có thể coi đó là hai phạm trù độc lập với nhau. Phạm trù hoạt động phản ánh mối quan hệ “*chủ thể - khách thể*”, còn phạm trù giao tiếp lại phản ánh mối quan hệ “*chủ thể - chủ thể*”. Đại diện cho quan điểm này là Lomov [22].

- Quan điểm thứ ba cho rằng có một phạm trù hoạt động chung đó là phương thức tồn tại và phát triển của con người. Theo các nhà tâm lý học Mác xít, cuộc sống con người là một dòng hoạt động, con người là chủ thể của các hoạt động thay thế nhau. Hoạt động là quá trình con người thực hiện các quan hệ giữa con người và thế giới tự nhiên, xã hội và bản thân. Hoạt động với tư cách là một phạm trù chung nhất bao hàm hai dạng hoạt động chủ yếu là hoạt động đối tượng và hoạt động giao tiếp (hay gọi là giao tiếp), phản ánh hai loại quan hệ của con người đối với thực hiện khách quan: Hoạt động đối tượng phản ánh quan hệ “*chủ thể - khách thể*”, còn giao tiếp phản ánh quan hệ “*chủ thể - chủ thể*”.

A.A.Leonchiev quan niệm: *Giao tiếp là hệ thống những quá trình có mục đích và có động cơ đảm bảo sự tương tác giữa người này và người khác*. Trong hoạt động thực tiễn các quan hệ xã hội, nhân cách các quan hệ tâm lý và sử dụng các phương pháp đặc thù mà trước hết là ngôn ngữ. Ông cho rằng giao tiếp có cấu trúc chung của hoạt động [22]. Giao tiếp nào cũng có động cơ quy định sự hình thành và phát triển của nó cũng được tạo ra bởi các hành động và thao tác. Ông cho rằng giao tiếp cũng

mang đặc tính của hoạt động, tức là có cụ thể, nhằm vào một đối tượng nào đó để tạo ra một sản phẩm nào đó.

L.X.Vugotxki là người đầu tiên đề cập đến giao tiếp trong quá trình tiếp thu lịch sử xã hội. *Thông qua giao tiếp, mối quan hệ giữa người với người được thiết lập và tạo nên bản chất người* [28]. Theo ông, giao tiếp là mối quan hệ qua lại giữa người và người, là quá trình trao đổi thông tin, quan điểm và cảm xúc.

C. Mac và Ph.Anghen [20] hiểu giao tiếp như là “*một quá trình thống nhất, hợp tác, tác động qua lại giữa người với người*”. Như vậy, khái niệm giao tiếp được khai thác dưới góc độ là một quá trình hợp tác giữa con người với con người. Tuy nhiên, trong cuộc sống không phải có hợp tác là có giao tiếp, đôi khi giao tiếp không có sự hợp tác mà là xung đột.

Tác giả Ngô Công Hoàn nhấn mạnh “*Giao tiếp là sự tiếp xúc giữa con người với con người nhằm mục đích trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp*”[27]. Phạm trù giao tiếp đã được mở rộng hơn như trao đổi tư tưởng, tình cảm, vốn sống, kinh nghiệm, kỹ năng, kỹ xảo nghề nghiệp.

Nguyễn Quang Uẩn cho rằng “*Giao tiếp là sự tiếp xúc giữa tâm lý giữa người và người, thông qua đó con người trao đổi với nhau về thông tin, về cảm xúc, tri giác lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại với nhau*”[61]. Phạm trù giao tiếp đã được nhân mạnh là sự vận hành mối quan hệ người – người, hiện thực hóa các mối quan hệ xã hội giữa chủ thể này với chủ thể khác.

Trong thực tế, các nhà nghiên cứu đã nhìn nhận về giao tiếp và có những định nghĩa khác nhau về giao tiếp. Mỗi tác giả khai thác khái niệm giao tiếp dưới góc độ khác nhau. Tuy nhiên thông qua những định nghĩa, các tác giả đều đã nêu ra những dấu hiệu cơ bản của giao tiếp. Những dấu hiệu cơ bản đó là:

- Giao tiếp là một hiện tượng đặc thù của con người, chỉ có ở con người, chỉ được diễn ra trong xã hội loài người.
- Giao tiếp dựa trên cơ sở hiểu biết lẫn nhau giữa con người với con người.
- Giao tiếp thể hiện thông qua sự trao đổi thông tin, sự hiểu biết, rung cảm và ảnh hưởng lẫn nhau.

- Giao tiếp chứa đựng những nội dung của xã hội, được thực hiện trong một hoàn cảnh xã hội cụ thể và chịu sự quy định của các yếu tố văn hóa, xã hội.

Giao tiếp là nhu cầu tất yếu, đặc trưng của xã hội loài người, giao tiếp được tiến hành bằng nhiều hình thức có ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ, khả năng giao tiếp của con người phụ thuộc vào kỹ năng giao tiếp và vốn tri thức, vốn kinh nghiệm sống của họ.

Từ những dấu hiệu chung của giao tiếp, chúng tôi coi khái niệm sau đây về giao tiếp làm khái niệm công cụ trong nghiên cứu: *Giao tiếp là sự tiếp xúc tâm lý giữa người với người nhằm trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm... tạo nên các quan hệ xã hội và mang bản chất xã hội lịch sử.*

Trong nghiên cứu đề tài này chúng tôi hiểu: *Giao tiếp là sự truyền đạt, tiếp nhận, trao đổi thông tin qua việc hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ bằng lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ. Thông qua giao tiếp nhân cách được hình thành và phát triển.*

1.2.2.2 Kỹ năng giao tiếp

Nghiên cứu về KNGT, các nhà nghiên cứu đã có những quan niệm khác nhau với cách nhìn và khai thác khác nhau.

Nghiên cứu về KNGT, tác giả Hoàng Anh [2] quan niệm: KNGT là năng lực của con người biểu hiện trong quá trình giao tiếp. Đó là các khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ... là hệ thống các thao tác cử chỉ, điệu bộ, hành vi được chủ thể giao tiếp phối hợp hài hòa.

* V.P Dakharop đã dựa vào các bước tiến hành của một pha giao tiếp cho rằng kỹ năng giao tiếp gồm có kỹ năng sau [27]:

- Kỹ năng thiết lập các mối quan hệ trong giao tiếp
- Kỹ năng cân bằng nhu cầu của chủ thể và đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng lắng nghe và biết cách lắng nghe đối tượng giao tiếp
- Kỹ năng tự chủ cảm xúc và hành vi
- Kỹ năng nhạy cảm trong giao tiếp
- Kỹ năng diễn đạt dễ hiểu, gọn gàng, mạch lạc

- Kỹ năng linh hoạt mềm dẻo trong giao tiếp
- Kỹ năng thuyết phục trong giao tiếp
- Kỹ năng điều khiển quá trình giao tiếp
- Kỹ năng tự kiểm chế và kiểm tra đối tượng giao tiếp

* A.T.Kurbawa và Ph.M.Rakhmatinlira cũng theo quan điểm này cho rằng một quá trình giao tiếp gồm ba nhóm kỹ năng [2]:

- Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ là sự chủ động chào khi gặp mặt và nói lời tạm biệt khi chia tay; trẻ biết dùng ngôn ngữ để yêu cầu về đồ vật, về thông tin, về sự giúp đỡ với bạn bè trong khi chơi, để trao đổi với bạn một cách chủ động; đồng thời trẻ biết dùng ngôn ngữ để từ chối sự giúp đỡ, từ chối thông tin từ chối đồ vật khi những điều ấy không đáp ứng nhu cầu của trẻ; trẻ biết chia sẻ thông tin, cung cấp thông tin, đề nghị giúp đỡ bạn trong khi chơi...thông qua hoạt động hằng ngày giúp trẻ biết thiết lập mối quan hệ trong giao tiếp với bạn bè một cách chủ động và tự tin hơn.

- Kỹ năng diễn đạt nghĩa trong câu bao gồm trẻ biết miêu tả sự vật, hiện tượng đang ở trong tình huống hiện tại, trẻ biết diễn tả đúng những điều mình mong muốn cho bạn hiểu; trẻ biết dùng câu để diễn tả sự phủ định, sự từ chối của trẻ, sự biến mất hay sự ngừng lại của một sự vật hiện tượng; trẻ biết nói về vị trí, thuộc tính của sự vật, hiện tượng; trong câu nói của trẻ thể hiện sự sở hữu sự vật, hiện tượng, trẻ có thể đặt ra về nơi chốn, cái gì, tại sao, ai và về những câu hỏi có, không.

- Kỹ năng diễn đạt các đặc điểm văn phạm trong câu: ở kỹ năng này xem xét xem trẻ có sử dụng giới từ để nói về vị trí hay trạng thái của các sự vật hiện tượng hay không? trẻ có biết sử dụng ngôn ngữ để miêu tả về đặc điểm đơn giản của đồ vật, trẻ có biết sử dụng từ “đang” để nói về hoạt động xảy ra ở hiện tại; về các đại từ sở hữu, đại từ nhân xưng mà trẻ sử dụng, về các câu trẻ muốn nói về thời tương lai và thời quá khứ... Mặc dù, đây là một trong những mục tiêu đặt ra để xây dựng những biện pháp giúp trẻ có kỹ năng giao tiếp tốt hơn nhưng đây là mục tiêu thứ trong các mục tiêu ưu tiên ở trên.

* Tác giả Vũ Thị Bích Hạnh cho rằng phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ bao gồm các kỹ năng giao tiếp sớm như: Kỹ năng quan sát, lắng nghe, bắt chước, luân phiên, vui chơi, nghe hiểu ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ... Đó là những kỹ năng tiền đề, quan trọng để giúp trẻ phát triển khả năng giao tiếp [23].

- Kỹ năng quan sát là dạy cho trẻ quan sát đến mọi người xung quanh, khi giao tiếp nhìn vào mắt đối tượng giao tiếp. Vì khi giao tiếp TTK không thích nhìn vào mắt người khác. Thông thường trẻ chỉ nhìn qua rồi quay đi. Nếu bắt buộc thì trẻ chỉ nhìn được vài tíc tắc.

- Kỹ năng tập trung là rèn luyện cho trẻ khả năng tập trung chú ý hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu của cha mẹ, thầy cô, tạo tiền đề để trẻ có thể tham gia học các tiết học ở trường mầm non, hòa nhập với các bạn bình thường. Bởi vì, TTK ít có khả năng tập trung để làm một việc với người khác. Hoạt động chính của trẻ là chạy nhảy hằng ngày không có mục đích.

- Kỹ năng lần lượt và bắt chước là dạy cho TTK biết bắt chước cử chỉ, hành động, lời nói của đối tượng giao tiếp và thực hiện quy tắc lần lượt, luân phiên khi thực hiện nhiệm vụ. Bởi vì, khả năng chờ đợi của TTK kém, trẻ ít quan tâm đến mọi người xung quanh, không thích nhìn và bắt chước hành động của người khác.

- Kỹ năng chơi là dạy cho TTK biết cách chơi cũng như chia sẻ đồ chơi với bạn, mọi người xung quanh. Bởi vì, TTK chỉ thích chơi một mình, trẻ cuốn hút vào những đồ chơi hình quay tròn, trẻ chỉ chơi khi trẻ thích chơi.

- Kỹ năng dùng cử chỉ và tranh ảnh là dạy TTK dùng cử chỉ và tranh ảnh minh họa cho nội dung giao tiếp. TTK thích dùng cử chỉ, tranh ảnh hơn dùng lời nói nhưng chỉ với những thứ, đồ vật mà trẻ thích, còn đối với những thứ mà trẻ không thích thì trẻ không dùng, không nói.

- Kỹ năng sử dụng lời nói là dạy TTK sử dụng lời nói để giao tiếp, thể hiện nhu cầu với mọi người xung quanh. Bởi vì, ở một số TTK không biết nói, khó bắt chước lời nói. Một số khác có lời nói nhưng lại nói các từ vô nghĩa, không đúng ngữ cảnh và tình huống giao tiếp.

KNGT là năng lực tiến hành các thao tác, hành động, kể cả năng lực thể hiện cảm xúc, thái độ nhằm giúp chủ thể giao tiếp, trao đổi thông tin, tư tưởng, tình cảm với đối tượng giao tiếp. Nói một cách khác, KNGT là toàn bộ những thao tác cử chỉ, thái độ, ngôn ngữ được phối hợp hài hòa, hợp lý của cá nhân hay với một nhóm xã hội nhằm điều khiển, điều chỉnh đối tượng giao tiếp để thực hiện mục tiêu của chủ thể giao tiếp.

Trong nghiên cứu đề tài này tác giả luận án lựa chọn khái niệm KNGT sau làm công cụ nghiên cứu: *kỹ năng giao tiếp là khả năng sử dụng hợp lý các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, biết cách tổ chức, điều chỉnh quá trình giao tiếp nhằm đạt mục đích giao tiếp*. Đối với TTK tập trung tác động dạy cho trẻ một số KNGT chính như: kỹ năng tập trung chú ý, kỹ năng bắt chước, kỹ năng luân phiên và kỹ năng hiểu ngôn ngữ, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ làm nền tảng để phát triển KNGT.

1.2.3 Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp

Trong cuốn “*Từ điển Tiếng Việt tường giải và liên tưởng*”, tác giả Nguyễn Văn Đạm cho rằng: “*Biện pháp là cách làm, cách hành động, đối phó để đi tới một mục đích nhất định*”[39].

Như vậy, nghĩa chung nhất của biện pháp là cách làm để thực hiện một công việc nào đó nhằm đạt được mục đích đề ra; biện pháp là cách thức, cách làm, cách hành động để đi tới một mục đích nhất định hay là cách giải quyết vấn đề cụ thể. Trước những vấn đề khó khăn của thực tiễn với đối tượng cụ thể đã được xác định, cần đưa ra những giải pháp nhằm cải thiện tình hình thực tiễn, giúp giải quyết được vấn đề hiện tại được tốt hơn, hiệu quả hơn.

Trong nghiên cứu đề tài này tác giả luận án chọn khái niệm biện pháp phát triển KNGT sau làm công cụ nghiên cứu: *biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK là những cách thức thực hiện các tác động giáo dục nhằm giúp TTK có kỹ năng trong quá trình giao tiếp như kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để diễn đạt ý hiểu của mình cho người khác hiểu nội dung giao tiếp*.

1.2.4 Giáo dục hòa nhập

Giáo dục hòa nhập (GDHN) là phương thức giáo dục trong đó trẻ khuyết tật cùng học với trẻ bình thường, trong trường phổ thông ngay tại nơi mình sinh sống [68, *trg.221*]. Giáo dục hòa nhập nhìn nhận trẻ khuyết tật dựa trên quan điểm xã hội, khi cho rằng khiếm khuyết không phải chỉ do khiếm khuyết của bản thân cá thể mà còn là khiếm khuyết của xã hội. Mọi trẻ khuyết tật đều có những năng lực nhất định, do đó mà trẻ khuyết tật được coi là chủ thể chứ không phải là đối tượng thụ động trong quá trình tiếp nhận các tác động giáo dục.

GDHN có bản chất riêng so với các phương thức giáo dục khác như: Giáo dục cho mọi đối tượng trẻ. Đây là tư tưởng chủ đạo, yếu tố đầu tiên thể hiện bản chất của GDHN. Trong giáo dục hoà nhập không có sự tách biệt giữa trẻ khuyết tật với trẻ không khuyết tật. Mọi trẻ đều được tôn trọng và đều có giá trị như nhau [68, *trg.221*].

Trong GDHN trẻ được học cùng một chương trình giáo dục phổ thông. Điều này vừa thể hiện sự bình đẳng trong giáo dục, vừa thể hiện sự tôn trọng. Điều chỉnh chương trình, đổi mới phương pháp dạy học và thay đổi quan điểm, cách đánh giá là vấn đề cốt lõi để GDHN đạt hiệu quả cao nhất. GDHN không đánh đồng mọi trẻ em. Mỗi trẻ là một cá nhân, một nhân cách có năng lực khác nhau, cách học khác nhau, tốc độ học không như nhau. Vì thế, điều chỉnh chương trình cho phù hợp là cần thiết [68, *trg.222*].

Trong GDHN gia đình, nhà trường, xã hội và cộng đồng cần tạo ra sự hợp tác và giúp đỡ trẻ trong mọi hoạt động. Trẻ khuyết tật là trung tâm của quá trình giáo dục, được tham gia đầy đủ và bình đẳng trong mọi công việc của Nhà trường, Gia đình, Xã hội và cộng đồng [17].

GDHN là một xu thế, là một sự tất yếu của thời đại. Xu hướng giáo dục này đáp ứng mục tiêu giáo dục trẻ khuyết tật mà UNESCO đã đưa ra là tiến tới giáo dục trẻ khuyết tật phải đạt trình độ phổ cập. Mô hình giáo dục này đảm bảo giáo dục đa trình độ, đa phương pháp và phát huy được tính độc lập, khuyến khích sự tham gia

tích cực của mọi trẻ. Được giáo dục trong môi trường hòa nhập trẻ đều có tiến bộ hơn, các tiềm năng của trẻ được khơi dậy và phát triển.

GDHN ở trường mầm non được tổ chức tùy theo điều kiện cụ thể của từng trường, từng lớp để phù hợp với trẻ khuyết tật, các hoạt động trong lớp cần chú ý quan tâm tới khả năng và nhu cầu của trẻ khuyết tật.

Số lượng trẻ khuyết tật học ở mỗi lớp hòa nhập trong trường mầm non có thể là 1 hoặc 2 trẻ khuyết tật/ lớp học, trẻ tham gia học hòa nhập với các bạn bình thường ở tất cả các hoạt động hằng ngày.

Ở một số trường mầm non có phòng học cá nhân dành cho trẻ khuyết tật. Bên cạnh các tiết học hòa nhập chung với các bạn, trẻ khuyết tật được can thiệp cá nhân ngay tại trong trường. Có một số trường thì Nhà trường kết hợp với phụ huynh tổ chức có một giáo viên Giáo dục đặc biệt kèm, hỗ trợ trẻ khuyết tật ngay tại lớp học hòa nhập từ sáng đến chiều.

Đối với những trẻ khuyết tật học hòa nhập ở trường mầm non, mà vẫn còn thiếu một số kỹ năng mà ở trường không có phòng học cá nhân hoặc giáo viên giáo dục đặc biệt thì phụ huynh phải cho trẻ đi học thêm các tiết học can thiệp ở các trung tâm can thiệp sớm bên ngoài trường.

Trong nghiên cứu đề tài này tác giả luận án chọn khái niệm Giáo dục hòa nhập sau làm công cụ nghiên cứu: *Giáo dục hòa nhập là phương thức giáo dục trong đó trẻ khuyết tật cùng học với trẻ bình thường, trong trường phổ thông có sự điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức... cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ*

1.3 Những vấn đề chung về Tự kỷ

1.3.1 Tự kỷ

Tự kỷ hay còn gọi bằng những tên khác nhau như trẻ tự bế, hội chứng Tự kỷ. Thuật ngữ tiếng Anh TTK được xác định bởi một danh từ "*Autism*" chỉ những rối nhiễu đặc trưng trong việc khó khăn thiết lập các mối quan hệ, tương tác với xã hội. Đây là một tên gọi do nhà tâm lý Leo Kanner đưa ra vào năm 1943. Ông mô tả chi tiết hành vi của nhóm trẻ này bao gồm: "*thiếu quan hệ tiếp xúc về mặt tình cảm với*

người khác; các thói quen thường ngày rất giống nhau về tính cách kỳ dị và tỉ mỉ; không có ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ nói khác thường; rất thích xoay các đồ vật hình tròn; có kỹ năng mức cao về nhìn nhận không gian hoặc giải trí như "vẹt", hình thức bên ngoài có vẻ hấp dẫn, nhanh nhẹn, thông minh" [49, trg.11]. Theo ông, những hành vi trên là biểu hiện của một hội chứng có tính độc nhất và tách rời đối với các trạng thái khác của tuổi ấu thơ.

Năm 1979 Lorna Wing đã đưa ra thuật ngữ *Rối loạn phổ Tự kỷ* (tên tiếng anh là "Autistic Spectrum Disorder ASD").

Hiện nay, có nhiều khái niệm khác nhau về Tự kỷ, dưới đây là một số khái niệm được sử dụng rộng rãi và khá phổ biến.

Năm 1964 Bernard Rimland và một số nhà nghiên cứu khác cho rằng Tự kỷ là do những thay đổi của cấu trúc lưới trong bán cầu não trái, hoặc do những thay đổi về sinh hóa và chuyển hóa ở những đối tượng này. Do đó, những TTK không có khả năng liên kết các kích thích thành kinh nghiệm của bản thân; không giao tiếp được vì thiếu khả năng khái quát hóa những điều cụ thể.

Năm 1996 Từ điển bách khoa Columbia cho rằng: Tự kỷ là một khuyết tật phát triển có nguyên nhân từ những rối loạn thần kinh ảnh hưởng đến chức năng cơ bản của não bộ. Tự kỷ được xác định bởi sự phát triển không bình thường về KNGT, kỹ năng tương tác xã hội và suy luận. Nam nhiều gấp 4 lần nữ. Trẻ có thể phát triển bình thường cho đến tận 30 tháng tuổi.

Năm 1999 tại Hội nghị toàn quốc về Tự kỷ của Mỹ, các chuyên gia cho rằng Tự kỷ là một *bệnh lý đi kèm với tổn thương chức năng của não* [23, trg.8]. Tự kỷ là một dạng rối loạn trong nhóm rối loạn phát triển diện rộng, ảnh hưởng đến nhiều mặt của sự phát triển nhưng ảnh hưởng nhiều nhất đến KNGT và quan hệ xã hội.

Năm 2008 Liên hiệp quốc đưa ra khái niệm "*Tự kỷ là một dạng khuyết tật phát triển tồn tại suốt cuộc đời, thường xuất hiện trong 3 năm đầu đời. TK là do rối loạn thần kinh, gây ảnh hưởng đến chức năng hoạt động của não bộ. Tự kỷ có thể xảy ra ở bất cứ cá nhân nào không phân biệt giới tính, chủng tộc hoặc điều kiện kinh tế - xã hội. Đặc điểm của Tự kỷ là những khiếm khuyết về tương tác xã hội, giao tiếp ngôn*

ngữ và phi ngôn ngữ và có hành vi, sở thích, hoạt động mang tính hạn hẹp, lặp đi lặp lại". Đây được coi là khái niệm tương đối đầy đủ và được sử dụng phổ biến nhất.

Năm 1944, Han Asperger bác sỹ tâm thần người Áo (1906 – 1980) sử dụng thuật ngữ Autism trong khi mô tả những vấn đề xã hội trong nhóm trẻ trai mà ông làm việc. Rối loạn đặc biệt nhất trong nhóm trẻ này là cách suy luận rờm rà, phức tạp, không thích ứng với những điều kiện, hoàn cảnh xã hội. Những trẻ này có sở thích đặc biệt về mặt kỹ thuật và toán học, đồng thời có khả năng nhớ tốt một cách lạ thường. Ngày nay được lấy tên là hội chứng Asperger.

Tự kỷ chức năng cao (High Function Autism – HFA) là thuật ngữ dùng để chỉ nhóm Tự kỷ có chỉ số từ trung bình trở lên. Hiện nay, vẫn chưa có sự thống nhất về phạm vi xác định chỉ số thông minh trung bình, phần lớn các nhà tâm lý học lâm sàng cho rằng chỉ số thông minh trên 70 tức là thấp hơn 2 SD so với trung bình (IQ = 100). Simon Barcon Cohen cho rằng chỉ số thông minh trung bình là chỉ số trên 85 tức là thấp hơn 1 SD so với trung bình (IQ = 100). Theo học giả này, Tự kỷ chức năng cao có chỉ số $IQ \geq 85$, tự kỷ chức năng trung bình có $70 \leq IQ < 85$, Tự kỷ chức năng thấp có chỉ số $IQ < 70$ [65], [107].

Asperger là nhóm trẻ thường có chỉ số thông minh trên mức trung bình. Do vậy, trong nhiều trường hợp chúng ta vẫn quan niệm nói đến HFA là nói đến nhóm trẻ Asperger. Tuy nhiên sự khác biệt của HFA và Asperger là ở chỗ, trẻ HFA có thể vẫn bị trì hoãn trong phát triển ngôn ngữ, trong khi trẻ Asperger không có sự trì hoãn trong phát triển ngôn ngữ.

Như vậy, mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau có các quan điểm khác nhau về TTK. Trong đề tài này tôi chọn khái niệm của Liên hiệp quốc năm 2008 làm công cụ nghiên cứu và chọn đối tượng nghiên cứu.

1.3.2 Nguyên nhân trẻ Tự kỷ

Từ khi phát hiện năm 1943 cho đến nay, khoa học vẫn chưa xác định chính xác nguyên nhân của Tự kỷ. Mỗi cách tiếp cận khác nhau đưa ra những giả thuyết khác nhau về nguyên nhân Tự kỷ.

Do não bất thường: có thể do đẻ non dưới 37 tuần hoặc cân nặng khi sinh thấp (dưới 2.5kg), trẻ bị ngạt hoặc thiếu ô xi não khi sinh, do chấn thương sọ não do can thiệp sản khoa, vàng da nhân não sơ sinh, chảy máu não màng não sơ sinh, nhiễm khuẩn thần kinh như viêm não, viêm màng não, thiếu ô xi não do suy hô hấp nặng hoặc chấn thương sọ não.....

Do bệnh lý ở não. Có nghiên cứu cho rằng Tự kỷ không có nguyên nhân đơn lẻ mà là sự tổng hợp các rối loạn với một tập hợp các bộ phận chủ yếu các nguyên nhân riêng biệt. Nghĩa là, sự hoạt động khác thường của hệ thống các dây thần kinh ở não dẫn đến kết quả chậm phát triển trí tuệ. Tác nhân môi trường được cho là có gây ra Tự kỷ hoặc làm trầm trọng hơn triệu chứng Tự kỷ tác động trực tiếp vào não của trẻ thông qua con đường các thức ăn, bệnh truyền nhiễm, các kim loại nặng, dung môi, khí thải động cơ diesel, PCBs, phe-nol sử dụng trong sản xuất nhựa, thuốc trừ sâu, cồn, hút thuốc, thuốc trái phép và vắc xin.

Do bất thường về nhiễm sắc thể năm 2002 tại Viện Y tế Quốc Gia Mỹ công bố kết quả nghiên cứu của 120 người đến từ 19 nước của 50 viện nghiên cứu của 19 nước, nghiên cứu và theo dõi 1200 TTK cho rằng: Một vùng gen đặc biệt trên cặp nhiễm sắc thể 11 gọi là Neurexin 1. Neurexin 1 thuộc dòng các gen chịu trách nhiệm giúp tế bào thần kinh liên lạc với nhau, do bị lỗi nên quá trình liên lạc, xử lý thông tin của trẻ bị chậm, không chính xác [18].

Do hàm lượng thủy ngân cao trong máu. Trong các nghiên cứu gần đây ở TTK người ta thấy ở một số trẻ có lượng thủy ngân cao hơn người bình thường, điều đó có liên quan đến thuốc tiêm chủng vắc xin chống uốn ván và viêm gan B. Năm 2000, một số bác sỹ Mỹ đã công bố kết quả hết sức khả quan về việc cải thiện sức khỏe tâm thần và hành vi của TTK khi tiến hành giải độc thủy ngân [18].

Do bộ phận tiêu hóa của trẻ kém: Nghiên cứu của các nhà khoa học được trình bày tại Hội nghị “*DAN – Defeat Austism Now*” ngày 12-15/10/2007 tại bang California, Mỹ cho thấy: Tự kỷ không phải là do sự *rối loạn của hệ thần kinh* mà nguồn gốc của bệnh là ở *hệ tiêu hoá*. Hệ thống hấp thu dinh dưỡng ở ruột của các bé bị tổn thương, *không làm việc đúng chức năng* để các chất độc xuyên qua màng

thâm thấu vào máu và đi khắp cơ thể. Chất độc đi lên não, phá huỷ các đường nối tư duy, làm hư hại tế bào não và nhiều phần chức năng khác của não, đặc biệt là chức năng xử lý ngôn ngữ và giao tiếp. Một phần khác là do các độc tố từ bên ngoài môi trường xâm nhập vào cơ thể. Tùy theo mức độ chất độc trong máu mà các bé bị tổn hại ở nhiều mức độ khác nhau [121].

Do yếu tố môi trường

Môi trường trước khi sinh. Sự căng thẳng trước khi sinh bao gồm tác nhân tới sự kiện sống hoặc nhân tố môi trường là sự đau buồn của bà mẹ là một giả thuyết cho hội Tự kỷ, có thể là một phần của sự ảnh hưởng qua lại giữa gen – môi trường. Tự kỷ được gián tiếp phát hiện có liên quan tới sự căng thẳng trước khi sinh với các nghiên cứu trước đó được kiểm tra các nguyên nhân gây căng thẳng như là mất việc và xích mích trong gia đình và với thí nghiệm liên quan tới tác nhân rối loạn trước sinh; các nghiên cứu cho thấy sự căng thẳng của người mẹ trước sinh có thể làm rối loạn sự phát triển của não gây ra Tự kỷ.

Sự nhiễm trùng của mẹ. Sự nhiễm trùng virus trước khi sinh là một nguyên nhân gây Tự kỷ không xuất phát từ gen. Tác hại của bệnh sởi Đức và vi rút kích hoạt sự phản ứng của người mẹ và thực sự tăng rủi ro cho Tự kỷ. Nhiễm trùng kết hợp với sự việc miễn dịch vào giai đoạn sớm khi sinh có thể ảnh tới sự phát triển tự nhiên hơn sự nhiễm trùng ở giai đoạn sau khi sinh. Giả thiết kháng thể của mẹ được Glubin miễn dịch G (IgG) trong dòng máu của người mẹ có thể đi vào nhau, vào não của thai nhi, tác động chống lại protein não của bào thai và gây ra Tự kỷ.

Môi trường sống của gia đình cha mẹ bận ít có thời gian giao tiếp, tương tác với trẻ trong 24 tháng đầu, không quan tâm dạy dỗ trẻ, để trẻ ở nhà với ông bà hoặc người giúp việc, chủ yếu cho trẻ xem tivi, quảng cáo, âm nhạc ... chỉ đáp ứng về mặt vật chất, không đáp ứng về mặt tinh thần dẫn đến tạo cho trẻ một thói quen là không có nhu cầu giao tiếp, tương tác với mọi người xung quanh, chỉ khi nào trẻ cần ăn uống, chơi... thì trẻ mới xuất hiện nhu cầu giao tiếp bằng cách khóc đòi hoặc kéo tay người lớn chỉ vào thứ mà trẻ cần.

Từ phân tích ở trên, chúng tôi có cách nhìn tổng quan về nguyên nhân của trẻ Tự kỷ, gồm có rất nhiều nguyên nhân. Có một nguyên nhân do yếu tố môi trường như: cho trẻ xem ti vi nhiều, không cho trẻ giao tiếp, hòa nhập với mọi người xung quanh là cơ sở để luận án tiến hành xây dựng biện pháp tác động để khắc phục khiếm khuyết cho TTK từ nguyên nhân này.

1.3.3 Tiêu chí, công cụ chẩn đoán Tự kỷ

*** Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV** (Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders - 4th Edition)

Năm 1994 các chuyên gia Ngôn ngữ trị liệu, tâm thần Nhi và Tâm lý của Hội tâm thần nước Mỹ đã xây dựng DSM – IV. Theo các tác giả Tự kỷ nằm trong nhóm các rối loạn phát triển lan toả (PDD Pervasive Developmental Disorders): Là một nhóm hội chứng được đặc trưng bởi suy giảm nặng nề và lan toả trong những lĩnh vực phát triển, tương tác xã hội, giao tiếp và có những hành vi rập khuôn, định hình. Một trẻ được chẩn đoán là tự kỷ khi có ít nhất 6 dấu hiệu [23, *trg.42,43*]. Phân thành 3 nhóm như sau:

- Suy giảm về tương tác xã hội: Trẻ bị suy giảm nhiều trong tương tác qua lại với mọi người, hầu hết trẻ Tự kỷ biểu hiện sự cô lập, thích chơi một mình, tránh giao tiếp với các bạn.

- Suy giảm về giao tiếp: Trong giao tiếp thông thường hằng ngày, trẻ Tự kỷ không quan tâm đến lời nói của đối tượng giao tiếp. Trẻ không có phản ứng khi gọi tên mình, không quan tâm đến mọi người xung quanh, không làm theo những hướng dẫn của người khác trong khi đó trẻ vẫn có các kĩ năng nghe như trẻ bình thường. Một số trẻ Tự kỷ ở dạng câm, tức là chưa bao giờ nói, mặc dù trẻ có âm ngữ nhưng trẻ không giao tiếp, không nói. Trẻ không có nhu cầu chia sẻ với mọi người xung quanh, luôn đắm chìm suy nghĩ trong thế giới riêng của mình.

Đa phần trẻ Tự kỷ gặp khó khăn trong diễn đạt lời nói, một số trẻ không hiểu người khác nói gì nên dẫn tới không biết nói gì khi giao tiếp. Một số trẻ khác hiểu nội dung giao tiếp nhưng không nói. Trẻ hạn chế trong diễn đạt lời nói một cách

khó hiểu, cơ quan bộ máy cấu âm hoàn toàn bình thường, hét rất to, giọng khoẻ, hoàn toàn có khả năng nói nhưng không nói. Khi giao tiếp với những người xung quanh, trẻ thường có ánh mắt nhìn lảng tránh, không nhìn vào mắt người khác khi trò chuyện để nhận biết khi nào tới phiên mình nói chuyện, khi nào nhường cho người khác. Khi trẻ muốn điều gì, trẻ không dùng lời nói để yêu cầu, không nhìn vào mắt người khác, không dùng các tín hiệu cử chỉ để báo cho người khác biết mà thường kéo tay họ đến chỗ trẻ cần (đối với trẻ bàn tay, quan trọng hơn khuôn mặt).

- Hành vi có tính rập khuôn, định hình: Trẻ có thể ngồi trên sàn nhà và lắc người, lắc tới lắc lui trong một thời gian dài. Trẻ có thể lật chiếc xe đồ chơi lên và xoay bánh xe cùng với giọng điệu ê a của mình, chạy ra cửa sổ, gõ tay lên cửa rồi chạy về xoay bánh xe như cũ.

Các triệu chứng này xuất hiện trước 3 tuổi (Phụ lục 9).

*** Bảng đánh giá tự kỷ ở trẻ nhỏ M - CHAT (Checklist for Autism in Toddlers)**
 Năm 1996, Baron- Cohen, Allen, Gilber nghiên cứu CHAT (checklist for autism in toddlers) gồm 9 câu hỏi và năm 2001 Robin, Fein, Barton & Green bổ sung vào công cụ sàng lọc này thêm 14 câu hỏi thuộc các lĩnh vực rối loạn vận động, quan hệ xã hội, bắt chước và định hướng. Bộ câu hỏi bổ sung có tên là M-CHAT 2001, được dùng để sàng lọc TTK trong độ tuổi 18 - 24 tháng. Ngày nay bộ công cụ này đã được sử dụng trên toàn thế giới. Bảng M - CHAT đã được chứng minh là có hiệu quả cao trong việc sàng lọc trẻ Tự kỷ [96, trg.22,23].

Trong số 23 câu hỏi (Phụ lục 1) có ít nhất ba câu trả lời bất kỳ hoặc hai câu then chốt (nằm trong các câu số 2, 7, 9, 13, 14, 15) là không. Tuy nhiên, với các câu 11,18, 20, 22 thì câu trả lời có lại ám chỉ nguy cơ trẻ bị Tự kỷ.

Với 23 câu hỏi nhanh xung quanh hoạt động hằng ngày của trẻ, cha mẹ và giáo viên hoàn toàn có thể tự kiểm tra cho trẻ, xác định được phần nào nguy cơ Tự kỷ ở trẻ, trước khi phải đưa đến cơ sở y tế, giáo dục để điều trị và can thiệp.

*** Thang chẩn đoán tự kỷ tuổi ấu thơ CARS (Childhood Autism Rating Scale)**

Thang chẩn đoán CARS được thiết kế dưới dạng bảng hỏi và quan sát, được dùng để chẩn đoán trẻ tự kỷ từ 24 tháng tuổi trở lên. CARS kiểm tra 15 lĩnh vực

khác nhau nhằm đưa ra các mức độ Tự kỷ. Khi sử dụng thang đánh giá CARS mỗi lĩnh vực có một ô trống ở dưới để ghi chú kết quả quan sát được tương ứng với mức độ. Sau khi quan sát trẻ đánh giá kết quả tương ứng với mỗi mục của mức độ đó. Tại mỗi mục, khoanh tròn vào số ứng với tình trạng mô tả đúng nhất của trẻ. Có thể chỉ ra trẻ có tình trạng nằm giữa hai mức độ bằng việc cho điểm 1,5; 2,5 hoặc 3,5. Mỗi mức độ có góc tiêu trí đánh giá ngắn gọn. Cách cho điểm, mỗi lĩnh vực cho từ 1 đến 4 điểm, điểm số được tính như sau: Dưới 30 điểm (không Tự kỷ), Từ 30 đến 36,5 điểm (Tự kỷ nhẹ đến vừa), Từ 37 đến 39,5 điểm (Tự kỷ nặng), Từ 40 đến 60 điểm (Tự kỷ rất nặng) [96, *trg.25,26*].

Sử dụng thang đánh giá CARS trong chẩn đoán, đánh giá TTK (Phụ lục 1) cho chúng ta biết được trẻ bị Tự kỷ ở mức độ nào, những lĩnh vực nào là yếu nhất của trẻ, làm cơ sở tiến hành xây dựng chương trình kế hoạch giáo dục cá nhân, phù hợp với khả năng của trẻ, giúp trẻ phát triển một cách tốt nhất.

*** Bảng liệt kê các kỹ năng phát triển Quyển 8 chương trình Từng bước nhỏ (Small Step)**

Bảng liệt kê các kỹ năng phát triển (gọi tắt là D.S.I- Developmental skill Inventory) là bảng tổng hợp, liên kết các phần, các quyển sách trong chương trình Small Step lại với nhau. Nó bao gồm một loạt các bảng kiểm tra để đánh giá sự phát triển của trẻ và hướng dẫn giáo viên, phụ huynh cách đặt ra các mục tiêu, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân phục vụ cho quá trình can thiệp, trị liệu cho trẻ [54].

Hiện nay có một số công cụ chẩn đoán Tự kỷ được sử dụng phổ biến trên thế giới như: Bảng phỏng vấn chẩn đoán tự kỷ có điều chỉnh ADI – R (The Autism Diagnostic Interview – Revised); Bảng quan sát chẩn đoán Tự kỷ ADOS (The Autism Diagnostic Observation Schedule); Thang đánh giá Tự kỷ GARS (Gilliam Autism Rating Scale)...

Trong nghiên cứu này, tác giả luận án sử dụng những công cụ:

- Sử dụng bảng kiểm M - CHAT để sàng lọc xem trẻ có bị Tự kỷ không? (thông qua đánh giá trực tiếp và nghiên cứu hồ sơ) làm cơ sở tiến hành

chọn đối tượng nghiên cứu sâu (sàng lọc trước thực nghiệm, còn khi thực nghiệm tôi chọn đối tượng trẻ 3 – 4 tuổi).

- Sử dụng Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV (Diagnostic and Statistical Manual of Mental Disorders - 4th Edition) để chẩn đoán Tự kỷ.
- Sử dụng thang chẩn đoán tự kỷ tuổi ấu thơ CARS (Childhood Autism Rating Scale) để xác định mức độ Tự kỷ.
- Sử dụng Bảng liệt kê các kỹ năng phát triển Quyển 8 Small Step để đánh giá sự phát triển thực của trẻ ở các lĩnh vực.

1.3.4 Đặc điểm trẻ Tự kỷ

1.3.4.1 Đặc điểm về hình dáng cơ thể

TTK có bề ngoài như trẻ bình thường, các công bố từ trước tới nay chưa có nghiên cứu nào nói đến sự khác thường về thể trạng bề ngoài của TTK. Theo mô tả của Kanner, TTK nói chung có bề ngoài khôi ngô hơn trẻ bình thường, đồng thời TTK về cơ bản cũng không có sự bất thường về giải phẫu trong các bộ phận bên trong cơ thể. Tuy nhiên, nghiên cứu của Trường Đại học Missouri (Mỹ) qua chụp ảnh 3 chiều những TTK điển hình cho thấy: TTK có phần mặt trên rộng hơn và mắt to hơn, vùng giữa mặt (gồm má và mũi) ngắn hơn, miệng và nhân trung rộng hơn [114].

1.3.4.2 Đặc điểm cảm giác

Ngưỡng cảm giác của TTK không bình thường. Có một số trẻ có cảm giác dưới ngưỡng (đánh, cầu, đập đầu vào tường không biết đau; trà xát lên da không thấy rát), một số trẻ có cảm giác trên ngưỡng (không muốn ai chạm vào cơ thể, chạm vào da của trẻ là trẻ sồn gai ốc, không dám đi chân đất, đi trên thảm gai). Một số trẻ quá nhạy cảm với sự kích thích có thể phản ứng mạnh mẽ với kết cấu, âm thanh to ồn, hoặc với vị và mùi khác lạ.... Do đó trong trị liệu TTK người ta cũng quan tâm nhiều đến trị liệu giác quan hay còn gọi là điều hòa cảm giác [95].

1.3.4.3 Đặc điểm về tư duy, tưởng tượng

TTK cũng gặp những khó khăn nhất định trong tưởng tượng. Theo Võ Nguyễn Tinh Vân (2006), TTK có một số vấn đề về nhận thức như: trẻ không nhận biết

được những tình huống vui đùa, giả vờ, chơi tưởng tượng, chơi đóng vai, trẻ gặp khó khăn khi thực hiện vai chơi trong các trò chơi tưởng tượng [63]. Trẻ tự kỷ rất khó nhìn nhận được ý nghĩa của các sự việc đã trải nghiệm hoặc ít có khả năng “*rút kinh nghiệm*”, do đó khả năng học tập của trẻ gặp rất nhiều khó khăn; phần lớn trẻ có trí nhớ “*vet*” khá tốt và khả năng tri giác không gian vượt trội mà không cần nhờ vào khả năng suy luận và biện giải. Trong cuộc sống hằng ngày trẻ gặp khó khăn trong kết hợp các loại thông tin từ những sự kiện nhớ lại và từ những sự kiện hiện tại, không có khả năng hiểu được ý nghĩa của những điều đã trải nghiệm để dự đoán những điều sẽ xảy ra và dự đoán kế hoạch thực hiện. Theo sự đánh giá của hầu hết những nhà nghiên cứu về Tự kỷ, trí nhớ của TTK rất tốt và sâu sắc, nhưng độ liên kết giữa các ký ức trong trí nhớ lại rất rời rạc, không bền vững. Do đó trẻ khó có thể hiểu trọn vẹn ý nghĩa những gì trong trí nhớ, khó khăn trong việc tổng kết, khái quát để đưa ra kết luận, rút kinh nghiệm.

1.3.4.4 Đặc điểm về hành vi

+ Hành vi gây phiền toái nơi công cộng. TTK có những hành vi gây phiền toái cho những người xung quanh. Trẻ ít quan tâm đến các chuẩn mực xã hội, muốn làm theo sở thích cá nhân, ý nghĩ cá nhân nên rất dễ có những hành vi trái ngược với sự mong đợi của người khác như: la khóc khi người lớn không đáp ứng sở thích của trẻ, làm đổ một đồng đồ khi vào siêu thị, chộp nhanh những đồng tiền từ tay nhân viên, tự lấy đồ ở giá sách của người khác, giật nhanh một món đồ chơi từ tay trẻ bên cạnh... làm như vậy mà trẻ không cảm thấy mắc cỡ, ngượng ngùng. Hành vi gây phiền toái nơi công cộng của TTK cho thấy, tính kém hoà nhập của trẻ đối với cộng đồng, điều này có liên quan tới khả năng ứng xử về mặt xã hội của TTK.

+ La hét, giận dữ. TTK có những sở thích, thói quen kỳ lạ không đúng với những chuẩn mực xã hội thông thường. Người lớn thấy vậy thường ngăn chặn những sở thích, thói quen bất thường. Khi đó trẻ rất khó chịu và có những hành vi nổi cáu, gây hấn. Đồng thời do trẻ gặp khó khăn về ngôn ngữ, không biểu đạt được những ý nghĩ của mình ra ngoài nên người lớn không hiểu trẻ và không làm theo ý muốn của

trẻ. Ví dụ, trẻ rất thích chơi điện thoại di động, khi nhìn thấy ai có điện thoại là trẻ chỉ muốn chớp nhanh lấy để chơi, người lớn ngăn chặn trẻ la hét, giận dữ.

+ Hành vi rập khuôn, định hình. Theo Kanner, hành vi định hình là biểu hiện điển hình của TTK, trẻ có những hành vi rập khuôn, lặp đi lặp lại; thích đi đi lại lại trong phòng, thích xếp các đồ vật thành hàng thẳng; Vặn, xoắn, xoay các ngón tay và bàn tay; Nói đi nói lại một vài từ không đúng ngữ cảnh; Thích đến những nơi quen thuộc; Thích chạy lăng xăng và quay tròn; Thích xoay tròn đồ vật; Thích chơi các đồ chơi phát ra tiếng động; Thích bật tắt các nút điện hay điện tử, lắc lư người ra phía trước và phía sau, đập đầu, giữ khư khư một đồ vật, bật tắt công tắc liên tục, chuyển đồ chơi từ tay này sang tay khác liên tục... Những trẻ khác nhau, sở thích về các hành vi rập khuôn, định hình khác nhau [23, *trg. 7,8*].

+ Không thích sự thay đổi. TTK muốn tất cả mọi điều phải quen thuộc, gần gũi, trẻ rất ghét sự thay đổi, sáo trộn: từ những đồ dùng cá nhân, đồ dùng học tập cho đến nơi chốn sinh hoạt hằng ngày. Một số trẻ rất thất vọng khi thói quen của trẻ bị ai thay đổi. Ví dụ, Trong giờ ngủ trưa ở trường MN, trẻ rất thích nằm ngủ với cái gối ôm, hôm nay cô giáo mang gối ôm của trẻ cất đi, trẻ quấy khóc, không ngủ. Đối với TTK, sự không quen thuộc đồng nghĩa với sự thiếu an toàn, trẻ sẽ cảm thấy bất an khi có một người lạ, đồ vật lạ hay đến một nơi xa lạ. Do đó, việc báo trước cho trẻ chuẩn bị tư tưởng để đón nhận những điều mới lạ là một việc hết sức quan trọng.

+ Những gắn bó bất thường. TTK ở một giai đoạn nào đó có những gắn bó với đồ vật theo cách không bình thường như: Trẻ mất quá nhiều thời gian vào sưu tầm các tờ báo, vỏ chai, đồ hộp, tờ lịch, sợi dây, cọng cỏ, bao nilon; trẻ thích những đồ vật sinh hoạt trong nhà như: chai, bát, xoong, chảo, đĩa nhưng hoàn toàn không thích đồ chơi bình thường. Với những loại đồ vật này, trẻ tìm trong đó có một ý nghĩa thích thú nào đó mà người lớn không biết. Tuy nhiên, trẻ có thể chơi với những vật này trong nhiều ngày, nhiều tháng mà không chán. Trẻ thường chỉ thích một vài hoạt động cụ thể như xoay tròn một vật hay sắp xếp đồ vật thành một hàng nhất định.

Như vậy trẻ mắc Tự kỷ bị hạn chế về sở thích. Sự hạn chế này của TTK sẽ ảnh hưởng tới sự tỉ mỉ, khám phá, tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ.

+ Những hành vi bất thường khác. TTK cũng có thể phát triển những triệu chứng đa dạng khác nhau, những rối loạn tinh thần xuất hiện bao gồm rối loạn tăng động giảm chú ý (ADHD), chứng loạn tâm thần, sự buồn chán, rối loạn ám ảnh cưỡng bức và những rối loạn lo âu khác. Khoảng 20% TTK có những cơn co giật bất thường. Những trẻ bị mắc Tự kỷ cũng có thể có biểu hiện những hành vi phá phách. Trẻ có thể tự hành hạ bản thân hay tấn công những người khác.

1.3.4.5 Đặc điểm về chú ý

Sự tập trung chú ý của TTK kém, phân tán chú ý nhanh. Khi thực hiện nhiệm vụ trẻ chỉ tập trung chú ý được trong một thời gian ngắn, trẻ khó tập trung cao vào các chi tiết, kém bền vững, luôn bị phân tán bởi những tác động bên ngoài. Trẻ khó khăn trong việc tuân thủ theo các chỉ dẫn của người lớn đưa ra đặc biệt khi tham gia các trò chơi luân lượt và luân phiên trẻ khó kiên nhẫn đợi đến lượt mình và khó kiềm chế phản ứng. Trẻ nhìn tất cả mọi thứ được phóng to, TTK thường tập trung (đính chặt) vào một tính năng của một đối tượng (vật thể hoặc một người) và bỏ qua các "bức tranh tổng thể". Tính tập trung kém này để lại một kết quả không tốt là khi trẻ thực hiện một nhiệm vụ kết quả không cao. Ngược lại đối với những gì mà trẻ thích thì trẻ tập trung chú ý rất tốt. Trẻ có thể ngồi hàng giờ để lắp những mảnh ghép, bóc tem dán trên các sản phẩm, chơi đồ chơi xếp thành hàng dài. Bên cạnh đó trẻ có hành vi gây chú ý người khác tập trung vào mình hoặc chiếm lĩnh sự quan tâm của người khác đối với bản thân mình bằng những hành động bất thường như khóc, hét, hờn, ăn vạ, đập đầu vào tường, tự hành hạ bản thân mình... nhằm thỏa mãn tính ích kỷ ở trẻ để mọi người đáp ứng nhu cầu của trẻ hoặc chú ý vào trẻ.

1.3.4.6 Đặc điểm về cảm xúc

TTK gặp phải trở ngại trong tiến trình kết nối làm bạn với những trẻ khác. Trẻ thường mất nhiều thời gian để hiểu được cảm giác của người khác, thể hiện cảm xúc, tạo gần bó với các cá nhân hoặc bộc lộ sự quan tâm đến người khác. Ngưỡng

cảm xúc của TTK có ranh giới không rõ ràng giữa chuyện buồn, chuyện vui. Nét mặt của trẻ lúc buồn, lúc vui đều giống nhau.

1.3.4.7 Đặc điểm tương tác xã hội.

Khả năng tương tác xã hội của TTK là rất kém. Điều này làm giảm khả năng giao tiếp của trẻ rất nhiều vì môi trường xã hội là môi trường quan trọng để phát triển các kỹ năng giao tiếp, khó hoà nhập với các bạn khi đến trường. Trẻ ghét, không thích làm theo ý người khác và thường chống đối một cách quyết liệt. Trẻ luôn muốn mọi ý thích của mình được đáp ứng ngay lập tức, thích gì được nấy. Vì vậy, sự tương tác của trẻ chỉ mang tính yêu cầu chứ không phải là nhằm để bày tỏ cảm xúc hay chia sẻ kinh nghiệm.

1.3.4.8 Đặc điểm trí tuệ

Đặc điểm trí tuệ của TTK rất đa dạng. Một số TTK đi kèm với hội chứng phân rã tuổi ấu thơ là Tự kỷ nặng có thoái lui phát triển. Rối loạn này có đặc trưng khởi phát muộn (từ 2 – 10 tuổi) và có biểu hiện như: chậm phát triển ngôn ngữ, chức năng xã hội kém, kiểm soát đại tiểu tiện, kỹ năng vận động kém. Chỉ số phát triển trí tuệ của trẻ rất thấp, sự thoái lui ở trẻ xảy ra rất đột ngột, sự phát triển của trẻ đang phát triển rất tốt sau đó mất đi, thậm chí không biết gì nữa. Một số TTK khác rất thông minh hay còn gọi là Tự kỷ chức năng cao (Hội chứng Aperger), trẻ có khả năng vẽ đẹp, đánh đàn giỏi hoặc có một bộ nhớ tuyệt vời, chỉ số phát triển trí tuệ rất cao nhưng có một số khó khăn: giao tiếp bằng mắt kém, tương tác xã hội kém, thiếu sự trao đổi qua lại về mặt tình cảm; một số trẻ có biểu hiện vận động lặp đi lặp lại mang tính rập khuôn [16, trg.10]. TTK nếu được phát hiện sớm, can thiệp sớm thì có khả năng để phát triển trí tuệ, trẻ có thể có ngôn ngữ, học được kiến thức văn hóa, hòa nhập với mọi người trong cộng đồng.

1.3.4.9 Đặc điểm về giao tiếp

** Sự hạn chế trên bình diện quan hệ*

Trẻ bị suy giảm nhiều trong tương tác qua lại với mọi người, hầu hết TTK biểu hiện sự cô lập, thích chơi một mình, tránh giao tiếp với các bạn. Số đông phụ huynh có con Tự kỷ cho rằng trong năm đầu tiên trẻ rất ngoan, yên tĩnh, thích chơi một mình,

không thích giao tiếp mắt, không có dấu hiệu dang tay khi ai muốn bế bồng, không biết chỉ ngón chỏ và nhìn theo hướng chỉ tay của người khác, không sợ người lạ và cũng không thân thiện với người chăm sóc, không biết cười ở tháng thứ 3, không biết khóc hay biểu hiện sợ hãi ở tháng thứ 8, không phản ứng khi được gọi tên, tránh né giao tiếp bằng mắt nhưng lại có thể nhìn chăm chú vào một điểm mà trẻ thích, khả năng gắn bó với người thân rất kém nhưng không bám theo cha mẹ giống như trẻ bình thường.

Sự hạn chế trên bình diện quan hệ xã hội là một trong những rối loạn phổ biến nhất ở TTK. Từ sự rối loạn này nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển nhận thức nói chung và các kỹ năng quan hệ xã hội nói riêng của TTK.

* Sự hạn chế trong nghe hiểu

Trong giao tiếp thông thường hằng ngày TTK không quan tâm đến lời nói của đối tượng giao tiếp. Trẻ không hề có phản ứng khi gọi tên mình, không quan tâm đến mọi người xung quanh, không làm theo những hướng dẫn của người khác mặc dù trẻ nghe được bình thường. Ngoài ra, tư duy ngôn ngữ của trẻ cũng gặp khó khăn như trẻ chỉ hiểu ngôn ngữ trực diện, rõ ràng. Ví dụ, hỏi trẻ quả cam, đặt câu hỏi *Đây là quả gì?* trẻ trả lời được. Nếu người hỏi hoán đổi vị trí từ hỏi: *quả này là quả gì?* thì trẻ gặp khó khăn.

Mức độ phát triển khả năng nghe hiểu lời nói trong giao tiếp của TTK rất đa dạng. Một số trẻ hiểu ngôn ngữ không lời một cách dễ dàng còn nghe hiểu ngôn ngữ nói lại gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, trong quá trình giao tiếp với trẻ thuộc đối tượng này cần sử dụng ngôn ngữ giao tiếp tổng thể (lời nói kèm theo cử chỉ, ánh mắt, nét mặt).

Trong quá trình nghe hiểu thì quá trình xử lý tín hiệu giao tiếp hay xử lý thông tin của TTK chậm chạp. Nghe một lúc trẻ mới hiểu và thực hiện mệnh lệnh theo yêu cầu. Bên cạnh đó trong quá trình nghe hiểu lời nói trong giao tiếp TTK còn gặp khó khăn khi đối tượng giao tiếp nói quá nhanh, dùng nhiều những từ lạ, phức tạp. Trẻ hiểu những nội dung giao tiếp quen thuộc còn những gì xa lạ thì trẻ gặp khó khăn. Vốn từ của trẻ nghèo nàn, đơn điệu, cấu trúc ngữ pháp thường bị sai nên đó

cũng là nguyên nhân trẻ gặp khó khăn trong nghe hiểu câu nói phức tạp chứa nhiều thông tin.

Trong quá trình nghe hiểu nội dung giao tiếp TTK nếu có tài liệu trực quan, có những hình ảnh minh họa thì trẻ có thể dễ dàng hiểu và tư duy, giúp cho quá trình giao tiếp tốt hơn, vì khả năng chụp hình của TTK rất tốt.

Trẻ không hiểu được những từ trừu tượng, cách nói ẩn dụ, so sánh, ví von, bóng gió... Những gì trẻ biết được, hiểu được đều cần phải có hình ảnh trực quan. Ví dụ, khi hỏi trẻ *hình gì đây?* có hình ảnh trực quan trẻ trả lời hình tam giác? *Hình tam giác có mấy cạnh?* trẻ trả lời *có 3 cạnh?*. Không có hình ảnh trực quan trước mặt hỏi trẻ hình tam giác có mấy cạnh thì đó là một bài toán vô cùng khó khăn đối với trẻ, trẻ không trả lời được. Chính vì thế TTK hạn chế trong nghe hiểu lời nói liên quan đến tư duy trừu tượng và tư duy lôgic [91].

Trẻ gặp khó khăn trong các tình huống giao tiếp đòi hỏi phải tư duy trừu tượng, suy luận, phán đoán như: Khi người mẹ nói “*mẹ đói bụng*” trẻ khó có thể hình dung là mẹ đói bụng thì mẹ cần phải ăn một cái gì đó. Hoặc ở lớp có các góc chơi cô giáo nói “*con có thích chơi trò chơi này không?*” trẻ nói là “*có ạ*” cô giáo mời trẻ ra chơi cùng với các bạn nhưng trẻ gặp khó khăn không biết cách chơi trò chơi.

Đa số TTK gặp khó khăn trong việc nghe hiểu lời nói, điều đó ảnh hưởng trực tiếp tới ngôn ngữ diễn đạt và sự phát triển nhận thức của trẻ. Tất cả những điều trên là một lỗ hổng sâu hoắm tồn tại trong não bộ của TTK, cha mẹ và giáo viên cùng những người tham gia chăm sóc, giáo dục TTK cần tìm cách lấp dần lỗ hổng ấy và dạy cho trẻ biết đồng cảm, chia sẻ, giao tiếp với mọi người xung quanh.

* Sự hạn chế trong diễn đạt

Sự khiếm khuyết trong khả năng diễn đạt, sử dụng lời nói trong giao tiếp ở TTK rất phổ biến và thể hiện ở nhiều dạng khác nhau. Phần lớn mốc phát triển ngôn ngữ nói của TTK đều chậm hơn so với trẻ bình thường. Một số trẻ có giọng nói đều đều, không biết biểu cảm qua giọng nói, không biết nói thầm, nói tiếng gió, thích độc thoại, không biết giữ vững cuộc đối thoại.

Khi TTK biết nói thì giọng nói của trẻ không được tự nhiên. Gần như tất cả các TTK nói được thì nói với giọng khác thường không lên giọng, xuống giọng. Một số trẻ có giọng cao, không biết thể hiện trầm bổng. Nếu có sự thay đổi thì trẻ lại lên xuống như hát một cách nhịp nhàng chứ không nhấn mạnh vào chữ cần nhấn mạnh. Điều này cho thấy có lẽ TTK không hiểu được giọng nói có ý nghĩa như thế nào vào việc trẻ định bày tỏ.

Trong quá trình giao tiếp ngôn ngữ biểu cảm, thể hiện cảm xúc giao tiếp ở TTK hạn chế. Ranh giới giữa niềm vui và nỗi buồn ở TTK rất khó phân biệt, khó có thể nhìn thấy hình ảnh thể hiện trên khuôn mặt của trẻ thể hiện niềm vui, hạnh phúc khi cho hoặc tặng cho trẻ một món quà mà trẻ thích.

Khi giao tiếp trẻ không nhìn vào mặt của đối tượng giao tiếp, điều đó làm ảnh hưởng tới giao tiếp xã hội và khả năng bắt chước lời nói, đặc biệt trong việc phát âm cũng như trong việc sử dụng lời nói. Ở một số tình huống trẻ thường có ánh mắt nhìn lảng tránh, không nhìn vào mắt người khác khi trò chuyện để nhận biết khi nào tới phiên mình nói chuyện, khi nào nhường cho người khác, trẻ thường ngắt lời người khác đang nói, thỉnh thoảng đặt những câu hỏi nhưng không liên quan tới câu chuyện đang nói.

TTK bị khiếm khuyết trong chia sẻ sự quan tâm, chú ý đến mọi người xung quanh, dẫn đến trẻ yếu kém về hoàn cảnh đưa ra những nhận định, nhận xét về hoàn cảnh, đồng thời trẻ cũng không thể hiểu được cảm xúc và mối liên hệ của các sự vật, hiện tượng. Ví dụ, khi thấy mẹ khóc trẻ không hiểu tại sao mẹ của mình lại khóc... Chính những thiếu hụt này làm cho TTK khó khăn khi tham gia xã hội, trẻ trở nên lạc lõng ở giữa đám đông khi hòa nhập cộng đồng.

Trong quá trình giao tiếp đa số TTK đều có khó khăn trong ngôn ngữ biểu cảm, trẻ không biết thể hiện ra ngoài những hành vi phi ngôn ngữ. Trẻ không biết lắc đầu để tỏ vẻ không đồng ý, hay cái nhíu mày để thể hiện sự khó chịu. Trẻ không hiểu những tín hiệu ngôn ngữ phụ như sự diễn tả bằng nét mặt và cử chỉ.

Một số trẻ Tự kỷ khi giao tiếp có tính nhại lời. Có 2 mẫu nhại lời cơ bản: nhại lời ngay lập tức và nhại lời trì hoãn. Việc xem xét những kiểu nhại lời này sẽ cho chúng ta biết trẻ đang cố gắng xử lý ngôn ngữ như thế nào.

- *Nhại lời ngay lập tức*: Đây chính là kiểu nhại lời đầu tiên thường xuất hiện ở trẻ. Trẻ lặp lại một số lời nói mà trẻ vừa nghe được. Điều này cho thấy trẻ có khả năng nghe và giữ lời nói đó trong bộ nhớ ngắn hạn đủ lâu để có thể nhắc lại. Ví dụ, khi gặp trẻ giáo viên nhắc *Con chào cô đi!* trẻ nhắc lại *Con chào cô đi!*.

- *Nhại lời trì hoãn*: xuất hiện khi trẻ lặp lại một số đoạn đối thoại đã nghe trong quá khứ. Đôi lúc, nhại lời trì hoãn hoạt động theo cách thay thế một cụm từ hoặc một đoạn bằng một từ đơn giản hơn. Thông thường trong chúng nhại lời trì hoãn, trẻ thường nghe được phần đầu của hội thoại có một chút gắn với điều được nói. Trong một số tình huống, nhại lời trì hoãn thì quá khác biệt so với cái mà trẻ bình thường, xảy ra khi trẻ có khó khăn trong việc rút ra ý nghĩa của lời nói (như là một rối loạn trung tâm xử lý thính giác). Một số trẻ lặp lại một cách máy móc đến từng chi tiết một vài câu nói trong chương trình quảng cáo được phát đi phát lại nhiều lần trên tivi. Có trẻ đọc trôi chảy một đoạn văn hay, bài báo ... nhưng không hiểu ý nghĩa.

Ngôn ngữ diễn đạt trong giao tiếp ở TTK đơn điệu, nghèo nàn về vốn từ. Trẻ gặp khó khăn trong quá trình tạo câu trong giao tiếp có kết cấu câu đầy đủ chủ ngữ, vị ngữ, các liên từ như *thì, là, mà...*

TTK bị khiếm khuyết trong cả bình diện nghe hiểu và trong cả bình diện diễn đạt. Thế nên, trẻ có học hàng ngàn từ vựng, nhưng vẫn gặp khó khăn trong nói chuyện, trong giao tiếp, ít khởi xướng cuộc giao tiếp họa chăng trẻ chỉ nói khi trẻ cần cái gì đó. Bởi vậy, dù là trẻ lên 5 tuổi, lên 7 tuổi thì ngôn ngữ luôn bị khống chế ở mức hạn hẹp như trên.

Một số TTK chẩn đoán ở dạng *Asperger* thì lại có ngôn ngữ khác thường, trẻ giống như ở dạng thần đồng, hiểu và nói ở dạng cao hơn mức bình thường nhưng trong giao tiếp trẻ gặp khó khăn trong khởi xướng cuộc giao tiếp và duy trì cuộc hội thoại trong giao tiếp.

Ở một số ít TTK thì gặp phải hiện tượng ngôn ngữ thoái lui, biết nói, biết giao tiếp với mọi người xung quanh nhưng sau đó lại không nói nữa.

TTK có những đặc điểm riêng về chú ý, trí tuệ, ngôn ngữ, hành vi, cảm giác, tương tác xã hội, giao tiếp... Dựa vào những cơ sở đó để chúng tôi tiến hành xây dựng biện pháp tác động để khắc phục khiếm khuyết cho TTK.

1.4 Phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ

1.4.1 Ý nghĩa phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ

Phát triển kỹ năng giao tiếp giúp cho trẻ có cơ hội gia nhập vào các mối quan hệ xã hội để hình thành “*tổng hòa các mối quan hệ xã hội*” tạo nên bản chất tâm lý con người. Giúp trẻ có thể tồn tại và phát triển nhân cách. Thông qua giao tiếp trẻ tiếp thu, lĩnh hội các giá trị văn hóa tinh thần trong nền văn hóa xã hội, các chuẩn mực đạo đức xã hội để hình thành và phát triển các phẩm chất nhân cách, đạo đức, hành vi, thói quen. Vì thế kỹ năng giao tiếp được xem là một kỹ năng nền tảng và có ý nghĩa quan trọng trong sự hình thành và phát triển nhân cách trẻ.

Ở giai đoạn đầu của thời kỳ phát triển TTK bắt đầu sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp đồng thời với khả năng bộc lộ cảm xúc thông qua giao tiếp phi ngôn ngữ qua ánh mắt với những nét mặt và các dấu hiệu của cơ thể, nếu được đáp ứng đầy đủ sẽ giúp cho TTK hình thành sự tự tin vào bản thân cũng như xây dựng những mối tương giao với mọi người xung quanh, tạo tiền đề cho việc hình thành và phát triển KNGT ở trẻ. Đây là một việc làm cần thiết giúp cho trẻ mở rộng quan hệ từ trong gia đình cho đến ngoài nhà trường và xã hội.

Mặt khác, phát triển KNGT cho TTK còn có ý nghĩa đối với giáo viên, người chăm sóc trẻ. Thông qua giao tiếp giáo viên có thể biết được đặc điểm tâm lý, nhu cầu, nguyện vọng và những khó khăn của trẻ cũng như gia đình trẻ. Trên cơ sở đó giáo viên có thể trao đổi, phối hợp giữa nhà trường và gia đình, giữa GV và trẻ, giữa các GV với nhau để đưa ra nội dung, phương pháp giáo dục, can thiệp phù hợp và có hiệu quả cho trẻ.

1.4.2 Mục tiêu phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ

Mục tiêu phát triển KNGT cho TTK là giúp trẻ hiểu và sử dụng được các kỹ năng giao tiếp vào giải quyết các tình huống hằng ngày như: tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói, sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để giao tiếp với mọi người xung quanh, tạo tiền đề cho sự hình thành và phát triển nhân cách, phát triển kỹ năng sống, hòa nhập vào cuộc sống xã hội.

1.4.3 Nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ 3-4 tuổi

Với mục đích phát triển KNGT của TTK là nhằm hình thành ở trẻ các kỹ năng như: quan sát, chờ đợi, bắt chước, tập trung chú ý, lần lượt, sử dụng ngôn ngữ.... Phát triển mỗi kỹ năng giao tiếp cho trẻ đều có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển các kỹ năng khác [23, *trg.150,151*].

Khi xem xét các nội dung phát triển KNGT cho trẻ cần xem xét tất cả các yếu tố, từ đặc điểm giao tiếp của trẻ em mầm non 3 – 4 tuổi đến đặc điểm giao tiếp riêng của TTK, nội dung của từng KNGT đều được phát triển dần dần theo thời gian, không một kỹ năng nào phát triển độc lập. Sự tiến bộ của một kỹ năng sẽ kéo theo sự tiến bộ của các kỹ năng khác.

Trong nghiên cứu này, nội dung phát triển KNGT cho TTK bao gồm phát triển các kỹ năng cơ bản sau:

- *Kỹ năng tập trung chú ý*: Dạy trẻ biết tập trung chú ý vào người, vật hoặc hoạt động, bao gồm nhìn, lắng nghe, có thời gian, suy nghĩ.
- *Kỹ năng bắt chước*: Giúp trẻ biết bắt chước các cử động trên mặt, các hoạt động, các hoạt động với đồ chơi/đồ vật, âm thanh. Ban đầu dạy trẻ bắt chước những âm thanh và hành động, sau đó đến bắt chước lời nói, cử chỉ, điệu bộ của người khác.
- *Kỹ năng luân phiên*: Giúp trẻ biết luân phiên trong quá trình giao tiếp, biết đáp ứng yêu cầu của người khác, lần lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi, trả lời câu hỏi.
- *Kỹ năng hiểu ngôn ngữ*: Giúp trẻ biết hiểu những chỉ dẫn bằng lời nói và hành động, các tình huống chơi đóng vai đơn giản, thể hiện cảm xúc.

- *Kỹ năng sử dụng lời nói*: Giúp trẻ biết sử dụng lời nói vận dụng vào các tình huống giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày.

1.4.4 Con đường phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ

Để phát triển KNGT cho TTK cần có các con đường chủ yếu như:

- Tổ chức các hoạt động can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập gắn kết nhau, vừa sửa chữa những khiếm khuyết của trẻ, vừa tạo cơ hội cho trẻ được tham gia hòa đồng với các bạn để xuất hiện nhu cầu giao tiếp và trẻ có cơ hội thực hành, luyện tập các KNGT được học từ cô giáo và các bạn.
- Tổ chức các hoạt động cho trẻ giao lưu với cộng đồng như đi chợ, công viên, siêu thị, tham quan, dã ngoại để giúp trẻ mở rộng mối quan hệ giao tiếp, tự tin trong quá trình giao tiếp.
- Tổ chức các hoạt động tại gia đình để phát triển mối quan hệ giao tiếp giữa trẻ với các thành viên trong gia đình như: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em... và mối quan hệ giữa trẻ với các đồ dùng trong gia đình. Ngoài thời gian học tại trường trẻ có nhiều thời gian ở gia đình và chịu sự tác động của gia đình, từ ăn uống, học tập, nghỉ ngơi... các kỹ KNGT của trẻ được hình thành nhiều ở đây. GV cần có sự kết hợp chặt chẽ với gia đình, phát huy vai trò của gia đình trong việc hình thành, rèn luyện KNGT cho TTK để phát triển KNGT cho TTK ở mọi lúc, mọi nơi.
- Tổ chức các hoạt động xã hội huy động nhiều nguồn lực phục vụ cho mục tiêu phát triển KNGT cho TTK như: môi trường giáo dục, tài chính, kiến thức và kinh nghiệm của giáo viên trong can thiệp sớm và GDHN cho TTK, cơ sở vật chất, đồ dùng nhằm đem đến sự thành công trong dạy TTK nói chung và phát triển KNGT cho TTK nói riêng.

1.4.5 Các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ

Trong quá trình phát triển KNGT cho TTK có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tác động và ảnh hưởng đến hiệu quả của công tác can thiệp và giáo dục. Những yếu

tổ như năng lực giáo viên, tính tích cực của trẻ, môi trường gia đình, bạn bè, lớp học... tác động trực tiếp đến phát triển KNGT cho TTK.

* Khả năng của trẻ. bao gồm khả năng hoạt động của não bộ, hệ thống thần kinh bao gồm bán cầu đại não trái và bán cầu đại não phải, các thùy, các hồi hoạt động theo sự chỉ đạo của hệ thống thần kinh trung ương, phối hợp làm việc cùng nhau theo một hệ thống giúp cho các phẩm chất tâm lý như: cảm giác, tri giác, trí nhớ, tư duy, tưởng tượng, ngôn ngữ... của trẻ được hình thành và phát triển tạo tiền đề quan trọng cho việc hình thành và phát triển kỹ năng giao tiếp.

* Năng lực của giáo viên. Năng lực chuyên môn, kỹ năng sư phạm và kỹ năng giao tiếp của giáo viên là nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng và hiệu quả của quá trình phát triển KNGT cho TTK. Trẻ đến trường nhận được sự đánh giá đúng về điểm mạnh, điểm yếu của trẻ, chỉ ra những nhu cầu của trẻ để trao đổi với gia đình cùng xây dựng kế hoạch GDCN cho trẻ, cùng tổ chức thực hiện, hướng dẫn, giao bài tập cho phụ huynh hàng ngày để phụ huynh biết cách chăm sóc, dạy con ở nhà. Đến lớp trẻ bắt chước hành động, âm thanh, cử chỉ, lời nói của cô vận dụng vào quá trình giao tiếp. KNGT của cô là mô hình chuẩn để trẻ học theo. Bên cạnh đó giáo viên cần có sự đồng cảm với phụ huynh có con Tự kỷ, không gán mác gọi tên, không phân biệt đối xử với trẻ và gia đình. Khi trẻ có hành vi bất thường, giáo viên cần bình tĩnh và kiên trì tìm cách giải quyết.

Quá trình hình thành và phát triển KNGT cho TTK được thực hiện theo cơ chế từ bên ngoài vào bên trong, giai đoạn đầu có thể mang tính cưỡng chế, áp đặt sau chuyển dần thành tự nguyện, tự giác. Vì vậy, đòi hỏi giáo viên phải có tính kiên trì, nghiêm ngặt trong quá trình luyện tập đồng thời vận dụng những phương pháp và kỹ thuật đặc thù trong dạy TTK để gây hứng thú, khuyến khích trẻ tham gia, phát huy tính tích cực, chủ động của trẻ để phát triển KNGT cho trẻ.

* Môi trường gia đình

Gia đình là nơi hình thành và phát triển những kỹ năng giao tiếp đầu tiên cho trẻ. Đồng thời gia đình đóng một vai trò thiết yếu và không thể thiếu trong việc thực hiện việc hỗ trợ cho trẻ hòa nhập cộng đồng. Khi biết con bị Tự kỷ thì cha mẹ trẻ

nhân tố vô cùng quan trọng đối với trẻ. Nếu cha mẹ hiểu về con, cùng đi đến một sự thống nhất về cách chữa trị cho con, lựa chọn môi trường giáo dục cho con, thì TTK sẽ nhanh tiến bộ.

Các thành viên trong gia đình là những người hiểu trẻ nhất vì là người luôn chăm sóc và gần gũi trẻ. Hơn ai hết, họ là những người mong đợi sự phát triển của con mình nhất, đặc biệt là những sự phát triển về mặt giao tiếp và ngôn ngữ, là những cột mốc phát triển có thể giúp họ hiểu và tương tác với con mình. Chính họ sẽ là người kiên trì theo đuổi, phấn đấu đến cùng cho sự phát triển và tương lai của trẻ. Như vậy, gia đình là môi trường đầu tiên của trẻ, có vai trò quan trọng và có ý nghĩa rất lớn trong quá trình hình thành, phát triển giao tiếp nói riêng và nhân cách của trẻ nói chung.

Chính gia đình là môi trường nâng đỡ, gắn bó suốt cuộc đời của mỗi trẻ. Các thành viên trong gia đình cần có tình đoàn kết, tình yêu thương giữa các thành viên với nhau, đem lại cho trẻ một cảm giác an toàn. Khi biết trẻ chính là TTK, các thành viên trong gia đình cần bình tĩnh vượt qua cú sốc về tâm lý, chấp nhận tình trạng bệnh lý của trẻ và quyết tâm tìm mọi cách tốt nhất để can thiệp, chữa trị cho trẻ. Các thành viên trong gia đình cần có tinh thần đoàn kết, tình yêu thương giữa các thành viên, tất cả mọi thành viên trong gia đình đều tập trung chăm sóc, dạy trẻ thì trẻ có cơ hội phát triển tốt, tiến bộ nhanh.

Các thành viên trong gia đình cần phát triển Kỹ năng giao tiếp cho trẻ. Rèn cho trẻ sự tập trung chú ý khi tham gia các hoạt động, dạy cho trẻ cách bắt chước, hiểu từng âm thanh, hành động, lời nói của người lớn để trẻ chủ động vận dụng vào các tình huống giao tiếp hằng ngày.

* Môi trường bạn bè

- Tình bạn là yếu tố vô cùng quan trọng đối với lòng tự trọng và là thước đo để trẻ có thể tự đánh giá bản thân mình. Thông qua tình bạn, trẻ có thể so sánh mình với các bạn, chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn thường nhật với các bạn cùng trang lứa, nhờ đó hình thành nên sự đồng cảm và thấu hiểu lẫn nhau. Trong mối quan hệ bạn bè, trẻ khao khát muốn trở thành đối tượng chú ý và đánh giá của bạn cùng tuổi.

Trẻ có khuynh hướng khẳng định những phẩm chất tốt của mình và có nhu cầu được bạn thừa nhận và tôn trọng. Vì vậy, trẻ sẽ luôn cố gắng hết mình để khẳng định bản thân. Tuy nhiên, nếu trẻ thường xuyên bị thua kém bạn và các bạn trong lớp không tôn trọng trẻ thì trẻ sẽ có cảm giác bị bỏ rơi, nảy sinh tính không cởi mở, tính thụ động, tính thù hằn. Chính vì thế khi xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ thì phải chọn lựa những trẻ có thái độ tốt, thông cảm, mong muốn giúp đỡ bạn yếu hơn... để làm những người hỗ trợ đồng đẳng.

- Đối với trẻ ở độ tuổi mầm non, đặc điểm của trẻ trong các hoạt động hằng ngày là chơi cạnh nhau, chơi cùng nhau. Giáo viên là cầu nối tổ chức các hoạt động để trẻ tham gia cùng các bạn. Chính vì vậy, bạn bè có vai trò rất quan trọng trong việc phát triển nhân cách của trẻ nói chung và KNGT nói riêng. Bạn bè là động cơ, là động lực thúc đẩy trẻ xuất hiện nhu cầu giao tiếp và cũng chính trong khi giao tiếp, tương tác với các bạn trẻ được hình thành, phát triển, củng cố, sửa chữa KNGT của mình.

Hiểu được những khó khăn này, người giáo viên sẽ lên kế hoạch và tổ chức những hoạt động phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ nhằm cải thiện tình trạng giao tiếp một cách khoa học và có hiệu quả dưới nhiều hình thức khác nhau.

Như vậy, yếu tố môi trường có ý nghĩa rất quan trọng trong việc GD trẻ bình thường nói chung và TTK nói riêng. Thông qua việc tổ chức các hoạt động trong môi trường và những tác động trong mối quan hệ tương tác mà người giáo viên có thể kiểm soát, nâng cao được những hành vi, những KNGT ở TTK.

* Môi trường lớp học

Theo các tác giả Samuel A.Kirk, James J.Gallagher và Nicholas J.Anastaslow các yếu tố của một môi trường lớp học hòa nhập bao gồm:

- + Sắp xếp, tổ chức cơ sở, điều kiện vật chất lớp học bao gồm: kích cỡ lớp học, sử dụng không gian, trang trí các bức tường, ánh sáng, sử dụng nền nhà, các tủ chứa đồ dùng học tập
- + Nền nếp lớp học gồm nề nếp các môn học và nề nếp tổ chức các hoạt động.
- + Bầu không khí, thái độ và cách cư xử của các thành viên trong lớp học

+ Quản lí hành vi của trẻ trong lớp học gồm những quy định của lớp học, sự giám sát, kiểm tra và những chiến lược khuyến khích.

+ Sử dụng thời gian bao gồm thời gian học tập và thời gian chuyển giao giữa các hoạt động

Theo các chuyên gia nghiên cứu giáo dục TTK thì môi trường giáo dục hòa nhập có những ảnh hưởng tích cực đối với TTK trên những phương diện như: giúp trẻ xóa bỏ mặc cảm, tự ti; vốn từ triển nhanh hơn; giao tiếp của trẻ phát triển nhanh hơn, phát triển tính độc lập sáng tạo ở trẻ nhanh hơn...

Như vậy môi trường giáo dục hòa nhập là môi trường phát triển KNGT tốt nhất cho TTK.

* Môi trường xã hội

Môi trường xã hội bao gồm: chính trị, kinh tế, văn hoá, thể thao, lịch sử, giáo dục...mà trẻ đều tham gia vào. Môi trường xã hội đóng vai trò quan trọng đối với việc phát triển KNGT cho trẻ. Một môi trường xã hội tốt thì các nhân tố cấu thành môi trường sẽ hỗ trợ cho nhau, hỗ trợ nhau tạo một cơ sở nền tảng cho trẻ được cơ hội được can thiệp và chữa trị kịp thời, được đi học, được hưởng các chính sách và được hưởng đầy đủ các quyền: được chăm sóc, được yêu thương, được học tập, được sống... đó là yếu tố vô cùng quan trọng góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ nói chung và phát triển KNGT cho trẻ nói riêng.

Cần tạo dựng một môi trường xã hội tốt trong chăm sóc, giáo dục trẻ. Giúp trẻ tránh xa các tệ nạn của xã hội như: đánh nhau, cãi nhau, nghiện hút...xây dựng một tâm hồn của trẻ trong sáng, lành mạnh.

Khi đi ra ngoài xã hội trẻ không bị phân biệt đối xử, bị gán mác gọi tên. Khi trẻ gặp khó khăn được mọi người giúp đỡ. Khi sang hàng xóm chơi trẻ được mọi người chào đón thân thiện.

Mối quan hệ giữa trẻ với mọi người trong gia đình như: bố, mẹ, ông, bà, anh, chị, em ... Tất cả mọi người đều phải có nỗ lực để kích trẻ xuất hiện nhu cầu giao tiếp và phát triển KNGT.

Như vậy, các yếu tố trên đều có ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp đến việc phát triển KNGT của TTK. Cần xem xét những yếu tố trên như là những nguyên nhân dẫn đến khó khăn của trẻ về KNGT, để từ đó có các biện pháp phù hợp giúp khắc phục những khiếm khuyết ở trẻ.

Kết luận chương 1

1. TTK là những trẻ giao tiếp và tương tác kém, chậm chễ trong ngôn ngữ nói, có hành vi rập khuôn, định hình. Khó khăn lớn nhất của trẻ trong cuộc sống hằng ngày là giao tiếp.

2. Sự phát triển KNGT của TTK có sự khác biệt so với trẻ bình thường ở nhiều khía cạnh như: sự tập trung chú ý, tương tác, vốn từ, sự tác động qua lại giữa ngôn ngữ nghe hiểu và ngôn ngữ diễn đạt. Kết quả phát triển KNGT ở TTK chịu ảnh hưởng của các yếu tố tác động chung đến sự phát triển KNGT của TTK như: sự tập trung chú ý, mức độ Tự kỷ, các hội chứng đi kèm Tự kỷ, đặc biệt là yếu tố can thiệp sớm với các hoạt động can thiệp tổ chức trong môi trường GDHN.

3. Việc tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK cần được nghiên cứu một cách cụ thể phù hợp với thực tiễn, tính đến các yếu tố đặc thù của TTK (mức độ, khả năng, nhu cầu, sở thích, vốn từ, giao tiếp...) và đặc điểm các hoạt động ở lớp học học hòa nhập trong trường MN với sự hỗ trợ từ môi trường, sự tương tác tích cực của các bạn và các kĩ thuật đặc thù được GV vận dụng trong quá trình tổ chức để giúp TTK có thể phát triển KNGT một cách tốt nhất.

4. Để phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN cần phải có sự nghiên cứu cụ thể để đưa ra những biện pháp, cách làm cụ thể GV có thể dễ dàng áp dụng vào công việc của mình để phát triển KNGT cho TTK.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ THỰC TIỄN VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ 3 – 4 TUỔI

2.1 Cơ sở thực tiễn biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi

2.1.1 Sự phát triển giáo dục hòa nhập cho trẻ Tự kỷ ở Việt Nam

Tại Việt Nam, Tự kỷ mới chỉ được biết đến vào những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI. Do nhiều nguyên nhân khác nhau mà công tác GDHN cho TTK mới được phát triển từ sau năm 2000 trở lại đây. Ban đầu TTK được xếp vào nhóm Khuyết tật trí tuệ và được giáo dục trong các cơ sở giáo dục chuyên biệt dành cho trẻ Khuyết tật trí tuệ. Hiện nay, công tác giáo dục TTK được thực hiện ở các trung tâm nuôi dạy TTK, các bệnh viện tại các thành phố lớn. Ở Hà Nội có các cơ sở chăm sóc, giáo dục TTK: Bệnh viện Nhi Trung Ương, Trung tâm nghiên cứu tâm lý trẻ em N-T, Phòng khám Tuna, Trung tâm Sao Mai, Trung tâm Hy Vọng, Phòng khám nhi ABCD, Trung tâm Phúc Tuệ, Trung tâm hỗ trợ phát triển GD đặc biệt của trường CĐSPTU. Ở Thành Phố Hồ Chí Minh có Bệnh Viện Nhi Đồng I, Bệnh viện Nhi đồng II, trường Chuyên biệt Gia Định, Trường Khai Trí...

Bộ giáo dục Đào tạo đã ban hành Thông tư số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 29/12/2009, quy định về Giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn. Thông tư này đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong công tác giáo dục trẻ khuyết tật nói chung và trẻ Tự kỷ nói riêng ở các bậc học. Từ đó đến nay, TTK có cơ hội được đi học hòa nhập tại các trường mầm non. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hệ thống quản lý công tác giáo dục trẻ khuyết tật được hình thành trên toàn quốc và hoạt động hiệu quả (bao gồm ban chỉ đạo công tác giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật từ cấp trung ương đến cấp địa phương).

Có một số dự án của các tổ chức phi chính phủ đã hỗ trợ cho công tác Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ở Việt Nam như: Tổ chức cứu trợ và phát triển Mỹ (CRS), Tổ chức cứu trợ trẻ em của Thụy Điển, Ủy ban II Hà Lan, Ủy ban Y tế Hà Lan, Tổ chức Tình nguyện Hải ngoại Anh (VSO), Đại sứ quán Mỹ, tổ chức Autism

Speak... Các tổ chức trên đã hỗ trợ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức hội thảo, các khóa tập huấn bồi dưỡng chuyên về GDHN cho TKT nói chung và TTK nói riêng, in ấn tài liệu, xuất bản sách hướng dẫn phát cho địa phương và phụ huynh. Đồng thời, nhiều địa phương đã chủ động tham mưu cho các cấp quản lý của Nhà nước, tận dụng sự hỗ trợ của các dự án để tăng cường cơ sở vật chất, bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên và cán bộ quản lý về GDHN.

Do vậy, kết quả chăm sóc và giáo dục trẻ Tự kỷ trong các cơ sở giáo dục mầm non có sự cải thiện đáng kể. Đến nay, TTK có nhiều cơ hội được tham gia học hòa nhập tại các trường mầm non. Để giúp TTK được phát triển tốt về mọi lĩnh vực nói chung và phát triển KNGT nói riêng cần có những nghiên cứu tìm ra cách tác động phù hợp với trẻ và môi trường giáo dục hòa nhập.

2.1.2 Vài nét về phát triển KNGT trong chương trình GDMN ở nước ta hiện nay

Chương trình GDMN năm 2009 đảm bảo tính pháp lý theo quy định của Luật Giáo dục về chương trình GDMN. Chương trình GDMN mới được biên soạn theo hướng chương trình khung quốc gia, mang tính tích hợp. Nội dung chương trình được cấu trúc theo 05 lĩnh vực: Phát triển thể chất, Phát triển nhận thức, Phát triển ngôn ngữ, Phát triển tình cảm – xã hội, Phát triển thẩm mỹ.

Xem xét một cách tổng thể cấu trúc của chương trình Giáo dục mầm non có thể nhận thấy việc hình thành và phát triển KNGT cho trẻ mầm non được cụ thể hóa ở lĩnh vực ngôn ngữ với mục tiêu nhằm hình thành và phát triển ở trẻ các nhóm kỹ năng là tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ được thực hiện xuyên suốt trong tất cả các hoạt động nên sẽ là điểm thuận lợi để phát triển KNGT cho TTK. Nội dung chương trình được thiết kế tích hợp theo chủ đề, lồng ghép trong các hoạt động để giúp TTK dễ dàng trong quá trình tích lũy vốn từ, cơ hội trải nghiệm để phát triển KNGT. Trong mỗi nội dung giáo dục, chương trình nêu ra kết quả mong đợi, đây là cơ sở để giúp giáo viên theo dõi sự tiến bộ của trẻ em nói chung và TTK nói riêng. Những kết quả này giúp giáo viên biết được mức độ đạt được của TTK trong từng lĩnh vực phát triển so với mục tiêu

chung của độ tuổi để giáo viên có cơ sở so sánh sự khác biệt hay là tương đồng khi TTK học hòa nhập với các bạn hình thường và đó cũng là cơ sở để giáo viên tiến hành xây dựng kế hoạch hỗ trợ cá nhân cho TTK trong quá trình GDHN và đưa ra cho phụ huynh những hướng dẫn cụ thể để kết hợp dạy thêm cho trẻ ở gia đình.

Bên cạnh đó, chương trình GDMN có nhiều điểm đổi mới thuận lợi cho giáo viên trong quá trình tổ chức chăm sóc, giáo dục TTK trong lớp học hòa nhập. Phần gợi ý, hướng dẫn thực hiện chương trình GD cho từng độ tuổi đều đưa ra những lưu ý trong giáo dục hòa nhập TTK theo từng nội dung GD.

Vận dụng Chương trình GDMN vào chăm sóc – giáo dục TTK cũng đặt ra thách thức đối với giáo viên dạy hòa nhập TTK. Phần hướng dẫn của chương trình có phần gợi ý chăm sóc, giáo dục trẻ khuyết tật mới chỉ mang tính định hướng, các nguồn tài liệu tham khảo về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ Tự kỷ còn rất hạn chế.

Phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ được lồng ghép ở lĩnh vực phát triển ngôn ngữ và tích hợp ở các lĩnh vực khác nhưng chưa thể hiện rõ ràng để giáo viên dễ vận dụng. Các hoạt động lồng ghép trong đó được nhấn mạnh để phát triển nhận thức hơn là phát triển kỹ năng. Trong hướng dẫn thực hiện chương trình, các hoạt động nhằm phát triển KNGT chưa được thể hiện rõ ràng. Phần hướng dẫn chỉ tập trung vào nhóm trẻ bình thường, chưa có những lưu ý điều chỉnh cho nhóm trẻ khuyết tật nói chung và trẻ Tự kỷ nói riêng.

Những đặc điểm trên của chương trình GDMN đã đặt ra một vấn đề lớn trong thực tiễn triển khai GDHN cho TTK ở độ tuổi MN cần có những nghiên cứu nhằm tăng cường tài liệu hướng dẫn GV mầm non giúp họ không ngừng trau dồi kiến thức, kinh nghiệm chăm sóc, giáo dục tốt hơn cho tất cả trẻ em độ tuổi mầm non.

2.1.3 Thực trạng phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi trong trường mầm non

Để có cơ sở thực tiễn cho việc xác định các biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 – 4 tuổi, chúng tôi tiến hành điều tra thực trạng khả năng giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi ở Trường mầm non có TTK học hoà nhập trên địa bàn Hà Nội.

2.1.3.1 Những vấn đề chung về khảo sát thực trạng

* Mục đích

Đánh giá thực trạng nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK; thực trạng các biện pháp giáo viên tổ chức hoạt động phát triển KNGT cho TTK; thực trạng mức độ phát triển KNGT của TTK làm cơ sở thực tiễn để đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho TTK.

* Nội dung

Nội dung nghiên cứu thực trạng cụ thể như sau:

- Nhận thức của GV về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT đối với TTK
- Các biện pháp giáo viên đang nhằm phát triển KNGT cho TTK
- Thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK.
- Mức độ phát triển KNGT của TTK 3 – 4 tuổi trong các lớp học hòa nhập ở trường mầm non về kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu, sử dụng ngôn ngữ.

* Quy mô và địa bàn khảo sát

- 60 giáo viên dạy TTK 3 – 4 tuổi trong trường hoà nhập ở quận Cầu Giấy, Đống Đa, Ba Đình, Hà Nội. Giáo viên được đào tạo ở trình độ Cao đẳng chiếm nhiều nhất là 58,4%, sau đó là giáo viên ở trình độ Đại học đạt 31,6%, trung cấp đạt 10%; thời gian dạy học: từ 5 – 10 năm chiếm 36,6%, sau đó là từ 1 đến 5 năm chiếm 28,4%, từ 10 – 15 năm là 26,6%, từ 15 đến 20 năm là 8,4%.
- Khảo sát 30 trẻ Tự kỷ trong khảo sát ở mức độ Tự kỷ theo thang đánh giá CARS: có 23,4% TTK có mức độ nhẹ ; 60% TTK mức độ nặng ; 16,6% TTK mức độ rất nặng đang học hòa nhập ở trường mầm non.

* Phương pháp và công cụ

Phương pháp

- *Phương pháp điều tra, khảo sát:* Phiếu khảo sát dành cho giáo viên đang trực tiếp dạy hòa nhập TTK gồm 17 câu hỏi nhằm thu thập thông tin và sự hiểu biết của họ về phát triển KNGT cho TTK. Chúng tôi phát phiếu cho giáo viên để giáo viên tự

điền thông tin sau đó chúng tôi nhận lại phiếu. Để đảm bảo sự trung thực trong trả lời, giáo viên không cần ghi tên và thông tin cá nhân vào phiếu (phụ lục 3).

- *Phương pháp quan sát sự phạm*: Quan sát 20 hoạt động (các giờ học, giờ chơi, giờ ăn, giờ ngủ, giờ đón và trả trẻ) ở trường mầm non trong điều kiện bình thường có báo trước. Sau đó chúng tôi tiến hành thống kê và phân tích kết quả (Phụ lục 6).

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm*: nghiên cứu 15 kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục của giáo viên. Nhằm tìm hiểu các mục tiêu của giáo viên đặt ra trong các hoạt động có mục tiêu riêng dành cho TTK không? Cách tổ chức của giáo viên có phù hợp với khả năng của TTK và có kết quả trên trẻ không? Chúng tôi đánh giá bản kế hoạch theo 10 chỉ số, với thang điểm 10 để làm căn cứ phân tích.

- *Phương pháp phỏng vấn sâu*: Phỏng vấn 15 phụ huynh có con tự kỷ nhằm thu thập thêm thông tin về vấn đề nghiên cứu (Phụ lục 7).

Công cụ

- Phiếu khảo sát: Phiếu khảo sát dành cho GV đang trực tiếp dạy hòa nhập TTK gồm các câu hỏi nhằm thu thập thông tin và sự hiểu biết của họ về phát triển KNGT cho TTK.

- Bảng đánh giá kỹ năng giao tiếp của TTK gồm 05 tiêu chí sau:

+ *Tiêu chí 1: Tập trung chú ý*

Tiêu chí này được đánh giá thông qua 05 chỉ số: Lắng nghe người khác nói chuyện; Nhìn vào đối tượng giao tiếp; Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp; Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn; Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn. Từng chỉ số được đánh giá theo 3 mức độ: *0 điểm* ~ trẻ không thực hiện được kể cả khi có trợ giúp hoặc không chịu thực hiện; *1 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thực hiện đúng nhờ có sự trợ giúp (cầm tay trẻ cùng làm, gợi ý bằng cử chỉ hay lời nói: làm mẫu, nhắc bằng lời). *2 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thể hiện đúng mà không cần trợ giúp. Điểm tối đa của tiêu chí Tập trung chú ý là 10 điểm.

Người kiểm tra quan sát tương tác của giáo viên và TTK trong các hoạt động trên lớp.

+ *Tiêu chí 2: Bắt chước*

Để đo được kỹ năng này, luận án đã sử dụng 05 chỉ số: Bắt chước hành động của người khác; Bắt chước âm thanh của người khác; Bắt chước lời nói của người khác; Bắt chước cử chỉ của người khác; Bắt chước điệu bộ của người khác (biểu lộ tình cảm). Mỗi chỉ số được đánh giá theo 3 mức độ như sau: *0 điểm* ~ trẻ không thực hiện được kể cả khi có trợ giúp hoặc không chịu thực hiện; *1 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thực hiện đúng nhờ có sự trợ giúp (cầm tay trẻ cùng làm, gợi ý bằng cử chỉ hay lời nói: làm mẫu, nhắc bằng lời). *2 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thể hiện đúng mà không cần trợ giúp. Điểm tối đa của tiêu chí bắt chước là 10 điểm.

Chúng tôi quan sát hoạt động của GV hướng dẫn cho cả lớp và hướng dẫn cho TTK, xem trẻ có bắt chước được không và bắt chước được bao nhiêu hành động, lời nói?

+ *Tiêu chí 3: Luân phiên*

Để đo được kỹ năng này, luận án đã sử dụng 05 tiêu chí: Đáp ứng yêu cầu của người khác; Chờ đến lượt mình khi hoạt động; Luân lượt thực hiện hành động trong hoạt động/ hội thoại; Luân lượt sử dụng đồ vật; Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại. Đánh giá từng chỉ số theo 3 mức độ như sau: *0 điểm* ~ trẻ không thực hiện được kể cả khi có trợ giúp hoặc không chịu thực hiện; *1 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thực hiện đúng nhờ có sự trợ giúp (cầm tay trẻ cùng làm, gợi ý bằng cử chỉ hay lời nói: làm mẫu, nhắc bằng lời). *2 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thể hiện đúng mà không cần trợ giúp. Điểm tối đa của tiêu chí luân phiên là 10 điểm.

Ở kỹ năng này phải dành thời gian công phu hơn, quan sát trong cả giờ học và giờ chơi của trẻ, giải thích cho trẻ quy luật trong quá trình tương tác để trẻ hiểu và chờ cho đến lượt của mình.

+ *Tiêu chí 4: Hiểu ngôn ngữ*

Để đo được kỹ năng này, luận án đã sử dụng 05 tiêu chí, kỹ năng hiểu chính là quá trình nghe hiểu ngôn ngữ như: Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động; Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói; Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên; Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc; Hiểu tình huống chơi giả vờ đơn giản. Đánh giá từng chỉ số theo 3 mức độ như sau: *0 điểm* ~ trẻ không

thực hiện được kể cả khi có trợ giúp hoặc không chịu thực hiện; *1 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thực hiện đúng nhờ có sự trợ giúp (cầm tay trẻ cùng làm, gợi ý bằng cử chỉ hay lời nói: làm mẫu, nhắc bằng lời). *2 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thể hiện đúng mà không cần trợ giúp. Điểm tối đa của tiêu chí hiểu ngôn ngữ là 10 điểm.

Kiểm tra khả năng hiểu của trẻ bằng cách GV đưa ra những chỉ dẫn bằng hành động, cử chỉ, lời nói để xem trẻ có hiểu không, nếu trẻ hiểu được thì thực hiện hành động hoặc lời nói tương ứng với mỗi nội dung giao tiếp. Kiểm tra kỹ năng hiểu ngôn ngữ của trẻ bằng cách giáo viên giao tiếp, chơi, hoạt động với trẻ.

+ *Tiêu chí 5: Sử dụng ngôn ngữ*

Chúng tôi sử dụng 05 tiêu chí để đo kỹ năng này: Đáp ứng với người lớn bằng cách nhìn mặt và quay theo tiếng động; Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào, chia tay, cảm ơn, xin lỗi; Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối; Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi; Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp. Đánh giá từng chỉ số theo 3 mức độ như sau: *0 điểm* ~ trẻ không thực hiện được kể cả khi có trợ giúp hoặc không chịu thực hiện; *1 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thực hiện đúng nhờ có sự trợ giúp (cầm tay trẻ cùng làm, gợi ý bằng cử chỉ hay lời nói: làm mẫu, nhắc bằng lời). *2 điểm* ~ trẻ thực hiện hay thể hiện đúng mà không cần trợ giúp. Điểm tối đa của tiêu chí sử dụng ngôn ngữ là 10 điểm.

Kiểm tra khả năng sử dụng ngôn ngữ chính là kỹ năng sử dụng các phương tiện giao tiếp bằng cách giáo viên đưa những yêu cầu hoặc đặt trong những tình huống có vấn đề để trẻ thực hiện. Kiểm tra kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ bằng cách giáo viên giao tiếp với trẻ.

* *Xử lý dữ liệu khảo sát*

Kết quả khảo sát được phân tích về mặt định lượng và định tính.

- *Về mặt định lượng*: Số liệu khảo sát được đánh giá theo điểm trung bình, tỉ lệ % thứ bậc, độ lệch chuẩn và trình bày dưới hình thức bảng tổng hợp và biểu đồ.

- *Về mặt định tính*: Tập trung phân tích làm rõ ưu điểm, hạn chế trong nhận thức của giáo viên nhằm phát triển KNGT cho TTK. Xem xét, đánh giá các biện pháp GV

đang sử dụng có phù hợp với đặc trưng của lớp học hòa nhập có TTK trên cơ sở khả năng và nhu cầu của trẻ em. Đồng thời mô tả việc giao tiếp của TTK trong quá trình giao tiếp với cô giáo và các bạn. Các kết quả về thực trạng mức độ KNGT của TTK, luận án sử dụng phần mềm SPSS để xử lý và kiểm định độ tin cậy của kết quả nghiên cứu thu được.

Để kiểm định độ tin cậy của thang đo đã sử dụng trong khảo sát thực trạng KNGT của TTK, chúng tôi đã sử dụng mô hình Cronbach's coefficient alpha, một công thức được cài sẵn trong phần mềm SPSS.

Kết quả phân tích độ tin cậy của thang đo cho thấy hệ số tin cậy Cronbach's coefficient alpha cao ($r = 0,678$). Đồng thời, hệ số tương quan của mỗi tiêu chí đối với toàn bộ tiêu chí còn lại đều có hệ số tương quan đủ mạnh (r dao động từ 0,657 đến 0,678). Như vậy, tất cả các tiêu chí đều phù hợp, tức là điểm của các tiêu chí có tương quan đáng kể với điểm tổng của các tiêu chí còn lại. Điều này có nghĩa là các tiêu chí của phép đo có tính đồng nhất và đều đóng góp cho độ tin cậy của toàn bộ phép đo.

2.1.3.2 Kết quả khảo sát về nhận thức của giáo viên về tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ

Kết quả khảo sát thực trạng nhận thức về mức độ cần thiết phát triển KNGT cho TTK thông qua phiếu hỏi như sau :

Bảng 2.1 Mức độ cần thiết phát triển KNGT cho TTK

TT	Mức độ	Tỉ lệ phần trăm
1	Rất cần thiết	96,6%
2	Chưa cần thiết	3,4 %
3	Không cần thiết	0 %

96,6% ý kiến của giáo viên cho rằng việc phát triển KNGT cho TTK là rất cần thiết. Nếu muốn trẻ học hòa nhập tốt thì trẻ phải biết tập trung chú ý, biết bắt chước các bạn học và chơi, biết luân phiên, biết nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ để chơi, học với các bạn. Hơn nữa, giáo viên cho rằng kỹ năng giao tiếp đều rất cần thiết cho trẻ trong cuộc sống hằng ngày để trẻ tập trung chú ý vào nhiệm vụ, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp với mọi người xung quanh.

Có 3,4% ý kiến của giáo viên cho rằng việc phát triển KNGT cho TTK là chưa cần thiết vì TTK của lớp mà họ dạy là trẻ nặng, chưa biết nói. Việc quan trọng nhất đối với giáo viên trước mắt là làm thế nào để cho trẻ biết nói.

2.1.3.3 Kết quả khảo sát về mức độ phát triển KNGT của TTK 3 – 4 tuổi

Chúng tôi tiến hành đánh giá KNGT của 30 trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi đang học hòa nhập ở các trường mầm non thuộc quận Cầu Giấy, Ba Đình, Đống Đa Hà Nội. Tất cả 30 trẻ được khảo sát đều nằm trong độ tuổi từ 3 – 4 tuổi, độ tuổi của nhóm trẻ khảo sát dao động từ 36 đến 48 tháng, thấp nhất là 36 tháng và cao nhất là 47 tháng tuổi, với số trung bình là 40,2 tháng tuổi, độ lệch chuẩn là 3,387 điểm.

Chúng tôi sử dụng Bảng đánh giá KNGT (Phụ lục 2) làm công cụ đánh giá tiến hành quan sát các giờ học, giờ chơi, giờ ăn, giờ ngủ, giờ đón và trả trẻ trường MN trong điều kiện bình thường có báo trước và kiểm tra trực tiếp trên trẻ. Sau đó tiến hành thống kê và phân tích kết quả đánh giá. Tổng hợp kết quả khảo sát 30 trẻ ở tất cả các tiêu chí đo được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2.2: Thống kê mô tả kết quả đánh giá kỹ năng giao tiếp của TTK

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	30	36.00	47.00	40.2000	3.38760	.129	.427	-1.277	.833
Nhóm kỹ năng Tập trung chú ý	30	.00	9.00	2.1667	2.70483	1.256	.427	.471	.833
Nhóm kỹ năng Bất chước	30	.00	8.00	1.8333	2.40808	1.194	.427	.429	.833
Nhóm kỹ năng Luân Phiên	30	.00	4.00	1.3000	1.39333	.649	.427	-.824	.833
Nhóm kỹ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	30	.00	7.00	1.8333	1.96668	1.269	.427	1.405	.833
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	30	.00	9.00	2.3667	2.57954	1.062	.427	.262	.833
Tổng điểm	30	1.00	28.00	9.5000	7.34260	1.011	.427	.507	.833
Hợp lệ	30								

Điểm tiêu chí 1 về Nhóm kỹ năng tập trung chú ý dao động từ 0 đến 9 điểm, điểm trung bình đạt thấp nhất là 2,1667 điểm và độ lệch chuẩn là 2,70438 điểm. Kết quả cho thấy điểm tiêu chí này ở tất cả các trẻ đạt thấp và khá tập trung.

Kỹ năng tập trung chú ý

Chúng tôi tập trung đánh giá ở trẻ kỹ năng chú ý như xem trẻ có biết cách lắng nghe người khác nói chuyện không? Khi giao tiếp với mọi người xung quanh có nhìn vào đối tượng giao tiếp không? Có tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp không? Có tập trung vào nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn không?. Kết quả đánh giá được thể hiện ở bảng 2.3.

Bảng 2.3 Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng tập trung chú ý

Điểm	Tần số	Tỉ lệ phần trăm	Tần xuất tích lũy
0	12	40.0	40.0
1	4	13.3	53.3
2	5	16.7	70.0
3	3	10.0	80.0
6	3	10.0	90.0
7	1	3.3	93.3
8	1	3.3	96.7
9	1	3.3	100.0
Tổng số	30	100.0	

Kết quả bảng 2.3 cho thấy, điểm của trẻ tập trung trong khoảng từ 0 đến 9 điểm, 1 trẻ đạt 9 điểm chiếm 3,3%, 12 trẻ đạt 0 điểm chiếm 40%. Đặc biệt là ở kỹ năng Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp thì trẻ đạt điểm rất thấp. Ví dụ bé M.Ch (Đống Đa, Hà Nội) là bé đạt điểm cao nhất trong nhóm trẻ được khảo sát. Khi kiểm tra trên bé và quan sát bé giao tiếp với các bạn bé đạt được điểm tối đa ở kỹ năng lắng nghe người khác nói chuyện, nhìn vào mắt đối tượng giao tiếp, tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp, tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được hướng dẫn. Nhưng ở kỹ năng nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn thì M.Ch đạt điểm thấp hơn. Từ kết quả này cho thấy TTK 3 – 4 tuổi cần rèn luyện nhóm kỹ năng tập trung chú ý ở mức độ nhìn vào đối tượng giao tiếp trước, sau đó kết hợp nhìn và lắng nghe lời nói. Kỹ năng tập trung chú ý của trẻ sẽ được cải thiện nếu giáo viên tăng cường sử dụng các kỹ thuật thu hút sự tập trung chú ý.

Kỹ năng bắt chước

Để tổng hợp kết quả đo kỹ năng bắt chước của trẻ, chúng tôi đánh giá trẻ thông qua các hoạt động hàng ngày ở trường MN với các nội dung chính như: Trẻ có biết bắt chước hành động/cử chỉ/ âm thanh/lời nói của người khác không? Có biết bắt chước thể hiện cảm xúc vui buồn trên khuôn mặt không? thống kê kết quả mà trẻ đạt được ở nhóm kỹ năng này như sau:

Bảng 2.4 Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng bắt chước

	Điểm	Tần số	Tỉ lệ phần trăm	Tần xuất tích lũy
	0	15	50.0	50.0
	1	3	10.0	60.0
	2	1	3.3	63.3
	3	5	16.7	80.0
	4	2	6.7	86.7
	6	2	6.7	93.3
	7	1	3.3	96.7
	8	1	3.3	100.0
	Tổng số	30	100.0	

Kết quả ở bảng trên cho thấy, điểm của trẻ tập trung trong khoảng từ 0 đến 8 điểm, 1 trẻ đạt 8 điểm chiếm 3,3%, 15 trẻ đạt 0 điểm chiếm 50%. Ở nhóm kỹ năng này cháu Tr.Kh đạt điểm cao nhất 08 điểm, phân bố ở cả 5 kỹ năng, 3 kỹ năng trẻ đạt điểm cao nhất là bắt chước âm thanh người khác, bắt chước lời nói của người khác, bắt chước cử chỉ, điệu bộ của người khác. Đa số trẻ không đạt điểm ở nhóm kỹ năng này có nguyên nhân là tập trung chú ý kém, phân tán chú ý nhanh nên trẻ không biết cách hiểu nội dung giao tiếp, không biết cách bắt chước lời nói và hành động của đối tượng giao tiếp.

Kỹ năng luân phiên

Để tổng hợp kết quả đo kỹ năng luân phiên của trẻ, chúng tôi trực tiếp kiểm tra trên trẻ và quan sát trẻ tham gia hoạt động chơi và học tập ở trường mầm non với các nội dung chính như: Trẻ có biết đáp ứng yêu cầu của người khác không? Có biết chờ đến lượt mình khi xếp hàng vào lớp, chơi các trò chơi không? Có biết lần lượt

sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong hoạt động không? thống kê kết quả mà trẻ đạt được ở nhóm kỹ năng này như sau:

Kết quả ở bảng 2.4 cho thấy, điểm của trẻ tập trung trong khoảng từ 0 đến 4 điểm, 3 trẻ đạt 4 điểm chiếm 10%, 13 trẻ đạt 0 điểm chiếm 43,3%. Ở nhóm kỹ năng này cháu DA, TrKh, ĐA đạt điểm cao nhất 03 điểm. Đa số trẻ không đạt điểm ở nhóm kỹ năng này có nguyên nhân từ ở phần tập trung chú ý kém, bắt chước kém nên trẻ không biết cách luân phiên trong quá trình giao tiếp.

Bảng 2.5 Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng luân phiên

	Điểm	Tần số	Tỉ lệ phần trăm	Tần xuất tích lũy
	0	13	43.3	43.3
	1	4	13.3	56.7
	2	7	23.3	80.0
	3	3	10.0	90.0
	4	3	10.0	100.0
	Tổng số	30	100.0	

Có thể nói ở kỹ năng này với trẻ bình thường là đơn giản nhưng với trẻ Tự kỷ thì đó là công việc cực kỳ khó khăn. Trong quá trình kiểm tra và quan sát chúng tôi nhận thấy trẻ thường hay phá vỡ quy tắc. Ví dụ, trong trò chơi Ném bóng vào rổ, thi đua giữa các đội. Bé H.B ở đội Thỏ trắng đứng ở vị trí thứ 4, phải đứng đợi cho các bạn ở vị trí thứ 1,2,3 ném bóng sau đó đến lượt mình. Nhưng khi GV hô bắt đầu là H.B chạy lên chộp bóng chơi với bóng luôn, không tuân thủ luật quy tắc lần lượt, luân phiên trong trò chơi. Trong trong quá trình giao tiếp, trẻ ít chú ý đến mọi người xung quanh, trẻ chỉ quan tâm đến nhu cầu của mình. Chỉ khi trẻ chú ý, hiểu được thì trẻ mới có thể thực hiện được các quy tắc trong quá trình giao tiếp.

Kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ

Chúng tôi tiến hành đánh giá kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ ở TTK thông qua hoạt động kiểm tra trực tiếp, quan sát trẻ giao tiếp với mọi người xung quanh với nội dung chính như sau: Trẻ có hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động không? Có hiểu những chỉ dẫn bằng lời nói không? Hiểu được các tình huống chơi giả vờ, cử chỉ thể hiện cảm xúc không? Kết quả ở bảng 2.6 cho thấy, điểm của trẻ

tập trung trong khoảng từ 0 đến 7 điểm, 2 trẻ đạt 7 điểm chiếm 6,7%, 10 trẻ đạt 0 điểm chiếm 33,3%.

Bảng 2.6 Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ

	Điểm	Tần số	Tỉ lệ phần trăm	Tần xuất tích lũy
	0	10	33.3	33.3
	1	5	16.7	50.0
	2	6	20.0	70.0
	3	5	16.7	86.7
	4	1	3.3	90.0
	5	1	3.3	93.3
	7	2	6.7	100.0
	Tổng số	30	100.0	

Ở nhóm kỹ năng này với TTK nghe và hiểu được một số mệnh lệnh đơn giản trong quá trình giao tiếp với cô giáo và các bạn. Lý do đạt được kỹ năng này là trong quá trình giao tiếp giáo viên đã sử dụng giao tiếp tổng hợp kết hợp lời nói, cử chỉ, hành động, tranh ảnh bổ sung cho nội dung giao tiếp được rõ ràng hơn. Bên cạnh đó TTK có một điểm mạnh là khả năng chụp hình rất tốt, trẻ nhìn và nhận diện tốt, giúp cho trẻ hiểu nội dung giao tiếp đặc biệt là trong các tình huống trong sinh hoạt hàng ngày, quen thuộc đối với trẻ. Nội dung giao tiếp gắn với sự quen thuộc của trẻ thì trẻ thực hiện tốt hơn. Đối tượng giao tiếp tạo cho trẻ cảm giác an toàn, hứng thú thì trẻ tích cực hơn trong quá trình giao tiếp. Trong quá trình giao tiếp nếu trẻ bị sai, không thực hiện được mà được cô giáo và các bạn trợ giúp, sửa sai cho trẻ ngay thì trẻ càng có hứng thú và hiểu nội dung giao tiếp hơn.

Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

Kết quả ở bảng 2.7 cho thấy, điểm của trẻ tập trung trong khoảng từ 0 đến 9 điểm, 1 trẻ đạt 9 điểm chiếm 3,3%, 9 trẻ đạt 0 điểm chiếm 30%.

Ở nhóm kỹ năng này với TTK đã biết sử dụng ngôn ngữ như là một phương tiện để vận dụng vào trong quá trình giao tiếp như: lời nói, hành động, cử chỉ, điệu bộ trong các tình huống gặp gỡ và chia tay, trả lời câu hỏi, thu hút sự chú ý từ người khác. Tuy nhiên kết quả đạt được trên mặt bằng chung còn rất thấp. Điều này cho thấy để giúp trẻ có kỹ năng giao tiếp phải giúp trẻ có được tất cả các kỹ năng từ sự

tập trung chú ý đến bắt chước, luân phiên, nghe hiểu và sử dụng ngôn ngữ một cách đồng bộ.

Bảng 2.7 Bảng phân bố tần xuất điểm đánh giá kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

	Điểm	Tần số	Tỉ lệ phần trăm	Tần xuất tích lũy
	0	9	30.0	30.0
	1	7	23.3	53.3
	2	3	10.0	63.3
	3	2	6.7	70.0
	4	2	6.7	76.7
	5	3	10.0	86.7
	6	2	6.7	93.3
	8	1	3.3	96.7
	9	1	3.3	100.0
	Tổng số	30	100.0	

2.1.3.4 Kết quả khảo sát về các biện pháp giáo viên đã sử dụng để phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non

Tìm hiểu thực trạng thực hiện các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ TTK ở lớp học hòa nhập ở trường mầm non được thực hiện bằng phương pháp sử dụng phiếu điều tra, trao đổi, đàm thoại với GV và quan sát 20 hoạt động của GV tổ chức hằng ngày.

- Tìm hiểu thông tin về trẻ, đánh giá khả năng giao tiếp của trẻ

25% ý kiến của GV nói rằng khi được Ban giám hiệu phân công phụ trách TTK, GV tìm hiểu thông tin về gia đình trẻ xem hoàn cảnh của gia đình ra sao? nguyên nhân vì sao trẻ bị Tự kỷ? Ai là người thường xuyên chăm sóc trẻ? Phụ huynh đưa cho kết quả đánh giá từ các nhà chuyên môn xem mức độ của trẻ ra sao? Ngôn ngữ nhận thức của trẻ như thế nào? trẻ có ngôn ngữ nói không? Có giao tiếp bằng lời được không? Trẻ có hành vi bất thường nào không?... Trên cơ sở đó giáo viên tiến hành đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ?

Khi hỏi sâu về kết quả đánh giá mức độ giao tiếp của TTK thì GV cho rằng: TTK thường hay chơi một mình, không thích giao tiếp với cô giáo và các bạn. Một số trẻ không có nhu cầu giao tiếp, chỉ khi trẻ muốn ăn, muốn uống hoặc muốn chơi

thì mới giao tiếp với cô và các bạn. Cách mà trẻ giao tiếp với cô giáo và các bạn là kéo tay cô và bạn chỉ vào đồ vật mà trẻ muốn, nhờ lấy hộ. Một số trẻ biết nói nhưng không dùng lời nói để giao tiếp. Trong hoạt động hằng ngày trẻ thường chơi, làm theo ý thích riêng của mình. Một số đồ vật mà trẻ thường thích là chơi ô tô, con quay, lắp ghép, bóc tem sản phẩm, cầm đồ vật trên tay... Một số trẻ khác thì có hiện tượng nhại lời, nhắc lại lời cô nói hoặc lặp đi lặp lại một số từ mà trẻ nghe được qua tivi như: cô ca cô la, sacombank, tivi....

75% ý kiến của GV cho rằng công việc của họ rất bận nên họ không có thời gian để đánh giá và họ không có kiến thức chuyên môn về công tác đánh giá trẻ Tự kỷ cũng như kỹ năng giao tiếp của trẻ Tự kỷ. Họ quan sát bằng cảm tính, khi thấy trẻ có dấu hiệu khác thường so với các bạn thì họ báo cho gia đình để cùng kết hợp.

- Xây dựng kế hoạch phát triển KNGT để dạy cho trẻ

Trên cơ sở của việc tìm hiểu thông tin về gia đình, đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ, có 20% ý kiến GV cho rằng họ có tiến hành xây dựng kế hoạch phát triển KNGT cho TTK theo tháng, học kỳ.

Khi hỏi về những cơ sở mà GV tiến hành để xây dựng kế hoạch phát triển KNGT cho trẻ thì GV cho rằng: Họ căn cứ vào chương trình giáo dục mầm non và theo kinh nghiệm của bản thân, tự mình nhận thấy kỹ năng nào là kỹ năng quan trọng và thiết thực nhất đối với trẻ thì giáo viên sẽ tiến hành xây dựng đưa vào chương trình, kế hoạch dạy học hằng ngày để thúc đẩy nhanh việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK.

80% ý kiến của giáo viên cho rằng họ không xây dựng KHGDCCN cho trẻ mà họ lồng ghép vào kế hoạch chung của lớp.

- Tổ chức cho TTK chơi theo các góc chơi

23% ý kiến của giáo viên cho rằng TTK có tính e dè, nhút nhát, rất khó chơi ở những nhóm lớn, nếu ở nhóm lớn thì TTK khó tương tác với các bạn. Do vậy họ thường tổ chức cho trẻ chơi theo các góc chơi nhỏ trong hoạt động hằng ngày. Theo như quan sát của chúng tôi trong một số hoạt động chơi tự do hằng ngày của trẻ, khi cô giáo nói: *các con lấy đồ chơi ra chơi* thì các trẻ tự chia nhóm, tự tìm bạn thân

của mình để chơi. Thông thường các trẻ thường chọn bạn có cùng sở thích giống nhau và có vốn ngôn ngữ giống nhau, các bạn trai thường chơi các trò chơi như lắp ghép, xây dựng. Các bạn gái thường chơi trò chơi gia đình, cô giáo, bán hàng. TTK e dè, nhút nhát, không biết chơi các trò chơi cùng với các bạn. 67% ý kiến của giáo viên cho rằng họ không áp dụng cách này vì họ để cho TTK hòa đồng chơi với các bạn, không chú tâm đặc biệt đến TTK.

- Khuyến khích, động viên TTK sử dụng ngôn ngữ nói

15% ý kiến của GV cho rằng nhiều TTK không thích nói chuyện với cô giáo và các bạn. Do vậy, giáo viên phải thường xuyên động viên, khuyến khích trẻ nói, giúp trẻ có thói quen sử dụng ngôn ngữ nói và tự tin khi giao tiếp với cô giáo và các bạn trong lớp.

Khi hỏi về cách khuyến khích, động viên TTK sử dụng ngôn ngữ nói trong các hoạt động ở lớp hằng ngày thì giáo viên thường làm bằng cách: trợ giúp trẻ nói, nói câu mẫu cho trẻ bắt chước theo, dùng hình ảnh minh họa nội dung giao tiếp, sử dụng phần thưởng để cổ vũ trẻ giao tiếp.

85% ý kiến còn lại của giáo viên cho rằng họ không sử dụng biện pháp này vì giáo viên còn phải thực hiện nhiều công việc, không có thời gian quan tâm riêng đến TTK và hơn nữa có nói trẻ cũng không hiểu.

- Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày nhằm kích thích trẻ giao tiếp

26,6% ý kiến cho rằng TTK không thích tham gia chơi cùng các bạn, chỉ làm theo ý thích riêng của bản thân mình, GV phải khéo léo tạo ra các tình huống có vấn đề để kích thích trẻ tham gia giao tiếp. Chẳng hạn khi đến lớp, gặp cô TTK không nói *Con chào cô* mà cô thường phải khởi xướng cuộc giao tiếp trước *Cô chào con!* thì sau đó TTK mới nói *Con chào cô!*

Khi trẻ muốn một đồ vật gì thì không đưa ngay cho trẻ mà yêu cầu trẻ nói *Con xin cô!* Sau đó giáo viên mới đưa cho.

73,4% ý kiến còn lại của giáo viên cho rằng họ chỉ có khả năng thực hiện công việc của họ hằng ngày vì lớp học rất đông, giáo viên không thể có thời gian để tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày để kích thích TTK giao tiếp được.

- *Thiết lập mối quan hệ gần gũi, thân mật giữa cô giáo và các trẻ khác với TTK*

10% ý kiến giáo viên nhận thấy TTK nếu được quan tâm, giúp đỡ trẻ sẽ có cảm giác an toàn hơn, yên tâm hơn, trẻ sẽ có ý thích tham gia các hoạt động hòa đồng cùng các bạn. Chúng tôi quan sát thấy giáo viên gọi trẻ bằng một cử chỉ âu yếm, thân mật chẳng hạn như *DA ơi ra đây cô yêu nào!* Trẻ chạy ra và hai cô trò ôm trâm lấy nhau rất thân thiện, trẻ rất vui vẻ chạy ra chơi cùng các bạn và sau đó cô hướng dẫn các bạn chơi cùng DA.

90% ý kiến còn lại của giáo viên cho rằng họ không thấy rất khó khăn để thiết lập mối quan hệ gần gũi với trẻ, hằng ngày đến lớp TTK cứ lảng tránh cô và các bạn, thích chơi theo ý thích riêng của bản thân mình, không thích chơi với cô giáo và các bạn.

- *Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp*

21,6% ý kiến cho rằng TTK nhút nhát không thích chơi với các bạn, khi có sự trợ giúp của cô và các bạn thì trẻ cảm thấy an toàn hơn, khi trẻ gặp khó khăn được các bạn giúp đỡ trẻ sẽ cảm thấy tự tin hơn, trẻ hứng thú hơn trong giao tiếp. Trong hoạt động hằng ngày giáo viên thường phải giao nhiệm vụ cho một nhóm bạn khá giỏi trong lớp chơi và giúp đỡ cho TTK.

79,4% ý kiến của GV cho rằng họ thấy TTK khi đến lớp hay có biểu hiện khi thích một đồ chơi nào đó mà bạn đang chơi là trẻ tranh giành đồ chơi với bạn, bạn không đồng ý trẻ vẫn lấy. Nên trong các hoạt động vui chơi hằng ngày ở lớp họ cố gắng trông trẻ, cho trẻ một đồ chơi mà trẻ thích để không ảnh hưởng đến lớp, không làm cách này.

- *Giao nhiệm vụ cho TTK trong từng hoạt động hằng ngày:*

23,3% ý kiến cho rằng TTK có khả năng tham gia hòa đồng cùng các bạn, trẻ giao tiếp với các bạn nhưng khi tham gia chơi cùng các bạn trẻ không biết bắt đầu như thế nào, làm những công việc gì trong nhóm chơi. Nên được cô giáo và các bạn giao nhiệm vụ rõ ràng cho trẻ, trẻ hứng thú tham gia chơi và học tập cùng các bạn, được tham gia nhiều trẻ sẽ tự tin hơn, hứng thú giao tiếp nhiều hơn, vốn từ của trẻ tăng lên, KNGT của trẻ phát triển hơn.

76% ý kiến của GV cho rằng: họ thấy TTK khó có thể học hòa nhập với các bạn nên họ thường giao nhiệm vụ chung cùng cả lớp để các bạn cùng trợ giúp.

- Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng để trẻ tự tin trong giao tiếp

31,7% ý kiến cho rằng tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng để trẻ tự tin trong giao tiếp bằng cách cho trẻ tham gia tất cả các hoạt động hằng ngày, cho trẻ đi cùng cô. Ví dụ khi cô sang lớp khác mượn một đồ vật gì cô rủ trẻ đi, qua nhiều lần như vậy trẻ tự tin hơn. Các hoạt động tham quan dã ngoại của lớp, của trường giáo viên đều cho trẻ tham gia.

68,3% ý kiến của giáo viên cho rằng họ không có thời gian để làm việc này vì công việc của họ rất bận, không có thời gian để quan tâm đến TTK đặc biệt trong các buổi tham quan, dã ngoại của lớp và của trường GV không thể cho TTK tham gia được vì khi ra ngoài trẻ thường chạy lung tung, phá hàng, hay đòi cô giáo mua cho mọi thứ đồ chơi mà trẻ thích, khi giáo viên không đáp ứng thì trẻ ăn vạ.

- Luyện giao tiếp cho trẻ thông qua tranh ảnh

18,3% ý kiến GV cho rằng TTK có khả năng “chụp hình” rất tốt nên khi bắt đầu tiến hành giao tiếp, giáo viên sử dụng hệ thống thẻ tranh để giúp trẻ giao tiếp. Khi sử dụng thẻ tranh để dạy giúp trẻ nhớ lâu hơn.

81,7% ý kiến của giáo viên cho rằng họ không sử dụng cách này vì họ không có thời gian và họ thấy làm công việc này mất rất nhiều thời gian.

- Luyện giao tiếp mắt – mắt khi giao tiếp với cô giáo và các bạn

11,6% ý kiến cho rằng TTK có một thói quen và cũng là đặc điểm chung là khi tương tác với người khác không nhìn vào mắt người đối diện, hoặc có cái nhìn lảng tránh rất nhanh. Trẻ chỉ tập trung vào cái đồ vật hoặc chi tiết mà trẻ thích, không nhìn vào mắt nên quá trình giao tiếp thông thường diễn ra nhanh chóng. Do vậy GV đặt ra mục tiêu luyện giao tiếp mắt cho TTK.

88,4% ý kiến của giáo viên cho rằng họ không sử dụng cách này vì TTK hầu như không tập trung chú ý, khi giao tiếp đều lảng tránh giao tiếp mắt nên họ thấy rất khó làm

- Giao bài tập cho phụ huynh hằng ngày

20% ý kiến cho rằng phụ huynh thường bận trong công việc của mình nên rất ít có thời gian nghiên cứu về cách dạy con, cách giúp con phát triển vốn từ, cách dạy trẻ nói, cách dạy trẻ giao tiếp. Nên giáo viên thường giao cho phụ huynh từng bài tập hằng ngày và hướng dẫn phụ huynh về nhà dạy con vào buổi tối và thứ bảy, chủ nhật để con phát triển tốt hơn. 80% ý kiến cho rằng TTK học ở lớp không theo được nên họ không giao bài tập về nhà.

- Phối hợp với phụ huynh để phát triển KNGT cho trẻ trong sinh hoạt hằng ngày

45% ý kiến cho rằng trong những giờ đón trẻ, trả trẻ giáo viên thường dành thời gian trao đổi với phụ huynh, thông báo cho phụ huynh biết về tình hình của con học ở lớp ngày hôm nay, hướng dẫn phụ huynh cách dạy con ở nhà, giao nhiệm vụ bài tập cho phụ huynh để phụ huynh về nhà dạy con. 55% ý kiến của giáo viên cho rằng họ ít phối hợp với phụ huynh vì phụ huynh TTK bận đi làm, ít trao đổi với các cô giáo về tình hình của con, có những PH họ chỉ gặp ông bà hoặc người giúp việc.

Tóm lại, các biện pháp mà giáo viên đã sử dụng trong quá trình dạy trẻ hằng ngày chúng tôi nhận thấy. Về cơ bản giáo viên đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi. Đồng thời giáo viên cũng đã cố gắng lựa chọn và áp dụng một số cách để phát triển KNGT cho trẻ. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng các cách này còn chưa linh hoạt và chưa hiểu hết ý nghĩa của nó đối với TTK, chưa phối hợp nhịp nhàng đồng bộ với nhau. Khi sử dụng còn đơn điệu, rời rạc, thiếu hệ thống. Do đó khả năng giao tiếp của TTK còn chưa được rèn luyện nhiều, trẻ luôn thụ động và chưa chủ động trong tất cả các hoạt động hằng ngày. Do vậy, để phát triển KNGT cho TTK rất cần GV sử dụng đồng bộ các cách làm, để trẻ có thể phát triển, mở rộng được vốn từ, giao tiếp được với cô giáo và các bạn, học được kiến thức văn hóa để trở thành những con người trong xã hội giống như các trẻ khác.

2.1.3.5 Kết quả khảo sát về thuận lợi và khó khăn của giáo viên trong việc phát triển KNGT cho TTK

** Về thuận lợi*

Giáo viên nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Ban giám hiệu Nhà trường để giúp cho TTK học hòa nhập.

Các trẻ Tự kỷ đang học hòa nhập trong trường ít hành vi điển hình như: hét, ăn ả, đập đầu vào tường...tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức các hoạt động giáo dục hòa nhập cho trẻ.

Các trẻ học hòa nhập trong trường được đối xử công bằng, không phân biệt đối xử, được các bạn trong lớp quan tâm, giúp đỡ

Các giáo viên được tham dự các lớp bồi dưỡng chuyên môn về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập cho trẻ Tự kỷ nên cũng biết chút kiến thức và kỹ năng để dạy hòa nhập cho trẻ thuộc đối tượng này.

** Về khó khăn*

Qua quá trình quan sát và trao đổi về những khó khăn của GV trong việc phát triển KNGT cho TTK thì đa phần ý kiến của giáo viên cho rằng:

TTK đều có biểu hiện chậm nói, khi biết nói thì vốn từ của trẻ so với các bạn bình thường ít hơn. Trẻ gặp rất nhiều khó khăn trong học tập và trong giao tiếp hằng ngày. Trẻ đi ra khỏi chỗ ngồi của mình, lấy đồ chơi trên giá ra chơi một mình hoặc đi lang thang xung quanh lớp. Điều đó là một trở ngại rất lớn trong quá trình GDHN TTK ở trường mầm non.

Do đặc trưng vốn từ của trẻ ít nên trong quá trình tiếp xúc, giao tiếp với cô giáo và các bạn TTK gặp rất nhiều khó khăn để khởi xướng cuộc giao tiếp. Giáo viên và các bạn đều phải trợ giúp hoặc chủ động khởi xướng trước thì trẻ mới duy trì và tiếp tục tham gia. Còn nếu không TTK tự tìm trò chơi, góc chơi cho riêng mình, không quan tâm đến mọi người xung quanh.

Trong quá trình hoạt động hằng ngày TTK không hợp tác với GV, trẻ hay thích làm theo ý của mình, trẻ không chịu bắt chước cô giáo và các bạn, ngược lại có những hoạt động mà trẻ thích thì trẻ chăm chú rất lâu. Nên đây là một khó khăn cho giáo viên để rèn luyện và phát triển KNGT cho TTK.

Lớp học mầm non ở các trường công lập có lượng đông từ 50 đến 60 cháu/lớp với số lượng giáo viên từ 2 đến 3 cô. Nên khi tổ chức các hoạt động TTK

ít cơ hội được giáo viên dành sự quan tâm. Mỗi hoạt động trẻ ít cơ hội được thể hiện khả năng của mình trước lớp.

Sự hợp tác giữa cha mẹ và cô giáo có những khó khăn như; phụ huynh chưa hiểu rõ về con của mình đôi khi cho con mình là trẻ bình thường, không phải TTK, phụ huynh kỳ vọng vào con nhiều quá, mong muốn con mình học giỏi giống như các bạn. Bên cạnh đó một số phụ huynh mải mê công việc của mình không dạy thêm cho con ở nhà phó mặc cho giáo viên.

Nhận xét kết quả khảo sát

- Mức độ phát triển chung về KNGT của TTK 3 – 4 tuổi đang học hòa nhập ở các trường mầm non là rất thấp dựa trên kết quả khảo sát về tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và diễn đạt ngôn ngữ.

- Mức độ tập trung chú ý của TTK còn kém. Do vậy cần chú ý rèn luyện kỹ năng này, đây là kỹ năng cơ bản tiền đề cho sự phát triển KNGT của TTK.

- Mức độ bắt chước, luân phiên của trẻ còn kém nên cần có chiến lược phát triển nhóm kỹ năng này bằng những biện pháp cụ thể và thực hiện liên tục trong tất cả các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non.

- Kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của trẻ còn kém. Trẻ mới có khả năng nghe hiểu những mệnh lệnh đơn giản trong cuộc sống hằng ngày. Đối với những nội dung giao tiếp có đi kèm kỹ năng luân phiên trong quá trình giao tiếp thì đa số trẻ chưa thực hiện được.

- Để phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ cần phải tiến hành đồng bộ các biện pháp cho trẻ hòa nhập với các trẻ bình thường để trẻ học những cách tương tác, cử chỉ, hành động, lời nói của trẻ bình thường về rèn sự tập trung chú ý cho trẻ, dạy trẻ cách bắt chước để trẻ vận dụng vào quá trình giao tiếp.

*** Đánh giá chung về thực trạng biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ**

- Về mặt tích cực

Đa số giáo viên đều có nhiệt tình, yêu nghề, yêu trẻ.

GV dạy lớp hòa nhập có TTK đã có nhận thức rõ được tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK, đã thực hiện rèn cho trẻ một số kỹ năng.

Bước đầu giáo viên đã áp dụng một số biện pháp phát triển KNGT cho TTK như rèn tập trung chú ý cho trẻ, dạy trẻ cách bắt chước.

- Về mặt hạn chế

Kiến thức, kỹ năng thực hiện các hoạt động chuẩn bị cho việc phát triển KNGT của giáo viên dành cho trẻ chưa tốt, chưa phù hợp với đặc trưng của lớp học hòa nhập.

Việc hiểu và áp dụng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK của GV chưa đầy đủ và đúng đắn, dẫn tới việc áp dụng còn mờ nhạt, thiếu hệ thống.

Các biện pháp được giáo viên sử dụng chủ yếu xuất phát từ cô, mà ít chú ý tới trẻ. Bên cạnh đó giáo viên vẫn chú ý tới trẻ bình thường nhiều hơn, chưa dành sự quan tâm đồng đều cho tất cả mọi trẻ em (có trẻ bình thường và TTK) trong quá trình tổ chức các hoạt động hằng ngày. Giáo viên chưa tận dụng lợi thế của lớp học hòa nhập để giúp trẻ em tương tác, hỗ trợ lẫn nhau. Chính vì vậy dẫn đến tình trạng thụ động, e dè, nhút nhát của TTK trong quá trình tham gia các hoạt động hằng ngày ở trường.

Việc phối hợp với phụ huynh đã được thực hiện song việc hỗ trợ kiến thức và ngôn ngữ nhằm phát triển KNGT cho TTK chưa hiệu quả.

Mức độ phát triển KNGT của TTK 3 – 4 tuổi còn rất thấp dựa trên kết quả khảo sát bảng đánh giá kỹ năng giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi.

- Nguyên nhân của thực trạng

+ Việc phát triển KNGT cho TTK chưa được các nhà nghiên cứu quan tâm đúng mức, điều đó dẫn tới sự thiếu nghiên cứu một cách có hệ thống về các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ TTK.

+ Sự chỉ đạo, hướng dẫn của các nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý trong việc thực hiện mục tiêu phát triển KNGT cho TTK trong các lớp học hòa nhập ở trường mầm non còn hạn chế.

+ Công tác bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn giữa các giáo viên dạy hòa nhập TTK còn thiếu hụt chỉ được thực hiện trong các đợt tập huấn hè. Nội dung kiến thức ở các lớp tập huấn thường tập huấn về các nội dung, phương pháp dạy cho trẻ khuyết

tật nói chung chưa đi sâu cụ thể vào đối tượng TTK và đặc biệt là lĩnh vực phát triển KNGT cho TTK.

+ Sự thiếu những tài liệu hướng dẫn nhằm phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non còn hạn chế. Điều đó cũng gây những khó khăn cho giáo viên trong việc thực hiện nội dung trên.

+ Các giáo viên vận dụng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non còn hạn chế, chưa có được những hướng dẫn cụ thể, có hệ thống chủ yếu thực hiện công việc theo kinh nghiệm của bản thân.

Thực trạng tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK và thực trạng giao tiếp của TTK đã cho thấy tính cấp thiết của việc nghiên cứu và đưa ra biện pháp nhằm phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non.

2.2 Đề xuất biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ Tự kỷ

2.2.1 Nguyên tắc xây dựng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi

Trẻ em ở độ tuổi MN mỗi một lứa tuổi đều có sự phát triển riêng về thể chất, ngôn ngữ, nhận thức và giao tiếp. Khi biết nói ở lứa tuổi lên 3, thì trẻ bắt đầu sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp, đồng thời với khả năng bộc lộ cảm xúc thông qua giao tiếp phi ngôn ngữ qua ánh mắt với những nét mặt và các dấu hiệu của cơ thể. Nếu được đáp ứng đầy đủ sẽ giúp cho trẻ hình thành sự tự tin vào bản thân trong quá giao tiếp với mọi người xung quanh.

Việc xây dựng các biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 – 4 tuổi dựa trên cơ sở đảm bảo các nguyên tắc sau :

Thứ nhất: Các biện pháp phát triển KNGT cho TTK phải chú ý tới đặc điểm của TTK, phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ. Tạo cơ hội kích thích ở trẻ sự ham muốn giao tiếp với mọi người xung quanh.

Thứ hai: Các biện pháp tác động cần hướng tới mục đích phát triển toàn diện cho trẻ, dựa vào những điểm mạnh của trẻ, khắc phục, sửa chữa những khiếm khuyết căn bản ở TTK trong giao tiếp giúp trẻ hình thành và phát triển KNGT.

Thứ ba: Biện pháp phát triển KNGT cho TTK đảm bảo tính mục đích, tính phát triển, tính hệ thống và đồng bộ, tính cụ thể mềm dẻo, linh hoạt.

Thứ tư: Các biện pháp vừa phải dựa trên quan điểm lý thuyết hoạt động giao tiếp phù hợp với đặc điểm của TTK và trẻ mầm non độ tuổi 3 – 4 tuổi và đảm bảo vai trò chủ thể của chủ thể của TTK trong quá trình tương tác, giao tiếp, hòa nhập với trẻ bình thường trong hoạt động hằng ngày ở trường MN

Thứ năm: Các biện pháp phát triển KNGT cho TTK cần phải kế thừa và phát huy mặt mạnh, tiến bộ trong công tác can thiệp sớm và giáo dục hòa nhập cho TTK. Tiếp thu có chọn lọc về những thành tựu khoa học về giáo dục TTK tiên tiến trên thế giới và trong khu vực, phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam (điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan).

2.2.2 Đề xuất biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 - 4 tuổi

2.2.2.1 Biện pháp 1: Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ

*** Mục tiêu**

Nhằm quan sát, đánh giá có mục đích để biết xem mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ là gì? trẻ có nghe hiểu lời nói của người khác không? Trẻ đã biết nói chưa? Trẻ nói được câu chưa? Trẻ có tham gia vào hoạt động hằng ngày với các bạn không?... Cuối cùng để đưa ra kết luận trẻ ở dạng nào? Mức độ nào? Đã có những kỹ năng giao tiếp nào?... Trên cơ sở đó để tư vấn cho phụ huynh và đưa ra các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ phù hợp.

*** Nội dung**

Sử dụng các công cụ chẩn đoán như; Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV, nghiên cứu hồ sơ thông qua kết quả sàng lọc TTK M - CHAT, Bảng đánh giá mức độ Tự kỷ (CARS), đánh giá sự phát triển của trẻ theo quyển 8 Small Step, bảng xác định KNGT của TTK 3 – 4 tuổi, phiếu quan sát những khó khăn trong giao tiếp của TTK.

*** Cách tiến hành**

- Nghiên cứu tiền sử phát triển của trẻ để biết được trong gia đình trẻ có ai bị hội chứng này không? Mẹ mang thai có bình thường không? Cha mẹ sinh con là tự

nguyện hay do sự cố, sự ép buộc của gia đình. Khi mang thai thì sức khỏe và dinh dưỡng của người mẹ ra sao? Trong khi sinh thì thế nào? Sau khi sinh sự phát triển của trẻ thế nào? (thể chất, tâm lý). Gia đình thấy cháu bất thường từ khi nào? Căn cứ vào các dấu hiệu nào? Mọi người trong gia đình phản ứng ra sao? Cháu đã được chẩn đoán hay chữa trị ở đâu chưa? Thời gian là bao lâu? Kết quả thế nào? Sở thích của cháu là gì? Tính tình của cháu như thế nào? Trong gia đình của trẻ ai là người chịu trách nhiệm nuôi dạy trẻ? Gia đình thấy cháu có những khó khăn gì, đã làm gì để đối phó với các khó khăn đó, các khó khăn trong quá trình chăm sóc - giáo dục trẻ là gì?...

- Nghiên cứu hồ sơ của trẻ thông qua kết quả Dùng bảng kiểm MCHAT để sàng lọc TTK, xem có bị Tự kỷ hay không, trẻ bị bao nhiêu phần trăm và ở các tiêu chí nào? Để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch can thiệp để phát triển KNGT cho trẻ.

- Sử dụng Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV để xác định xem trẻ có bị Tự kỷ không, làm cơ sở cho đánh giá sâu.

- Dùng bảng đánh giá mức độ TK CARS kiểm tra trực tiếp trên trẻ để xác định mức độ TK của trẻ xem trẻ bị mức độ nhẹ hay nặng.

- Sử dụng thang đánh giá Quyển 8 chương trình Small Step để đánh giá sự đánh giá sự phát triển thực của trẻ ở các lĩnh vực.

- Dùng bảng xác định KNGT của TTK 3 – 4 tuổi để đánh giá xem trẻ có kỹ năng giao tiếp không? nếu có thì có kỹ năng nào? Còn kỹ năng nào chưa có? Vì sao trẻ không giao tiếp được.

- Quan sát tự nhiên tại lớp học của trẻ ở trường mầm non và ghi lại khả năng giao tiếp của trẻ xuất hiện ở những hoàn cảnh khác nhau.

Bên cạnh đó chúng tôi đánh giá thêm về thể chất, sự tập trung chú ý, biểu hiện hành vi bất thường của trẻ để trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp can thiệp cho trẻ phù hợp.

** Điều kiện thực hiện*

- Mỗi TTK đều có những đặc điểm khác nhau về tất cả các khía cạnh như: sức khỏe, vận động tinh, vận động thô, ngôn ngữ, giao tiếp, nhận thức, kỹ năng xã hội, hành

vi. Do vậy khi tiến hành biện pháp phát triển KNGT cho trẻ cần phải đánh giá mức độ chức năng hiện tại của trẻ để tìm ra cách tác động phù hợp và tốt nhất đối với trẻ.

- Trong quá trình đánh giá phải có công cụ đánh giá. Đánh giá trong quá trình trẻ hợp tác với giáo viên.

- Để có kết quả đánh giá tốt và khách quan thì người đánh giá nên chuẩn bị địa điểm, công cụ, thời gian, tâm lý đánh giá phù hợp.

- Cần đánh giá một cách cẩn thận mới đi đến kết luận, không nên đánh giá vội vàng.

- Khi đưa ra kết luận về kết quả đánh giá nên tư vấn phụ huynh đưa ra các hướng giải quyết để giúp phụ huynh định hướng lựa chọn một cách tốt nhất để can thiệp và chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2.2.2 Biện pháp 2: Xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp

* Mục tiêu

Xây dựng kế hoạch phát triển KNGT cho TTK để đề ra mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn, đề ra những phương pháp và cách thức tiến hành, người tham gia thực hiện mục tiêu phát triển KNGT cho TTK. Nhằm xây dựng môi trường sinh hoạt ổn định, tạo cho trẻ cảm giác trật tự và ít có sự áo trộn trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của trẻ ở trong gia đình và lớp học.

* Nội dung

Kế hoạch phát triển KNGT cho TTK cần thể hiện đơn giản, dễ hiểu. Kế hoạch thể hiện mục tiêu ngắn hạn, mục tiêu dài hạn và cụ thể các hoạt động trong một ngày. Nội dung của kế hoạch bao gồm: Mục tiêu; Hoạt động; Phương pháp, cách tiến hành; Đồ dùng, phương tiện cần có; Tiêu chí đánh giá; Chữ ký của giáo viên, phụ huynh, nhà trường

* Cách tiến hành

- Khi xây dựng kế hoạch cần phải căn cứ vào khả năng và đặc điểm của trẻ cũng như khả năng của giáo viên.

- Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể để xác định mục tiêu ưu tiên trong quá trình xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân. Mục tiêu nào là quan trọng và cần thiết thì ưu tiên trước.

- Kế hoạch phải rõ ràng, không tối nghĩa và không mang quá nhiều thông tin. Sắp xếp các biểu tượng thể hiện các hoạt động chính của kế hoạch theo dãy từ trên xuống dưới hoặc từ trái sang phải trên cùng một tấm bảng bằng bìa hoặc bằng gỗ.

Khi xây dựng kế hoạch phát triển KNGT cho TTK cần làm rõ xem kế hoạch đó là kế hoạch năm hay quý, tháng, tuần, ngày. Các hoạt động trong kế hoạch cần được cụ thể hóa, làm rõ thông tin.

Đối với trẻ thích nhìn hình ảnh, có thể chụp những hình ảnh của chính trẻ đang thực hiện các hoạt động đó để trang trí cho thêm sinh động và giúp trẻ hứng thú tham gia vào quá trình giao tiếp và sinh hoạt hằng ngày.

** Điều kiện thực hiện*

- Kế hoạch phát triển KNGT cho trẻ phải được cụ thể ở kế hoạch hoạt động, kế hoạch ngày, kế hoạch tháng, kế hoạch năm và được Nhà trường, Phụ huynh, Giáo viên cùng xây dựng nên.

- Kế hoạch phát triển KNGT đề ra thời gian biểu rõ ràng, điều đó sẽ có ích cho trẻ trong việc nhận biết các hoạt động trong ngày. Có thời gian biểu trẻ cảm thấy yên tâm và dễ chịu hơn khi nhìn thấy và hiểu nội dung của thời gian biểu.

- Kế hoạch được xây dựng phải có sự trao đổi giữa GV, phụ huynh và nhà trường để cùng đi đến một thống nhất chung trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

2.2.2.3 Biện pháp 3: Phối hợp với phụ huynh

** Mục tiêu*

- Nhằm tạo ra sự phối hợp chặt chẽ các biện pháp GD ở nhà trường với gia đình nhằm phát triển KNGT cho trẻ. Bởi cha mẹ trẻ và những người thân trong gia đình là những người thương yêu, đồng cảm, có thời gian gần gũi và hiểu trẻ nhất. Họ là người có trách nhiệm theo suốt cuộc đời đối với sự phát triển và sự tiến bộ của trẻ. Ở gia đình trẻ có nhiều cơ hội thể hiện, phát triển KNGT cho trẻ.

** Nội dung*

Hỗ trợ phụ huynh TTK giúp họ có kiến thức và đặc biệt là kỹ năng giao tiếp với con bao gồm các nội dung như: cung cấp thông tin thông qua tài liệu, giải thích nội dung tài liệu cho cha mẹ trẻ, hướng dẫn kỹ năng cho cha mẹ trẻ thông qua hướng

dẫn, làm mẫu, băng hình. Đặc biệt khi hướng dẫn phụ huynh, giáo viên có thể sử dụng bảng đánh giá kỹ năng giao tiếp để giúp phụ huynh tập trung vào những nội dung chính phát triển KNGT cho TTK.

** Cách tiến hành*

GV giải thích, hướng dẫn cho cha mẹ trẻ thấy rõ vai trò, nhiệm vụ của mình trong quá trình phát triển KNGT của trẻ. Cha mẹ phải thường xuyên phối hợp với GV, chuyên gia hỗ trợ lập kế hoạch phát triển KNGT cho trẻ, cụ thể:

- Lập kế hoạch hỗ trợ TTK vào khoảng thời gian nào trong ngày là tốt nhất đối với mỗi thành viên?

- Các thành viên trong gia đình trẻ thường hỗ trợ như thế nào đối với trẻ?

- Chia sẻ những kiến thức của các thành viên trong gia đình về vấn đề hạn chế về giao tiếp của trẻ.

- Tổ chức môi trường phát triển của trẻ như: góc học tập, góc vui chơi, đồ dùng, đồ chơi của trẻ...

Cha mẹ và gia đình TTK tham gia vào hệ thống hỗ trợ với vai trò vừa là khách thể vừa là chủ thể. Cha mẹ, gia đình TTK nhận được sự hỗ trợ của các chuyên gia, giáo viên, nhà trường. Đồng thời, họ là những người có vai trò quan trọng nhất tác động và giúp đỡ trẻ tích cực và có hiệu quả.

** Điều kiện thực hiện*

Phụ huynh phải nhận thức được rằng họ là lực lượng quan trọng số 1 đối với quá trình can thiệp cho trẻ. Sự tiến bộ của trẻ có được hay không phụ thuộc vào phụ huynh. Phụ huynh phải phối hợp thường xuyên.

Các thành viên trong gia đình trẻ cùng phối hợp thực hiện với giáo viên tại lớp theo KHGDCCN đã đề ra, giúp trẻ có những mẫu câu để giao tiếp, các quy tắc chuẩn mực của xã hội. Mặt khác, giúp trẻ thiết lập mối quan hệ tương tác giữa trẻ với các thành viên khác trong cộng đồng.

2.2.2.4 Biện pháp 4: Sử dụng các kỹ thuật rèn luyện kỹ năng giao tiếp

** Mục tiêu*

Là cách giáo viên áp dụng các kỹ thuật đặc thù trong giáo dục hòa nhập TTK để phát triển KNGT cho TTK.

** Nội dung*

Việc áp dụng các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK bao gồm: làm mẫu; nói chậm làm chậm; sử dụng lời nói mẫu; luyện giao tiếp mắt – mắt; sử dụng hệ thống hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi thẻ tranh PECS, Can thiệp phát triển mối quan hệ RDI.

** Cách tiến hành từng kỹ thuật*

- *Làm mẫu*: Là cách mà giáo viên thể hiện một hành động, lời nói, hoạt động nào đấy cho trẻ bắt chước để sau đó trẻ có thể thực hiện lại một cách tự phát. Với mục đích là trẻ dễ hình dung ra nhiệm vụ mà trẻ phải thực hiện được nhiệm vụ một cách độc lập.

Khi làm mẫu giáo viên cần kết hợp sử dụng giao tiếp tổng thể như: nói to, rõ ràng mạch lạc, giáo viên làm mẫu một hay hai, ba lần tùy thuộc vào nội dung mà giáo viên dạy trẻ. Thông thường khi dạy cho trẻ bình thường giáo viên sẽ kết hợp làm mẫu và giải thích nhưng với trẻ Tự kỷ do khó khăn về hiểu ngôn ngữ và khả năng chú ý nên giáo viên hạn chế giải thích chi tiết dài dòng. Khi trẻ đã hiểu thì giáo viên nên kết hợp cùng trẻ thực hiện nhiệm vụ, có thể nói cùng trẻ, hoặc cầm tay trẻ cùng làm sau đó cho trẻ làm và sửa sai

Trong quá trình thực hiện kỹ thuật này tùy thuộc vào khả năng của từng trẻ có thể bỏ qua một bước nào đó. Với các nội dung khó GV nên làm mẫu từng phần, từng nội dung một cho trẻ. Những nội dung trẻ mới học hoặc học rồi nhưng quên, giáo viên nên làm mẫu đầu buổi học cho trẻ. Số lần làm mẫu cho một nội dung không nhất thiết phải làm liên tục hai, ba lần liền nhau mà có thể diễn ra nhiều lần trong các khoảng thời gian khác nhau.

Trong quá trình dạy một nội dung kiến thức cho trẻ giáo viên có thể hướng dẫn cho trẻ tất cả các bước trong một buổi học hoặc có thể chia ra làm nhiều buổi hướng dẫn trẻ. Những nội dung khó hoặc dài giáo viên nên chia nhỏ ra và làm mẫu

cho trẻ. Trong quá trình dạy thấy trẻ làm tốt dần thì giáo viên cũng nên giảm bớt số lần làm mẫu xuống.

- Nói chậm, làm chậm

Không riêng gì trẻ Tự kỷ, bất cứ trẻ nào chậm nói đều gặp phải là do trẻ không hiểu được những danh từ khó. Khi nói chuyện với TTK giáo viên cần tự động điều chỉnh từ ngữ cho đơn giản hơn, lặp đi lặp lại nhiều hơn và lên xuống giọng rõ nét hơn. Để khi trẻ nghe một từ, lời nói nhiều lần thì biết nắm lấy cách phát âm của từ, lời nói và do thính giác của trẻ chưa được thành thạo nên trẻ xếp đặt thông tin chậm, chưa hiểu ngay ra được âm phát ra lần đầu. Giáo viên cần nói chậm lại, nhìn vào mặt trẻ, cho trẻ có nhiều thì giờ và cơ hội để nghe đi, nghe lại và nắm được lời nói.

- Sử dụng lời nói mẫu

Sử dụng lời nói mẫu là việc cung cấp các mẫu câu trong những tình huống khác nhau cho TTK. Đây là kỹ thuật đặc biệt quan trọng và có thể sử dụng trong phát triển KNGT cho TTK ở các giai đoạn khác nhau vì trẻ có thể bắt chước cách sử dụng ngôn ngữ của người lớn trong những tình huống thực tế. Sử dụng lời nói mẫu được thể hiện thông qua các kỹ thuật cụ thể như sau:

Tuy nhiên TTK có đặc điểm tính rập khuôn, máy móc. Khi giáo viên sử dụng lời nói mẫu trẻ có thể bắt chước và sao chép y nguyên lời nói của giáo viên trong các tình huống khác nhưng để phát triển KNGT cho trẻ thì vẫn cần phải áp dụng kỹ thuật này, ban đầu trẻ cứ bắt chước đã sau đó mở rộng sau.

+ Nói mẫu: là cách GV cho trẻ nói theo nhằm dạy trẻ các từ mới, câu nói ngắn gọn, dễ hiểu, nhấn mạnh ở các từ chủ chốt để cho TTK bắt chước theo.

+ Mở rộng câu nói cho trẻ. Là kỹ thuật sử dụng khi trẻ nói nhưng chưa hoàn thành được câu nói, giáo viên lắng nghe từ trẻ nói, cố gắng hiểu ý mà trẻ muốn diễn đạt và nhắc lại cả câu nói đã được hoàn thành nhưng ở dạng đơn giản để cho trẻ bắt chước theo và kết hợp duy trì hội thoại làm cho quá trình giao tiếp được diễn ra lâu hơn.

+ Nói song song: đó là kỹ thuật mà trẻ đang làm hoặc nhìn thấy bằng lời nói

+ Tự nói về việc đang làm. Khi vốn từ của trẻ đã được phát triển, trẻ đã biết nói theo mẫu câu, GV sử dụng kỹ thuật này giúp trẻ tự nói lên những gì trẻ đang nhìn thấy, đang làm hoặc cảm nhận về một việc mà trẻ đang quan sát. Kỹ thuật tự nói một mình về việc đang làm cũng tạo ra cho trẻ nhiều cơ hội để diễn đạt thành thạo hơn cụm từ, câu. Trẻ sẽ mạnh dạn, tự tin hơn trong quá trình giao tiếp. Ở kỹ thuật này giáo viên cần giúp trẻ nói đơn giản, ngắn gọn; nói về điều mà trẻ thấy, đang làm, đang nghĩ.

- Luyện giao tiếp mắt – mắt

Một trong các biểu hiện của đặc điểm thu mình là trẻ rất ít giao tiếp bằng mắt khi giao tiếp với người xung quanh, trẻ thường nhìn xuống hoặc ngoảnh đi chỗ khác khiến trẻ rất khó khăn để hiểu, bắt chước diễn tả các cử chỉ giao tiếp phi ngôn ngữ của người khác và việc tiếp thu các kỹ năng mới.

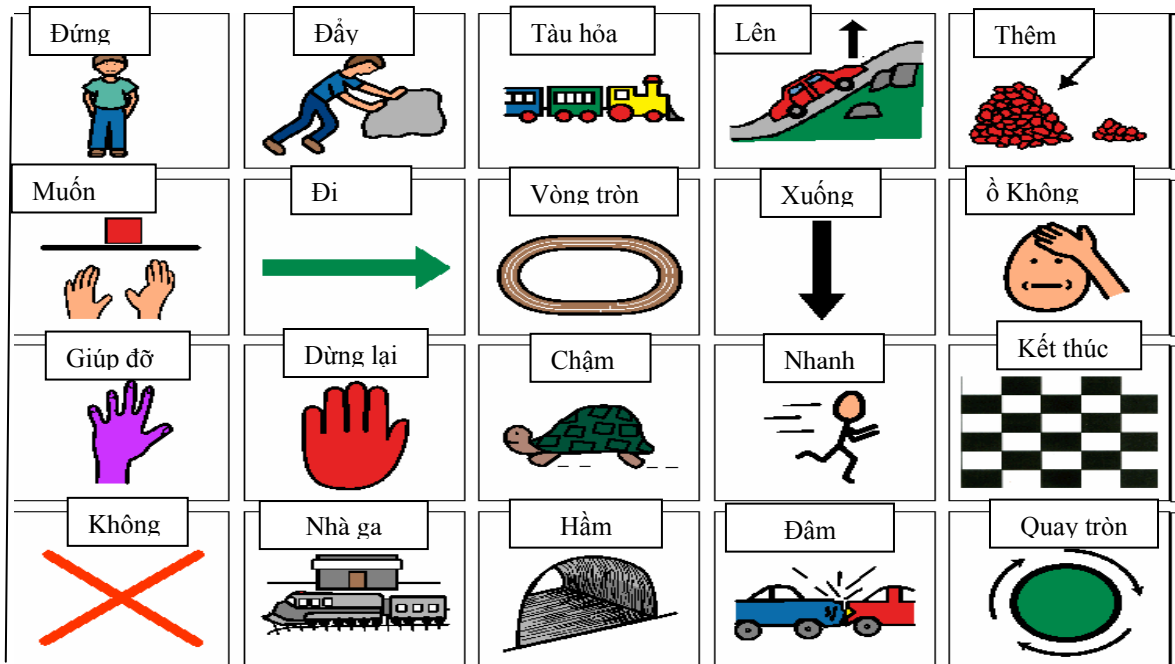
Để luyện giao tiếp mắt – mắt cho TTK giáo viên có thể sử dụng các trò chơi như cù vào người trẻ để kích thích trẻ nhìn vào đối tượng giao tiếp, sử dụng đèn pin soi vào đồ vật trong phòng tối để trẻ chỉ tập trung vào đồ vật kích thích sự tập trung của mắt, sử dụng vật kích thích như đồ ăn hay đồ chơi mà trẻ thích chơi hoặc xuất hiện trước tầm nhìn của trẻ... Tùy thuộc vào từng trường hợp, mà lựa chọn cách giao tiếp cho phù hợp.

- Sử dụng hệ thống hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi thẻ tranh PECS (Pictures Exchange Communication System)

PECS là một công cụ tốt giúp trẻ giao tiếp (không cần nói từ). PECS cho phép trẻ lựa chọn và giao tiếp nhu cầu. Khi trẻ có thể giao tiếp và thể hiện nhu cầu của chúng cho đối tượng giao tiếp có thể hiểu được, giúp cho trẻ trở nên vui vẻ hơn.

Trong quá trình dạy hòa nhập cho TTK, giáo viên có thể dùng trong nhiều cách khác nhau để giao tiếp như sử dụng các thẻ tranh về đồ vật (thức ăn, đồ chơi, ...) để giao tiếp với trẻ. Khi trẻ muốn một trong những thứ đó, trẻ đưa tranh cho cô giáo hoặc các bạn. Sau đó cô và các bạn sẽ đưa cho trẻ đồ chơi hoặc thức ăn mà trẻ muốn để củng cố giao tiếp. Cuối cùng, các thẻ tranh được thay thế bằng các từ và câu ngắn.

Thẻ tranh của PECS bao gồm tất cả các hình ảnh về con vật (vật nuôi trong gia đình, thú rừng, động vật sống dưới nước, động vật biển, côn trùng, các loại hoa, quả, rau, củ, phương tiện giao thông, đồ dùng sinh hoạt trong gia đình, trang phục, các nghề trong xã hội, các phòng trong gia đình... để giao tiếp với trẻ. Khi sử dụng PECS giao tiếp với TTK giúp cho trẻ dễ dàng hình dung ra nội dung giao tiếp, hỗ trợ cho việc phát triển kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho TTK.



- Can thiệp phát triển mối quan hệ RDI (*Relationship Development Intervention*)

Can thiệp phát triển mối quan hệ cho TTK trong môi trường GDHN là một liệu pháp để giúp trẻ học, khám phá cuộc sống, giúp liên kết các phần chức năng khác nhau trong não của trẻ cùng phối hợp làm việc với nhau và có chức năng như một tổng thể chứ không phải các cơ quan rời rạc nhằm phát triển sự tập trung chú ý của TTK vào các biểu hiện trên khuôn mặt của đối tượng giao tiếp và xây dựng các mối quan hệ giữa trẻ với các bạn, giữa trẻ với cô giáo, giữa trẻ với các sự vật và hiện tượng trong thế giới xung quanh... Đó là yếu tố quan trọng để phát triển KNGT cho TTK.

GV hướng dẫn trẻ tham gia vào các hoạt động hàng ngày ở lớp cùng với các bạn, giúp trẻ biết cách chơi với các bạn, cách giao tiếp với cô giáo, cách sử dụng

các đồ dùng đồ chơi trong lớp, cách làm các công việc trực nhật ở lớp cùng cô và các bạn... để trẻ có được mối quan hệ xã hội và phát triển KNGT.

- *Động viên, khuyến khích trẻ*

Đối với trẻ em nói chung và TTK nói riêng thì động viên, khuyến khích luôn là biện pháp hữu hiệu giúp trẻ em có được nguồn cổ vũ khích lệ để làm tốt vai trò, nhiệm vụ của mình. Trong hầu hết các hoạt động hằng ngày, mỗi trẻ đều thực hiện nhiệm vụ riêng của mình để hoàn thành mục tiêu chung. Lời động viên, khích lệ của GV dành cho TTK sẽ là động lực giúp trẻ hoàn thành nhiệm vụ. Rất nhiều TTK thiếu tự tin trong giao tiếp vì vậy nhận được lời động viên trẻ sẽ thấy tự tin hơn khi giao tiếp với bạn và trao đổi nhiệm vụ với bạn trong nhóm và thực hiện nhiệm vụ. Việc động viên khuyến khích không nhất thiết diễn ra ở một hoạt động mà kéo dài trong tiến trình hoạt động của trẻ ở trường từ giờ đón đến giờ trả trẻ.

Ngay đầu giờ đón trẻ, GV nên tươi cười chào đón trẻ để trẻ cảm thấy vui vẻ buổi ban đầu, trẻ hứng thú chào bố mẹ, chào cô... GV đưa vào tình huống có vấn đề để giao tiếp, động viên khuyến khích trẻ nói. Ví dụ, *hôm nay ai đưa con đến trường? con ăn sáng chưa? con ăn món gì?...*

Trong các tiết học hằng ngày, GV nên tạo cơ hội cho trẻ được lên bảng, được tham gia trả lời câu hỏi của cô, được các bạn nhận xét, góp ý để trẻ tự tin trong quá trình giao tiếp.

* *Điều kiện thực hiện*

Hướng dẫn cho giáo viên các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK. Khi thực hiện cần áp dụng một cách đồng bộ và linh hoạt các kỹ thuật phát triển KNGT cho TTK như: làm mẫu; nói chậm làm chậm; sử dụng lời nói mẫu; luyện giao tiếp mắt – mắt; sử dụng hệ thống hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi thẻ tranh PECS, Can thiệp phát triển mối quan hệ RDI. Không có một kỹ thuật nào là tối ưu cho TTK.

Giáo viên cần áp dụng các kỹ thuật trên một cách thường xuyên để trẻ có cơ hội luyện tập, củng cố khắc sâu kiến thức. Khi áp dụng các kỹ thuật trên giáo viên cần phải có đồ dùng, phương tiện phù hợp ở mỗi kỹ thuật.

GV luôn phải điều chỉnh cho phù hợp với đặc điểm của từng cá nhân trẻ, không lấy cách làm của trẻ này áp dụng cho trẻ khác.

2.2.2.5 *Biện pháp 5: Giao tiếp tổng hợp*

Giao tiếp tổng hợp là sử dụng nhiều hình thức giao tiếp khác nhau như: ký hiệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt, tranh ảnh giúp cho trẻ hiểu thông tin dễ dàng hơn. Giao tiếp tổng hợp diễn ra dưới nhiều hình thức và nhiều cấp độ khác nhau, ví dụ như nói kết hợp với các cử chỉ và ký hiệu. Theo cách này, một từ trừu tượng có thể được làm rõ nhờ vào một ký hiệu, một đồ vật cụ thể hoặc một tranh biểu tượng.

** Mục tiêu*

Giúp trẻ tạo ra nhiều cách diễn đạt và huy động được nhiều giác quan cùng tham gia. Đặc biệt thông qua hình ảnh hóa thông tin và sử dụng ngôn ngữ ký hiệu sẽ trợ giúp cho trẻ tiếp nhận được thông tin đầy đủ hơn và diễn đạt được suy nghĩ, mong muốn của mình với cô giáo và các bạn dễ dàng hơn.

** Nội dung*

Sử dụng các phương tiện giao tiếp khác nhau để giao tiếp với TTK, giúp cho TTK có thể hiểu nội dung giao tiếp rõ ràng hơn như: lời nói, cử chỉ điệu bộ, hình vẽ, tranh ảnh, đồ dùng, kí hiệu ngôn ngữ.

** Cách tiến hành*

Trong hoạt động hằng ngày giáo viên cần sử dụng và khuyến khích các bạn trong lớp sử dụng giao tiếp tổng hợp với TTK bằng cách kết hợp lời nói, kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt, hành động... Tùy thuộc vào tình huống mà áp dụng cách cách như sau :

Kết hợp lời nói với cử chỉ điệu bộ: Khi nói GV làm các cử chỉ, điệu bộ kết hợp hành động mô phỏng phù hợp với nội dung muốn chuyển tải đến cho trẻ.

Kết hợp nói với hình vẽ, tranh ảnh: Trong một số tình huống hằng ngày, giáo viên có thể vừa nói vừa chỉ vào tranh ảnh hay đối tượng đang được đề cập đến hoặc các sơ đồ hình ảnh mô tả cách thực hiện hoạt động. Trong cách này giáo viên sử dụng phương pháp PECS và hệ thống thẻ tranh của phương pháp này sẽ trợ giúp TTK hiểu và diễn đạt nội dung giao tiếp dễ dàng hơn.

Kết hợp lời nói và kí hiệu ngôn ngữ: GV có thể sử dụng một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống hằng ngày để chơi, giao tiếp với trẻ có thể những điều trẻ muốn nói và sử dụng khi nói với trẻ. Việc sử dụng lời nói kết hợp với ký hiệu sẽ là cách để giúp trẻ học chấp nhận sự đa dạng trong lớp học.

Ví dụ: **đến đây** kết hợp lời nói và hai tay kéo lên để giúp trẻ dễ hình dung



Đến đây

Tổ chức cho trẻ luyện tập giao tiếp dưới nhiều hình thức khác nhau: tiết cá nhân, trò chơi học tập, vận

động, bắt chước trong thời gian từ 5 - 10 phút và cho trẻ được giao tiếp với nhiều người khác nhau như: từ 1 - 2 trẻ trong lớp, một nhóm bạn mà trẻ thích chơi cùng, các GV, nhân viên trong nhà trường.

Ví dụ: Tổ chức hoạt động vui chơi qua trò chơi: "*Cô gọi tên ai*"

Mục đích: Đáp lại khi gọi tên và nhìn vào mắt người giao tiếp

Cách chơi: GV ngồi trên ghế ngang tầm với trẻ. Gọi tên trẻ và đồng thời nhắc trẻ giao tiếp bằng mắt bằng cách đưa một vật trẻ thích lên ngang tầm mắt của giáo viên. Khi trẻ nhìn cô giáo trong một giây, lập tức đưa vật đó cho trẻ.

Nếu trẻ chưa biết nhìn quay về phía giáo viên, nên đưa đồ vật lên ngang tầm mắt để cho trẻ theo dõi hoặc nhẹ nhàng nâng cằm trẻ lên để thúc đẩy việc giao tiếp bằng mắt.

Lặp lại việc gọi tên trẻ và đừng nhắc trẻ trong một vài giây để xem liệu trẻ có nhìn giáo viên mà không cần nhắc lại không. Nếu trẻ không biểu lộ sự đáp lại, hãy nhắc trẻ. Lưu ý là trẻ có thể biểu lộ sự đáp lại khác nhau và cần củng cố để giúp trẻ nhìn về giáo viên một cách tự nhiên.

* *Điều kiện thực hiện*

- Trẻ Tự kỷ thường rất ngại giao tiếp với người khác bởi vốn từ và khả năng hiểu ngôn ngữ của trẻ rất hạn chế. Mặt khác, TTK rất khó khăn trong việc ghi nhớ và học những hành vi mới, những khái niệm trừu tượng. Vì vậy, khi sử dụng giao tiếp tổng hợp với trẻ cần cân nhắc và đảm bảo sự phù hợp với đối tượng giao tiếp.

- Khi sử dụng giao tiếp tổng thể với trẻ cần sử dụng các mô hình hoặc thẻ tranh để trợ giúp cho quá trình chụp hình, ghi nhớ, tái hiện thông tin trong não, giúp cho trẻ ghi nhớ được lâu hơn, trợ giúp cho việc sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với mọi người xung quanh ở TTK.

- Bên cạnh đó, việc sử dụng việc sử dụng ngôn ngữ ký hiệu sẽ kích thích trẻ giao tiếp. Nếu trẻ chưa phát triển khả năng nói, ngôn ngữ ký hiệu mang lại cho trẻ cơ hội giao tiếp thuận lợi hơn.

- Dựa trên các nội dung yêu cầu cụ thể của nội dung giao tiếp thiết kế các hình ảnh minh họa để giúp trẻ giao tiếp.

- Đưa ra những công cụ giao tiếp trong tình huống cụ thể. Những công cụ giao tiếp đưa ra phải liên quan trực tiếp với kinh nghiệm của trẻ.

- Tạo cho trẻ niềm vui và sự phấn khích bằng cách chú ý tới bất kỳ sự chủ động giao tiếp hay gợi ý giao tiếp mà trẻ đưa ra.

- Huy động sự tham gia của các giác quan cơ thể.

- Thiết kế một số tranh ảnh, biểu tượng, hình ảnh hóa thông tin có nội dung đơn giản, phù hợp với từng lứa tuổi của trẻ

- Hướng dẫn trẻ biết cách phối hợp các phương tiện giao tiếp như tranh ảnh, biểu tượng, ngôn ngữ cử chỉ trong các hoạt động giao tiếp, sửa sai cho trẻ.

Như vậy, sử dụng giao tiếp tổng thể mang lại những thuận lợi nhất định trong việc giao tiếp với TTK. Hình ảnh hóa thông tin là một vấn đề hết sức quan trọng trong giao tiếp với TTK.

2.2.2.6 Biện pháp 6: Hỗ trợ cá nhân

Hỗ trợ cá nhân là hoạt động hỗ trợ cho một trẻ trong các hoạt động hằng ngày. Nhằm mục đích khắc phục những khiếm khuyết cho trẻ mà trong tiết chung không thực hiện được hoặc khó tổ chức.

Các loại hỗ trợ cá nhân cho TTK gồm có 3 loại :

- Hỗ trợ cá nhân trong lớp học hòa nhập.

- Hỗ trợ tiết cá nhân ngay tại trường mầm non

- Giáo viên hỗ trợ (1 giáo viên – 1 trẻ)

Căn cứ vào từng trẻ để vận dụng một trong các cách trên hoặc lồng ghép các cách trong quá trình tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ ở trường mầm non và phát triển KNGT cho trẻ.

** Hỗ trợ cá nhân trong lớp học hòa nhập*

Mục tiêu

Trong lớp mẫu giáo hòa nhập, ngoài việc tham gia vào tất cả các hoạt động trong lớp còn có hoạt động hỗ trợ cá nhân cho trẻ. Hoạt động này nhằm quản lý hành vi của trẻ, hướng trẻ tập trung chú ý vào nhiệm vụ học tập; tạo các tình huống có vấn đề để khuyến khích trẻ tương tác với các bạn, kích thích trẻ giao tiếp. Hoạt động hỗ trợ cá nhân là dạng hoạt động hỗ trợ đặc biệt cho TTK, được diễn ra giữa một giáo viên và một TTK. Do vậy, đây là cơ hội tốt nhằm rèn tập trung chú ý, dạy trẻ cách bắt chước, cách luân phiên, phát triển vốn từ và kỹ năng giao tiếp [108].

Hoạt động hỗ trợ cá nhân cũng tạo điều kiện để giáo viên tiếp cận trẻ nhiều hơn trên cơ sở đó hiểu và đáp ứng nhu cầu giao tiếp của trẻ, định hướng cho trẻ tham gia hòa nhập với các bạn bình thường, trẻ có cơ hội học cách giao tiếp từ các bạn.

Nội dung

Giáo viên cần lựa chọn nội dung và sắp xếp phù hợp với TTK và hoạt động chung của lớp. Trong quá trình hỗ trợ cá nhân cho TTK giáo viên cần sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đặc thù để luyện giao tiếp cho trẻ. Bên cạnh đó cần tận dụng và phát huy yếu tố bạn hỗ trợ bạn (trẻ bình thường hỗ trợ TTK).

Cách tiến hành

TTK học hòa nhập chung với các bạn bình thường, trẻ tham gia tất cả các hoạt động ở trường mầm non. GV lồng ghép hỗ trợ cá nhân cho TTK trong quá trình tổ chức chế độ sinh hoạt hằng ngày. Hoạt động hỗ trợ cá nhân giáo viên có thể tổ chức trên tiết học, giờ hoạt động vui chơi, giờ sinh hoạt chiều.

Trên tiết học giáo viên có thể cho trẻ ngồi gần cô và giao nhiệm vụ để trẻ thực hiện hoặc đưa trẻ vào tình huống có vấn đề kích thích trẻ giao tiếp và tương tác với các bạn. GV điều chỉnh nội dung để phù hợp với khả năng và nhu cầu của TTK, tạo nhiều cơ hội để TTK được nói và giao tiếp nhiều hơn.

Trong giờ chơi giáo viên có thể vừa quản lớp để cho các trẻ chơi theo ý thích và nhu cầu của mình vừa hỗ trợ cá nhân cho trẻ. Giáo viên có thể giao tiếp với trẻ về một nội dung hoặc trẻ quan sát các nhóm chơi, các bạn chơi nói cho cô xem các bạn đang chơi như thế nào? nếu trẻ không thực hiện được thì giáo viên trợ giúp.

Điều kiện thực hiện

Việc hỗ trợ cá nhân cho TTK đòi hỏi GV cần linh hoạt và nhạy cảm để nắm bắt nhu cầu, mong muốn, sở thích cũng như khả năng của trẻ. Điều quan trọng là tạo ra được cuộc giao tiếp tự nhiên và tích cực giữa giáo viên và trẻ, thông qua đó mở rộng vốn từ, phát triển kỹ năng giao tiếp. Giáo viên luôn hiểu và coi trọng việc phát triển KNGT cho trẻ cũng như các kỹ năng khác và cần hỗ trợ ngay tại lớp học. Nếu như công việc của GV quá bận thì nên sử dụng vòng tay bạn bè hỗ trợ cho TTK trong các hoạt động hằng ngày.

** Tiết học cá nhân*

Mục tiêu

Trẻ Tự kỷ học hoà nhập trong lớp học bình thường gặp rất nhiều khó khăn do trẻ bị hạn chế về giao tiếp.... Do vậy, để học hoà nhập có hiệu quả và phát triển KNGT thì cần phải tổ chức tiết cá nhân cho trẻ.

Đây là hình thức hỗ trợ đặc thù và cần thiết cho trẻ Tự kỷ học hoà nhập. Thông qua tiết cá nhân, GV hướng rèn tập trung chú ý, phát triển vốn từ và KNGT cho trẻ.

Tiết cá nhân là hình thức GV tổ chức dạy riêng cho một TTK những nội dung kiến thức đã được xây dựng trong kế hoạch. Nếu TTK học trong lớp học hoà nhập ở trường MN, tiết học cá nhân giúp trẻ ôn lại, củng cố kiến thức mà GV dạy hằng ngày để giúp TTK có thể theo kịp được cùng các bạn trong lớp.

Hình thức này hiện nay được coi là phù hợp nhất cho TTK vì nó không làm ảnh hưởng tới hoạt động chung của lớp học mà vẫn có thể giúp trẻ bổ khuyết những thiếu hụt mà trẻ gặp phải trong vui chơi – sinh hoạt hằng ngày.

Nội dung

Giáo viên cần lựa chọn nội dung và sắp xếp phù hợp cho phù hợp với TTK. Trong quá trình hỗ trợ cá nhân cho TTK giáo viên cần sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đặc thù để luyện giao tiếp cho trẻ.

Cách tiến hành

Trong hoạt động hằng ngày vào thời gian thích hợp, không ảnh hưởng đến lớp chung giáo viên có thể tách trẻ ra một phòng riêng để dạy tiết cá nhân nhằm giúp trẻ khắc phục những khiếm khuyết để hòa nhập với các bạn (Phòng học cá nhân có thể đặt ngay tại trong trường hoặc ngoài trường do một giáo viên đặc biệt phụ trách).

Nội dung dạy ở tiết cá nhân được dựa trên KHGDCN. Mỗi trẻ đều có một KHGDCN, là sự cụ thể hoá các mục tiêu giáo dục, các phương pháp để đạt mục tiêu đề ra và tiến hành các hoạt động can thiệp – giáo dục nhằm đáp ứng tốt nhất những nhu cầu và khả năng của trẻ Tự kỷ.

Giáo viên luôn phải cố gắng vận dụng cách thức tiếp cận riêng với đối tượng trẻ khuyết tật, tìm tòi những phương án, những cách thức giải quyết riêng cho phù hợp đối với từng TTK.

Trong quá trình tổ chức tiết cá nhân cho TTK GV phải có kế hoạch tổ chức cụ thể và theo dõi toàn bộ tiến trình hoạt động của GV dành cho trẻ, xem trẻ có tiến bộ đến đâu để điều chỉnh cho phù hợp.

Điều kiện thực hiện

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của trẻ, căn cứ vào điều kiện của mỗi gia đình và căn cứ vào điều kiện của trường, lớp để có thể tổ chức tiết cá nhân cho TTK ngay tại trường mầm non hoặc đưa trẻ đến một địa điểm khác để thực hiện tiết cá nhân.

Thời gian của một tiết cá nhân khoảng 30, 60 phút. Tần suất các tiết cá nhân phụ thuộc vào từng trẻ trẻ có thể là 1 tiết/ngày hoặc 3 tiết/tuần. Thời gian tổ chức tiết cá nhân có thể là vào buổi sáng, buổi chiều.

Giáo viên cần phải lựa chọn địa điểm phù hợp để tổ chức tiết cá nhân dạy TTK, nhằm giảm tối đa ảnh hưởng, tác động từ bên ngoài đến hoạt động của giáo

viên và của trẻ. Đặc biệt đối với TTK đi kèm với Hội chứng tăng động giảm tập trung thì địa điểm tổ chức tiết cá nhân phải đảm bảo không có các tác động kích thích sự mất tập trung chú ý ở trẻ.

Lựa chọn nội dung phù hợp trong kế hoạch dạy trẻ. Nội dung đó có thể là nội dung mới hoặc ôn tập, củng cố nội dung kiến thức mà trẻ đã học. Hiện nay ở nước ta chưa có chương trình cho tiết cá nhân mà mỗi giáo viên căn cứ vào từng trường hợp trẻ cụ thể để lựa chọn, xây dựng nội dung tiết cá nhân tiến hành tổ chức cho TTK.

Để tổ chức tiết học cá nhân cho TTK đạt kết quả tốt đòi hỏi giáo viên phải có tính kiên trì, yêu thương trẻ, cảm thông với trẻ để giúp trẻ vượt qua những khó khăn trong cuộc sống đời thường để vươn lên cùng các bạn. Bên cạnh đó đòi hỏi giáo viên phải có trình độ chuyên môn sâu sắc, có đầu óc sáng tạo và nhạy cảm mới có thể đóng vai trò người tổ chức, điều khiển các hoạt động độc lập của TTK để có thể đánh thức, khơi dậy khả năng còn lại của trẻ và giúp trẻ phát huy những mặt còn lại để tập trung khám phá những điều kỳ thú trong môi trường xung quanh đầy bổ ích.

** Giáo viên hỗ trợ*

Mục tiêu

GV hỗ trợ là 1 GV hỗ trợ cho 1 hoặc 1 nhóm trẻ học hòa nhập ở trường MN, được sự thống nhất của Ban giám hiệu, Phụ huynh, giáo viên chủ nhiệm.

Căn cứ vào từng trường hợp cụ thể có thể bố trí 1 giáo viên hỗ trợ cho 1 trẻ hoặc 2 trẻ. Giáo viên hỗ trợ trong tất cả các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non nhằm phát triển KNGT cho TTK.

Hằng ngày GV hỗ trợ cần ghi chép toàn bộ kết quả đạt được trên trẻ vào sổ nhật ký để nắm vững được quá trình phát triển KNGT của TTK, những kỹ năng nào TTK đã nắm vững được còn lại những kỹ năng nào giáo viên cần phải lưu ý để dạy, luyện tập cho TTK trong các hoạt động tiếp theo và trên cơ sở đó có thể điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp, hiệu quả đối với trẻ.

Nội dung

Giáo viên cần lựa chọn nội dung, phương pháp, phương tiện... cho phù hợp với TTK và hỗ trợ theo KHGDCN đã đặt ra. Trong quá trình hỗ trợ giáo viên đi theo hỗ trợ cho TTK tham gia các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non, cần sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đặc thù để luyện giao tiếp cho trẻ.

Cách tiến hành

TTK học hòa nhập chung với các bạn bình thường, trẻ tham gia tất cả các hoạt động ở trường mầm non. Giáo viên hỗ trợ cá nhân cho TTK trong tất cả các hoạt động hằng ngày dưới sự điều khiển của giáo viên chủ nhiệm (tiết chung).

Ngay từ đầu buổi sáng giáo viên đón trẻ từ bố mẹ, đặt ra các câu hỏi với trẻ yêu cầu trẻ trả lời như: hôm nay ai đưa con đến lớp? sáng nay con ăn món gì? Con mặc quần áo màu gì?...

Trên tiết học GV ngồi phía sau trẻ hoặc ngồi cạnh trợ giúp trẻ tham gia các hoạt động cùng với các bạn. Nếu trẻ không thực hiện được yêu cầu của giáo viên tiết chung thì GV hỗ trợ có thể làm mẫu, trợ giúp cho trẻ để trẻ thực hiện được nhiệm vụ. GV tạo nhiều cơ hội để TTK được nói và giao tiếp với các bạn trong lớp. Trong giờ chơi GV có thể hỗ trợ trẻ tham gia vào các trò chơi hoặc là bạn chơi của trẻ để giúp trẻ hiểu luật chơi, biết cách chơi, biết cách giao tiếp với các bạn.

Điều kiện thực hiện

- Giáo viên hỗ trợ phải có sự thống nhất giữa gia đình, nhà trường
- GV hỗ trợ phải có kiến thức chuyên môn, kỹ năng về giáo dục mầm non, giáo dục TTK
- GV hỗ trợ phải phối hợp chặt chẽ với GV chủ nhiệm và phụ huynh

2.2.2.7 Biện pháp 7: Xây dựng vòng tay bạn bè

** Mục tiêu*

Xây dựng vòng bạn bè cho TTK trong lớp học hoà nhập là hình thành mối quan hệ giữa trẻ với các bạn trong lớp để trẻ biết cách tương tác, giao tiếp với các bạn, tạo điều kiện cho có cơ hội hoà đồng, vui chơi, sinh hoạt trong môi trường lớp

học. Nhóm bạn bè sẽ giúp trẻ xoá được những mặc cảm, trẻ cảm thấy mình được yêu thương, các bạn quý mến giúp trẻ tự tin hơn trong giao tiếp.

** Nội dung*

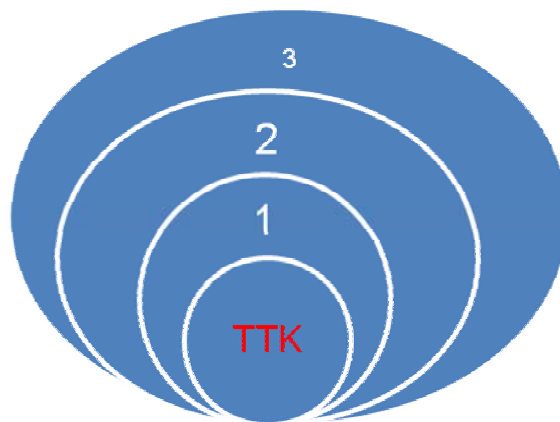
Vòng bạn bè là một nhóm trẻ cùng học, cùng vui chơi sinh hoạt hằng ngày với trẻ trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non. Các bạn có thể là trẻ tự kết bạn với nhau hoặc có thể là do giáo viên định hướng. Giáo viên xây dựng vòng tay bạn bè hỗ trợ TTK trong tất cả các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non cụ thể ở từng vòng như sau :

Vòng 1 : là những bạn thân thiết, quan tâm giúp đỡ cho TTK mọi lúc, mọi nơi

Vòng 2: là những người bạn gần gũi với trẻ, thường xuyên chơi, giao tiếp, chơi với TTK

Vòng 3 : là những bạn giúp đỡ trẻ khi trẻ gặp khó khăn trong sinh hoạt hằng ngày tại lớp, tại trường

Vòng 4 : là những bạn giao tiếp với trẻ, giúp đỡ trẻ khi cần thiết



** Cách tiến hành*

Giáo viên tạo các tình huống kích thích trẻ tham gia vui chơi, hòa nhập với các bạn trong lớp. Khi trẻ được chơi với bạn trẻ sẽ hứng thú hơn, được bạn giúp đỡ trẻ sẽ cảm thấy vui hơn.

- Tổ chức nhiều hoạt động khác nhau để trẻ hứng thú tham gia giao tiếp
- Động viên khuyến khích kịp thời khi trẻ tham gia giao tiếp

- Tạo ra nhiều các tình huống có vấn đề hằng ngày, hay các trò chơi cho các trẻ cùng tham gia (lôi cuốn được sự tham gia nhiệt tình của các trẻ bình thường về trẻ Tự kỷ)....

Trong quá trình tham gia các hoạt động sinh hoạt hằng ngày với các bạn trẻ sẽ phát huy hết được khả năng của mình. Nhưng đôi khi trẻ không được các bạn yêu quý và giúp đỡ, có khi còn bị các bạn bắt nạt, đối xử thô bạo hay trêu chọc. Lúc đó giáo viên là người khéo léo để giải quyết tình huống và khuyến khích động viên các bạn trong lớp chơi, giao tiếp với TTK.

** Điều kiện thực hiện*

Việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK trong lớp học hoà nhập không chỉ có những GV, các chuyên gia hỗ trợ mà còn có một nhóm trẻ cùng lớp.

Vòng bè bạn là một nhóm khoảng 5 - 6 trẻ trong lớp, có tinh thần giúp đỡ bạn, ân cần, nhanh nhẹn, thông minh, dễ hoà đồng.

Vòng bè bạn có nhiệm vụ hỗ trợ TTK tham gia vào mọi sinh hoạt của lớp đồng thời hỗ trợ GV nhắc nhở, giám sát TTK giúp cô giáo.

2.2.2.8 Biện pháp 8: Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng

** Mục tiêu*

Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng nhằm giúp trẻ mở rộng phạm vi giao tiếp, tạo nhiều cơ hội để trẻ tương tác với các đối tượng khác nhau. Khi được cơ hội tham gia trẻ sẽ tự tin hơn, giảm bớt tính nhút nhát giúp cho trẻ có thể học hỏi được vốn từ và cách sử dụng từ ngữ vào hoàn cảnh, tình huống phù hợp. Khi tham gia vào cuộc sống cộng đồng sẽ giảm bớt tính thu mình, nhút nhát ở trẻ.

** Nội dung*

Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng là cho trẻ hòa nhập với các bạn cùng tuổi, cho trẻ đi chơi, đi tham quan, đi siêu thị, đi công viên. Trong quá trình tham gia nên giao cho trẻ nhiệm vụ vừa sức dưới sự hỗ trợ của giáo viên, các bạn, người thân để trẻ tự tin trong quá trình giao tiếp.

** Cách tiến hành*

- Làm phong phú và "rõ nét" các sự kiện xảy ra trong đời sống của trẻ. Các "sự kiện" thường gây được ấn tượng cho trẻ đó là các thời điểm: đón và trả trẻ, tổ chức sinh nhật, tổ chức các ngày lễ, ngày hội ở trường mầm non...

- Thăm quan như công viên, bảo tàng, vườn bách thú, rạp xiếc, siêu thị, mua sắm... tạo ra những cuộc tiếp xúc hấp dẫn để trẻ hoà nhập với bạn bè, với thế giới bên ngoài.

- Phân công một nhóm trẻ trong lớp (khoảng 3 - 4 trẻ) cùng với TTK làm chung một việc gì đó như: cất ghế, dọn đồ chơi.... tạo cơ hội trẻ được giao tiếp với bạn trong lớp và bạn khác có thể sẽ giúp trẻ trong các công việc, từ đó dần trẻ xoá bỏ được mặc cảm.

Cách tổ chức luyện tập

- Thông báo cho trẻ biết các "sự kiện" sắp xảy ra có liên quan đến trẻ. Thông báo với trẻ bằng nhiều hình thức khác nhau: ngôn ngữ, cử chỉ điệu bộ, tranh ảnh để trẻ dễ dàng nhận biết sẽ đi đâu? làm gì? ở đâu? ở đó có những gì? đi trong bao lâu?.

Ví dụ: Thông báo "*Ngày mai lớp mình đi xem xiếc*" bằng cách dùng lời nói, cử chỉ điệu bộ, tranh ảnh rạp xiếc, các con vật làm xiếc để giúp trẻ hiểu đi đâu, ở đó có những gì, đi trong bao lâu và cuối cùng cần nói với trẻ đi xem xiếc xong sẽ quay về trường hay về nhà.

Việc thông báo cho trẻ nhằm mục đích giúp trẻ biết được sự việc sắp diễn ra và những yêu cầu cần phải chuẩn bị để thực hiện kế hoạch. Mặt khác, quan trọng hơn là tạo cho trẻ tâm thế chờ đợi các hoạt động giao tiếp mới lạ từ đó dễ làm nảy sinh ra nhu cầu giao tiếp.

- Khi cho trẻ đi thăm quan hay đi chơi xa GV và cha mẹ cần phải chuẩn bị chu đáo cẩn thận những phương tiện giao tiếp, những đồ dùng cá nhân, một số đồ chơi mà trẻ thích để phòng trường hợp ở môi trường hoạt động mới trẻ thấy bị lạ lẫm, khó quen thì có vật khác thay thế...

- Tổ chức các hoạt động vui chơi hấp dẫn và bổ ích. Cần chia thành những nhóm nhỏ để trẻ bình thường có thể giúp GV lôi kéo TTK cùng tham gia.

- Phân công cho trẻ những công việc vừa sức hợp với khả năng của trẻ và trẻ có thể hoàn thành công việc đó trong một thời gian ngắn.

* *Điều kiện thực hiện*

- Trẻ cần được tham gia các hoạt động giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng một cách đa dạng, mọi lúc, mọi nơi.

- Khi cho trẻ tham gia các hoạt động giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng nên tạo cho trẻ tâm thế thoải mái để trẻ có cảm giác an toàn.

2.2.2.9 *Biện pháp 9: Tạo môi trường thân thiện*

* *Mục tiêu*

Nhằm giúp trẻ có một môi trường học tập thân thiện, tích cực. Đến lớp được cô giáo quan tâm, giúp đỡ yêu thương trẻ như con của mình để tạo mối quan hệ gần, gũi thân thiết giữa cô giáo - trẻ - các bạn trong lớp để TTK tự tin trong giao tiếp, nói nhiều hơn. Trong quá trình trẻ giao tiếp có gì sai cô giáo và các bạn cùng sửa sai cho trẻ. Về nhà được bố mẹ yêu thương, dạy dỗ. Ra ngoài cộng đồng không bị mọi người xa lánh.

* *Nội dung*

Việc tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo và các trẻ khác với trẻ Tự kỷ để giúp trẻ giao tiếp bao gồm: tạo môi trường giao tiếp, thân thiện, tích cực; sắp xếp không gian lớp học, ánh sáng; lựa chọn và sắp xếp đồ dùng, đồ chơi; môi trường tâm lý; điều chỉnh đồ dùng, đồ chơi.

* *Cách tiến hành*

- *Tạo môi trường giao tiếp thân thiện, tích cực*

Trong khi hợp tác với TTK, GV phải tin trẻ, yêu cầu trẻ tự nói, tự làm, phải biết ưu nhược của trẻ để từ đó tìm ra biện pháp giáo dục thích hợp. Trong hoạt động hằng ngày, trẻ gặp khó khăn GV không được giúp đỡ trẻ ngay mà nên trò chuyện cùng với các trẻ khác giúp trẻ tìm con đường giải quyết.

Trong các hoạt động hằng ngày, GV đôi khi xuất hiện với tư cách là người bạn của trẻ để gợi mở ý tưởng cho trẻ hay để giúp trẻ giải quyết nhiệm vụ mà một

mình trẻ không tự mình giải quyết được, có khi là cô giáo để dạy cho trẻ, sửa sai những hành động, cử chỉ, câu nói mà trẻ thể hiện không đúng.

TTK có những khó khăn trong khi nói vì thế GV phải dành thời gian để chờ đợi, lắng nghe, tỏ thái độ chân thành, gợi ý và có thể cung cấp mẫu câu cho trẻ trong những tình huống khó đối với TTK. Đây là việc làm rất thiết thực GV phải dành thời gian để trẻ được nói, không la mắng và giục giã trẻ.

Việc tạo mối quan hệ giữa TTK với các trẻ khác cũng rất cần thiết kích thích sự giao tiếp của TTK. Ví dụ: bạn DA (TTK) được sắp xếp trong nhóm chơi “*Vịt con*”, theo sự quan sát của người nghiên cứu thì bạn DA không được các bạn phân công nhiệm vụ cho cũng như không giao tiếp vì bạn DA rất vụng về, khi đụng vào đâu là ở đó sẽ hỏng. Vì vậy các bạn trong nhóm không muốn cho bạn DA đụng vào đồ gì, trong tình huống đó GV có thể can thiệp giúp bạn DA tham gia vào nhóm bằng cách tạo cho bạn nhiệm vụ không khó khăn trước để tránh làm hỏng sản phẩm của các bạn, GV có thể kết hợp sử dụng giọng nói với ngữ điệu vui làm cho không khí chơi vui nhộn hơn. Khi nhiệm vụ đơn giản bạn DA hoàn thành thì những nhiệm vụ khó khăn bạn DA sẽ cố gắng hoàn thành và từ đó có dần được sự tin tưởng từ phía các bạn khác.

- Giáo viên phải biết lắng nghe và chờ đợi trẻ: đây là việc làm cần thiết và có hiệu quả khi giáo viên tiếp xúc, giao tiếp với TTK trong quá trình tổ chức các hoạt động vui chơi cho trẻ. Bất kỳ người nào khi nói cũng mong muốn người khác lắng nghe mình. Hơn nữa, giáo viên kết hợp vừa chờ đợi vừa lắng nghe giúp trẻ giao tiếp được nhiều hơn. Khi lắng nghe giáo viên nên thể hiện nét mặt vui, thân thiện và có cử chỉ khuyến khích trẻ nói mặc dù sai cô sẽ sửa. Khi trẻ nói giáo viên có thể điều chỉnh lại câu giúp trẻ và nếu trẻ nói tốt giáo viên thông báo cho các bạn biết và khen ngợi trẻ.

- *Sắp xếp không gian lớp học*

+ Sắp xếp các khu vực lớp học

Việc phân chia không gian lớp học thành các khu vực cần được xác định bằng việc sử dụng những ranh giới rõ ràng để phân tách các góc hoạt động giúp cho trẻ tập

trung vào những đồ dùng, đồ chơi trong mỗi khu vực, thúc đẩy quá trình TTK tham gia tương tác với bạn bè. Điều này hỗ trợ rất nhiều cho TTK để trẻ tham gia các hoạt động cùng với các bạn trong lớp, kích thích nhu cầu và niềm ham muốn giao tiếp, tương tác giữa trẻ và các bạn trong lớp. Các góc hoạt động đều có kệ, đồ dùng, đồ chơi thuận tiện cho việc trẻ lấy ra và cất vào (không quá cao, không che kín) khi trẻ cần sử dụng để cùng với các bạn trong lớp tham gia vào các hoạt động học tập và vui chơi.

+ Tạo không gian giao tiếp

Không gian giao tiếp có thể được tạo lập thông qua việc trang trí các góc hoạt động như: góc âm nhạc, góc gia đình, góc nội trợ, góc xây dựng, góc đóng vai, góc tạo hình... Trang trí các góc trên được sử dụng như một công cụ có ích và quan trọng để gợi nhớ cho trẻ các nội dung của từng góc hoạt động, củng cố vốn từ và kỹ năng sử dụng ngôn ngữ cho TTK trong lớp học.

Trang trí các góc hoạt động được thực hiện theo từng chủ đề, khi bắt đầu một chủ đề mới và tiếp tục phát triển dần trong suốt quá trình thực hiện chủ đề bằng cách bổ sung các sản phẩm hoạt động của trẻ như góc tạo hình nên trưng bày các sản phẩm vẽ, nặn, xé dán của trẻ... Điều này làm cho môi trường luôn được đổi mới, chính sự thay đổi này khuyến khích trẻ giao tiếp, chia sẻ với cô giáo và các bạn trong lớp, tăng cơ hội phát triển KNGT của trẻ.

- *Ánh sáng*

Ánh sáng của lớp học cần được trang bị bằng hệ thống đèn phù hợp. Đặc biệt các góc hoạt động đòi hỏi trẻ phải tập trung và cẩn thận như góc nghệ thuật, đọc, xếp hình... nên được đặt ở những khu vực có ánh sáng tốt, tốt nhất là ánh sáng tự nhiên, có thể sử dụng hệ thống rèm cửa để làm giảm độ chói.

Các góc hoạt động cần lưu ý tới vị trí đứng hoặc ngồi của giáo viên và các trẻ khác so với nguồn sáng trong lớp học để giúp TTK quan sát rõ khuôn mặt và cử chỉ điệu bộ, lời nói của giáo viên.

- *Lựa chọn và sắp xếp đồ dùng, đồ chơi*

Khi chọn đồ dùng, đồ chơi cần chú ý đến tính đa dạng của chúng. Các đồ dùng, đồ chơi phải khuyến khích tất cả các hoạt động như toán, tạo hình, âm nhạc, thơ, truyện, môi trường xung quanh, các mức độ và nội dung giao tiếp khác nhau và tất cả các lĩnh vực phát triển.

Ở trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non sự đa dạng về đồ dùng, đồ chơi cần được cân nhắc khi lựa chọn cho phù hợp với từng lứa tuổi, từng chủ điểm, chủ đề phục vụ cho quá trình học tập, vui chơi và sinh hoạt hằng ngày của trẻ và của giáo viên ở trường.

Ở mỗi lớp học cần có sự đa dạng về chủng loại đồ dùng đồ chơi như: vật thật, tranh, ảnh, mô hình, đồ chơi gỗ, đồ chơi xếp hình, thẻ lô tô.... Bên cạnh đó cần trang bị thêm những vật liệu như ở góc đóng vai, ở đó có kéo, dây đo, vải để trẻ thể hiện ý tưởng trong trò chơi may đo hoặc bút, thước, vở để trẻ thể hiện ý tưởng trong trò chơi cô giáo.

Cần trang bị thêm các đồ dùng, đồ chơi để trẻ chơi các trò chơi xã hội như người đưa thư, lái xe, bác sỹ, y tá, bệnh nhân, nông dân, công nhân... kích thích và khuyến khích trẻ tham gia trò chơi bất chước, đóng vai. Đó là cơ hội quan trọng để hình thành và phát triển khả năng giao tiếp cho TTK.

GV có thể kết hợp với phụ huynh và trẻ cùng làm đồ dùng, đồ chơi hoặc gợi ý trẻ tìm kiếm, tận dụng các nguyên liệu thiên nhiên, đồ phế thải... Trong hoạt động này, GV cần lưu ý phần lớn ở trẻ em nói chung và TTK nói riêng học được ở trong đó ngôn ngữ, giao tiếp và quá trình hoạt động, quan hệ xã hội chứ không phải ở kết quả của hoạt động. Trong quá trình tham gia hoạt động, tạo cơ hội cho trẻ được tương tác, giao tiếp cùng nhau hình thành và phát triển KNKT cho TTK. Do đó khi tổ chức hoạt động này GV cần nhấn mạnh đến quá trình hoạt động hơn là kết quả hoạt động.

TTK rất thích các đồ dùng, đồ chơi có dạng hình tròn, đồ chơi phát ra tiếng động, âm thanh, ánh sáng, bóc tem sản phẩm... những đồ vật, đồ chơi mà trẻ thích thì trẻ chơi hàng giờ không chán hoặc trẻ luôn cầm đồ vật đó trên tay mà không chú ý

đến hoạt động của cô giáo và các bạn dẫn đến trẻ không có nhu cầu giao tiếp. Giáo viên cần lưu ý hạn chế cho trẻ chơi các đồ vật có hình tròn.

- *Môi trường tâm lý*

Môi trường tâm lý là khoảng không gian chứa đựng trạng thái tâm lý chung của lớp học trong một thời gian nhất định. Môi trường tâm lý có ý nghĩa quyết định đến tốc độ, nhịp độ và cường độ hoạt động của trẻ trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non.

Môi trường tâm lý bao gồm mối quan hệ giữa cô giáo và các bạn với TTK trong lớp học hòa nhập. Trong hoạt động hằng ngày trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non cần tạo bầu không khí tâm lý hợp tác, bình đẳng, thân thiện giữa trẻ và giáo viên, giữa trẻ bình thường và TTK. Tạo cho trẻ tâm thế thoải mái, vui vẻ trong hoạt động hằng ngày.

* *Điều kiện thực hiện*

Tạo môi trường thân thiện cho trẻ cần được tổ chức ở mọi lúc, mọi nơi. GV cần tạo ra mối quan hệ thân mật, gần gũi của mình với trẻ thể hiện qua giọng nói thân cảm, sự ủng hộ tinh thần khi thất bại hoặc thành công đối với TTK. Trong quá trình tham gia hoạt động, nếu trẻ thực hiện một thao tác, kỹ năng nào đó chưa thuần thục hoặc thực hiện một nhiệm vụ nào đó chưa thành công, giáo viên nên tỏ thái độ ân cần, động viên khuyến khích trẻ. Mối quan hệ giữa GV và TTK là mối quan hệ tương tác, chia sẻ không mang tính áp đặt.

Việc tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo và các trẻ khác với TTK cần thỏa mãn một số yêu cầu chung đó là môi trường lớp học phải thuận tiện, an toàn, vệ sinh, hấp dẫn có sức cuốn hút đối với TTK tham gia; thường xuyên có sự thay đổi, bổ sung, làm mới để tạo cơ hội cho trẻ khám phá, trao đổi và chia sẻ, kích thích nhu cầu giao tiếp.

Môi trường cần dễ tiếp cận đối với tất cả trẻ em, tạo cơ hội cho trẻ được tham gia tất cả các hoạt động hằng ngày. Để đạt được điều đó giáo viên phải điều chỉnh nhất định về không gian như (trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi), cách giao tiếp (chỉ dẫn bằng hình ảnh, nói chậm, nói các từ chủ chốt), sửa sai cho trẻ... để tạo điều kiện

cho TTK tiếp xúc với các bạn dễ dàng hơn, tương tác giữa trẻ Tự kỷ và các bạn được nhiều hơn.

Đảm bảo TTK được tham gia học cùng với trẻ bình thường, đúng bản chất của giáo dục hòa nhập, tạo sự bình đẳng và nhiều cơ hội TTK được phát huy hết khả năng của mình và cũng là cơ hội để trẻ được sửa chữa những khiếm khuyết về giao tiếp. Từ phương pháp, sự quan tâm của GV, đồ dùng, đồ chơi trong lớp đến các tình huống có vấn đề hằng ngày kích thích trẻ giao tiếp đều đảm bảo rằng tất cả mọi trẻ em đều được đối xử công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo, khuyết tật hay nguồn gốc xuất thân, hoàn cảnh gia đình, tôn trọng sự đa dạng của trẻ em trong môi trường giáo dục hòa nhập.

Thể hiện sự thân thiện là môi trường lớp học luôn chào đón, khuyến khích trẻ tham gia và nhận được sự đồng cảm, chia sẻ một cách tích cực từ các bạn trong lớp. Môi trường lớp học hằng ngày trẻ được thể hiện mình, khuyến khích sự tham gia tích cực của trẻ, sửa chữa những khiếm khuyết cho TTK.

2.2.2.10 Biện pháp 10: Tạo ra các tình huống có vấn đề

** Mục tiêu*

Nhằm giúp trẻ tham gia các tình huống có vấn đề trong cuộc sống hằng ngày để trẻ phải động não, nói, giao tiếp và tương tác với cô giáo và các bạn. Thúc đẩy quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK.

Khi bắt buộc phải tham gia giải quyết các tình huống có vấn đề giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với cô giáo và các bạn trong lớp.

** Nội dung*

Các tình huống mà giáo viên tạo ra đảm bảo tính đa dạng và được phân bố rải đều ở tất cả các hoạt động hằng ngày của trẻ ở trường mầm non bao gồm: tình huống trong giờ đón, giờ học, giờ ăn, giờ ngủ, giờ chơi, giờ trả trẻ...

Ở mỗi tình huống có vấn đề GV kết hợp giao nhiệm vụ cụ thể để yêu cầu trẻ giải quyết. Như vậy, trẻ thấy mình có vai trò quan trọng, trẻ sẽ thấy mình có trách nhiệm hơn, khi nhiệm vụ được hoàn thành trẻ sẽ thấy tự tin và thấy được vai trò của mình, lúc đó trẻ sẽ chia sẻ với những người xung quanh, trẻ có được sự trải

nghiệm bằng chính sự nỗ lực của mình. Trong khi thực hiện nhiệm vụ trẻ sẽ có những thao tác nhất định và khi trình bày một vấn đề hay hoạt động vui chơi nào đó trẻ sẽ liên tưởng đến công việc mình đã từng làm và từ đó giúp trẻ hình thành những khái niệm do chính trẻ xây dựng được, trẻ sẽ tích cực giao tiếp hơn.

** Cách tiến hành*

- Trong khi quan sát hoạt động hằng ngày của trẻ, giáo viên sẽ luôn tìm thấy vấn đề trong từng tình huống của trẻ, lúc này GV nên đặt ra những câu hỏi chung cho cả nhóm và cho riêng TTK để kích thích tính ham hiểu biết của trẻ.

- Giáo viên nên sử dụng những câu hỏi mở để tạo cơ hội giao tiếp của trẻ nói chung và của TTK nói riêng. Chẳng hạn, thay vì GV sử dụng câu hỏi: “*Bạn DA có thích chơi trò chơi này không?*” thì giáo viên có thể sử dụng câu hỏi: “*Vì sao DA thích chơi trò chơi này?*” với câu hỏi này trẻ sẽ trả lời được nhiều ý hơn và chúng ta sẽ nhận được những câu trả lời thật nhất của trẻ.

- Các tình huống đặt ra phải phù hợp với nội dung chơi và bối cảnh của hoạt động và phù hợp với TTK. Tình huống nằm trong vùng phát triển gần của trẻ không quá dễ cũng không quá khó khiến trẻ không tự tin khi trả lời hay thực hiện nhiệm vụ.

Ví dụ, trong nhóm “*xây dựng*” các bạn cùng nhau xây công viên, giáo viên có thể đưa ra câu hỏi: *Bạn V.A đang xây một cái hồ nước rất đẹp, ở trong hồ cần có gì?* (giáo viên đặt câu hỏi cho V.A - TTK) với những câu hỏi tương tự như thế trẻ sẽ suy nghĩ và trả lời như: trong hồ cần có con cá, con tôm, con cua,...trẻ trả lời đồng thời thực hiện luôn nhiệm vụ đó. GV nên sử dụng những câu hỏi mở để tạo cho trẻ có nhiều cơ hội giao tiếp với cô với bạn trong lớp.

Trong quá trình được tham gia các tình huống, nếu trẻ mắc lỗi giáo viên tùy thuộc vào lỗi của trẻ để có phản ứng cho phù hợp. Nếu đó là lỗi lặp lại thì giáo viên phải nghiêm khắc để trẻ biết như vậy là sai, nếu là lỗi lần đầu GV nên làm mẫu cho trẻ. Biện pháp này giúp trẻ trải nghiệm những nhiệm vụ thực trong hoạt động hằng ngày nhằm cung cấp kinh nghiệm cho trẻ, tự trẻ lĩnh hội những khái niệm cụ thể giúp trẻ biết sử dụng câu và giao tiếp tốt hơn.

** Điều kiện thực hiện*

Để phát huy được ý nghĩa cũng như tác dụng của biện pháp này trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK thì việc cần thiết vẫn là sự quan tâm của cô giáo, quan sát đến từng nhiệm vụ trong quá hoạt động của TTK. Sự quan tâm của giáo viên phải đảm bảo sự kết hợp hài hòa sự quan tâm giữa trẻ bình thường và TTK, không có sự thiên vị.

Tuy từng khả năng, sở thích của trẻ mà giáo viên tạo tình huống cho phù hợp. Để kích thích trẻ giao tiếp và sử dụng mẫu câu, ban đầu giáo viên nên tạo các tình huống thuộc sở thích và vừa khả năng của trẻ để khi thực hiện trẻ sẽ cảm thấy đơn giản hơn, trẻ thích hoàn thành và sẽ là động lực để hoàn thành những nhiệm vụ kế tiếp.

2.2.3 Mỗi quan hệ giữa các biện pháp

Sự phân chia các biện pháp trong quá trình phát triển KNGT cho TTK là để thuận lợi và tường minh trong quá trình nghiên cứu. Thực tế, trong quá trình tổ chức rất khó có thể rạch ròi giữa từng biện pháp. Không thể tách rời lúc nào sử dụng nhóm biện pháp can thiệp trực tiếp và khi nào thực hiện nhóm biện pháp can thiệp hỗ trợ, bởi trong từng biện pháp đã chứa đựng những yếu tố của nhau và khi thực hiện biện pháp này thì cũng đồng thời phải sử dụng biện pháp kia.

Khi bắt đầu đưa TTK vào học trường MN hoà nhập nhà trường và gia đình phải phối hợp với các chuyên gia trong lĩnh vực tâm lý, y tế, GD có những đánh giá ban đầu về mức độ, khả năng giao tiếp của mỗi trẻ. Từ đó, lập kế hoạch cụ thể.

Xây dựng kế hoạch phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ thì trong đó hàm chứa tất cả các biện pháp còn lại bởi quá trình tác động cần phải sử dụng biện pháp can thiệp trực tiếp và phải có sự phối hợp đồng bộ giữa GV, các chuyên gia và cha mẹ trẻ. Cần phải cung cấp một số kiến thức và kỹ năng chăm sóc giáo dục TTK cho GV mầm non, phụ huynh để trẻ biết cách thực hiện.

Tăng cường mối liên hệ giữa cha mẹ - giáo viên - các chuyên gia hỗ trợ để thống nhất các biện pháp can thiệp.

Tuy nhiên, việc phân chia thành các biện pháp khác nhau, chúng tôi muốn nhấn mạnh đến các khía cạnh đặc thù của mỗi một biện pháp và vai trò tác động

khác nhau của các biện pháp đó trong từng giai đoạn của tiến trình tổ chức phát triển KNGT của TTK trong lớp học hoà nhập.

Ngoài mối quan hệ thống nhất trong nhau, các biện pháp này còn mang tính chất của một quy trình nối tiếp và phụ thuộc lẫn nhau. Sự thực hiện biện pháp này vừa là tiền đề vừa là điều kiện để thực hiện các biện pháp sau.

Kết luận chương 2

1. TTK đã được tham gia học hòa nhập trong các lớp học hòa nhập ở trường mầm non. Trong quá trình dạy hòa nhập cho TTK các giáo viên mầm non đã nhận thức được tầm quan trọng của việc phát triển KNGT cho TTK. Trong quá trình tổ chức họ cũng đã cố gắng lựa chọn và áp dụng một số cách làm để phát triển KNGT cho trẻ. Tuy nhiên trong quá trình áp dụng các cách làm này còn chưa linh hoạt và chưa hiểu hết ý nghĩa của các cách làm đối với TTK, chưa phối hợp nhịp nhàng đồng bộ với nhau. Khi sử dụng còn đơn điệu, rời rạc, thiếu hệ thống. Do đó KNGT của TTK còn chưa được rèn luyện nhiều, trẻ còn thụ động trong các hoạt động hằng ngày.
2. Để đánh giá mức độ phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi đang học hòa nhập ở các trường MN, luận án đã xây dựng các tiêu chí đánh giá mức độ Kỹ năng giao tiếp của TTK ở 05 nhóm kỹ năng chính là: tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ. Các tiêu chí đánh giá này đã được sử dụng để khảo sát thực trạng kỹ năng giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi và được kiểm định bằng hệ thống tin cậy Cronbach's coefficient alpha ($r = 0,646$).
3. Kết quả đánh giá KNGT của TTK cho thấy mức độ phát triển chung về giao tiếp của TTK là thấp dựa trên 25 tiêu chí ở 05 nhóm là tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ còn thấp.
4. Sự thiếu hụt trong công tác nghiên cứu; bồi dưỡng; trao đổi chuyên môn giữa các GV dạy hòa nhập TTK để tìm ra biện pháp phát triển KNGT là nguyên nhân của thực trạng trên. Đa số ý kiến của GV cho rằng họ gặp những khó khăn như: thiếu chương trình tài liệu về TTK và những hướng dẫn mang tính cầm tay chỉ việc để họ áp dụng vào trong công việc một cách dễ dàng, đặc biệt trong việc phát triển giao tiếp cho TTK; GV chưa hiểu biết đầy đủ về cách tổ chức các hoạt động nhằm phát

triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN. Lớp học đông, công việc nhiều, không có phòng học cá nhân dành cho TTK nên hiệu quả phát triển KNGT của TTK còn thấp.

5. Từ kết quả khảo sát thực trạng cho thấy cần nghiên cứu nghiêm túc các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non một cách tương xứng với vai trò và vị trí của nó trong công tác giáo dục hòa nhập nhằm nâng cao hiệu quả việc tổ chức các hoạt động chăm sóc – giáo dục trong các lớp có TTK học hòa nhập ở trường mầm non, qua đó phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi.

6. Để phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN cần phải có sự phối hợp đồng bộ giữa gia đình – nhà trường và cần có những biện pháp, cách làm cụ thể GV có thể dễ dàng áp dụng vào công việc của mình để phát triển KNGT cho TTK.

7. Biện pháp Phát triển KNGT cho TTK có sự kết hợp hài hòa giữa các kỹ năng tập trung chú ý đến bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp. Trong đó nhấn mạnh đến yếu tố trẻ sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.

8. Các biện pháp tổ chức phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi được chúng tôi xây dựng gồm 3 nhóm biện pháp: nhóm biện pháp chuẩn bị tổ chức phát triển KNGT, nhóm biện pháp tác động trực tiếp và nhóm biện pháp tác động hỗ trợ. Cả 3 nhóm biện pháp này đều có mối liên hệ và bổ sung cho nhau trong quá trình tổ chức phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non cần được giáo viên vận dụng một cách linh hoạt và sáng tạo phù hợp với điều kiện của lớp và đặc điểm từng cá nhân trẻ.

CHƯƠNG 3: THỰC NGHIỆM BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN KĨ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ 3 – 4 TUỔI

3.1 Những vấn đề chung về thực nghiệm

3.1.1 Mục đích của thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành nhằm xem xét tính khả thi của các biện pháp phát triển KNGT cho TTK đã được đề xuất, đồng thời đánh giá hiệu quả của các biện pháp đến sự phát triển KNGT của TTK 3 – 4 tuổi.

3.1.2 Nội dung của thực nghiệm

Thực nghiệm toàn bộ các biện pháp phát triển KNGT cho TTK đã xây dựng và đề xuất trong chương 2 tác động đến các hoạt động hằng ngày của trẻ trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non.

Nội dung của thực nghiệm được thực hiện thông qua các hoạt động đón, trả trẻ, giờ học, giờ hoạt động góc buổi sáng và chơi tự do buổi chiều.

Phần nội dung thực nghiệm điều chỉnh cho từng trẻ sẽ được trình bày cụ thể trong từng trường hợp nghiên cứu.

3.1.3 Tổ chức thực nghiệm

3.1.3.1 Điều kiện thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được tiến hành trong điều kiện tự nhiên, trong khung cảnh sinh hoạt bình thường của trẻ tại trường mầm non. Các hoạt động của lớp học vẫn diễn ra bình thường nhưng có sự thay đổi về cách làm của giáo viên. Không có kinh phí đầu tư cho nhóm thực nghiệm.

3.1.3.2 Chuẩn bị thực nghiệm

**** Lựa chọn khách thể***

Chúng tôi chọn 05 TTK được nghiên cứu sâu các khách thể này có đặc trưng tương đồng như sau:

- Cùng sinh năm 2008 (lớp mẫu giáo bé)
- Trẻ đều học khối mẫu giáo bé
- Được can thiệp sớm ngay khi phát hiện ra Tự kỷ
- Có hỗ trợ cá nhân hằng ngày (tại lớp, giáo viên hỗ trợ, đưa trẻ đến trung tâm)

** Lựa chọn địa bàn thực nghiệm*

Chúng tôi chọn trường mầm non thực hành Hoa Sen – Giảng Võ, Trường mầm non Yên Hòa, trường mầm non Justkid thuộc quận Cầu Giấy làm địa bàn nghiên cứu thực nghiệm cho đề tài của mình. Các trường mầm non được lựa chọn thỏa mãn các yêu cầu là có điều kiện để lựa chọn được nhóm TTK nghiên cứu có điểm tương đồng.

** Thu thập thông tin về trẻ và lập hồ sơ cá nhân*

- Thu thập thông tin về trẻ: Những thông tin về Tự kỷ, mức độ Tự kỷ. Thông tin về trẻ và gia đình trẻ có liên quan đến Tự kỷ của trẻ; thông tin về quá trình can thiệp sớm.

- Tiến hành lập hồ sơ theo dõi sự tiến bộ của trẻ theo mẫu được Vụ GDMN triển khai cho các địa phương với những thông tin cơ bản như: thông tin về trẻ, đặc điểm chính của trẻ về điểm mạnh, điểm yếu, khó khăn, nhu cầu cần được đáp ứng, kế hoạch giáo dục cá nhân, kế hoạch thực hiện chủ đề trong năm, nhận xét chung về sự tiến bộ của trẻ.

** Xây dựng đội ngũ và bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên thực nghiệm*

Phối hợp với trường thực nghiệm để chọn giáo viên là giáo viên đang trực tiếp dạy hòa nhập TTK để tiến hành thực nghiệm.

Tập huấn cho giáo viên về các biện pháp phát triển KNGT cho TTK: Trẻ Tự kỷ; đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của trẻ; hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu, lập kế hoạch phát triển KNGT cho trẻ; tạo môi trường thân thiện; áp dụng các kỹ thuật đặc thù để phát triển KNGT cho trẻ...

Phát triển KNGT cho TTK trong môi trường giáo dục hòa nhập theo các biện pháp đã được xây dựng. Người nghiên cứu tiếp tục hỗ trợ, cùng trao đổi, bàn bạc phương thức tiến hành cụ thể, giải đáp thắc mắc của giáo viên, cùng rút kinh nghiệm trong quá trình thực nghiệm.

Khi giáo viên đã tổ chức các hoạt động nhằm phát triển KNGT cho TTK đúng và đầy đủ các biện pháp đã xây dựng, để giáo viên tự thực hiện, người nghiên cứu giữ vai trò là người quan sát, đánh giá kết quả thực nghiệm.

** Lập kế hoạch thực nghiệm chi tiết*

Lập kế hoạch chi tiết về thời gian thực hiện cụ thể bao gồm:

- Chọn TTK 3 – 4 tuổi đang học hòa nhập ở trường mầm non
- Chọn lớp và cô giáo dạy lớp hòa nhập TTK
- Bồi dưỡng giáo viên về quy trình thực nghiệm, các biện pháp tác động trong các hoạt động hằng ngày nhằm phát triển KNGT cho TTK.
- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho TTK và các biện pháp hỗ trợ
- Hướng dẫn giáo viên và cha mẹ trẻ đánh giá mức độ KNGT của TTK và đánh dấu vào bảng kỹ năng giao tiếp của TTK đạt được lần 1,2,3 theo mẫu.

** Chuẩn bị các điều kiện và phương tiện cần thiết cho thực nghiệm*

- Chuẩn bị kế hoạch phát triển KNGT cho TTK
- Chuẩn bị các biểu mẫu quan sát
- Chuẩn bị các biểu mẫu đánh giá

3.1.3.3 Tiến trình và theo dõi thực nghiệm

Chương trình thực nghiệm được tiến hành trong một năm học (từ tháng 9 năm 2011 đến hết tháng 5 năm 2012). Thực nghiệm được tiến hành 3 bước.

** Bước 1: Đánh giá trước thực nghiệm*

Để có thông tin về sự phát triển KNGT của TTK làm căn cứ cho việc phân tích kết quả tác động của các biện pháp thực nghiệm. Việc đánh giá KNGT của TTK trước thực nghiệm được thực hiện theo tiêu chí và cách thức tiến hành như được trình bày trong phần đánh giá kết quả thực nghiệm.

Bước 2: Sử dụng các biện pháp tác động

Trên cơ sở các biện pháp đã được xây dựng, giáo viên lựa chọn để tổ chức các hoạt động hằng ngày trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non và trong hoạt động hỗ trợ cá nhân cho TTK, phối hợp với phụ huynh.

Trong quá trình theo dõi thực nghiệm, người nghiên cứu quan sát, ghi chép vào bảng theo dõi thực nghiệm. Việc tổ chức các hoạt động của lớp và các biện pháp nhằm điều chỉnh kịp thời các nội dung, hình thức sao cho phù hợp với đặc điểm TTK học hòa nhập ở trường MN. Đồng thời theo dõi việc phát triển KNGT của TTK trong quá trình tham gia các hoạt động hằng ngày.

Bước 3: Đánh giá kết quả thực nghiệm

Đánh giá kết quả thực nghiệm bao gồm đánh giá từng giai đoạn (3 tháng 1 lần) và đánh giá cuối cùng.

3.1.3.4. Đánh giá kết quả thực nghiệm

** Các tiêu chí và công cụ đánh giá*

Để đánh giá hiệu quả các biện pháp phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ 3 – 4 tuổi ở lớp mẫu giáo hòa nhập, chúng tôi đánh giá dựa trên 5 tiêu chí: 1) *tập trung chú ý*, 2) *bắt chước*, 3) *luân phiên*, 4) *nghe hiểu ngôn ngữ*, 5) *sử dụng ngôn ngữ* được trình bày ở phần phụ lục 2. Đây là những tiêu chí đã được sử dụng để đánh giá mức độ phát triển KNGT của TTK ở phần khảo sát thực trạng và được kiểm định độ tin cậy bằng mô hình cronbach's coefficient alpha.

** Cách tiến hành đo và theo dõi thực nghiệm*

Các tiêu chí được đo trong điều kiện trắc nghiệm, các bài tập được tiến hành với từng cá nhân trẻ. Trước khi tiến hành kiểm tra người nghiên cứu dành một vài buổi chơi với trẻ để trẻ quen với cô, hợp tác với cô trong quá trình kiểm tra. Nhà nghiên cứu sử dụng bảng đánh giá KNGT để đánh dấu mức độ thực hiện của trẻ vào cột tương ứng theo Phụ lục 2.

Bên cạnh đó chúng tôi tập huấn cho GV cách đánh giá và ghi kết quả vào bảng đánh giá kỹ năng. GV quan sát trẻ trong các hoạt động hằng ngày và đánh dấu vào bảng. Quan sát được sử dụng để nhằm mục đích đo đặc điểm, khả năng giao tiếp của trẻ diễn ra trong ngày, trong tuần; những biểu hiện của kỹ năng giao tiếp ở trẻ, những cách trẻ giao tiếp, tương tác với các bạn. Cuối đợt người nghiên cứu sẽ quan sát trực tiếp và trao đổi với GV về kết quả đánh giá.

Ghi chép nhật ký: Việc ghi chép nhật ký để theo dõi sự tiến bộ của trẻ đồng thời xem xét được những biện pháp GV sử dụng để phát triển KNGT cho trẻ đã phù hợp với trẻ chưa? Phù hợp ở điểm nào? Chưa phù hợp ở điểm nào? Cần rút kinh nghiệm gì...

** Xử lý kết quả thực nghiệm và phân tích kết quả*

Kết quả đo các tiêu chí từ 1 đến 25 được tính bằng điểm số theo điểm số: 0 điểm là trẻ không thực hiện được, 1 điểm là trẻ thực hiện được có trợ giúp, 2 điểm là trẻ thực hiện được. Sau khi có kết quả thực nghiệm của các vòng đo nhà nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để xử lý và kiểm định độ tin cậy của kết quả thực nghiệm.

3.2 Đánh giá kết quả thực nghiệm

Trước khi tiến hành thực nghiệm chúng tôi tiến hành đánh giá KNGT của 5 trẻ kết quả như sau:

Bảng 3.1 Bảng thống kê mô tả KNGT trước thực nghiệm

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số Độ lệch	Độ nhọn	Sai số Độ nhọn
Tháng tuổi	5	33.00	39.00	36.8000	3.03315	-.670	.913	-2.975	2.000
Nhóm kỹ năng 1	5	.00	4.00	1.8000	1.78885	.052	.913	-2.324	2.000
Nhóm kỹ năng 2	5	1.00	5.00	2.6000	1.67332	.512	.913	-.612	2.000
Nhóm kỹ năng 3	5	.00	3.00	1.4000	1.14018	.405	.913	-.178	2.000
Nhóm kỹ năng 4	5	.00	2.00	1.0000	.70711	.000	.913	2.000	2.000
Nhóm kỹ năng 5	5	.00	4.00	1.4000	1.67332	1.089	.913	.536	2.000
Tổng điểm	5	7.00	9.00	8.2000	.83666	-.512	.913	-.612	2.000
Hợp lệ	5								

3.2.1 Trường hợp 1: Bé Nh.A (39 tháng tuổi)

3.2.1.1 Biện pháp phát triển KNGT cho Nh.A

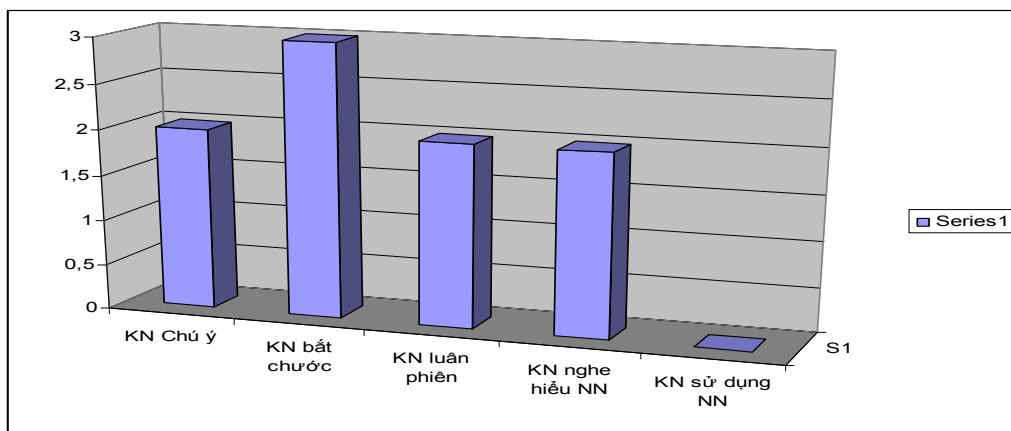
- Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của Nh.A

+ Thông tin chung: Nh.A sinh ngày 21/6/2008 (bé trai), Nh.A đang ở cùng gia đình tại Thanh Xuân - Hà Nội và đang học lớp mẫu giáo bé tại trường mầm non Yên Hòa quận Cầu Giấy, Hà Nội. Nh.A sinh ra trong gia đình mẹ làm cán bộ ngân hàng, bố làm kỹ sư xây dựng. Nh.A là con trai thứ hai trong gia đình, chị gái hơn Nh.A 2 tuổi. Gia đình Nh.A rất thương yêu và chiều Nh.A vì là con trai duy nhất trong gia đình. Cả gia đình và người giúp việc đều chăm chút cho Nh.A. Thức ăn hằng ngày dành cho Nh.A đều xay vì sợ Nh.A phải nhai vất vả. Lúc còn nhỏ không cho Nh.A đi ra ngoài chơi sợ ốm yếu.

+ Kết quả Bảng đánh giá kỹ năng Small Step: Tuổi đời 39th, tuổi trí tuệ là 24,2th.

+ Kết quả đánh giá tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: Nh.A có 38/49 dấu hiệu

- + Kết quả Thang đánh giá mức độ Tự kỷ (CARS): Nh.A đạt 42 điểm (mức độ rất nặng)
- + Kết quả đánh giá về hành vi: Nh.A có hành vi đi nhón chân, quay tròn, ăn vạ
- + Kết quả đánh giá về KNGT: KNGT của Nh.A là rất thấp, điểm cao nhất là nhóm kỹ năng bắt chước đạt 3/10 điểm. Điểm yếu lớn nhất của Nh.A là kỹ năng sử dụng ngôn ngữ 0/10 điểm. Nh.A chưa biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp với mọi người xung quanh. Trong quá trình học tại lớp Nh.A hay chơi một mình, ít giao tiếp với các bạn, cô giáo luôn phải trợ giúp thì Nh.A mới tham gia hòa đồng cùng các bạn.



Biểu đồ 3.1 Kết quả đánh giá KNGT của bé Nh.A trước TN

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân (KHGDCN)

Trên cơ sở thu thập thông tin chung về sự phát triển của trẻ và kết quả đánh giá kỹ năng giao tiếp, lập KHGDCN cho bé Nh.A trong năm học 2011 – 2012 như sau: *Điểm yếu lớn nhất của Nh.A là chưa biết cách sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp đặc biệt là ngôn ngữ nói.* Đánh giá sâu kỹ năng này chúng tôi nhận thấy hơi của Nh.A rất yếu, chưa biết cách lấy hơi, giữa hơi, chưa biết cách bắt chước lời nói trong quá trình giao tiếp. Chúng tôi đã trao đổi cụ thể với gia đình và giáo viên dạy Nh.A tại lớp đều thống nhất tập trung chủ yếu vào phần luyện hơi, luyện giọng để giúp cho Nh.A biết cách sử dụng ngôn ngữ nói trong giao tiếp.

Rèn kỹ năng nghe hiểu các từ ngữ, nghe hiểu các yêu cầu và câu hỏi đơn giản trong quá trình chơi như: ai? Cái gì? ở đâu? Đang làm gì?

Sử dụng ngôn ngữ nói khi giao tiếp với mọi người xung quanh. Nói được tên đồ vật, ý muốn của mình khi mong muốn điều gì. Nói câu 2 – 4 tiếng trong hoạt động sinh hoạt hằng ngày.

Hằng ngày bé Nh.A tham gia vào các hoạt động theo chế độ sinh hoạt dành cùng với tất cả các bé trong lớp độ tuổi mẫu giáo bé. Bên cạnh đó có KHGDVN theo từng mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn trong một năm học. Đối với Nh.A hoạt động hỗ trợ cá nhân được tiến hành hằng ngày tại lớp do GV của lớp thực hiện lồng ghép vào hoạt động chơi tự do buổi chiều và bố mẹ cùng giáo viên can thiệp dạy tại gia đình vào buổi tối. Các mục tiêu phát triển KNGT cho Nh.A được xây dựng chi tiết ở phần phụ lục 4A.

- Phối hợp với phụ huynh để phát triển giao tiếp cho trẻ trong sinh hoạt hằng ngày để can thiệp Phát triển mối quan hệ cho Nh.A ở tại gia đình.

- *Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho Nh.A*

+ Làm mẫu: GV thể hiện một hành động, lời nói, hoạt động nào đấy cho Nh.A bắt chước để sau đó Nh.A thực hiện lại một cách tự phát. Với mục đích là trẻ dễ hình dung ra nhiệm vụ và trẻ phải thực hiện được nhiệm vụ một cách độc lập. Ví dụ: Nh.A nói *Con xin cô ạ* (khi GV đưa cho Nh.A một đồ vật).

+ Nói chậm, làm chậm: Giáo viên nói chậm lại, nhìn vào mặt Nh.A, cho Nh.A có nhiều thì giờ và cơ hội để xử lý tín hiệu giao tiếp của giáo viên.

+ Sử dụng lời nói mẫu: Giáo viên sử dụng lời nói mẫu của mình để cho trẻ nói theo nhằm dạy Nh.A các từ mới, câu nói ngắn gọn, dễ hiểu, nhấn mạnh ở các từ chủ chốt để cho Nh.A bắt chước theo.

+ Luyện giao tiếp mắt – mắt: Khi giao tiếp với Nh.A GV và phụ huynh thường xuyên luyện giao tiếp mắt để Nh.A nhìn vào mắt mọi người khi giao tiếp.

+ Sử dụng hệ thống hệ thống giao tiếp thông qua trao đổi thẻ tranh PECS hỗ trợ để giúp Nh.A hình dung được nội dung giao tiếp rõ ràng hơn.

+ Động viên, khuyến khích Nh.A: Trong các hoạt động hằng ngày khi Nh.A thực hiện được một nhiệm vụ thì nên động viên, khen ngợi Nh.A để con hứng thú trong giao tiếp.

- Hỗ trợ cá nhân dành cho Nh.A được tiến hành dưới 3 hình thức:

+ Hỗ trợ tại lớp do các giáo viên của lớp tiến hành

+ Hỗ trợ tiết cá nhân luyện giao tiếp và phát triển ngôn ngữ tại một trung tâm gần trường mầm non mà Nh.A học.

+ Hỗ trợ vào buổi tối ở gia đình do bố mẹ thực hiện

KHGDCN của Nh.A được xây dựng, thực hiện theo tháng, quý, năm học được GV tại lớp, phụ huynh và GV hỗ trợ cá nhân cùng nhất trí. Tất cả mọi người đều thực hiện theo kế hoạch đặt ra. Sau 3 tháng đánh giá lại một lần để có chỉnh sửa.

- Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp

Giáo viên tiến hành xây dựng vòng tay bạn bè cho Nh.A ở tất cả các hoạt động. Ví dụ trong giờ chơi tạo cơ hội để các bạn giúp trẻ nói, giao tiếp với các bạn trong khi chơi, chẳng hạn, khi trẻ đang chơi đồ chơi các bạn đến hỏi: Nh.A đang làm gì đấy? Đây là cái gì? Nhìn tớ làm này!.

- Tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo và các trẻ khác với Nh.A để giúp trẻ giao tiếp và sửa sai cho Nh.A

Để tạo được môi trường thân thiện ngay từ hoạt động đón trẻ vào buổi sáng GV giao tiếp trực tiếp với trẻ, yêu cầu trẻ nói chào cô, đặt các câu hỏi với trẻ như: hôm nay ai đưa con đi học? con mặc áo màu gì? Con ăn sáng món gì?...

Hằng ngày, GV điều chỉnh mục tiêu và nội dung hoạt động phù hợp với khả năng và nhu cầu của trẻ để trẻ tham gia cùng các bạn, giáo viên cho trẻ ngồi cạnh những bạn khá giỏi hoặc ngồi gần phía cô giáo để được trợ giúp nhiều hơn.

- Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày nhằm kích thích Nh.A giao tiếp

Giáo viên luôn tạo ra các tình huống hằng ngày yêu cầu Nh.A phải nói, giao tiếp. Ví dụ: bạn Nh.A đang làm gì đấy? con đang chơi với bạn nào? con hỏi bạn xem bạn đang làm gì?

- Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng để trẻ tự tin trong giao tiếp. Ở lớp có các hoạt động tham quan, dã ngoại đều cho Nh.A đi và ở gia đình các ngày thứ bảy và chủ nhật gia đình cho Nh.A đi siêu thị, công viên để cho Nh.A được tiếp xúc với cộng đồng nhiều hơn, giúp Nh.A tự tin trong quá trình giao tiếp.

3.2.1.2 Kết quả thực nghiệm của bé Nh.A

TN được tiến hành trong 9 tháng và sau mỗi 3 tháng đánh giá một lần, từ kết quả đánh giá sẽ điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động GD trẻ nếu cần thiết. Kết quả TN được đánh giá cả 3 đợt ở bé Nh.A thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.2 Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé Nh.A

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số độ lệch
Tháng tuổi	3	42.00	48.00	45.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kỹ năng 1	3	2.00	4.00	3.0000	1.00000	.000	1.225
Nhóm kỹ năng 2	3	4.00	6.00	5.3333	1.15470	-1.732	1.225
Nhóm kỹ năng 3	3	2.00	6.00	4.3333	2.08167	-1.293	1.225
Nhóm kỹ năng 4	3	3.00	6.00	4.6667	1.52753	-.935	1.225
Nhóm kỹ năng 5	3	.00	4.00	2.0000	2.00000	.000	1.225
Tổng điểm	3	11.00	26.00	19.3333	7.63763	-.935	1.225
Hợp lệ	3						

Từ bảng 3.2 cho thấy, qua các lần đo kết quả TN tuổi trung bình của bé Nh.A là 45 tháng. Điểm nhóm kỹ năng 1 dao động từ 2 đến 4 điểm với điểm trung bình là 3,0. Kỹ năng giao tiếp của Nh.A ở từng nhóm kỹ năng khá hơn đặc biệt là ở nhóm kỹ năng 2 có điểm dao động là từ 4 đến 6 điểm. Còn ở nhóm kỹ năng 5 có sự tiến bộ thấp nhất điểm dao động là từ 0 đến 5 có điểm trung bình thấp nhất trong các tiêu chí được đo là 2,0.

* Mô tả sự tiến bộ của bé Nh.A trong quá trình thực nghiệm

- Về kỹ năng tập trung chú ý

Trước TN, trong sinh hoạt hằng ngày, khi giao tiếp với cô giáo và các bạn hầu như Nh.A không nhìn vào mắt của đối tượng khi giao tiếp, thoáng qua một cái là lảng đi chỗ khác ngay. Khi cô giáo hướng dẫn nội dung bài học thì Nh.A không chịu nghe. Cuối giai đoạn TN, Nh.A đã nhìn vào đồ vật trong thời gian ngắn và tập trung vào một nhiệm vụ, lắng nghe được những hướng dẫn đơn giản của GV như: con cất ba lô lên tủ và đi vào lớp, Nh.A đưa cho cô cái bút, con ngồi xuống bàn.

Điểm trung bình của nhóm kỹ năng tập trung chú ý Nh.A đạt được là 3. Độ lệch chuẩn là 1,0. Sai số là 1,225.

- Về kỹ năng bắt chước

Ở kĩ năng bắt chước hành động, lời nói, âm thanh của người khác Nh.A thực hiện được nhưng có sự trợ giúp của cô giáo và các bạn. Đến cuối giai đoạn TN Nh.A biết bắt chước những cử chỉ, điệu bộ của người khác. Điểm trung bình của nhóm kĩ năng bắt chước Nh.A đạt được là 5,3. Độ lệch chuẩn là 1,154. Sai số là 1,225.

- Về kĩ năng luân phiên

Trong quá trình giao tiếp hằng ngày Nh.A đã biết đáp ứng yêu cầu đơn giản của người khác như khi cô yêu cầu con *bê ghé vào để chuẩn bị học bài, mang bát ra chậu để khi ăn xong*. Nhưng có một đặc điểm là khả năng tập trung chú ý của Nh.A kém nên trong các trò chơi và hoạt động tập thể Nh.A không thực hiện được kĩ năng *Chờ đến lượt mình*. Điểm trung bình của nhóm kĩ năng luân phiên Nh.A đạt được là 4,3; Độ lệch chuẩn là 2,08; Sai số là 1,225.

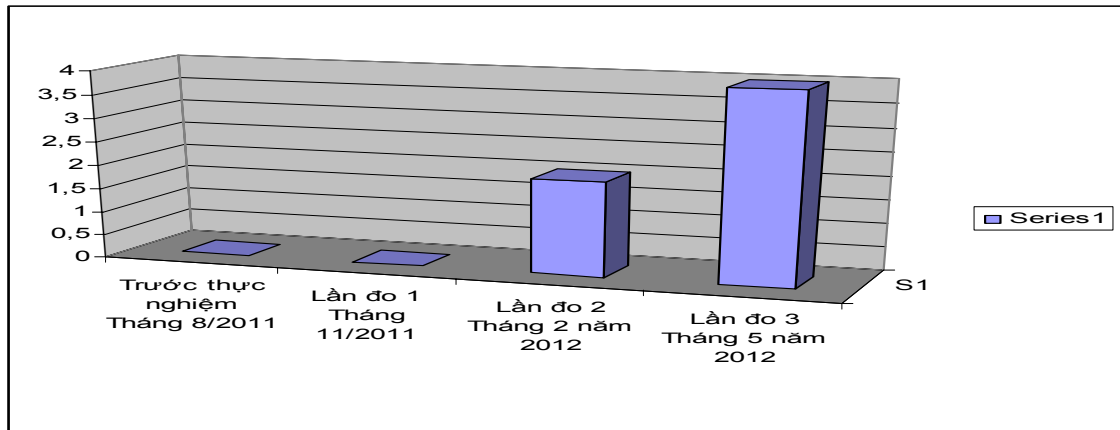
- Về kĩ năng nghe hiểu ngôn ngữ

Trong giai đoạn TN khả năng nghe hiểu của Nh.A đã tăng lên cả những từ trẻ hiểu được và từ trẻ hiểu và nói được. Điều đó, giúp quá trình nhận thức của Nh.A cũng khá lên, tạo điều kiện thuận lợi giúp Nh.A phát triển các KNGT tốt hơn. Kết quả đo lần 1, Nh.A hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói kết hợp với hành động và hiểu được tranh chỉ tên đồ vật trong tranh. Kết quả đo lần 2 và 3 đã có sự tiến bộ hơn. Điểm sau TN lần cuối Nh.A đạt được 4,6 điểm đã đạt được mức độ trung bình. Điều này cho thấy khả năng nghe hiểu của bé Nh.A đã tốt lên.

Trong quá trình TN các trò chơi luyện giọng, luyện phát âm được sử dụng khá nhiều nhằm giúp Nh.A phát âm tốt hơn nhưng độ rõ ràng trong lời nói của bé chỉ tiến bộ chút ít. Khả năng này được cải thiện nhiều hơn khi Nh.A tiến bộ ở kĩ năng nghe hiểu. Riêng kĩ năng *Hiểu được tình huống chơi giả vờ đơn giản* thì Nh.A không đạt được.

- Về kĩ năng sử dụng ngôn ngữ

Kết quả đo tiêu chí sử dụng ngôn ngữ trong quá trình chơi ở bé Nh.A đã có sự thay đổi đáng kể sau quá trình TN. Trong đó mức độ thường xuyên xuất hiện ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ đã chuyển biến từ mức độ hiếm khi trẻ sử dụng lời nói sang mức độ thỉnh thoảng sử dụng lời nói.



Biểu đồ 3.2 Kết quả đánh giá KN sử dụng ngôn ngữ của bé Nh.A qua các lần đo

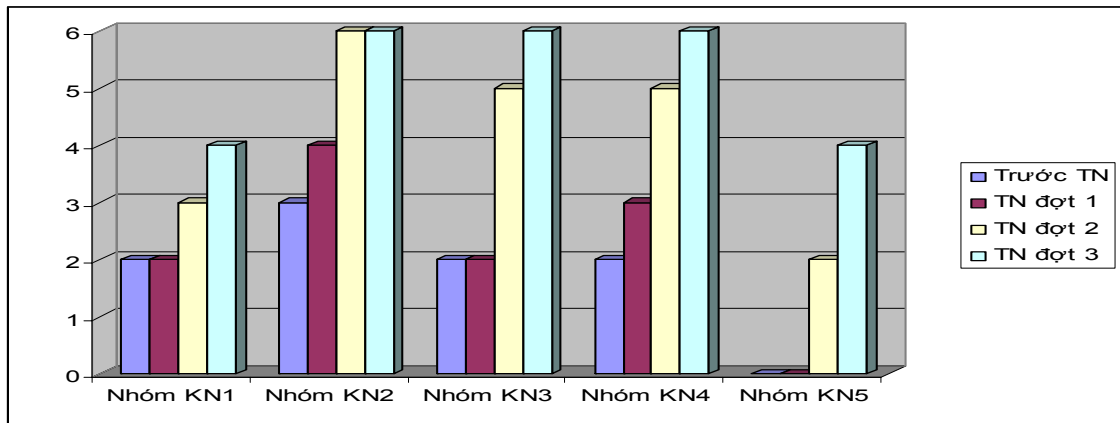
Đến cuối giai đoạn TN, bé Nh.A đã có thể sử dụng lời nói để chào và chia tay. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của Nh.A đạt được là 2,0; Độ lệch chuẩn là 2,0; Sai số là 1,225.

Bên cạnh đánh giá về KNGT chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của Nh.A theo Bảng đánh giá KN Small Step: Tuổi đời 48 tháng, tuổi trí tuệ là 35 tháng. Theo Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: Nh.A có 17/49 dấu hiệu. Thang CARS Nh.A đạt 36 điểm (mức độ nhẹ). Kết quả đánh giá về hành vi: Nh.A không còn hành vi ăn vạ, chạy vòng tròn, đi nhón chân.

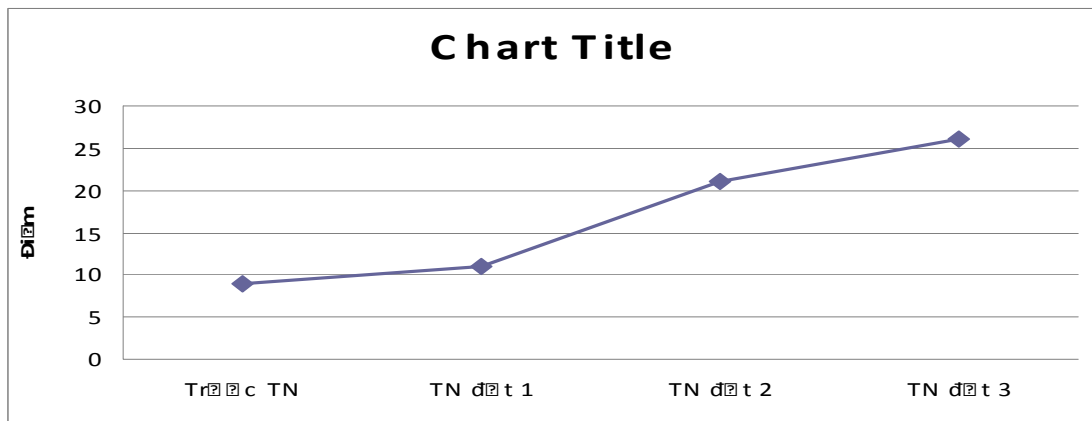
Có được kết quả trên là do chúng tôi đã áp dụng 10 biện pháp phát triển KNGT vào trong quá trình thực nghiệm Nh.A. Trong đó biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân), biện pháp 8 được coi là những biện pháp có ý nghĩa trực tiếp với Nh.A.

** So sánh trước và sau thực nghiệm tổng hợp tất cả các tiêu chí*

Nhìn vào các biểu đồ 3.3 và 3.4 cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé Nh.A đều có sự thay đổi theo hướng tích cực ở tất cả các lần đo. Điều này cho thấy KNGT của Nh.A có sự tiến bộ về kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và đặc biệt là kỹ năng sử dụng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp.



Biểu đồ 3.3 Kết quả thực nghiệm của bé Nh.A qua các lần đo



Biểu đồ 3.4: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé Nh.A qua các lần đo TN

Để kiểm định sự tiến bộ của bé Nh.A trước và sau TN là có sự khác biệt có ý nghĩa hay không, chúng tôi đã sử dụng kiểm định t mẫu cặp (Paired-Samples T Test) về điểm các tiêu chí (Số liệu chi tiết thể hiện trong phụ lục 9)

- Kiểm định t mẫu cặp điểm trước và sau TN của các nhóm kỹ năng giao tiếp 1,2,3,4,5: Có mối quan hệ tuyến tính giữa điểm trước và sau TN. Trị số p-value Sig. (2-tailed) tương ứng với thống kê t - 7.104 là có ý nghĩa ($0,049 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa điểm trước và sau TN.

- Kiểm định mẫu cặp điểm trước và sau TN tiêu chí 2: Có mối quan hệ tuyến tính giữa KNGT của trẻ trước và sau TN. Trị số p=value (sig.(2-tailed) tương ứng với thống kê t-23,000 là có ý nghĩa ($0,028 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa KNGT của trẻ trước và sau TN.

Tóm lại, qua kết quả kiểm định t (Paired Samples T Test) của cả 5 nhóm kỹ năng giao tiếp cho thấy điểm trước và sau TN của bé Nh.A đã có sự thay đổi có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác có bằng chứng rằng có sự tiến bộ về KNGT của bé Nh.A sau quá trình TN. Điều đó cho thấy các biện pháp thực nghiệm có giá trị và ý nghĩa khoa học.

*** Kết luận về trường hợp 1 bé Nh.A**

Nh.A đã có sự tiến bộ rõ nét về KNGT trong quá trình thực nghiệm. Đây là một trường hợp minh chứng cho quá trình tổ chức các hoạt động cho TTK ở lớp MGHN với sự phối hợp thực hiện ở các biện pháp. Kết quả đánh giá quá trình TN trên trẻ cho thấy các biện pháp tổ chức được vận dụng vào trong điều kiện thực tế của bé Nh.A là phù hợp và đã mang lại kết quả tích cực trong sự phát triển KNGT của bé. Quá trình tổ chức các biện pháp nhằm phát triển KNGT cho bé Nh.A đòi hỏi giáo viên phải thực hiện các biện pháp và có sự điều chỉnh so với việc tổ chức các hoạt động ở lớp mẫu giáo bình thường.

Trường hợp bé Nh.A đã có sự vận dụng tốt các biện pháp hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ cá nhân cho trẻ và hỗ trợ gia đình trong quá trình phát triển KNGT cho trẻ. Các hoạt động hỗ trợ cá nhân phù hợp đã phát huy hiệu quả, mang lại sự tiến bộ liên tục trong tiến trình phát triển KNGT của trẻ. Điều này cũng khẳng định, các biện pháp hỗ trợ cho TTK và gia đình trẻ là nhóm biện pháp không thể thiếu được trong quá trình phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ nhất là trong giai đoạn trẻ chuyển tiếp từ môi trường can thiệp sớm sang môi trường giáo dục hòa nhập.

3.2.2 Trường hợp 2: Bé DA (39 tháng)

3.2.2.1 Biện pháp phát triển KNGT cho DA

- *Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của DA*

+ Thông tin chung: DA sinh ngày 24/10/2008 tại Hà Nội, phố Đê La Thành. Gia đình DA có 6 người: ông, bà, bố, mẹ, chị giúp việc và DA. DA học lớp mẫu giáo bé tại trường mầm non thực hành Hoa Sen – Giảng Võ – Hà Nội. DA sinh ra là niềm mong chờ của cả gia đình, ông bà nội rất quý mến và yêu quý DA vì DA là cháu trai

đầu lòng của ông bà. Trong quá trình mang bầu mẹ sức khỏe tốt. DA sinh ra bình thường, khoẻ mạnh, nặng 4,4kg, đẻ mổ. DA được chăm sóc rất cẩn thận.

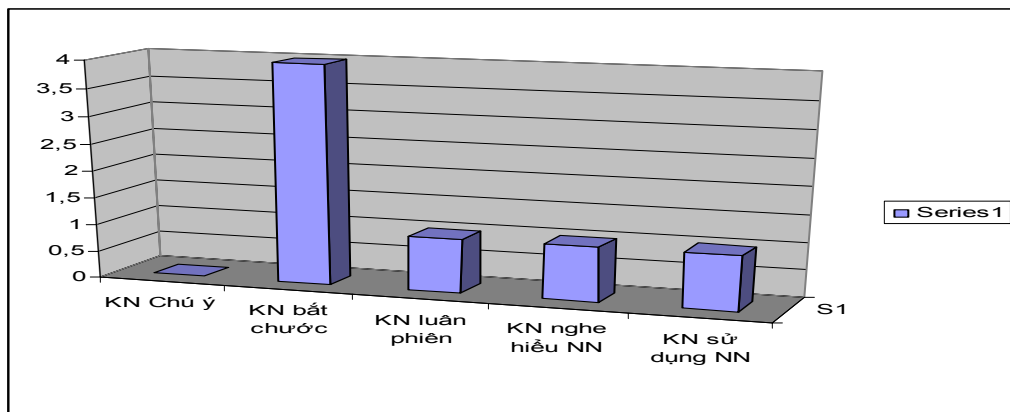
+ Kết quả Bảng đánh giá KN Small Step: Tuổi đời 39th, tuổi trí tuệ là 24th.

+ Kết quả đánh giá Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: DA có 36/49 dấu hiệu

+ Kết quả Thang đánh giá mức độ Tự kỷ theo CARS: DA đạt 40 điểm (mức độ nặng)

+ Kết quả đánh giá về hành vi: DA thích chơi một mình, hay đi xung quanh lớp, hay nói các từ linh tinh.

+ Kết quả đánh giá về KNGT: DA chậm nói 2 tuổi rưỡi, mới bập bẹ nói, đến 3 tuổi học lớp mẫu giáo bé nhưng DA chỉ nói được một số từ đơn. Khi học ở lớp DA ít chơi với các bạn, né tránh giao tiếp với các bạn.



Biểu đồ 3.5 Kết quả đánh giá KNGT của bé DA trước thực nghiệm

Kết quả trên cho thấy KNGT của DA là rất thấp, điểm cao nhất là nhóm kỹ năng bắt chước đạt 4/10 điểm. Điểm yếu lớn nhất của DA là kỹ năng tập trung chú ý 0/10 điểm. DA tập trung chú ý rất kém, phân tán chú ý nhanh. Trong giờ học con hay chạy ra khỏi chỗ ngồi.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

Trên cơ sở thu thập thông tin chung về sự phát triển của trẻ và kết quả đánh giá KNGT, lập KHGDCN cho bé DA trong năm học 2011 – 2012 như sau: Rèn kỹ năng tập trung chú ý, giúp DA biết lắng nghe người khác nói chuyện khi giao tiếp, biết nhìn vào mắt của đối tượng giao tiếp khi giao tiếp, tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp, nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn, tập trung vào nhiệm vụ và lắng nghe người khác hướng dẫn. Rèn KN nghe hiểu các từ ngữ, nghe hiểu

các yêu cầu và câu hỏi đơn giản trong quá trình chơi như: ai? Cái gì? ở đâu? Đang làm gì? Rèn kỹ năng sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với mọi người xung quanh. Các mục tiêu phát triển KNGT cho DA được xây dựng chi tiết ở phần phụ lục 4B.

- Áp dụng các kỹ thuật phát triển KNGT cho DA trong đó gồm có kỹ thuật làm mẫu, sử dụng lời nói mẫu, sử dụng phương pháp PECS, luyện giao tiếp mắt – mắt...

- Hỗ trợ cá nhân

Hoạt động hỗ trợ cá nhân dành cho DA được tiến hành dưới 2 hình thức:

+ Hỗ trợ tại lớp học hòa nhập do GV lồng ghép trong hoạt động hằng ngày

+ Hỗ trợ tiết cá nhân tại trung tâm, cuối buổi chiều từ thứ 2 đến thứ 6 gia đình đưa đến một trung tâm can thiệp sớm cho DA trị liệu theo giờ, do GV GDĐB dạy.

Trên cơ sở KHGDCN của DA được xây dựng theo tháng, quý, năm học được thống nhất bởi GV tại lớp, phụ huynh và giáo viên hỗ trợ cá nhân. Tất cả phụ huynh, giáo viên dạy hòa nhập, GV hỗ trợ cá nhân đều thực hiện theo kế hoạch đặt ra. Sau 3 tháng đánh giá lại một lần để có chỉnh sửa.

- Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích DA giao tiếp

Giáo viên tiến hành xây dựng vòng tay bạn bè cho DA ở tất cả các hoạt động hàng ngày. Phối hợp với phụ huynh để can thiệp phát triển mối quan hệ cho DA ở tại gia đình. Ví dụ, mối quan hệ DA với bố, mẹ, chị thì cách xưng hô và giao tiếp như thế nào cho phù hợp, gia đình dạy cho DA các kỹ năng tự phục vụ, giúp DA biết cách sử dụng các đồ dùng trong gia đình.

- Tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo, DA và các trẻ khác.

- Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày và cho DA tiếp xúc với cộng đồng nhằm kích thích trẻ giao tiếp.

3.2.2.2 Kết quả thực nghiệm

TN được tiến hành trong 9 tháng và sau mỗi 3 tháng đánh giá một lần, từ kết quả đánh giá sẽ điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động GD trẻ nếu cần thiết. Kết quả TN được đánh giá cả 3 đợt ở bé DA thể hiện trong ở bảng 3.3.

Bảng 3.3 Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé DA

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số độ lệch
Tháng tuổi	3	42.00	48.00	45.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kỹ năng 1	3	.00	5.00	3.0000	2.64575	-1.458	1.225
Nhóm kỹ năng 2	3	6.00	9.00	8.0000	1.73205	-1.732	1.225
Nhóm kỹ năng 3	3	1.00	3.00	2.3333	1.15470	-1.732	1.225
Nhóm kỹ năng 4	3	.00	4.00	2.0000	2.00000	.000	1.225
Nhóm kỹ năng 5	3	1.00	6.00	3.6667	2.51661	-.586	1.225
Tổng điểm	3	8.00	27.00	19.0000	9.84886	-1.244	1.225
Hợp lệ	3						

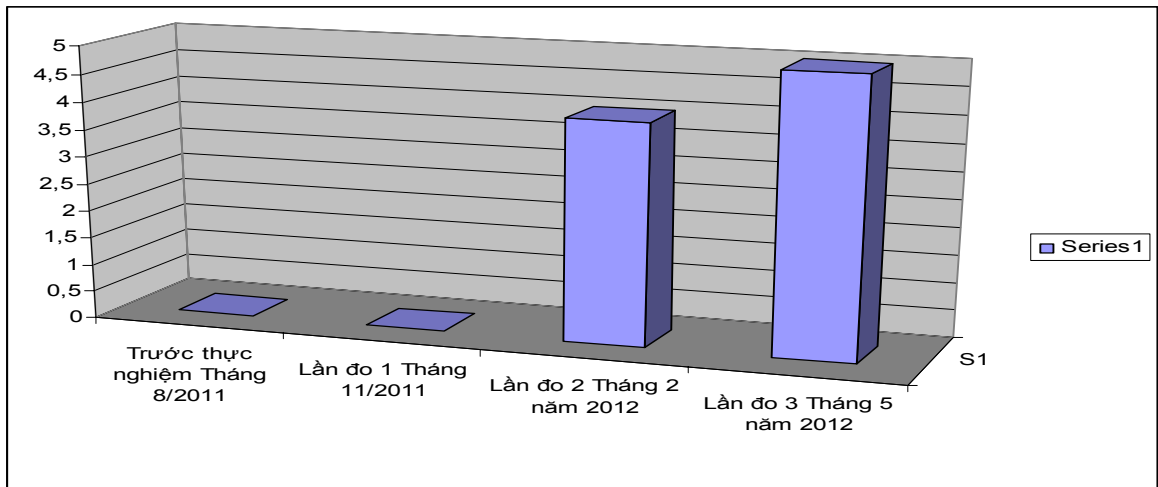
Từ bảng 3.3 cho thấy, qua các lần đo kết quả TN tuổi trung bình của bé DA là 45 tháng. Điểm nhóm kỹ năng 1 dao động từ 0 đến 5 điểm với điểm trung bình là 3,0 điểm, độ lệch chuẩn là 2,64 điểm. KNGT của trẻ ở từng nhóm kỹ năng khá hơn đặc biệt là ở nhóm KN 2 có điểm dao động là từ 6 đến 9 điểm, là nhóm kỹ năng có nhiều điểm tiên bộ nhất. Còn ở nhóm KN 4 có sự tiên bộ thấp nhất điểm dao động là từ 0 đến 4 có điểm trung bình thấp nhất trong các tiêu chí là 2,0 điểm.

3.2.2.3 Mô tả sự tiên bộ của bé DA trong quá trình thực nghiệm

- Về kỹ năng tập trung chú ý

Sự tiên bộ của DA được thể hiện ở nhiều lĩnh vực nhưng sự tiên bộ rõ nhất ở nhóm kỹ năng tập trung chú ý. Vì đây là nhóm kỹ năng giao tiếp mà DA yếu nhất được chúng tôi xây dựng mục tiêu ưu tiên, tác động sâu vào trong quá trình TN.

Trong sinh hoạt hằng ngày, DA đã biết nhìn và lắng nghe người khác nói chuyện. Khi cô giáo giao tiếp với DA, bé đã biết tập trung vào chỉ dẫn của cô, duy trì sự tập trung chú ý nhìn vào cô trong khoảng 2 giây và lắng nghe được những hướng dẫn của cô giáo. DA đã nghe và hiểu được một số hướng dẫn của người lớn nên trong quá trình hòa nhập với các bạn có một số thuận lợi con đã biết giao tiếp với bạn, khi con muốn một đồ vật con đã biết nói từ *mượn*, *xin*. Trong các hoạt động học tập hàng ngày con đã tập trung chú ý hơn, ít chạy ra khỏi chỗ ngồi khi cô giáo dạy. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng tập trung chú ý DA đạt được là 3. Độ lệch chuẩn là 2,64. Sai số là 1,225.



Biểu đồ 3.6 Kết quả đánh giá kỹ năng tập trung chú ý của bé DA qua các lần đo

Sự tiên bộ về KN tập trung chú ý của DA đã khá lên. Trước TN DA là 0 điểm, cuối giai đoạn TN DA đạt 4 điểm.

- Về kỹ năng bắt chước

Đến cuối giai đoạn TN trong các hoạt động hàng ngày tại lớp DA biết bắt chước những cử chỉ, điệu bộ của người khác. Ví dụ, khi thực hiện bài tập thể dục buổi sáng DA biết làm theo các động tác của cô giáo và các bạn. Trong giờ học con biết bắt chước theo cô như giơ thẻ tranh, vẽ, tô màu nói tên gọi đồ vật, trả lời câu hỏi của cô. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng bắt chước DA đạt được là 8. Độ lệch chuẩn là 1,73. Sai số là 1,225.

- Về kỹ năng luân phiên

DA đã biết chơi luân phiên với các bạn trong lớp. Sự cố gắng của con đã khá lên khi chơi một trò chơi với cô giáo và các bạn DA đã biết thực hiện quy tắc luân lượt. Ví dụ khi chơi trò chơi ném bóng vào rổ, con đã biết chờ đến lượt mình. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng luân phiên DA đạt được là 2,33. Độ lệch chuẩn là 1,15. Sai số là 1,225.

- Về kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ

Trong giai đoạn TN khả năng nghe hiểu của DA đã tăng lên cả những từ trẻ hiểu được và từ trẻ hiểu và nói được. Điều đó cho giúp quá trình nhận thức của DA cũng khá lên, tạo điều kiện thuận lợi giúp DA phát triển các KNGT tốt hơn.

Kết quả đo lần 1, DA hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói kết hợp với hành động và hiểu được tranh chỉ tên đồ vật trong tranh. Kết quả đo lần 2 và 3 DA hiểu được những chỉ dẫn bằng lời và hiểu được các tình huống trong sinh hoạt hằng ngày như: cất dép, cất ba lô vào tủ, chào cô, tạm biệt. Điểm sau TN lần cuối trẻ đạt được 2,0 điểm. Điều này phản ánh, để cải thiện độ rõ ràng khả năng nghe hiểu của bé DA đã tốt lên khi áp dụng các biện pháp thực nghiệm.

- Về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

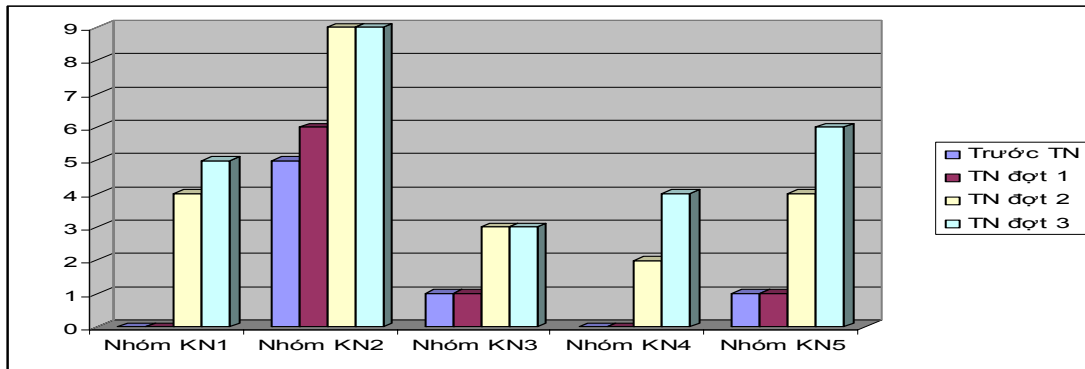
Đến cuối giai đoạn TN KN sử dụng ngôn ngữ của DA đã có sự thay đổi đáng kể. Trong đó mức độ thường xuyên sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ đã chuyển biến từ mức độ hiếm khi trẻ sử dụng lời nói sang mức độ thỉnh thoảng. Đến cuối giai đoạn TN, bé DA đã có thể sử dụng lời nói để chào và chia tay như: Con chào cô, con chào bố. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của DA đạt được là 3,66. Độ lệch chuẩn là 2,5. Sai số là 1,225.

Bên cạnh đánh giá về KNGT chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của DA theo Small Step thì kết quả cho thấy: Tuổi đời 48th, tuổi trí tuệ là 36th. Kết quả đánh giá DSM-IV: DA có 18/49 dấu hiệu. Kết quả đánh giá mức độ Tự kỷ theo CARS: DA đạt 35 điểm (mức độ nhẹ). Kết quả đánh giá về hành vi: DA giảm hành vi thích chơi một mình, đi xung quanh lớp, nói các từ linh tinh.

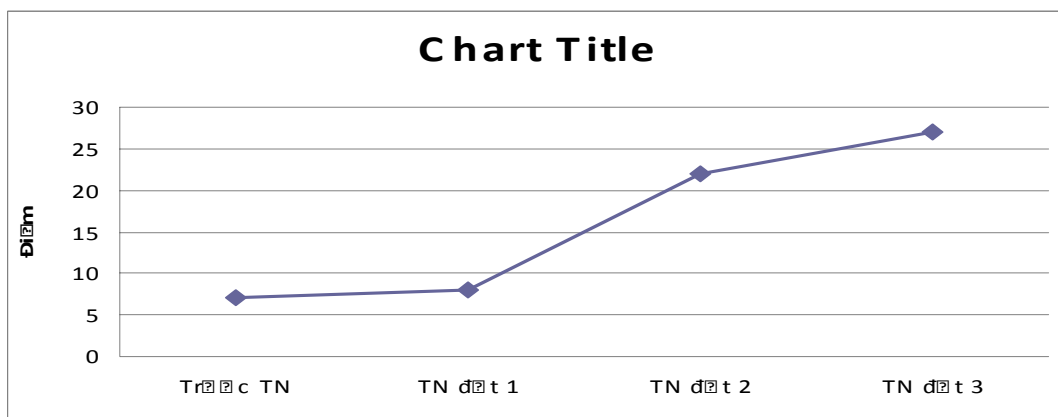
Có được kết quả trên là do giáo viên đã áp dụng 10 biện pháp phát triển KNGT vào trong quá trình thực nghiệm DA. Trong đó biện pháp biện pháp 3 (Phối hợp với phụ huynh), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân tại trường mầm non và tại Trung tâm Can thiệp sớm), Biện pháp 7 (xây dựng vòng tay bạn bè) được coi là những biện pháp có ý nghĩa trực tiếp với DA.

3.2.2.4 So sánh trước và sau thực nghiệm, tổng hợp tất cả các tiêu chí

Nhìn vào các biểu đồ 3.7 và 3.8 cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé DA đều có sự thay đổi theo hướng tích cực ở tất cả các lần đo. Điều này cho thấy KNGT của bé có sự tiến bộ về kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ, trong đó tiến bộ rõ nét nhất là KN chú ý.



Biểu đồ 3.7 Kết quả thực nghiệm của bé DA qua các lần đo



Biểu đồ 3.8 Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DA qua các lần đo TN

Để kiểm định sự tiến bộ của bé DA từ trước và sau TN là có sự khác biệt có ý nghĩa hay không, chúng tôi đã sử dụng kiểm định t mẫu cặp (Paired-Samples T Test) về điểm các tiêu chí (Số liệu chi tiết thể hiện trong phụ lục 9).

- Kiểm định t mẫu cặp điểm trước và sau TN của các nhóm kỹ năng giao tiếp 1,2,3,4 và 5: Có mối quan hệ tuyến tính giữa điểm trước và sau TN. Trị số p-value (Sig.(2-tailed)) tương ứng với thống kê t - 2,539 là có ý nghĩa ($-8,18 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa điểm trước và sau TN.

- Kiểm định mẫu cặp điểm trước và sau TN tiêu chí 2: Có mối quan hệ tuyến tính giữa KNGT của trẻ trước và sau TN. Trị số p=value (sig.(2-tailed)) tương ứng với thống kê t-23,000 là có ý nghĩa ($0,028 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa KNGT của trẻ trước và sau TN.

Tóm lại, qua kết quả kiểm định t (Paired Samples T Test) của cả 5 nhóm kỹ năng cho thấy điểm trước và sau TN của bé DA đã có sự thay đổi có ý nghĩa thống

kê, hay nói cách khác có bằng chứng rằng có sự tiến bộ về kĩ năng giao tiếp của bé DA sau quá trình TN.

3.2.2.5 Kết luận về trường hợp 2 bé DA

Kết quả đánh giá quá trình TN trên trẻ cho thấy các biện pháp tổ chức được vận dụng vào trong điều kiện thực tế của bé DA là phù hợp và đã mang lại kết quả tích cực trong sự phát triển KNGT của bé. Trong quá trình TN chúng tôi luôn có sự kết hợp chặt chẽ với giáo viên, phụ huynh để có điều chỉnh cho phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn. Gia đình DA đã rất kiên trì thực hiện biện pháp hỗ trợ cá nhân, hàng ngày cuối giờ học đưa DA đến can thiệp tại một trung tâm can thiệp sớm gần trường DA học. Các hoạt động hỗ trợ cá nhân phù hợp đã phát huy hiệu quả, mang lại sự tiến bộ liên tục trong tiến trình phát triển KNGT của trẻ.

Trong quá trình TN DA đã nhận được sự hỗ trợ tích cực từ giáo viên chủ nhiệm đang dạy tại lớp hòa nhập cũng như bố mẹ đã thực hiện tốt các biện pháp TN. Điều này cho thấy, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng kĩ năng cho GV dạy MGHN để làm việc có hiệu quả với trẻ cũng là một điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục TTK nói chung và tổ chức các hoạt động phát triển KNGT cho TTK nói riêng. Mặt khác cũng đòi hỏi có đội ngũ giáo viên có lòng nhiệt tình, yêu thương trẻ, có kiến thức và kĩ năng về dạy hòa nhập TTK.

3.2.3 Trường hợp 3: Bé MĐ (39 tháng tuổi)

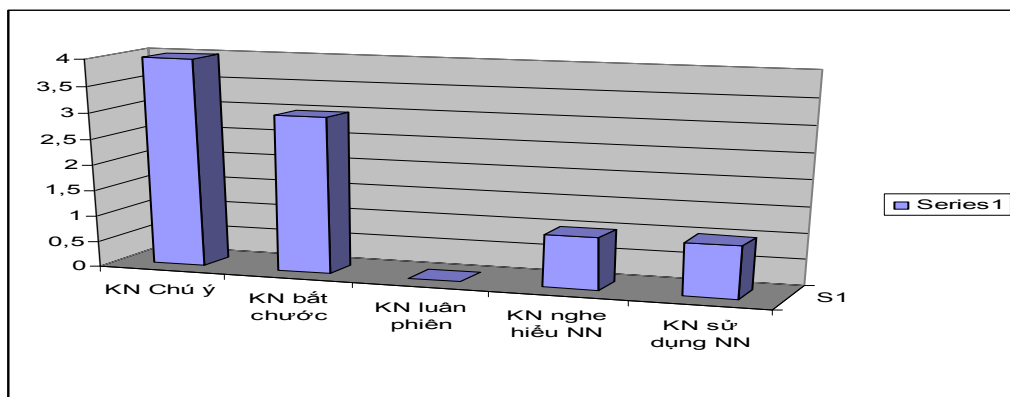
3.2.3.1 Biện pháp phát triển KNGT cho MĐ

- Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của MĐ

+ Thông tin chung: MĐ sinh ngày 21/12/2008 (bé trai), hiện tại MĐ đang ở cùng gia đình tại Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính Hà Nội, học lớp mẫu giáo bé tại trường mầm non thực hành Hoa Sen thuộc quận Ba Đình, Hà Nội. MĐ sinh ra trong gia đình bố mẹ là trí thức, mẹ là công chức nhà nước, bố là giám đốc công ty xây dựng. MĐ là con trai thứ hai trong gia đình, anh trai hơn MĐ 5 tuổi đang học ở trường tiểu học Nam Thành Công. Là con út và gia đình có điều kiện kinh tế nên MĐ được bố mẹ rất cưng chiều, đó cũng là một phần lý do trẻ có sự tiến bộ chậm về

ngôn ngữ vì dường như bố, mẹ, anh trai bao giờ cũng biết trước được nhu cầu của MĐ nên MĐ không cần phải nói cũng được đáp ứng cũng như không được điều chỉnh về mặt ngôn ngữ.

- + Kết quả Bảng đánh giá KN Small Step: Tuổi đời 39th, tuổi trí tuệ là 23th.
- + Kết quả Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: MĐ có 32/49 dấu hiệu
- + Kết quả Thang đánh giá mức độ Tự kỷ theo CARS: MĐ đạt 38 điểm (mức độ nặng)
- + Kết quả đánh giá về hành vi: MĐ có hành vi nhại lời, hay chạy lăng xăng
- + Kết quả đánh giá về KNGT: MĐ chậm nói, giao tiếp của em chủ yếu là bằng cử chỉ điệu bộ hoặc hét lên ăn vạ, 2,5 tuổi M.Đ mới bập bẹ biết nói.



Biểu đồ 3.9 Kết quả đánh giá KNGT của bé MĐ trước TN

Kết quả trên cho thấy KNGT của MĐ là rất thấp, điểm cao nhất là nhóm kỹ năng tập trung chú ý đạt 4/10 điểm. Điểm yếu lớn nhất của MĐ là kỹ năng luân phiên 0/10 điểm, khi tham gia vào các hoạt động hàng ngày DA không tập trung chú ý, con hay làm theo ý riêng của bản thân, không nghe lời cô giáo nên khi thực hiện nhiệm vụ con thường phá vỡ quy định của từng hoạt động.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

KHGDCN cho bé MĐ trong năm học 2011 – 2012 tập trung vào phát triển KNGT, tập trung vào mục tiêu trọng tâm là phát triển kỹ năng luân phiên, giúp cho MĐ biết đáp ứng yêu cầu người khác, chờ đến lượt khi hoạt động, lần lượt thực hiện hành động khi hoạt động và đáp lại yêu cầu của người khác. Rèn KN tập bắt chước, nghe hiểu nghe hiểu các yêu cầu và câu hỏi đơn giản trong quá trình chơi như: ai?

Cái gì? ở đâu? Đang làm gì? Rèn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ khi giao tiếp với mọi người xung quanh. Nói được tên đồ vật, ý muốn của mình khi mong muốn điều gì.

Hằng ngày bé MĐ tham gia vào các hoạt động theo chế độ sinh hoạt cùng với tất cả các bé trong lớp độ tuổi mẫu giáo bé. Bên cạnh đó có KHGDCN theo từng mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn trong một năm học. Các mục tiêu phát triển KNGT cho MĐ được xây dựng chi tiết ở phần phụ lục 4C.

- Áp dụng các kĩ thuật phát triển kĩ năng giao tiếp cho MĐ

- Hỗ trợ cá nhân: Hoạt động hỗ trợ cá nhân dành cho MĐ được tiến hành dưới 2 hình thức: Hỗ trợ tại lớp do các giáo viên của lớp tiến hành và Hỗ trợ vào buổi tối ở gia đình do bố mẹ thực hiện.

Trên cơ sở KHGDCN của MĐ được xây dựng theo tháng, quý, năm học được thống nhất bởi giáo viên tại lớp, phụ huynh và GV hỗ trợ cá nhân đều thực hiện theo kế hoạch đặt ra. Sau 3 tháng đánh giá lại một lần để có chỉnh sửa.

- Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp

Giáo viên tiến hành xây dựng vòng tay bạn bè cho MĐ ở tất cả các hoạt động. Hướng dẫn cho 4 bé nhanh nhẹn trong lớp MGHN là bé ĐM, CK, MH, KhT cách chơi cùng và hỗ trợ MĐ trong khi chơi. Đây cũng là 4 bé mà MĐ thân thiết và hay chơi trong nhóm.

- Phối hợp với phụ huynh để phát triển giao tiếp cho trẻ trong sinh hoạt hằng ngày, can thiệp Phát triển mối quan hệ cho MĐ ở tại gia đình.

- Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày và cho MĐ tiếp xúc với cộng đồng nhằm kích thích trẻ giao tiếp.

GV luôn tạo ra các tình huống hằng ngày yêu cầu MĐ phải nói, giao tiếp

- Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với cộng đồng để trẻ tự tin trong giao tiếp. Ở lớp có các hoạt động tham quan, dã ngoại đều cho MĐ đi và ở gia đình các ngày thứ bảy và chủ nhật gia đình cho MĐ đi siêu thị, công viên để cho MĐ được tiếp xúc với cộng đồng nhiều hơn, giúp MĐ tự tin trong quá trình giao tiếp.

- Tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo và các trẻ khác

Giáo viên luôn tạo cho MĐ có được một cảm giác an toàn khi đến trường không quát mắng, dọa nạt MĐ. GV cử các bạn trong lớp chơi với MĐ, khi MĐ muốn đồ vật gì cô và các bạn luôn hỏi và giải thích để MĐ nói lên được ý muốn của mình cho người khác hiểu.

3.2.3.2 Kết quả thực nghiệm

TN được tiến hành trong 9 tháng và sau mỗi 3 tháng đánh giá một lần, từ kết quả đánh giá là căn cứ để điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động GD trẻ nếu cần thiết. Kết quả TN được đánh giá cả 3 đợt ở bé MĐ thể hiện trong bảng 3.4.

Bảng 3.4 Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé MĐ

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số độ lệch
Tháng tuổi	3	42.00	48.00	45.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng 1	3	.00	6.00	4.0000	3.46410	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng 2	3	4.00	8.00	6.0000	2.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng 3	3	1.00	3.00	2.3333	1.15470	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng 4	3	.00	4.00	2.0000	2.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng 5	3	1.00	2.00	1.6667	.57735	-1.732	1.225
Tổng điểm	3	8.00	23.00	16.0000	7.54983	-.586	1.225
Hợp lệ	3						

Từ bảng 3.4 cho thấy, qua các lần đo kết quả TN tuổi trung bình của bé MĐ là 45 tháng. Điểm nhóm KN 1 MĐ động từ 0 đến 5 điểm với điểm trung bình là 3,0 điểm, độ lệch chuẩn là 2,64 điểm. Kỹ năng giao tiếp của MĐ ở từng nhóm KN khá hơn đặc biệt là ở nhóm KN 2 có điểm MĐ động là từ 6 đến 9 điểm, là nhóm kĩ năng có nhiều điểm tiến bộ nhất. Còn ở nhóm KN 4 có sự tiến bộ thấp nhất điểm MĐ động là từ 0 đến 4 có điểm trung bình thấp nhất trong các tiêu chí được đo là 2,0.

3.2.3.3 Mô tả sự tiến bộ của bé MĐ trong quá trình thực nghiệm

- Về kĩ năng tập trung chú ý

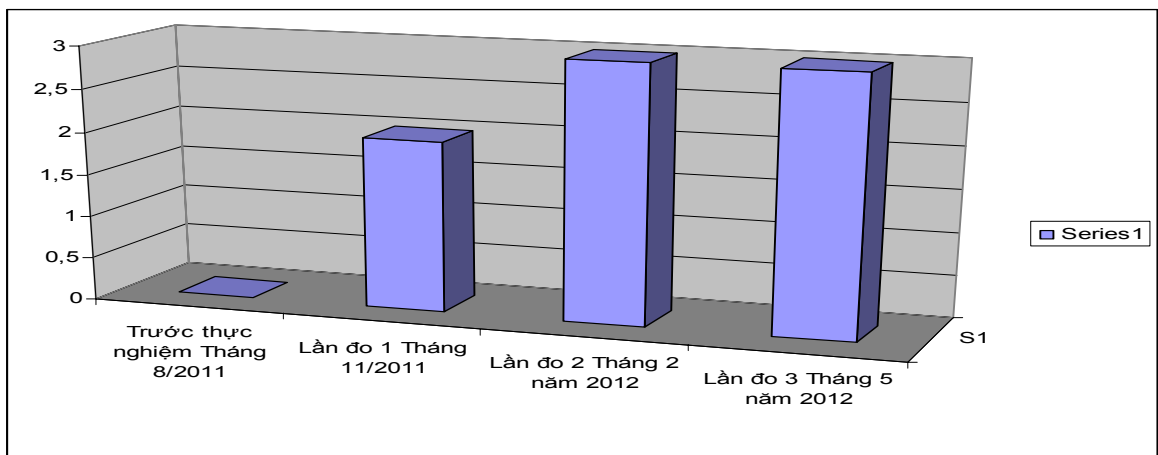
Đến cuối giai đoạn TN kết quả cho thấy MĐ đã khá lên ở KN tập trung chú ý, khi tham gia các tiết học MĐ đã biết chú ý vào hoạt động, ở hoạt động khám phá khoa học và Toán MĐ đã nói tên đồ vật khi cô dạy. Ở hoạt động vui chơi con đã biết chú ý chơi cùng các bạn. Điểm trung bình của nhóm kĩ năng tập trung chú ý MĐ đạt được là 3. Độ lệch chuẩn là 2,64. Sai số là 1,225.

- Về kỹ năng bắt chước

Trong quá trình giao tiếp MĐ đã biết bắt chước âm thanh, lời nói, hành động của cô giáo và các bạn. Ví dụ khi chơi trò chơi bắt chước tiếng kêu của các con vật MĐ đã biết bắt chước tiếng gà gáy, vịt kêu, chó... mỗi lần MĐ thực hiện được cô khen MĐ rất thích thú. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng bắt chước MĐ đạt được là 8. Độ lệch chuẩn là 1,73. Sai số là 1,225.

- Về kỹ năng luân phiên

MĐ biết thực hiện luân phiên trong giao tiếp như: cô tháo ra, con lắp vào; cô đọc tên đồ vật con nhặt vào rổ; trong trò chơi biết chờ đến lượt khi thực hiện hành động. Khi xếp hàng tập thể dục, chơi các trò chơi vận động MĐ biết chờ đến lượt mình, không chen lấn các bạn. Khi cô chào con biết đáp lời chào lại cô, MĐ lắng nghe và chờ đối tượng giao tiếp đáp lại trong quá trình sinh hoạt hằng ngày. MĐ thực hiện được yêu cầu lấy cho cô cái bút ở giá đồ chơi. Khi chơi đồ chơi lắp ghép cùng các bạn MĐ đã biết chờ đến lượt mình. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng luân phiên MĐ đạt được là 2,33. Độ lệch chuẩn là 1,15. Sai số là 1,225.



Biểu đồ 3.10 Kết quả đánh giá kỹ năng luân phiên của bé MĐ qua các lần đo

Trong quá trình giao tiếp MĐ còn thể hiện sự tiến bộ và cải thiện mắt nhìn, khi nói là thực hiện nhiệm vụ MĐ nhìn vào đồ vật và mắt của đối tượng giao tiếp, duy trì hội thoại.

- Về kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ

Trong giai đoạn thực nghiệm khả năng nghe hiểu của MĐ đã tăng lên về nghe hiểu bằng hành động, cử chỉ và nghe hiểu bằng lời nói. Điều đó cho giúp quá trình nhận thức của MĐ cũng khá lên, tạo điều kiện thuận lợi giúp MĐ phát triển các KNGT tốt hơn.

Kết quả đo lần 1, MĐ hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói kết hợp với hành động và hiểu được tranh chỉ tên đồ vật trong tranh. Kết quả đo lần 2 và 3 MĐ hiểu được những chỉ dẫn bằng lời và hiểu được các tình huống chơi giả vờ như cho búp bê ăn, gọi điện thoại, nấu ăn có sự trợ giúp của cô giáo. Điểm sau TN lần cuối trẻ đạt được 2,0 điểm. Điều này phản ánh, để cải thiện độ rõ ràng khả năng nghe hiểu của bé MĐ đã tốt lên khi áp dụng các biện pháp thực nghiệm. Riêng ở kỹ năng *Hiểu được tình huống chơi giả vờ đơn giản* thì MĐ không đạt được.

- Về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

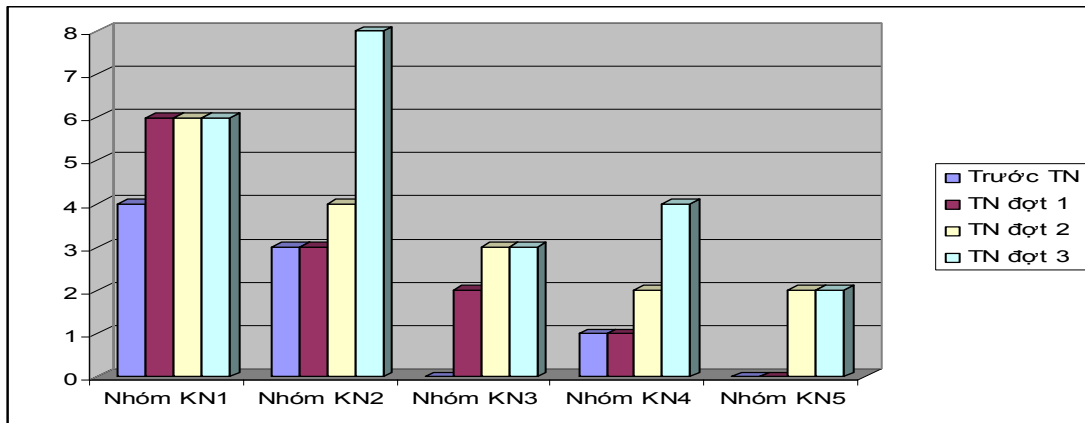
Ở nhóm kỹ năng này MĐ đã có sự thay đổi đáng kể sau quá trình TN. MĐ đã biết sử dụng ngôn ngữ nói vận dụng vào hoàn cảnh giao tiếp như chào khi gặp và chia tay, sử dụng từ ngữ để trả lời được các câu hỏi đơn giản (cái gì đây? Con gì? Của ai?). Điểm trung bình của nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của MĐ đạt được là 3,66. Độ lệch chuẩn là 2,5. Sai số là 1,225.

Trong sự phát triển của 5 nhóm kỹ năng thì MĐ thể hiện sự tiến bộ rõ nét nhất là ở nhóm kỹ năng luân phiên.

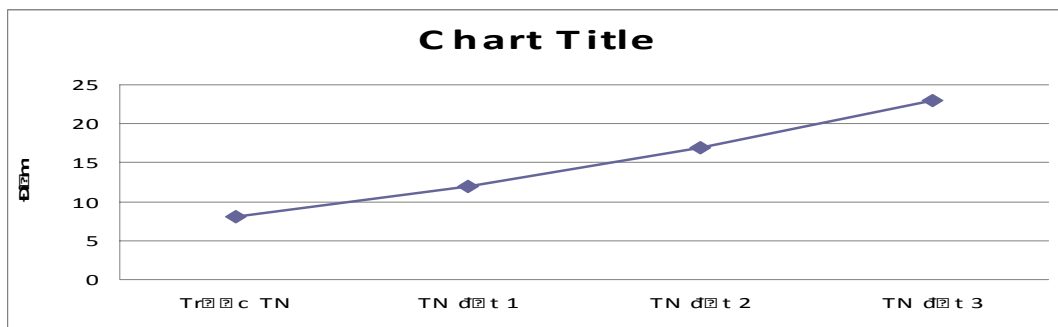
Bên cạnh đánh giá về KNGT chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của MĐ theo Bảng đánh giá KN Small Step: Tuổi đời 47th, tuổi trí tuệ là 38th. Kết quả đánh giá tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: MĐ có 12/49 dấu hiệu Kết quả đánh giá mức độ Tự kỷ theo Thang CARS: MĐ đạt 35 điểm (mức độ nhẹ). Kết quả đánh giá về hành vi: MĐ không còn hành vi nhại lời, hay chạy lăng xăng nữa.

Trong tất cả 10 biện pháp đề xuất chúng tôi nhận thấy biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân MN, Trung tâm, Gia đình), Biện pháp 9 (tạo môi trường thân thiện) rất tốt cho MĐ và thể hiện sự tiến bộ rõ rệt.

3.2.3.4 So sánh trước và sau thực nghiệm tổng hợp tất cả các tiêu chí



Biểu đồ 3.11 Kết quả thực nghiệm của bé MĐ



Biểu đồ 3.12: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé MĐ qua các lần đo

Nhìn vào biểu đồ 3.11 và 3.12 cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé MĐ đều có sự thay đổi theo hướng tích cực ở tất cả các lần đo. Điều này cho thấy KNGT của bé có sự tiến bộ về kỹ năng tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ và sử dụng ngôn ngữ. Trong đó tiến bộ nhất là KN luân phiên.

Để kiểm định sự tiến bộ của bé MĐ từ trước và sau TN là có sự khác biệt có ý nghĩa hay không, chúng tôi đã sử dụng kiểm định t mẫu cặp (Paired-Samples T Test) về điểm các tiêu chí (Số liệu chi tiết thể hiện trong phụ lục 5).

- Kiểm định t mẫu cặp điểm trước và sau TN của các nhóm kỹ năng giao tiếp 1,2,3,4,5: Có mối quan hệ tuyến tính giữa điểm trước và sau TN. Trị số p-value (Sig.(2-tailed)) tương ứng với thống kê $t=3,196$ là có ý nghĩa ($0,049 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa điểm trước và sau TN.

Tóm lại, qua kết quả kiểm định t (Paired Samples T Test) của cả 5 nhóm kỹ năng cho thấy điểm trước và sau TN của bé MĐ đã có sự thay đổi có ý nghĩa thống

kê, hay nói cách khác có bằng chứng rằng có sự tiến bộ về ngôn ngữ của bé MĐ sau quá trình TN.

3.2.3.5 Kết luận về trường hợp 3 bé MĐ

- Kết quả đánh giá quá trình TN trên trẻ cho thấy các biện pháp tổ chức được vận dụng vào trong điều kiện thực tế của bé MĐ là phù hợp và đã mang lại kết quả tích cực trong sự phát triển KNGT của bé. MĐ đã có sự tiến bộ rõ nét nhất ở nhóm KN luân phiên.

- Sự tiến bộ của MĐ cho thấy sự thực hiện đồng bộ các biện pháp và có sự điều chỉnh cho phù hợp các hoạt động ở lớp học hòa nhập. Gia đình MĐ đã rất tích cực dạy cho MĐ, mời 01 giáo viên Giáo dục đặc biệt đến hỗ trợ cá nhân cho MĐ vào buổi tối.

- Trong quá trình TN chúng tôi nhận thấy MĐ đã nhận được sự hỗ trợ tích cực từ GV chủ nhiệm đang dạy tại lớp hòa nhập và giáo viên trị liệu cá nhân cũng như bố mẹ của bé. Sự kết hợp các lực lượng tham gia giáo dục hòa nhập cho TTK và đặc biệt là phát triển KNGT là rất quan trọng. Tất cả mọi người đều tập trung vào mục tiêu chính phát triển KNGT cho MĐ cũng như dạy cho MĐ khắc phục, sửa chữa những khiếm khuyết của mình.

3.2.4 Trường hợp 4: Bé ĐA (33 tháng)

3.2.4.1 Biện pháp phát triển KNGT cho ĐA

- *Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của ĐA*

Thông tin chung: ĐA sinh ngày 2 tháng 12 năm 2008, hiện tại bé ĐA đang sống cùng gia đình tại Đội Cấn – Ba Đình – Hà Nội. Gia đình nhà bé ĐA có 5 người gồm ông bà nội, bố mẹ và ĐA. Hiện tại ĐA là con duy nhất trong gia đình, bé sinh thiếu tháng và phải ở trong lồng kính một thời gian ngắn. ĐA hay bị ốm.

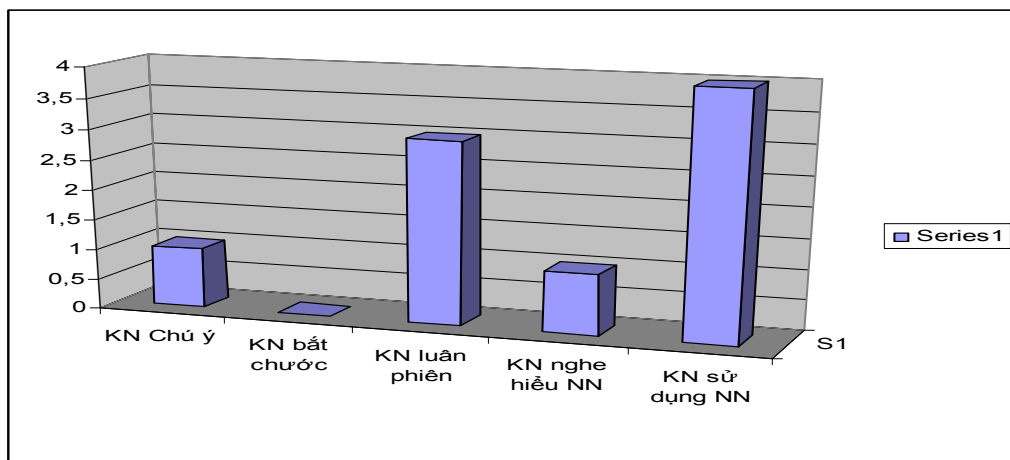
+ Kết quả đánh giá theo Small Step: Tuổi đời 33th, tuổi trí tuệ là 23,6th.

+ Kết quả đánh giá tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: ĐA có 41/49 dấu hiệu

+ Kết quả đánh giá mức độ Tự kỷ theo CARS: ĐA đạt 43 điểm (mức độ rất nặng)

+ Kết quả đánh giá về hành vi: ĐA thích chơi một mình, hay nói các từ linh tinh, quay tròn.

+ Kết quả đánh giá về KNGT: ĐA chưa có ngôn ngữ nói chỉ nói được những tiếng đơn giản như cá, bánh, na, cam, ạ, bai bai... ở lớp ĐA thường hay chơi một mình, ít giao tiếp với các bạn. Khả năng tập trung chú ý của ĐA rất kém, ở giờ chơi con thường hay chơi một mình, có những lúc quan sát chúng tôi nhận thấy ĐA chơi rất lâu với xe ô tô, con đẩy đi đẩy lại nhìn bánh xe quay.



Biểu đồ 3.13 Kết quả đánh giá KNGT của bé ĐA trước TN

Kết quả trên cho thấy KNGT của ĐA là rất thấp, điểm cao nhất là nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ đạt 4 điểm. Điểm yếu lớn nhất của ĐA là kỹ năng bắt chước 0 điểm. ĐA không biết cách bắt chước hành động, lời nói của người khác.

- *Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân*

KHGDCN cho bé ĐA trong năm học 2011 – 2012 tập trung vào phát triển các kỹ năng nhưng mục tiêu trọng tâm là phát triển kỹ năng bắt chước: dạy cho ĐA biết cách bắt chước những hành động, âm thanh, cử chỉ, lời nói của người khác. KHGDCN cho ĐA được xây dựng chi tiết ở phần phụ lục 4D.

- *Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho ĐA*

- *Giao tiếp tổng thể với trẻ*

Trong hoạt động hằng ngày giáo viên sử dụng và khuyến khích các bạn trong lớp sử dụng giao tiếp tổng hợp với ĐA bằng cách kết hợp lời nói, kí hiệu, cử chỉ điệu bộ, nét mặt, hành động... để giúp ĐA dễ dàng hình dung ra nội dung giao tiếp.

- Hỗ trợ cá nhân dành cho ĐA được tiến hành dưới 3 hình thức:

+ Hỗ trợ tại lớp do các giáo viên của lớp tiến hành

+ Hỗ trợ tiết cá nhân tại một trung tâm can thiệp sớm gần trường mầm non ĐA học

+ Hỗ trợ vào buổi tối ở gia đình do bố mẹ thực hiện

KHGDCN của ĐA được xây dựng theo tháng, quý, năm học được thống nhất bởi giáo viên tại lớp, phụ huynh và giáo viên hỗ trợ cá nhân. Tất cả mọi người đều thực hiện theo kế hoạch đặt ra và hướng vào mục tiêu trọng tâm là phát triển KN bắt chước. Sau 3 tháng đánh giá lại một lần để có chỉnh sửa.

- Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp

Giáo viên tại lớp đã tiến hành xây dựng vòng tay bạn bè cho ĐA. Bao gồm có vòng tay bạn bè hỗ trợ ĐA trong giờ học và giờ chơi. Hướng dẫn cho 3 bé nhanh nhẹn trong lớp MGHN là bé GiB, BC, AS cách chơi cùng và hỗ trợ ĐA trong khi chơi. Đây cũng là 3 bé mà ĐA thân thiết và hay chơi trong nhóm. Phối hợp với phụ huynh để can thiệp Phát triển mối quan hệ cho ĐA ở tại gia đình.

- Tạo ra các tình huống có vấn đề hằng ngày và cho ĐA tiếp xúc với cộng đồng nhằm kích thích trẻ giao tiếp

GV luôn tạo ra các tình huống hằng ngày yêu cầu ĐA phải nói, giao tiếp. Tạo cơ hội cho trẻ giao lưu, tiếp xúc với các cô, các bác trong trường để ĐA tự tin hơn. Ở lớp có các hoạt động tham quan, dã ngoại đều cho ĐA đi và ở gia đình các ngày thứ bảy và chủ nhật gia đình cho ĐA đi siêu thị, công viên để cho ĐA được tiếp xúc với cộng đồng nhiều hơn, giúp ĐA tự tin trong quá trình giao tiếp.

- Tạo môi trường thân thiện giữa cô giáo và các trẻ khác

Trong các hoạt động hằng ngày, giáo viên điều chỉnh mục tiêu và nội dung hoạt động phù hợp với khả năng và nhu cầu để ĐA tham gia cùng các bạn, giáo viên cho ĐA ngồi cạnh những bạn khá giỏi trong lớp hoặc ngồi gần phía cô giáo để được trợ giúp nhiều hơn.

3.2.4.2 Kết quả thực nghiệm

TN được tiến hành trong 9 tháng và sau mỗi 3 tháng đánh giá một lần, từ kết quả đánh giá sẽ điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động GD trẻ nếu cần thiết. Kết quả TN được đánh giá cả 3 đợt ở bé ĐA thể hiện trong bảng 3.5.

Bảng 3.5 Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé ĐA

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số độ lệch
Tháng tuổi	3	36.00	42.00	39.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kỹ năng 1	3	.00	2.00	.6667	1.15470	1.732	1.225
Nhóm kỹ năng 2	3	3.00	3.00	3.0000	.00000	.	.
Nhóm kỹ năng 3	3	3.00	4.00	3.6667	.57735	-1.732	1.225
Nhóm kỹ năng 4	3	1.00	2.00	1.6667	.57735	-1.732	1.225
Nhóm kỹ năng 5	3	5.00	6.00	5.6667	.57735	-1.732	1.225
Tổng điểm	3	12.00	17.00	14.6667	2.51661	-.586	1.225
Hợp lệ	3						

Từ bảng 3.5 cho thấy, qua các lần đo kết quả TN tuổi trung bình của bé ĐA là 39 tháng. Điểm nhóm kỹ năng Tập trung chú ý dao động từ 0 đến 5 điểm với điểm trung bình là 3,0 điểm, độ lệch chuẩn là 2,64 điểm. Kỹ năng giao tiếp của ĐA ở từng nhóm kỹ năng khá hơn đặc biệt là ở nhóm kỹ năng bắt chước có điểm ĐA dao động là từ 6 đến 9 điểm, là nhóm kỹ năng có nhiều điểm tiến bộ nhất. Còn ở nhóm kỹ năng Nghe hiểu ngôn ngữ có sự tiến bộ thấp nhất là từ 0 đến 4 có điểm trung bình thấp nhất trong các tiêu chí được đo là 2,0.

3.2.4.3 Mô tả sự tiến bộ của bé ĐA trong quá trình thực nghiệm

- Về kỹ năng tập trung chú ý

Đến cuối giai đoạn TN ĐA đã biết nhìn và lắng nghe người khác nói chuyện, nghe và hiểu được một số hướng dẫn của cô giáo và các bạn. Điều đó tạo điều kiện thuận lợi giúp cho ĐA dễ dàng tham gia các hoạt động học tập và vui chơi ở lớp.

- Về kỹ năng luân phiên

ĐA đã biết thực hiện kỹ năng luân phiên như lăn bóng, bắt bóng, nghe cô hướng dẫn và vẽ, xếp hình. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng luân phiên ĐA đạt được là 2,33. Độ lệch chuẩn là 1,15. Sai số là 1,225.

- Về kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ

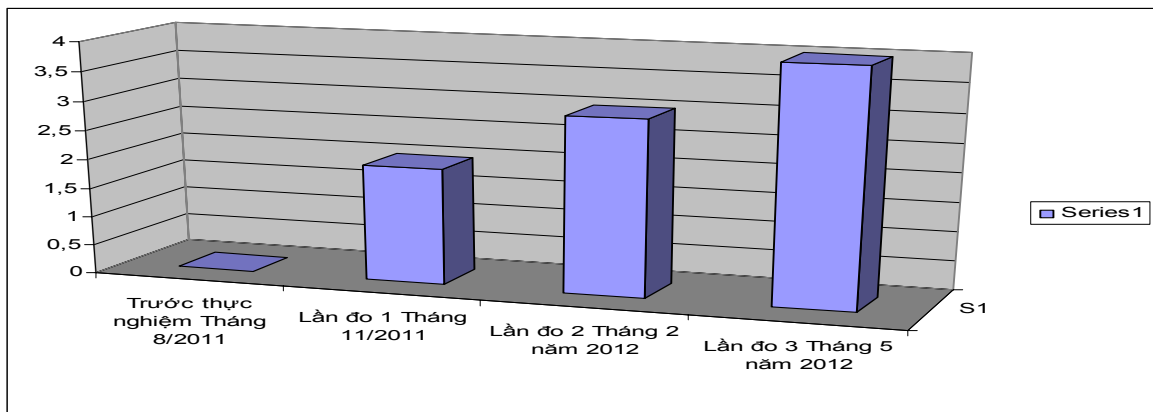
Trong giai đoạn TN khả năng nghe hiểu của ĐA đã tăng lên cả những từ trẻ hiểu được và từ trẻ hiểu và nói được. Điều đó cho giúp quá trình nhận thức của ĐA cũng khá lên, tạo điều kiện thuận lợi giúp ĐA phát triển các KNGT tốt hơn.

Kết quả đo lần 1, ĐA hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói kết hợp với hành động và hiểu được tranh chỉ tên đồ vật trong tranh. Kết quả đo lần 2 và 3 ĐA hiểu được những chỉ dẫn bằng lời và hiểu được các tình huống chơi giả vờ như cho búp bê ăn, gọi điện thoại, nấu ăn có sự trợ giúp của cô giáo. Điểm sau TN lần cuối trẻ đạt được 2,0 điểm. Điều này phản ánh, để cải thiện độ rõ ràng khả năng nghe hiểu của bé ĐA đã tốt lên khi áp dụng các biện pháp TN.

- Về kỹ năng bắt chước

Ở kỹ năng này ĐA đã có sự tiến bộ rõ nét nhất. Đến cuối giai đoạn TN, bé ĐA biết bắt chước những cử chỉ, điệu bộ của cô giáo và các bạn một cách chủ động không cần trợ giúp.

Sự tiến bộ KN bắt chước của ĐA tiến bộ rõ nét nhất ở mỗi lần đo. Trước TN là 0 điểm, đến cuối giai đoạn TN là 4 điểm.



Biểu đồ 3.14 Kết quả đánh giá kỹ năng bắt chước của bé ĐA qua các lần đo

- Về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

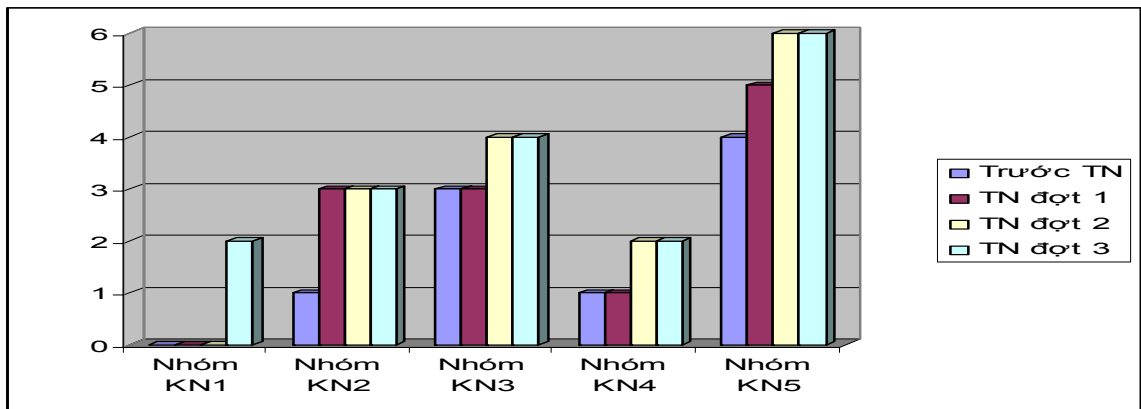
Kết quả đo nhóm KN sử dụng ngôn ngữ ở bé ĐA đã có sự thay đổi đáng kể sau quá trình TN. Trong đó mức độ thường xuyên sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của trẻ đã chuyển biến từ mức độ hiếm khi trẻ sử dụng lời nói sang mức độ thỉnh

thoảng sử dụng lời nói. Đến cuối giai đoạn TN, bé ĐA đã có thể sử dụng lời nói để chào và chia tay như: Con chào cô, con chào bố. Khi ĐA muốn một đồ vật gì đã biết sử dụng lời nói hoặc hành động để đưa ra yêu cầu. Điểm trung bình của nhóm KN sử dụng ngôn ngữ của ĐA đạt được là 3,66. Độ lệch chuẩn là 2,5. Sai số là 1,225.

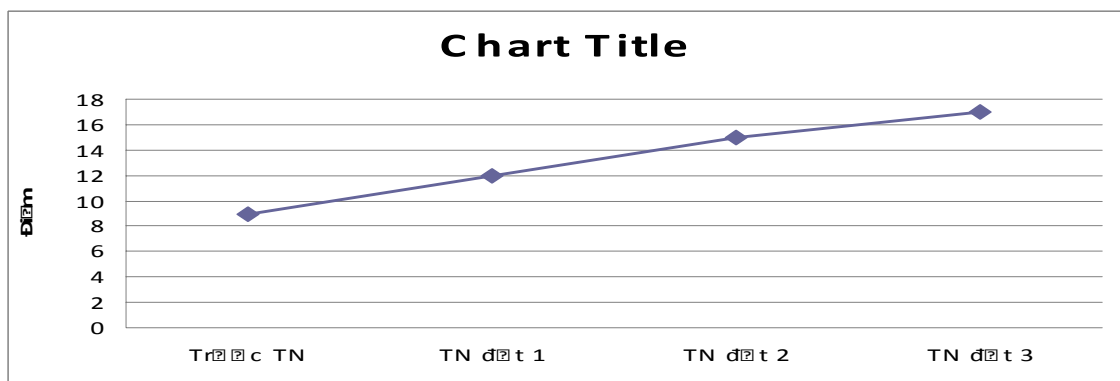
Chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của ĐA theo Bảng đánh giá KN Small Step: Tuổi đời 42th, tuổi trí tuệ là 33th. Kết quả đánh giá DSM-IV: ĐA có 18/49 dấu hiệu. Kết quả đánh giá Tự kỷ theo bảng CARS: ĐA đạt 33 điểm (mức độ nhẹ). Kết quả đánh giá về hành vi giám hản hành vi thích chơi một mình, nói các từ linh tinh, quay tròn.

Trong tất cả 10 biện pháp đề xuất chúng tôi nhận thấy biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (hỗ trợ cá nhân), Biện pháp 9 (tạo môi trường thân thiện) rất tốt cho ĐA và thể hiện sự tiến bộ rõ rệt.

3.2.4.4 So sánh trước và sau thực nghiệm, tổng hợp tất cả các tiêu chí



Biểu đồ 3.15 Kết quả thực nghiệm của bé ĐA qua các lần đo



Biểu đồ 3.16: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé ĐA qua các lần đo TN

Nhìn vào các biểu đồ 3.15 và 3.16 cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé ĐA đều có sự thay đổi theo hướng tích cực ở tất cả các lần đo. Sự tiến bộ rõ nét nhất của ĐA là ở KN bắt chước.

Để kiểm định sự tiến bộ của bé ĐA từ trước và sau TN là có sự khác biệt có ý nghĩa hay không, chúng tôi đã sử dụng kiểm định t mẫu cặp (Paired-Samples T Test) về điểm các tiêu chí (Số liệu chi tiết thể hiện trong phụ lục 5)

- Kiểm định t mẫu cặp điểm trước và sau TN của các nhóm kỹ năng giao tiếp 1,2,3,4 và 5: Có mối quan hệ tuyến tính giữa điểm trước và sau TN. Trị số p-value (Sig.(2-tailed)) tương ứng với thống kê t-3,196 là có ý nghĩa ($0,049 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa điểm trước và sau TN.

Tóm lại, qua kết quả kiểm định t (Paired Samples T Test) của cả 5 nhóm kỹ năng cho thấy điểm trước và sau TN của bé ĐA đã có sự thay đổi có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác có bằng chứng rằng có sự tiến bộ về ngôn ngữ của bé ĐA sau quá trình TN.

3.2.4.5 Kết luận về trường hợp 4 bé ĐA

ĐA đã có sự tiến bộ về KNGT trong quá trình thực nghiệm. Kết quả cho thấy các biện pháp được vận dụng vào trong điều kiện thực tế của bé ĐA là phù hợp và đã mang lại kết quả tích cực trong sự phát triển KNGT của bé.

- Quá trình tổ chức các biện pháp nhằm phát triển KNGT cho bé ĐA đòi hỏi phải thực hiện đồng bộ các biện pháp và có sự điều chỉnh cho phù hợp với khả năng, nhu cầu của ĐA cũng như phù hợp với yếu tố GV, điều kiện kinh tế gia đình.

- Trường hợp bé ĐA đã có sự vận dụng tốt các biện pháp hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ cá nhân cho trẻ và hỗ trợ gia đình trong quá trình hình thành và phát triển KNGT cho trẻ, hàng ngày tại lớp ĐA được giáo viên hỗ trợ cá nhân rất nhiều. Các hoạt động hỗ trợ cá nhân phù hợp đã phát huy hiệu quả, mang lại sự tiến bộ liên tục trong tiến trình phát triển KNGT của trẻ. Điều này cũng khẳng định, các biện pháp hỗ trợ cho TTK và gia đình trẻ thông là nhóm biện pháp không thể thiếu được trong

quá trình phát triển KNGT cho trẻ Tự kỷ nhất là trong giai đoạn trẻ chuyển tiếp từ môi trường can thiệp sớm sang môi trường giáo dục hòa nhập.

- Giáo viên đã rất tích cực học hỏi, tham khảo và trao đổi chuyên môn về áp dụng các biện pháp nhằm phát triển KNGT cho trẻ. ĐA đã nhận được sự hỗ trợ tích cực từ giáo viên chủ nhiệm đang dạy tại lớp hòa nhập và giáo viên hỗ trợ cá nhân. Điều này cho thấy, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng cho giáo viên dạy MGHN để làm việc có hiệu quả với trẻ cũng là một điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng giáo dục TTK nói chung và tổ chức các hoạt động phát triển KNGT cho TTK nói riêng. Mặt khác cũng đòi hỏi có đội ngũ giáo viên có lòng nhiệt tình, yêu thương trẻ, có kiến thức và kỹ năng về dạy hòa nhập đối tượng TTK.

3.2.5 Trường hợp 5: Bé DKH (34 tháng tuổi)

3.2.5.1 Biện pháp tổ chức phát triển KNGT cho DKH

- Đánh giá mức độ giao tiếp hiện tại của DKH

+ Thông tin chung: DKH sinh ngày 22 tháng 11 năm 2008, hiện tại DKH sống cùng gia đình tại khu chung cư Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội. Gia đình bé DKH có 6 người gồm ông bố mẹ, em gái và DKH. Cả nhà đều rất quan tâm tới DKH và chú ý việc dạy dỗ thêm cho DKH ở nhà. Khi sinh ra sức khỏe DKH bình thường, sau đó sức khỏe DKH kém hơn. DKH thường chỉ theo mẹ. Em gái của DKH năm nay 1 tuổi. DKH đang học tại lớp Gấu Con trường mầm non Justkid, DKH có những sở thích rất đặc biệt là thích vẽ, thích tranh vẽ đèn xanh đèn đỏ, thích con số.

+ Kết quả đánh giá Bảng đánh giá KN Small Step: Tuổi đời 34th, tuổi trí tuệ là 23,8th.

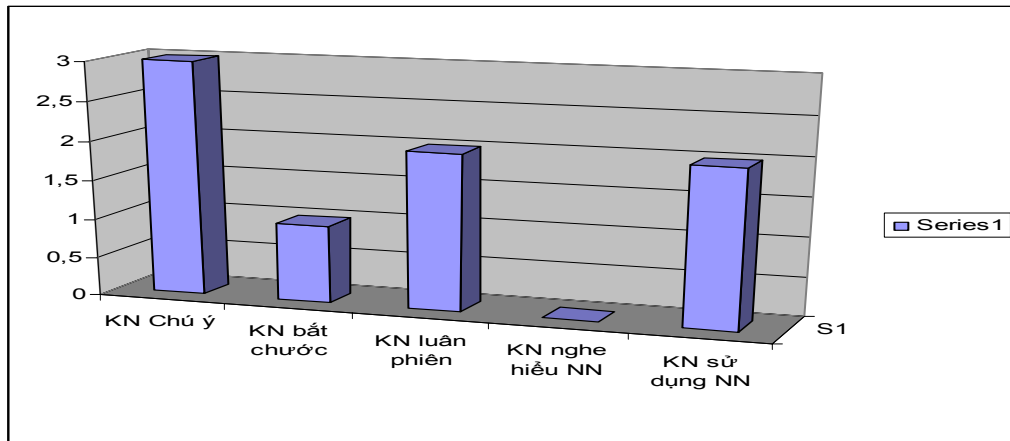
+ Kết quả đánh giá tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: DKH có 28/49 dấu hiệu

+ Kết quả Thang đánh giá mức độ Tự kỷ CARS. DKH đạt 36 điểm (mức độ nhẹ)

+ Kết quả đánh giá về hành vi: DKH có hành vi đi nhón chân, nhại lời, nói các từ linh tinh

+ Kết quả đánh giá về KNGT: DKH đã có ngôn ngữ nói nhưng trong giao tiếp DKH chỉ nói được những từ đơn và chỉ khi nào thích mới nói, khả năng nghe hiểu rất kém.

Kết quả trên cho thấy KNGT của *DKH* là rất thấp, điểm cao nhất là nhóm kỹ năng chú ý đạt 3 điểm. Điểm yếu lớn nhất của *DKH* là kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ là 0 điểm.



Biểu đồ 3.17 Kết quả đánh giá KNGT của bé DKH trước TN

- Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân

KHGDCN cho bé *DKH* trong năm học 2011 – 2012 tập trung vào những phát triển các nhóm kỹ năng như: kỹ năng tập bất chú ý, luân phiên, sử dụng ngôn ngữ. Mục tiêu trọng tâm là phát triển nhóm kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ: Dạy cho *DKH* nghe hiểu các từ ngữ, các yêu cầu và câu hỏi đơn giản trong quá trình chơi như: ai? Cái gì? ở đâu? Đang làm gì?.

Hằng ngày bé *DKH* tham gia vào các hoạt động theo chế độ sinh hoạt dành cùng với tất cả các bé trong lớp độ tuổi mẫu giáo bé. Bên cạnh đó có thêm hồ sơ theo dõi sự tiến bộ gồm các thông tin liên quan đến bé và KHGDCN theo từng mục tiêu ngắn hạn và mục tiêu dài hạn trong một năm học. Các mục tiêu phát triển KNGT cho *DKH* được xây dựng chi tiết ở phần phụ lục 4E.

- Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho DKH

Trong quá trình TN chúng tôi áp dụng một số kỹ thuật chính để tác động đến *DKH* như: làm mẫu, luyện giao tiếp mắt, sử dụng phương pháp PECS, RDI, động viên khuyến khích...

- Giao tiếp tổng thể với DKH

- Hỗ trợ cá nhân cá nhân dành cho *DKH* được tiến hành dưới 3 hình thức:

- + Hỗ trợ tại lớp do các giáo viên của lớp tiến hành
- + GV đặc biệt hỗ trợ cá nhân trong tất cả các hoạt động hằng ngày mà DKH học
- + Hỗ trợ vào buổi tối ở gia đình do bố mẹ thực hiện
- Xây dựng vòng tay bạn bè khuyến khích trẻ giao tiếp

Vòng tay bạn bè của DKH được giáo viên xây dựng rất công phu. Khi DKH đến lớp có các bạn đón DKH, rủ bé tham gia trò chơi tô màu, xếp hình. Đến giờ thể dục sáng có vòng bạn bè dắt DKH xếp hàng thể dục. Trong các hoạt động học tập các bạn ngồi cạnh DKH hỗ trợ DKH học bài, khi DKH không thực hiện được nhiệm vụ học tập thì các bạn trợ giúp.

3.2.5.2 Kết quả thực nghiệm của bé DKH

TN được tiến hành trong 9 tháng và sau mỗi 3 tháng đánh giá một lần, từ kết quả đánh giá sẽ điều chỉnh kế hoạch tổ chức các hoạt động GD trẻ nếu cần thiết. Kết quả TN được đánh giá cả 3 đợt ở bé DKH thể hiện trong bảng 3.6.

Bảng 3.6 Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm bé DKH

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số độ lệch
Tháng tuổi	3	37.00	43.00	40.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng 1	3	3.00	6.00	4.3333	1.52753	.935	1.225
Nhóm kĩ năng 2	3	1.00	4.00	2.3333	1.52753	.935	1.225
Nhóm kĩ năng 3	3	2.00	5.00	3.3333	1.52753	.935	1.225
Nhóm kĩ năng 4	3	1.00	4.00	3.0000	1.73205	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng 5	3	2.00	4.00	3.3333	1.15470	-1.732	1.225
Tổng điểm	3	9.00	23.00	16.3333	7.02377	-.423	1.225
Hợp lệ	3						

Từ bảng 3.6 cho thấy, qua các lần đo kết quả TN tuổi trung bình của bé DKH là 40 tháng. Điểm nhóm kĩ năng 1 dao động từ 0 đến 5 điểm với điểm trung bình là 3,0 điểm, độ lệch chuẩn là 2,64 điểm. Kỹ năng giao tiếp của DKH ở từng nhóm kĩ năng khá hơn đặc biệt là ở nhóm kĩ năng 2 có điểm DKH động là từ 6 đến 9 điểm, là nhóm kĩ năng có nhiều điểm tiến bộ nhất. Còn ở nhóm kĩ năng 4 có sự tiến bộ thấp nhất điểm dao động là từ 0 đến 4 có điểm trung bình thấp nhất trong các tiêu chí được đo là 2,0 điểm.

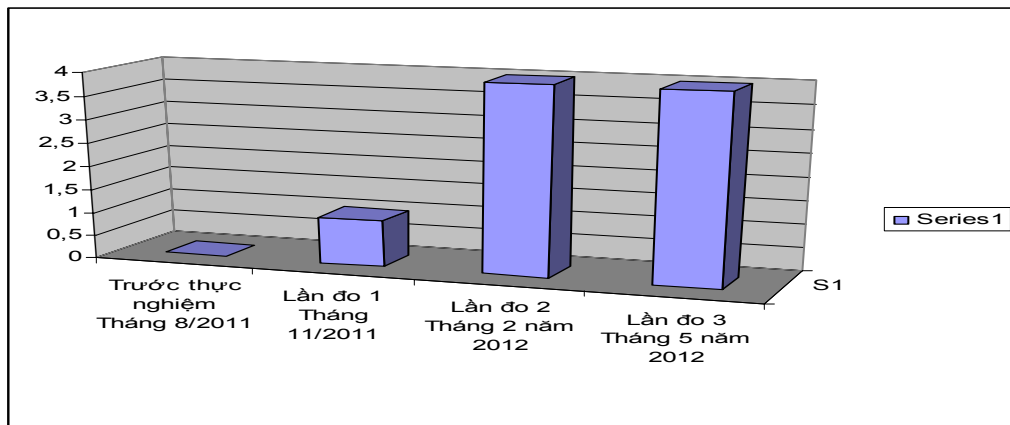
3.2.5.3 Mô tả sự tiến bộ của bé DKH trong quá trình thực nghiệm

- *Về kỹ năng tập trung chú ý:* Trong sinh hoạt hằng ngày, DKH đã biết nhìn và lắng nghe người khác nói chuyện. DKH đã nghe và hiểu được một số hướng dẫn của người lớn nên trong quá trình hòa nhập với các bạn có một số thuận lợi con đã biết giao tiếp và tự nói khi muốn một đồ vật nào đó.

- *Về kỹ năng bắt chước:* Ở kỹ năng bắt chước hành động, lời nói, âm thanh của người khác DKH thực hiện được nhưng có sự trợ giúp của GV và các bạn. Đến cuối giai đoạn TN, DKH biết bắt chước những cử chỉ, điệu bộ của người khác.

- *Về kỹ năng luân phiên:* Trong quá trình giao tiếp hằng ngày DKH đã biết thực hiện kỹ năng luân phiên như lăn bóng, bắt bóng, nghe cô hướng dẫn và vẽ. Điểm trung bình của nhóm KN luân phiên DKH đạt được là 2,33. Độ lệch chuẩn là 1,15. Sai số là 1,225

- *Về kỹ năng hiểu ngôn ngữ :* Trong giai đoạn TN khả năng nghe hiểu ngôn ngữ của DKH đã tăng lên cả những từ trẻ hiểu được và những từ DKH hiểu và nói được. Điều đó giúp cho quá trình nhận thức của DKH cũng khá lên, tạo điều kiện thuận lợi giúp DKH phát triển các KNGT tốt hơn. Lĩnh vực mà DKH hiểu tốt nhất là con số và con chữ. Mặc dù ở độ tuổi mẫu giáo bé nhưng DKH đã biết các mặt số từ 1 – 10 và chữ cái trong bảng chữ cái.



Biểu đồ 3.18 Kết quả đánh giá KN nghe hiểu ngôn ngữ của bé DKH qua các lần đo

Kết quả đo lần 1, DKH hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói kết hợp với hành động và hiểu được tranh chỉ tên đồ vật trong tranh. Kết quả đo lần 2 và 3 DKH hiểu được những chỉ dẫn bằng lời và hiểu được các tình huống chơi giả vờ như cho búp bê ăn, gọi điện thoại, nấu ăn có sự trợ giúp của GV. Khi giao tiếp DKH đã có ý thức hơn

về nhiệm vụ của mình cần phải làm gì như: chú ý nhìn vào đối tượng giao tiếp, lắng nghe, hiểu nội dung giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ để trả lời những câu hỏi đơn giản của đối tượng giao tiếp. Điểm TN lần cuối trẻ đạt được 4 điểm. Điều này phản ánh, để cải thiện độ rõ ràng khả năng nghe hiểu của bé DKH đã tốt lên khi áp dụng các biện pháp thực nghiệm.

Riêng ở kỹ năng Hiểu được tình huống chơi giả vờ đơn giản thì DKH không đạt được. Với TTK thì kỹ năng này là vô cùng khó khăn, DKH rất khó hình dung và trừu tượng khi tham gia các trò chơi.

- Về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ

Kết quả đo tiêu chí sử dụng ngôn ngữ ở bé DKH đã có sự thay đổi đáng kể sau quá trình TN. Đến cuối giai đoạn TN, bé DKH đã có thể sử dụng lời nói để chào và chia tay như: Con chào cô, con chào bố. Khi DKH muốn một đồ vật gì đã biết sử dụng lời nói hoặc hành động để đưa ra yêu cầu. Điểm trung bình của nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ của DKH đạt được là 3,66. Độ lệch chuẩn là 2,5. Sai số là 1,225.

Chúng tôi tiến hành đo kết quả các mặt phát triển của DKH theo Bảng đánh giá KN Small Step thì kết quả cho thấy: Tuổi đời 43th, tuổi trí tuệ là 35th. Tiêu chí chẩn đoán DSM-IV: DKH có 11/49 dấu hiệu. Thang đánh giá CARS: DKH đạt 32 điểm (mức độ nhẹ). Kết quả đánh giá về hành vi giảm hẳn hành vi đi nhón chân, nhại lời, nói các từ linh tinh.

Trong tất cả 10 biện pháp đề xuất chúng tôi nhận thấy biện pháp 4 (Áp dụng các kỹ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK), biện pháp 6 (có GV hỗ trợ tại trường mầm non, Gia đình), Biện pháp 10 (tạo tình huống có vấn đề) rất phù hợp với DKH và thể hiện sự tiến bộ rõ rệt.

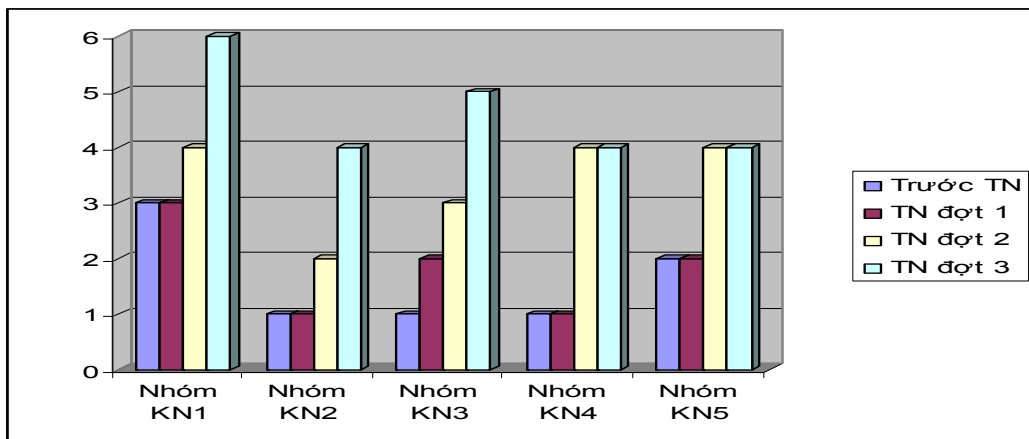
3.2.5.4 So sánh trước và sau TN tổng hợp tất cả các tiêu chí

Nhìn vào các biểu đồ 3.19 và 3.20 cho thấy tất cả các tiêu chí đo kết quả TN ở bé DKH đều có sự thay đổi theo hướng tích cực ở tất cả các lần đo. Kết quả này cho thấy KNGT của bé có sự tiến bộ đặc biệt là nhóm KN nghe hiểu ngôn ngữ.

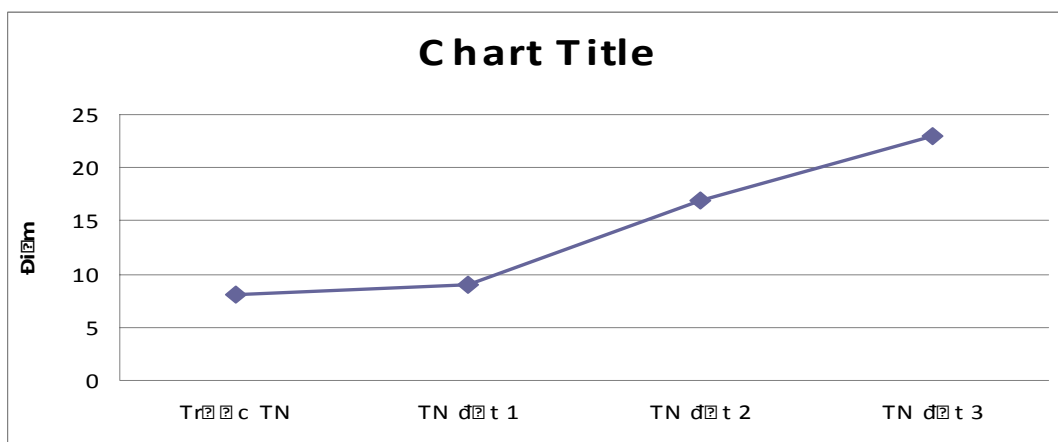
Chúng tôi tiến hành kiểm định sự tiến bộ của bé DKH trước và sau TN xem có sự khác biệt có ý nghĩa hay không, đã sử dụng kiểm định t mẫu cặp (Paired-Samples T Test) về điểm các tiêu chí (Số liệu chi tiết thể hiện trong phụ lục 5).

- Kiểm định t mẫu cặp điểm trước và sau TN của các nhóm kỹ năng giao tiếp 1,2,3,4 và 5: Có mối quan hệ tuyến tính giữa điểm trước và sau TN. Trị số p-value (Sig.(2-tailed)) tương ứng với thống kê t-3,196 là có ý nghĩa ($0,049 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa điểm trước và sau TN.

- Kiểm định mẫu cặp điểm trước và sau TN tiêu chí 2: Có mối quan hệ tuyến tính giữa vốn từ của trẻ trước và sau TN. Trị số p-value (sig.(2-tailed)) tương ứng với thống kê t-23,000 là có ý nghĩa ($0,028 < 0,050$) cho thấy có sự chênh lệch có ý nghĩa giữa KNGT của trẻ trước và sau TN.



Biểu đồ 3.19 Kết quả thực nghiệm của bé DKH qua các lần đo



Biểu đồ 3.20: Điểm trung bình cộng 5 tiêu chí KNGT của bé DKH qua các lần đo TN

Tóm lại, qua kết quả kiểm định t (Paired Samples T Test) của cả 5 nhóm kỹ năng cho thấy điểm trước và sau TN của bé DKH đã có sự thay đổi có ý nghĩa thống kê, hay nói cách khác có bằng chứng rằng có sự tiến bộ về KNGT của bé DKH sau quá trình TN, đặc biệt là nhóm KN nghe hiểu ngôn ngữ. Trong quá trình giao tiếp DKH đã chú ý nghe hiểu và biết sử dụng lời nói để giao tiếp với cô giáo và các bạn, con đã tự tin hơn trong giao tiếp.

3.2.5.5 Kết luận về trường hợp 5 bé DKH

Chúng tôi đã tiến hành phối hợp thực hiện đồng bộ các biện pháp. Kết quả đánh giá quá trình TN trên trẻ cho thấy các biện pháp tổ chức được vận dụng vào trong điều kiện thực tế của DKH là phù hợp và đã mang lại kết quả tích cực trong sự phát triển KNGT của bé.

DKH đã có sự tiến bộ rõ nét các KNGT trong đó tiến bộ nhất là nhóm KN nghe hiểu ngôn ngữ.

3.2.6 Một số ý kiến bình luận về 05 trường hợp nghiên cứu

Bảng 3.7 tổng hợp điểm sau thực nghiệm từ tiêu chí của cả 5 trường hợp nghiên cứu. Điểm trung bình tất cả các tiêu chí đều cao hơn đáng kể so với kết quả khảo sát ngôn ngữ ở phân thực trạng. Điều đó cho thấy các biện pháp TN đã phát triển KNGT của các trẻ. Tuy nhiên sự dao động điểm số của các tiêu chí khá rộng, từ 0 đến 6 điểm. Ở nhóm kỹ năng tập trung chú ý điểm dao động từ 0 đến 6 điểm. Nhóm kỹ năng bắt chước có điểm dao động từ 1 đến 9 điểm. Nhóm kỹ năng luân phiên là từ 1 đến 6 điểm. Kết quả này phản ánh mức độ phát triển KNGT đa dạng ở các TTK khác nhau.

- Kiểm định t mẫu cặp điểm trước và sau thực nghiệm của 5 trẻ

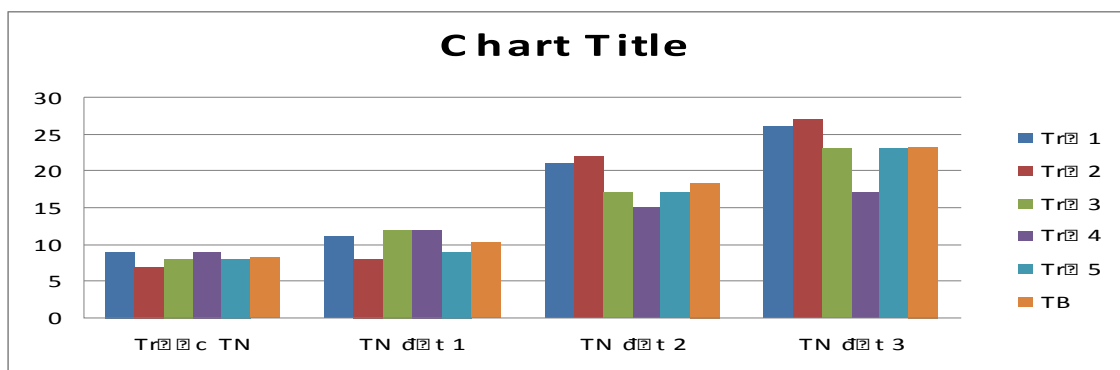
Để kiểm định sự thay đổi trước và sau TN của cả nhóm trẻ có ý nghĩa về mặt thống kê, chúng tôi đã sử dụng kiểm định mẫu cặp (paired – samples T Test) kết quả thu được cho thấy có mối quan hệ tuyến tính giữa điểm trước và sau TN của cả 5 trẻ.

- Trị số p=value (sig.(2-tailed) tương ứng với thống kê t-3,584 là có ý nghĩa ($0,028 < 0,050$) cho phép kết luận rằng có bằng chứng về sự tiến bộ có ý nghĩa về KNGT của các trẻ trước TN và sau TN. Hay nói cách khác KNGT của cả 5 trẻ có sự tiến bộ có ý nghĩa (số liệu chi tiết được trình bày trong phụ lục 5).

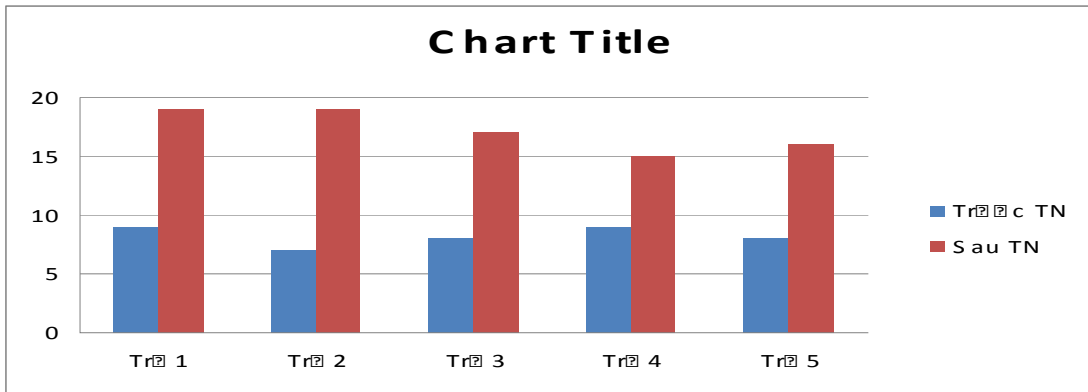
Bảng 3.7 Thống kê mô tả kết quả thực nghiệm của 5 trường hợp nghiên cứu

	Số lượng	Tối thiểu	Tối đa	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Độ lệch	Sai số độ lệch	Độ nhọn	Sai số độ nhọn
Tháng tuổi	15	36.00	48.00	42.8000	3.78342	-.205	.580	-.656	1.121
Nhóm kỹ năng 1	15	.00	6.00	3.4000	2.22967	-.360	.580	-1.109	1.121
Nhóm kỹ năng 2	15	1.00	9.00	4.7333	2.49189	.542	.580	-.716	1.121
Nhóm kỹ năng 3	15	1.00	6.00	3.2667	1.33452	.477	.580	-.007	1.121
Nhóm kỹ năng 4	15	.00	6.00	2.7333	1.70992	.281	.580	-.753	1.121
Nhóm kỹ năng 5	15	.00	6.00	3.2000	2.07709	-.086	.580	-1.184	1.121
Tổng điểm	15	8.00	27.00	17.3333	6.13732	.038	.580	-1.232	1.121
Hợp lệ	15								

Các biểu đồ 3.21 và 3.22 cho thấy kết quả TN đạt được ở 5 trường hợp nghiên cứu không giống nhau. Trường hợp bé Nh.A và DA đạt điểm cao nhất là 19 điểm ở lần đo thứ 3, KNGT của các bé cao hơn hẳn so với thời gian đo trước TN. Bé MĐ đạt điểm thấp nhất so với 4 bạn trong nhóm TN là 15 điểm ở lần đo thứ 3.



Biểu đồ 3.21: So sánh điểm của 5 trẻ các lần đo



Biểu đồ 3.22: So sánh điểm của 5 trẻ trước thực nghiệm và sau thực nghiệm

Để kiểm định sự tiến bộ khác nhau giữa 5 trường hợp nghiên cứu có ý nghĩa về mặt thống kê hay không, chúng tôi phân tích phương sai một yếu tố (one-way ANOVA) để kiểm định có sự khác nhau có ý nghĩa thống kê hay không về từng điểm tiêu chí giữa 5 trường hợp nghiên cứu. Giả thiết H_0 : điểm trung bình của từng tiêu chí trong quá trình thực nghiệm giữa các trẻ là giống nhau, kết quả cụ thể như sau:

- Nhóm kỹ năng tập trung chú ý, thống kê = 2,502 với trị số p-value = 0,087
- Nhóm kỹ năng về bắt chước, thống kê $F = 6,750$ với trị số p-value = 0,003
- Nhóm kỹ năng về luân phiên, thống kê $F = 1,316$ với trị số p-value = 0,309
- Nhóm kỹ năng về nghe hiểu ngôn ngữ, thống kê $F = 2,229$ với trị số p-value = 0,115
- Nhóm kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, thống kê $F = 4,673$ với trị số p-value = 0,012.

Kết quả phân tích cung cấp bằng chứng không có sự khác nhau có ý nghĩa giữa các trung bình điểm từng tiêu chí trong quá trình thực nghiệm giữa các trẻ được nghiên cứu. (số liệu chi tiết được trình bày trong phần phụ lục 5)

Từ kết quả kiểm định trên cho thấy, kết quả thực nghiệm ở 5 trường hợp nghiên cứu có ý nghĩa khác nhau nhưng khi kiểm định tính độc lập ở từng trường hợp nghiên cứu thì sự khác biệt này chưa có ý nghĩa thống kê. Điều này giúp củng cố thêm và khẳng định về sự tiến bộ của mỗi trường hợp nghiên cứu là có ý nghĩa và những tiến bộ của các trường hợp nghiên cứu khá ổn định.

Từ kết quả tổng hợp ở bảng trên, có thể rút ra một số nhận xét sau:

Cả 5 trường hợp nghiên cứu đều được tác động bởi 10 biện pháp và đều thể hiện rõ ràng sự phát triển theo hướng tích cực qua kết quả 3 lần đo. Kết quả đo lần cuối cùng cho thấy trẻ đã đạt được các mục tiêu về phát triển KNGT cho trẻ được đặt ra trong KHGDCN.

Nhìn điểm trung bình chung của kết quả TN đã thay đổi rõ rệt so với kết quả đo trước TN ở cả 5 nhóm kỹ năng. Tuy nhiên sự chênh lệch giữa điểm trước TN và sau TN ở mỗi nhóm kỹ năng là không đều. Trong đó nhóm kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ có sự chênh lệch thấp nhất. Điều này có thể lý giải TTK khó khăn trong giao tiếp nhưng các trẻ có một ưu thế kéo lại là khả năng nghe hiểu ngôn ngữ. Khả năng nghe hiểu ngôn ngữ có mối liên hệ mật thiết với nhóm kỹ năng tập trung chú ý. Trẻ nào có khả năng tập trung chú ý cao thì có kết quả khả năng nghe hiểu ngôn ngữ cao hơn. Điều đó cho thấy muốn phát triển KNGT cho TTK phải quan tâm hàng đầu là nhóm KN tập trung chú ý sau đó mới đến nhóm KN khác.

Trong 05 trường hợp nghiên cứu mỗi cháu có một đặc điểm khác nhau. Xét trên bình diện chung nhất của 05 nhóm kỹ năng giao tiếp như: tập trung chú ý, bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ thì chúng tôi nhận thấy nhóm kỹ năng *bắt chước* của các trẻ là có vẻ khá hơn so với 04 nhóm kỹ năng còn lại là tập trung chú ý, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ. Bởi vì, TTK có điểm mạnh là khả năng chụp hình tốt nên trong quá trình giao tiếp kỹ năng bắt chước được coi là kỹ năng dễ dàng thực hiện hơn đối với trẻ.

Bé DA đã có sự tiến bộ vượt bậc và rõ nét nhất về KNGT so với 4 trẻ còn lại. Cuối giai đoạn thực nghiệm cô giáo và gia đình rất vui về sự tiến bộ của con. DA đã biết chú ý khi cô giáo dạy, con đã biết lắng nghe và hiểu nội dung giao tiếp. Trong các hoạt động hàng ngày con đều thực hiện được nhiệm vụ học tập dưới sự trợ giúp của cô giáo và các bạn. Khi con muốn gì con đã biết nói lên yêu cầu của mình, mặc dù mới chỉ là các từ đơn, từ đôi nhưng giúp cho DA tự tin hơn khi học hòa nhập với các bạn.

Trái ngược với bé DA thì bé ĐA có sự tiến bộ chậm hơn về KNGT, điểm khởi đầu trước thực nghiệm của ĐA so với các bạn khác là đều nhau tổng điểm của

5 nhóm KN là 9 điểm (trước TN), đến cuối giai đoạn TN tăng lên là 17 điểm. Quan sát và theo dõi trường hợp ĐA trong quá trình thực nghiệm thì chúng tôi nhận thấy ĐA không may mắn có một giáo viên phụ trách chính của con ở lớp chuyển sang làm việc ở lớp khác (trong lớp có 3 giáo viên) nên con bị hạn chế hơn trong một thời gian để làm quen với cô giáo mới. Khi chuyển sang cô giáo mới con buồn hẳn, đến lớp con không được vui như trước, con ít tham gia giao tiếp với cô giáo và các bạn. Cô và các bạn luôn phải động viên rất nhiều thì con mới tham gia.

Trong 05 nhóm KNGT ở TTK thì chúng tôi nhận thấy nhóm KN luân phiên là nhóm kỹ năng khó rèn luyện nhất. Vì TTK, đa số các cháu đều có khiếm khuyết đi kèm là tăng động giảm chú ý nên trong quá trình giao tiếp đối với nhóm kỹ năng luân phiên thì vô cùng khó khăn để rèn luyện trẻ. Chẳng hạn như cháu MĐ phải mất 6 tháng chúng tôi mới rèn luyện cho trẻ MĐ được KN chờ đến lượt mình khi trò chơi truyền bóng, lần lượt sử dụng đồ chơi trong giờ chơi với các bạn trong lớp.

Muốn hình thành KNGT cho TTK cần phải có sự kiên trì tác động trong một thời gian dài. Kết quả này cũng khẳng định các biện pháp chuẩn bị, tổ chức và hỗ trợ tổ chức phát triển KNGT cho TTK cần được vận dụng một cách linh hoạt cho phù hợp với từng trẻ, để giúp cho mỗi trẻ đều được phát triển KNGT một cách tốt nhất. Qua đó cũng cho thấy sự hợp lý của các biện pháp đã được đề xuất luôn nhấn mạnh cả yếu tố kỹ thuật tổ chức cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN.

Cả 5 trường hợp trẻ được nghiên cứu đều chịu sự tác động của 10 biện pháp với quy trình như nhau nhưng liều lượng và cách tác động khác nhau tùy thuộc vào đặc điểm của từng trẻ, cuối cùng cho ra kết quả khác nhau. Chính vì vậy tại các thời điểm đo kết quả từng trẻ có sự khác biệt về thống kê. Kết quả này cho thấy mỗi đứa trẻ là một cá nhân riêng biệt, sự phát triển KNGT của trẻ là hết sức đa dạng ở mỗi TTK. Nên trong quá trình GDHN cần chú trọng đến tính cá biệt.

Kết luận chương 3

Qua quá trình thực nghiệm tác động trên 5 trường hợp nghiên cứu, chúng tôi đưa ra nhận xét sau:

1. Giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi học hòa nhập ở trường mầm non có sự tiến bộ có ý nghĩa thống kê dưới tác động của các biện pháp thực nghiệm
2. Kết quả thực nghiệm khẳng định biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi được áp dụng tại lớp học hòa nhập ở trường mầm non là hợp lý và có hiệu quả việc nâng cao khả năng giao tiếp của TTK được thể hiện:
 - Quá trình chuẩn bị tổ chức phát triển KNGT, tổ chức phát triển KNGT và hỗ trợ tổ chức phát triển KNGT cho TTK là hợp lý, khoa học, vừa sức, phù hợp với đặc điểm của TTK và lớp học hòa nhập, giúp cho TTK đạt được mục tiêu giáo dục cá nhân và đặc biệt là mục tiêu phát triển KNGT mà không ảnh hưởng tới kết quả hoạt động học tập của trẻ bình thường.
 - Các biện pháp phát triển KNGT cho TTK trong lớp học hòa nhập ở trường MN đưa ra tác động tổng thể đến sự phát triển KNGT của TTK từ nhóm kỹ năng tập trung chú ý đến bắt chước, luân phiên, nghe hiểu ngôn ngữ đến kỹ năng sử dụng ngôn ngữ để giúp trẻ vận dụng vào quá trình giao tiếp trong cuộc sống hằng ngày.
3. Thực nghiệm áp dụng toàn bộ biện pháp đã được xây dựng, song ở từng thời điểm và từng trẻ thì mức độ áp dụng các biện pháp khác nhau. Do vậy, trong giáo dục TTK chúng ta cần chú trọng đến tính cá biệt. Không được đánh đồng mọi trẻ là giống nhau, không được sao chép cách chăm sóc – giáo dục của trẻ này vận dụng cho trẻ khác mà GV cần có sự vận dụng linh hoạt, sáng tạo cho phù hợp với đặc điểm riêng biệt của từng trẻ cũng như hoàn cảnh gia đình.
4. Kết quả thực nghiệm đạt được khác nhau ở các trẻ trong luận án này cũng mở ra hướng nghiên cứu mới về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển KNGT cho TTK. Từ khi phát hiện, can thiệp cho đến tổ chức GDHN, hỗ trợ GDHN như thế nào để TTK có thể khắc phục những khiếm khuyết của mình, phát triển KNGT một cách tốt nhất. Tất cả các yếu tố cần theo một quá trình và mỗi KNGT đều có mối liên hệ với nhau. Khi phát triển KNGT cho TTK chúng ta phải hướng đến sự phát triển của tất cả các kỹ năng.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1 TTK là những trẻ chậm chễ trong ngôn ngữ nói hoặc ngôn ngữ nói khác thường; giao tiếp và tương tác kém, có những hành vi rập khuôn, định hình, khả năng tư duy trừu tượng kém. Mỗi TTK đều có đặc điểm khác nhau nhưng có một điểm chung là khó khăn về giao tiếp.

1.2 Trên cơ sở thu thập, tổng hợp, phân tích các kết quả nghiên cứu khoa học nước ngoài và trong nước có liên quan tới TTK và phát triển KNGT cho TTK, luận án đã khẳng định mối quan hệ giữa quá trình tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non và sự phát triển KNGT cho TTK. Mặt khác hoạt động phát triển KNGT trong lớp học hòa nhập ở trường mầm non không chỉ thể hiện các đặc điểm của tổ chức hoạt động giáo dục cho trẻ mà còn mang tính chất can thiệp song vẫn không ảnh hưởng tới hoạt động của lớp, chương trình lớp học.

1.3 Hiện nay TTK đã được học hòa nhập ở các trường mầm non, khó khăn lớn nhất của TTK khi học hòa nhập ở trường mầm non là giao tiếp. Vốn từ ít, khó khởi xướng cuộc giao tiếp nên trong hoạt động hằng ngày trẻ gặp nhiều khó khăn khi giao tiếp với cô giáo và các bạn. Hơn nữa, hiện nay trong các trường mầm non các thành phố lớn có nhiều TTK theo học nhưng còn một số hạn chế cần được điều chỉnh như về số lượng trẻ quá đông, nhận thức của giáo viên kiến thức, kỹ năng, phương pháp dạy cho TTK..., cần tăng cường thiết lập mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường trong quá trình chăm sóc và dạy trẻ, cần có chế độ ưu đãi dành cho giáo viên dạy hoà nhập. Kết quả thực trạng cũng cho thấy có một bộ phận giáo viên đã có nhận thức đúng về các biện pháp phát triển KNGT cho TTK tuy nhiên còn có những hạn chế khi áp dụng trong thực tế. Một số giáo viên nhận thấy những khó khăn của TTK nên họ dành nhiều tình yêu thương cho TTK, chiều chuộng trẻ hơn, thậm chí không bao giờ phạt trẻ, tuy nhiên đây không phải là phương pháp giáo dục tốt đối với TTK. Với nhiều TTK, giáo viên cần phải nghiêm khắc và ra lệnh rõ ràng không nuông chiều trẻ, trẻ càng hư. Một số giáo viên có sự kỳ vọng thấp về TTK, họ cho rằng, trẻ phát triển chậm và ở trên lớp TTK phải theo tất cả các hoạt động

như trẻ bình thường không giảm nhẹ, cũng không giúp đỡ như vậy, sợ rằng trẻ sẽ không cố gắng. Nguyên nhân của thực trạng trên là do thiếu nghiên cứu một cách có hệ thống biện pháp phát triển KNGT cho TTK cũng như thiếu sự phối hợp chặt chẽ trong chỉ đạo, hướng dẫn của các nhà nghiên cứu, cơ quan quản lý về hướng dẫn thực hiện giáo dục hòa nhập cho TTK và công tác bồi dưỡng, trao đổi chuyên môn, hỗ trợ tài liệu tham khảo cho các cơ sở giáo dục hòa nhập.

1.4 Việc nghiên cứu và xây dựng các biện pháp phát triển KNGT cho TTK 3 – 4 tuổi được tiến hành dựa trên đặc điểm của TTK, tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non, phối hợp hài hòa sự tác động giáo dục tất cả trẻ trong lớp mẫu giáo hòa nhập và hỗ trợ cá nhân, sự tương tác tích cực giữa các trẻ em với nhau và giữa giáo viên với trẻ. Sự phát triển của TTK diễn ra theo quy luật nhất định song hướng đến mục tiêu là phát triển KNGT.

1.5 Các biện pháp tổ chức phát triển KNGT cho TTK được xây dựng đảm bảo yêu cầu chung trong tổ chức các hoạt động hằng ngày ở trường mầm non, đảm bảo vai trò chủ thể của trẻ trong quá trình tham gia các hoạt động, tạo tương tác tích cực giữa trẻ bình thường và TTK trong hoạt động hằng ngày, thúc đẩy quá trình phát triển KNGT cho TTK phù hợp với xu thế giáo dục TTK trên thế giới và trong khu vực là môi trường tốt cho TTK phát triển KNGT và mọi mặt là môi trường GDHN. Các biện pháp tác động vào toàn bộ quá trình tổ chức các hoạt động hằng ngày của GV lớp mẫu giáo hòa nhập và hỗ trợ gia đình trẻ.

1.6 Bằng kết quả thực nghiệm đã chứng minh rằng: 10 biện pháp cụ thể được nghiên cứu và đề xuất trong luận án là một hệ thống liên hoàn, chặt chẽ, mang tính khoa học, độ tin cậy, tính khả thi và hiệu quả cao trong điều kiện của nước ta hiện nay.

1.7 Để giúp TTK phát triển KNGT rất cần các biện pháp tác động của giáo viên phù hợp và bên cạnh đó cần có sự phối hợp đồng bộ của gia đình – nhà trường – xã hội. Đặc biệt các phụ huynh cần tin tưởng rằng TTK có những khiếm khuyết và hội chứng đi kèm làm ảnh hưởng không tốt đến sự hình thành và phát triển nhân cách của trẻ nhưng nếu trẻ được quan tâm, can thiệp sớm, GDHN tốt thì sẽ khắc phục

được những khiếm khuyết của trẻ, trẻ có thể tự tin trong giao tiếp, học được kiến thức văn hóa, hòa nhập cộng đồng và trở thành con người có ích trong xã hội.

2. Khuyến nghị

Qua kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về “*Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 – 4 tuổi*”, chúng tôi xin đề xuất một số ý kiến như sau:

2.1 Nhà trường nên có sự hỗ trợ động viên với các giáo viên dạy lớp hoà nhập có trẻ khuyết tật nói chung và TTK nói riêng, nên sắp xếp số lượng trẻ trong lớp có TTK phù hợp có 1 đến 2 trẻ trong một lớp, lớp học có trẻ Tự kỷ học hòa nhập nên được giảm sĩ số so với các lớp khác; nên tổ chức những lớp tập huấn nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp chăm sóc và giáo dục cho giáo viên dạy hòa nhập TTK, tạo môi trường thuận lợi cho TTK phát triển trong môi trường học tập, vui chơi hoà nhập. Thiết lập mối quan hệ với gia đình trẻ nhằm trao đổi, thống nhất kế hoạch chăm sóc và phát triển KNGT cho TTK. Cần phải có cái nhìn đa dạng về TTK, không có quan điểm đánh đồng tất cả trẻ đều có sự tiến bộ giống nhau khi tổ chức giáo dục hòa nhập cho trẻ.

2.2 Để giúp TTK học hòa nhập đạt kết quả tốt cần có hoạt động hỗ trợ cá nhân có thể là giáo viên hỗ trợ cho TTK ngay tại lớp hoặc giáo viên hỗ trợ đi kèm trẻ trong các hoạt động hàng ngày trong thời gian đầu trẻ ra học hòa nhập. Do vậy, Bộ giáo dục và đào tạo cần nghiên cứu, xây dựng đội ngũ giáo viên hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục hòa nhập và cơ chế xã hội hóa cùng với phụ huynh đóng góp để giúp cho TTK có được cơ hội Hỗ trợ cá nhân trong quá trình giáo dục hòa nhập. Khi trẻ có những tiến bộ thì giảm dần hoạt động Hỗ trợ cá nhân đi.

2.3 Giáo viên dạy hòa nhập TTK có vai trò rất quan trọng, sự phát triển của trẻ phụ thuộc vào phương pháp dạy học của giáo viên do vậy giáo viên phải tự trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ của mình để có sự hiểu biết hơn về trẻ khuyết tật và đặc biệt là TTK. Luôn học hỏi, trau dồi kinh nghiệm dạy học và chăm sóc trẻ theo hướng tích cực. Chủ động liên lạc với gia đình trẻ để thông báo cũng như thiết lập mối quan hệ nhằm xây dựng những kế hoạch và có những phương pháp, biện pháp dạy

trẻ tốt hơn. Trong quá trình dạy TTK cần có tình yêu thương trẻ, cảm thông với gia đình và sự kiên trì chịu đựng khi TTK có những biểu hiện bùng nổ về hành vi lệch chuẩn.

2.4 Các cơ quan đào tạo, quản lý, nghiên cứu GDMN cần nghiên cứu, xây dựng tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo để tăng cường nguồn thông tin chuyên môn cho các cơ sở giáo dục mầm non, đặc biệt là tổ chức hoạt động giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu và khả năng đa dạng của trẻ em trong thực hiện chương trình giáo dục mầm non, nâng cao hiệu quả giáo dục hòa nhập.

2.5 Các cơ quan quản lý giáo dục và các tổ chức xã hội cần nâng cao công tác thông tin tuyên truyền để nâng cao nhận thức cho cộng đồng về TTK, giáo dục hòa nhập để giúp TTK có thể học tập đạt kết quả tốt nhất.

2.6 Phụ huynh cần chủ động liên hệ với giáo viên để trao đổi về vấn đề của con ở trường, chủ động tìm tòi tài liệu, học hỏi kinh nghiệm, có thái độ thông cảm, với giáo viên, tích cực tìm hiểu về những phương pháp dạy con hiệu quả, tiếp thu lắng nghe ý kiến, kinh nghiệm của những người đi trước hay những người có kinh nghiệm trong dạy con để giúp con mình tiến bộ. Tích cực tham gia các câu lạc bộ như câu lạc bộ gia đình Tự kỷ để được chia sẻ về tài liệu tham khảo, kinh nghiệm thực tế hay những phương pháp mới giúp cho việc dạy con mình đạt kết quả cao hơn. Phụ huynh cần hiểu con mình, không nên nhìn phiến diện, bi quan về sự phát triển của con. Mỗi TTK đều có sự phát triển cá biệt riêng, có trẻ tốt ở mặt này nhưng lại kém ở mặt khác.

2.7 Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu cơ chế phối hợp giữa ngành y tế, các cơ sở can thiệp sớm cho TTK, các trường mầm non thực hiện giáo dục hòa nhập cho TTK để có sự hỗ trợ đồng bộ giúp TTK học hòa nhập.

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ ĐÃ ĐƯỢC
CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Nguyễn Thị Thanh (2008), “Biện pháp khắc phục hành vi bất thường cho trẻ tự kỷ”, *Tạp chí khoa học giáo dục* (số 31), trang 13 – 16
2. Nguyễn Thị Thanh (2013), “Đặc điểm giao tiếp của trẻ tự kỷ”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục* (số 89), trang 42 – 46
3. Nguyễn Thị Thanh (2013), “Đánh giá trẻ tự kỷ”, *Tạp chí Thiết bị giáo dục* (số 90), trang 10 - 14
4. Nguyễn Thị Thanh (3/2013), “Biện pháp phát triển kỹ năng giao tiếp cho trẻ tự kỷ”, *Tạp chí khoa học giáo dục* (số 90), trang 53 - 56
5. Nguyễn Thị Thanh (11/2013), “Vai trò của nhân viên công tác xã hội với trẻ em”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương*
6. Nguyễn Thị Thanh (12/2013), “Biện pháp nâng cao chất lượng thực hành, thực tập lớp song ngành Giáo dục mầm non và Giáo dục đặc biệt”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học Trường Cao đẳng sư phạm Trung ương*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Nữ Tâm An (2007), *Sử dụng phương pháp TEACCH trong giáo dục trẻ Tự kỷ tại Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ.
2. Hoàng Anh (chủ biên), Đỗ Thị Châu, Nguyễn Thạc (2007), *Hoạt động giao tiếp nhân các*, Nxb Đại học sư phạm.
3. Đào Thanh Âm (chủ biên) (1995), *Giáo dục mầm non* (tập 1,2,3), Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
4. Bệnh viện Nhi Trung Ương (2004), *Hướng dẫn thực hành Denver II*, Bộ y tế, Hà Nội.
5. Bệnh viện tâm thần Trung ương (1992), *Phân loại bệnh Quốc tế về các rối loạn tâm thần và hành vi*, Viện sức khỏe tâm thần, Hà Nội.
6. Hồ Thanh Bình, Phạm Minh Hạc (1978), *Tuyển tập các bài báo Những vấn đề lịch sử của tâm lý học, tâm lý học đại cương, tâm lý học thần kinh, tâm lý học sư phạm*, Nxb Tiến Bộ.
7. Nguyễn Thanh Bình (2009), *Giáo trình chuyên đề về giáo dục kỹ năng sống*, Nxb Đại học sư phạm.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Số: 23/ 2006/QĐ-BGDĐT (2006), *Quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật*, Hà Nội.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Chương trình Giáo dục mầm non*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Huy Cận (2006), *Các quá trình hình thành và phát triển ngôn ngữ trẻ em*, Luận án Tiến sĩ ngôn ngữ học.
11. Nguyễn Huy Cận (chủ biên) (1987), *Một số vấn đề của việc nghiên cứu ngôn ngữ trẻ em và việc dạy nói cho trẻ*, (Tài liệu tổng thuật), Viện thông tin khoa học xã hội.
12. Cao Minh Châu (2004), *Một số dạng tật thường gặp ở trẻ em cách phát hiện và huấn luyện trẻ*, Nxb Y học, Hà Nội.

13. Vũ Thị Chín (1987), *Chỉ số phát triển sinh lý, tâm lý từ 0 – 3 tuổi*, Nxb Văn hóa thông tin.
14. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Luật người khuyết tật*, 51/2010/QH12.
15. Phạm Khắc Chương (1991), *J.A Comenxki – Nhà sư phạm lỗi lạc*, Nxb giáo dục Hà Nội.
16. Daniel Tammet (2010), *Sinh vào ngày xanh, (Tự truyện của một người Tự kỷ, một trí tuệ phi thường)*, Biên dịch Phạm Ngọc Diệp, Nguyễn Dung, Nxb trẻ.
17. Trịnh Đức Duy (2000), *Day học hoà nhập cho trẻ khuyết tật*, Nxb Chính trị Quốc Gia, Hà Nội.
18. Ngô Xuân Diệp (2009), *Nghiên cứu nhận thức của TTK tại Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận án tiến sĩ tâm lý học.
19. Phạm Văn Đoàn (1995), *Tâm bệnh lý trẻ em*, Nxb Thế giới.
20. Nguyễn Văn Đồng (2009), *Tâm lý học giao tiếp*, Nxb Chính trị - Hành chính.
21. Elen Notbohm (2010), *Mười điều trẻ Tự kỷ mong muốn bạn biết*, Nxb Đại học sư phạm TP Hồ Chí Minh
22. Phạm Minh Hạc – Trần Trọng Thủy (1998), *Tâm lý học tập 1*, Nxb Giáo dục.
23. Vũ Bích Hạnh (2004), *Hướng dẫn thực hành âm ngữ trị liệu*, Nxb Y học, Hà Nội.
24. Vũ Thị Bích Hạnh (2007), *Trẻ Tự kỷ - Phát hiện sớm và can thiệp sớm*, Nxb Y học, Hà Nội.
25. Nguyễn Thị Kim Hiền (2006), *Giáo dục hoà nhập trẻ khuyết tật ngôn ngữ bậc tiểu học*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
26. Nguyễn Thị Hòa (2003), *Biện pháp tổ chức trò chơi học tập nhằm phát huy tính tích cực nhận thức của trẻ mẫu giáo lớn (5 – 6 tuổi)*, Luận án tiến sĩ giáo dục học.

27. Ngô Công Hoàn (2011), *Giao tiếp và ứng xử của cô giáo với trẻ em*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
28. Hội tâm lý – Giáo dục học Việt Nam (1997), *LX Vygotski – Nhà tâm lý học kiệt xuất thế kỷ XX*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội.
29. Lê Xuân Hồng (2004), *Một số vấn đề về giao tiếp và giao tiếp sư phạm trong hoạt động của giáo viên mầm non*, Nxb Giáo dục.
30. Lê Thu Hương, Lê Thị Ánh Tuyết, Trần Thị Ngọc Trâm (2009), *Hướng dẫn tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non*, Nxb Giáo dục Việt Nam.
31. Kak – Hai - Nodich (1990). *Dạy trẻ học nói như thế nào*, Nxb giáo dục Hà Nội
32. Lê Khanh (2003), *Trẻ Tự kỷ - Những thiên thần bất hạnh*, Nxb Phụ nữ.
33. Nguyễn Công Khanh (2000), *Tâm lý trị liệu*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
34. Vũ Ngọc Khánh, Phạm Minh Thảo, Nguyễn Thị Thu Hà (2003), *Từ điển văn hóa giáo dục Việt nam*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội.
35. Khoa Giáo dục đặc biệt Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Trích dịch các bài tập trong cuốn “*sự can thiệp về hành vi cho trẻ em Tự kỷ*” của Catherine Maurice.
36. Nguyễn Xuân Khoa (1999), *Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mẫu giáo*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
37. Đặng Bá Lâm (2007), *Giáo dục, tâm lý và sức khỏe tâm thần trẻ em Việt Nam*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
38. Lary King (2008), *Bí quyết giao tiếp*, Người dịch Phạm Minh Đức, Nxb Hồng Đức.
39. Nguyễn Lân (1997), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội.
40. Nguyễn Văn Lê (1992), *Vấn đề giao tiếp*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
41. Linda Maget (2009), *Nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ*, Nxb Hồng Đức.
42. Nguyễn Đức Minh, Phạm Minh Mục, Lê Văn Tạc (2006), *Giáo dục trẻ khuyết tật Việt Nam*, Một số vấn đề lí luận và thực tiễn, Nxb giáo dục.
43. Lê Phương Nga (2004), *Chương trình dạy ngôn ngữ ứng xử cho TTK*, Tài liệu tham khảo, TPHCM.

44. Phan Trọng Ngọ, Nguyễn Đức Hường (2003), *Các lý thuyết phát triển tâm lý người*, Nxb Đại học sư phạm.
45. Nguyễn Thị Oanh (2007), *Làm việc theo nhóm*, Nxb trẻ.
46. Hoàng Thị Phương (2003), *Một số biện pháp giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa cho trẻ 5 – 6 tuổi*, Luận án tiến sĩ, Viện khoa học giáo dục.
47. Tổ chức cứu trợ trẻ em của Thụy Điển (1998), *Tiến tới giáo dục hòa nhập Kinh nghiệm Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
48. Dương Thiệu Tống (2000), *Thống kê ứng dụng trong nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
49. Nguyễn Văn Thành (2006), *Trẻ em Tự kỷ phương thức giáo dục*, Nxb Tôn giáo.
50. Đỗ Thị Thảo (2004), *Xây dựng kế hoạch hỗ trợ giáo viên và cha mẹ TTK trong chương trình Can thiệp sớm tại Hà Nội*, Luận văn Thạc sỹ giáo dục học.
51. Trần Thị Thiệp, Bùi Thị Lâm, Hoàng Thị Nho, Trần Thị Minh Thành (2006), *Can thiệp sớm và Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật*, Nxb giáo dục.
52. Thủ tướng chính phủ (2012), *Chiến lược phát triển giáo dục 2011 – 2020*.
53. Trần Thị Lệ Thu (2002), *Đại cương về Giáo dục trẻ Chậm phát triển trí tuệ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
54. Trần Thị Lệ Thu (2010), *Đại cương Can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật trí tuệ*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
55. Đào Thu Thủy (2008), *Xây dựng bài tập phát triển giao tiếp tổng thể cho trẻ Tự kỷ tuổi mầm non*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Viện, Viện khoa học giáo dục Việt Nam.
56. Lại Kim Thúy (2001), *Tâm bệnh học*, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
57. Lưu Thu Thủy (1995), *Quy trình giáo dục hành vi giao tiếp có văn hóa với bạn cùng lứa tuổi cho học sinh các lớp 4,5 trường tiểu học*, Luận án tiến sỹ giáo dục học.
58. Trung tâm giáo dục trẻ có tật (1993), *Giáo dục trẻ có tật tại gia đình*, Viện khoa học giáo dục, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội

59. Trung tâm tật học, Viện khoa học giáo dục (1995), *Giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
60. Trung tâm tật học, Viện khoa học giáo dục (2001), *Giáo dục hòa nhập và cộng đồng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
61. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Trần Hữu Luyến, Trần Quốc Thành (2000), *Tâm lý học đại cương*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
62. Phan Thanh Vân (2010), *Giáo dục kỹ năng sống cho học sinh Trung học phổ thông thông qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*, Luận án tiến sĩ, Đại học Thái Nguyên.
63. Võ Nguyễn Tinh Vân (2002), *Đẻ hiểu Tự kỷ*, Nxb Bamboo, Australia.
64. Võ Nguyễn Tinh Vân (2002), *Nuôi con bị Tự kỷ*, Nxb Bamboo, Australia.
65. Võ Nguyễn Tinh Vân (2004), *Chứng Asperger và chứng NLD*, Nxb Bamboo, Australia.
66. Võ Nguyễn Tinh Vân (2006), *Tự kỷ và trị liệu*, Nxb Bamboo, Australia.
67. Nguyễn Khắc Viện (2001), *Từ điển tâm lý*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
68. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2012), *Giáo dục đặc biệt và những thuật ngữ cơ bản*, Nxb Đại học Sư phạm.
69. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2012), *Tự kỷ - những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học Sư phạm.

Tiếng Anh

70. Abraham M.C (2002), *Addressing Learning Differences Sensory Intergration*, Frank Schaffer Publications, Michigan, U.S.A.
71. American Spychiatric Association (2003), *Quick Reference to the Diagnostic Criteria From DSM – IV – TR™*, Washington DC, APA.
72. Autism Society of America(2004), *What is autism ?* Retrieved February 1, 2004.
73. Autistic Association of New South Wales, *Visual timetables*.

74. Barratt P Cassell C, Hayes B, Reader T, Whitaker P, and Parkinson A, (2001), *Autism How to help your young child*, The National Autistic Society, London, England.
75. Bayley N (1993), *Bayley Scales of Infant Development*, The Psychological Corporation, U.S.A.
76. Brenda Smith Myles, Jack Southwick (1999), *Asperger Syndrome and Difficult Moments, Practical Solutions for Tantrums, Rage, and Meltdowns*, California Pub H.
77. Brereton A.V and Tonge B.J (2005), *Pre schoolers with Autism*, Jessica Kingsley Publishers, London, England.
78. Bryna Siegel, Ph.D (2003), *Helping children with Autism learn*, Oxford university press.
79. Charles A. Hart, Claire Zion (2000), *Parent's Guide to Autism*, Pocket Books Pub H.
80. Dod S (2005), *Understanding Autism*, Elsevier, New South Wales Australia.
81. Fred R.Volkmar, Rhea Paul, Ami Klin and Ponal Cohen (2000), *Handbook Autism and Pervasive Developmental Disorders*, Vol 1 and 2 Cambridge Uni.
82. Gary Mesibov & Marie Howley (2003), *Accessing the Curriculum for pupil with Autistic spectrum Disorder*, David Fulton Publishers.
83. Greenspan S.I and Wieder S (2006), *Engaging Autism*, Da Capo, U.S.A
84. Hamilton L M (2000), *Facing Autism*, Water Book Press, U.S.A.
85. Harris S.L and Weiss M.J (1998). *Right from the start Behavioral intervetion for young Children with Autism*, Woodbine House, U.S.A
86. Hart C.A (1993), *A parent's Guide to Autism*, Pocket Books, New York, U.S.A.
87. Hodgdon L.A (2003), *Solving Behavior Ptoblems in Autism*, QuirkRoberts Publishing, Michigan, U.S.A.
88. Howlin P (2000), *Autism Preparing for Adulthood*, Routledge Publishing, New York, U.S.A.

89. Hudenko W.J (2004), *A Comparative Study of Laung Acoustics in children with without Autism*, Vanderbilt University, U.S.A.
90. Hull Learning Services (2004), *Supprting Children with Autistic spectrum disorder*, David Fulton Publishers.
91. I Sabelle Rapin, *Preschool Children with Inadequate Communication, Developmental Language Disorder, Autism, Mental Deficiency*, Cambridge Uni (1996).
92. Ives M and Munro N (2002), *Caring for A child with Autism*, Jessica Kingsley Publishers, London, UK.
93. Kanner,L (1943), *Autistic disturbances of affective contact*, Nervuos Child.
94. Karyn Seroussi, *Unraveling the Mystery of Autism and Pervasive Developmental Disorder*, Oxford Uni (2000).
95. Kolvin, I (1971), *Studies in the childhood psychoses Diagnostic criteria and classification*, British Journal of Psychiatry
96. Laura J.Hall (2009) “*Autism spectrum disorders – from theory to practice*”. Pearson Education, Inc Upper Saddle River, New Jersey U.S.A
97. Lorna Wing (1996), *The Autistic Spectrum. A guide for parents and profeionals*, Constable.
98. Marlene Targ Brill (2001), *Keys to parenting the child with Autism*, Barron’ Publishing House.
99. Michael D. Powers (2001), *Children with Autism, A Parent’s Guide (2nd Edition)*
100. Mike Stanton (2000), *Learning to Live with High Functioning Autism*, Jessica Kingsley Pub H
101. Moira Pieterse and Robin Treloar with Sue Cairns, Diana Uther and Erica Brar (1989), *Small Step (an early intervention program for children with development delays)* Macquarie university, Sydney.
102. Rogers SJ and Dawson G. (2009), *Play and Engagement in Early Autism, The Early Start Denver Model. Volume I, The Treatment* New York:

103. Rutter, M (1968), *Concepts of autism: a review of research*, Journal of Child Psychology and Psychiatry.
104. Simon Baron Cohen (2008), *Autism and Asperger*, Oxford University Press
105. Steven Gutstein.Ph.D (2009), *Activities for young children*, Connect 4130 Bellaire Blvd, Suite 210, Houston, Texas 77025, USA.
106. Temple Grandin (1995), *Thinking in the picture*, and other report from my life with Autism, Doubleday.
107. Teresa Bolick (2001), *Asperger Syndrome and Adolescence, Helping Preteens and Teens Get Ready for the Real World*, Fair Winds Pub H.
108. Travis Thompson (2011), *“Individualized Autism Intervention for young children”*, Paul H. Brookes Publishing Co, Inc U.S.A
109. Turner L.M (2005), *Social and Nonsocial Orienting in Young Children with Autism, Developmental Disorders and Typical development* Vanderbilt University, U.S.A.
110. Uta Frith (1992), *Autism and Asperger Syndrome*, Cambridge Uni.
111. Volkmar F.R, Paul R, Klin A, Cohen D (2005), *Handbook of Autism and Pervasive Developmental Disorders*, Volume two, published by John Wiley & Sons, U.S.A.
112. Wing L (1998), *The Autistic Spectrum*, Constable and Company Limited London.
113. World Health Organization (1997), *Let's Communication Difficulties*.
114. Zager,D (1991), *Autism: Identification, education and treatment*, Mahwah, NJ Earbaum.

Trang Web

115. www.autism.com
116. www.cdc.gov
117. www.concuame.com
118. www.lamchame.com
119. www.meyeucon.com
120. www.tamlyhoc.net
121. www.tretuky.com
122. www.vnspeechtherapy.com

PHỤ LỤC 1

Bảng đánh giá mức độ Tự kỷ ở trẻ em (C.A.R.S)

Họ và tên : Giới : Nam ... Nữ:..... Số hồ sơ:.....

Ngày sinh Ngày đánh giá:..... Người đánh giá:.....

Chỉ dẫn:

Mỗi lĩnh vực của thang CARS có một ô trống ở dưới mỗi mức độ để ghi chú kết quả quan sát được tương ứng với mỗi mức độ. Sau khi quan sát trẻ đánh giá kết quả tương ứng với mỗi mục của mức độ đó. Tại mỗi mục, khoanh tròn vào số ứng với tình trạng mô tả đúng nhất của trẻ. Chúng ta có thể chỉ ra trẻ có tình trạng nằm giữa hai mức độ bằng việc cho điểm 1,5; 2,5 hoặc 3,5. Mỗi mức độ có góc tiêu trí đánh giá ngắn gọn.

I. QUAN HỆ VỚI MỌI NGƯỜI		II BẮT CHƯỚC	
1	<i>Bình thường:</i> Có thể thấy được một số hiện tượng bẽn lễn, nhắng nhít hoặc khó chịu khi bị yêu cầu làm việc gì.	1	<i>Bình thường:</i> trẻ có thể bắt chước âm thanh, lời nói, hành động phù hợp với khả năng của mình.
1,5		1,5	
2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ tránh tiếp xúc với người lớn bằng ánh mắt, hoặc trở nên nhắng nhít nếu có sự tác động của người lớn, bẽn lễn không phản ứng với người lớn, bám chặt vào bố mẹ.	2	<i>Mức độ nhẹ:</i> trẻ bắt chước được các hành động đơn giản như vỗ tay hoặc lời nói. Thỉnh thoảng trẻ chỉ bắt trước khi có sự khích lệ của người khác.
2,5		2,5	
3	<i>Mức độ trung bình:</i> Thỉnh thoảng trẻ thể hiện sự tách biệt. Để thu hút sự chú ý của trẻ, đôi khi cần những nỗ lực liên tục và mạnh mẽ.	3	<i>Mức độ trung bình:</i> trẻ chỉ có thể bắt chước khi có sự giúp đỡ thường xuyên của người lớn.
3,5		3,5	
4	<i>Mức độ nặng:</i> trẻ luôn cách biệt hoặc không nhận thức được những việc người lớn đang làm. Trẻ hầu như không bao giờ đáp ứng hoặc khởi đầu quan hệ với người lớn.	4	<i>Mức độ nặng:</i> trẻ rất ít và không bao giờ bắt chước âm thanh, lời nói, hành động ngay cả khi có sự khích lệ và giúp đỡ của người lớn.
III. ĐÁP ỨNG TÌNH CẢM		IV. CÁC BIỆN PHÁP CƠ THỂ	
1	<i>Bình thường:</i> Trẻ thể hiện đúng với tình huống và mức độ tình cảm thông qua nét mặt điệu bộ và thái độ.	1	<i>Bình thường:</i> Trẻ chuyển động thoải mái, nhanh nhẹ và phối hợp các động tác như những trẻ bình thường cùng lứa tuổi.
1,5		1,5	
2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ đôi khi thể hiện tình cảm không bình thường với thể loại và mức độ tình cảm. Phản ứng đôi khi không liên quan đối tượng hoặc sự việc xung quanh	2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ đôi khi thể hiện một số hiểu biết khác thường nhỏ. Ví dụ động tác lặp đi lặp lại, hợp tác kém, thỉnh thoảng có một số động tác bất thường.
2,5	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ biểu hiện không bình thường với tình huống. Phản ứng của trẻ khá hạn chế hoặc quá mức hoặc không liên quan đến	2,5	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ nhìn chăm chăm vào một chỗ nào đó trên cơ thể. Tự mình kích động, đu đưa, ngón tay lắc lư, xoay tay hoặc đi

3.5	tình huống; có thể làm nhăn nhó, cười to, hoặc trở lên máy móc dù không có sự xuất hiện đối tượng hoặc sự việc gây xúc động.	3.5	nhón chân.
4	<i>Mức độ nặng:</i> Phản ứng của trẻ rất ít khi phù hợp với tình huống; khi trẻ đang ở một tâm trạng nào đó thì rất có thể thay đổi sang tâm trạng khác. Ngược lại, trẻ có thể thể hiện rất nhiều tâm trạng khác nhau khi không có sự thay đổi nào cả	4	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ nhìn chăm chăm vào một chỗ nào đó trên cơ thể. Tự mình kích động, đu đưa, ngón tay lắc lư, xoay tay hoặc đi nhón chân... mức độ liên tục hơn và thành thực hơn.
	V. SỬ DỤNG ĐỒ VẬT		VI. THÍCH NGHI VỚI SỰ THAY ĐỔI
1	<i>Bình thường:</i> Trẻ thể hiện sự ham thích đồ chơi và các đồ vật khác phù hợp với khả năng và sử dụng những đồ chơi này một cách.	1	<i>Bình thường:</i> Trẻ có thể đồng ý về những thay đổi bình thường. Trẻ chấp nhận sự thay đổi trên mà không rơi vào tâm trạng lo lắng.
1.5	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ có thể thể hiện sự ham muốn không bình thường vào một đồ chơi hoặc sử dụng những đồ chơi này không phù hợp với tính cách của trẻ em (Ví dụ đập hoặc mút đồ chơi)	1.5	<i>Mức độ nhẹ:</i> Khi người lớn thay đổi các hoạt động, trẻ có thể thực hiện được sự thay đổi đó nhưng không thực hiện ngay.
2	<i>Mức độ trung bình.</i> Trẻ ít ham thích đồ chơi, đồ vật hoặc có thể chiếm giữ những đồ chơi, đồ vật một cách khác thường. Trẻ tập trung vào bộ phận không nổi bật của đồ chơi, bị thu hút vào phản xạ ánh sáng liên tục di chuyển một vài bộ phận của đồ vật, chơi riêng với một đồ vật.	2	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ chống lại sự thay đổi một cách rõ ràng, tiếp tục với các hoạt động cũ và khó có thể bị đánh lạc hướng. Trẻ có thể trở nên cáu giận hoặc buồn phiền khi những thói quen thông thường bị thay đổi.
2.5	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ có thể có những hành động như trên với mức độ cường độ lớn hơn. Rất khó có thể bị đánh lạc hướng/ lãng quên khi đã có những hành động như trên	2.5	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ phản ứng rất gay gắt với sự thay đổi. Nếu bị buộc phải thay đổi, trẻ có thể trở nên rất cáu giận, không hợp tác và phản ứng một cách khó chịu.
3		3	
3.5		3.5	
4		4	
	VII. SỰ PHẢN ỨNG BẰNG THỊ GIÁC		VIII. SỰ PHẢN ỨNG BẰNG THÍNH GIÁC
1	<i>Bình thường:</i> Trẻ thể hiện sự phản ứng bằng thị giác bình thường và phù hợp với lứa tuổi. Thị giác phối hợp với giác quan khác khi khám phá đồ vật mới.	1	<i>Bình thường:</i> Các biểu hiện thính giác của trẻ phù hợp với trẻ bình thường. Thính giác được dùng cùng với các giác quan khác.
1.5		1.5	
	<i>Mức độ nhẹ:</i> Đôi khi trẻ phải được		<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ đôi khi phản ứng

2	nhắc lại bằng việc nhìn lại đồ vật. Trẻ có thể thích nhìn vào gương hoặc ánh đèn hơn chúng bạn, có thể thỉnh thoảng chăm chú nhìn lên bầu trời hoặc tránh nhìn vào mắt người lớn.	2	với một số tiếng động và âm thanh tuy nhiên hơi chậm. Những tiếng động, âm thanh đó cần được lặp lại để gây sự chú ý của trẻ. Trẻ có thể bị phân tán bởi âm thanh từ bên ngoài.
2.5	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ thường xuyên phải được nhìn vào những gì trẻ đang làm. Trẻ nhìn chăm chăm vào bầu trời, né tránh nhìn vào mắt người lớn khi giao tiếp, nhìn vào đồ vật từ góc độ bất thường hoặc giữ đồ vật gần với mắt	2.5	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ không có phản ứng ngay với âm thanh và tiếng động ở lần nghe đầu tiên.
3		3	
3.5		3.5	
4	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ luôn tránh không nhìn vào mắt người lớn hoặc các đồ vật cụ thể nào đó và có thể thể hiện các hình thức khác biệt của các hiện tượng khác biệt về thị giác nói trên.	4	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ phản ứng với âm thanh ở mức độ khác thường. Trẻ giật mình hoặc che tai khi nghe thấy những âm thanh thường ngày như: tiếng nhạc, tiếng máy xay, tiếng cắt gạch
IX. VỊ GIÁC, KHÚU GIÁC VÀ XÚC GIÁC		X. SỰ SỢ HÃI HOẶC HỒI HỢP	
1	<i>Bình thường:</i> Trẻ khám phá đồ vật phù hợp với lứa tuổi bằng xúc giác và thị giác.	1	<i>Bình thường:</i> Trẻ thể hiện sự sợ hãi và hồi hộp phù hợp với trẻ bình thường cùng tuổi.
1.5		1.5	
2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ có thể nhét đồ vật vào miệng, ngửi hoặc ném các đồ vật mà những đồ vật đó không được phép; có thể phản ứng với những khó chịu nhẹ.	2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ đôi khi thể hiện quá nhiều hoặc quá ít sự sợ hãi khi so với trẻ bình thường trong những tình huống tương tự
2.5		2.5	
3	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ có thể bị khó chịu ở mức độ trung bình khi sờ, ngửi hoặc ném đồ vật bình thường.	3	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ thường xuyên thể hiện sự sợ hãi trong tình huống tương tự.
3.5		3.5	
4	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ khó chịu với việc ngửi, ném đồ vật. Trẻ có thể hoàn toàn bỏ qua cảm giác khó chịu.	4	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ luôn luôn thể hiện quá nhiều hoặc quá ít sự sợ hãi khi so với trẻ bình thường trong những tình huống tương tự.
XI. GIAO TIẾP BẰNG LỜI		XII. GIAO TIẾP KHÔNG LỜI	
1	<i>Bình thường:</i> Giao tiếp bằng lời bình thường phù hợp với từng độ tuổi và từng tình huống.	1	<i>Bình thường:</i> Giao tiếp không lời phù hợp với từng tình huống cụ thể
1.5		1.5	
2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ nói chậm những lời nói có nghĩa. Tuy nhiên đôi khi xuất hiện sự lặp lại máy móc hoặc phát	2	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trong tình huống đối thoại sử dụng bằng lời trẻ không nói; Ví dụ trẻ thường chỉ tay hoặc

2.5	âm bị đảo lộn trật tự câu. Thỉnh thoảng trẻ dùng một số từ khác thường, hoặc không rõ nghĩa.	2.5	kéo tay người lớn tới cái mà mình muốn có đáng lẽ trẻ phải nói nhờ lấy hộ bằng lời.
3	<i>Mức độ trung bình:</i> không nói khi giao tiếp hoặc nói lẫn lộn giữa những lời nói có nghĩa và không có nghĩa. Lặp lại máy móc hoặc phát âm không có trật tự câu (đảo lộn). Trong giao tiếp có những câu hỏi thừa hoặc không đúng chủ đề.	3	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ không diễn đạt bằng lời những điều mà trẻ cần hoặc mong muốn. Trẻ không hiểu được giao tiếp không lời của người khác.
3.5	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ thường sử dụng những lời nói không có nghĩa. Thỉnh thoảng kêu thét lên những tiếng kỳ lạ: tiếng kêu của động vật, tiếng khóc của em bé...	3.5	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ không thể diễn đạt bằng lời những điều mà trẻ cần hoặc mong muốn. Trẻ không thể hiểu được giao tiếp không lời của người khác.
4		4	
XIII. MỨC ĐỘ HOẠT ĐỘNG		XIV. MỨC ĐỘ VÀ SỰ NHẤT QUÁN CỦA PHẢN XẠ THÔNG MINH	
1	<i>Bình thường:</i> Trẻ hoạt động nhanh nhẹn hơn hoặc chậm hơn so với trẻ bình thường cùng lứa tuổi	1	<i>Bình thường:</i> Trẻ có mức độ hiểu biết như trẻ bình thường.
1.5	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ đôi khi luôn hiểu động hoặc có dấu hiệu lười và chậm chuyển động. Điều đó ảnh hưởng rất nhỏ đến kết quả hoạt động của trẻ.	1.5	<i>Mức độ nhẹ:</i> Trẻ không thông minh như những trẻ bình thường cùng tuổi; kỹ năng hơi chậm trên các lĩnh vực
2		2	
2.5	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ rất hiếu động và khó có thể kiểm chế. Trẻ hoạt động không biết mệt mỏi và không muốn ngủ về đêm. Ngược lại một số trẻ cần phải thúc giục rất nhiều mới vận động.	2.5	<i>Mức độ trung bình:</i> Trẻ không thông minh như những trẻ bình thường cùng tuổi, tuy nhiên trẻ có thể có khả năng gần như bình thường đối với một số lĩnh vực có liên quan đến vận động trí não.
3		3	
3.5	<i>Mức độ nặng:</i> Trẻ thể hiện quá hiếu động hoặc quá thụ động và đôi khi ngược lại.	3.5	<i>Mức độ nặng:</i> trẻ không thể làm tốt hơn trẻ bình thường cùng tuổi trong một hoặc nhiều lĩnh vực
4		4	

Tóm tắt thang điểm đánh giá

Mục	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	XIII	XIV	XV	Tổng
Điểm																
Đánh giá mức độ Tự kỷ																
15 – 29.5đ không tự kỷ					30 – 36.5đ Tự kỷ nhẹ đến vừa					37 - 39,5 đ Tự kỷ nặng					37 đến 60đ Tự kỷ nặng	

PHỤ LỤC 2

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG GIAO TIẾP CỦA TRẺ TỰ KỶ

Họ, tên trẻ:..... Nam/Nữ:..... Ngày sinh:

Lớp: Trường..... Ngày ghi phiếu:

Địa điểm:..... Người ghi phiếu:..... Chức vụ:.....

Cách tiến hành: Đánh dấu (✓) vào ô có số điểm tương ứng

- 0 điểm: trẻ không thực hiện được kể cả khi có trợ giúp hoặc không chịu thực hiện.

- 1 điểm: trẻ thực hiện hay thể hiện đúng nhờ có sự trợ giúp (cầm tay trẻ cùng làm, gợi ý bằng cử chỉ hay lời nói: làm mẫu, nhắc bằng lời...)

- 2 điểm: trẻ thực hiện hay thể hiện đúng mà không cần trợ giúp.

TT	Tiêu chí	Kĩ năng	Điểm		
			0	1	2
I	Tập trung chú ý	1. Lắng nghe người khác nói chuyện			
		2. Nhìn vào đối tượng giao tiếp			
		3. Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp			
		4. Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn			
		5. Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn			
II	Bắt chước	6. Bắt chước hành động của người khác			
		7. Bắt chước âm thanh của người khác			
		8. Bắt chước lời nói của người khác			
		9. Bắt chước cử chỉ của người khác			
		10. Bắt chước điệu bộ của người khác (biểu lộ tình cảm)			
III	Luân phiên	11. Đáp ứng yêu cầu của người khác			
		12. Chờ đến lượt mình khi hoạt động			
		13. Luân lượt thực hiện hành động trong hoạt động/ hội thoại			
		14. Luân lượt sử dụng đồ vật			
		15. Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại			
IV	Hiểu	16. Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động			
		17. Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói			
		18. Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên			
		19. Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc			
		20. Hiểu tình huống chơi giả vờ đơn giản			
V	Sử dụng ngôn ngữ	21. Đáp ứng với người lớn bằng cách nhìn mặt và quay theo tiếng động			
		22. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi			
		23. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối			
		24. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi			
		25. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp			

PHỤ LỤC 3
PHIẾU TRỪNG CẦU Ý KIẾN
(Dành cho giáo viên dạy TTK)

Kính thưa Quý thầy cô giáo!

Để tìm hiểu thực trạng khả năng giao tiếp của TTK 3 – 4 tuổi; qua đó tìm ra biện pháp phù hợp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK 3 – 4 tuổi xin Quý thầy cô vui lòng cho biết một số thông tin sau: (đánh dấu x vào những ý phù hợp, ghi ý kiến vào phần được để trống)

1. Anh (chị) thường dựa vào những dấu hiệu nào để nhận biết khả năng giao tiếp của TTK?

- Trẻ nghe hiểu nội dung giao tiếp
- Trẻ biết trả lời câu hỏi đưa ra
- Trẻ biết nói câu đầy đủ thành phần căn bản chủ ngữ và vị ngữ
- Trẻ sử dụng từ chính xác
- Trẻ nói đúng ngữ cảnh
- Trẻ thể hiện cử chỉ, nét mặt phù hợp với nội dung giao tiếp

2. Theo anh (chị) việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK là

- Rất cần thiết
- Chưa cần thiết
- Không cần thiết

3. Anh chị thường dùng cơ hội nào để phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK?

.....

.....

.....

4. Khi xác định nội dung phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK anh (chị) thường dựa vào những căn cứ nào sau đây:

- Vốn kinh nghiệm của trẻ
- Hứng thú của trẻ đối với nội dung giao tiếp
- Đặc điểm giao tiếp của trẻ
- Chương trình quy định mức phát triển khả năng giao tiếp của trẻ
- Ngoài những nội dung trên anh (chị) còn dựa vào những căn cứ nào khác

5. Xin cho biết những hình thức dạy học anh (chị) đã sử dụng để phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK

- Dạy học cả lớp - Dạy học cá nhân - Dạy học theo nhóm

6. Để giúp trẻ phát triển kỹ năng giao tiếp, anh (chị) đã làm gì?

.....

7. Anh (chị) thường dùng các phương tiện trực quan khi phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK?

- Đúng - Không

8. Trong quá trình phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK anh (chị) thường sử dụng những đồ dùng, phương tiện trực quan nào?

- Vật thật - Tranh ảnh - Mô hình - Băng đĩa - Các đồ vật khác

9. Anh (chị) sử dụng các phương tiện trực quan nhằm mục đích gì?

- Lôi cuốn sự chú ý của trẻ
- Kích thích sự tham gia tích cực của trẻ
- Hình thành mẫu câu mới cho trẻ
- Củng cố, mở rộng, chính xác hoá mô hình câu, nhóm từ
- Gây hứng thú, kích thích giao tiếp tự nhiên
- Phát huy tư duy ngôn ngữ

10. Theo kinh nghiệm và thực tế dạy trẻ anh (chị) cho biết những kiểu giao tiếp không bình thường ở TTK?

- Không nhìn vào mắt người khác - Kéo tay - Không nói
- Nói sai cấu trúc ngữ pháp trong câu
- Ý kiến khác

.....

11. Trong điều kiện thực tại, (anh) chị đã làm gì để khắc phục và phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK?

.....

12. Anh (chị) nêu những biện pháp anh chị sử dụng nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK?

.....

13. Trong điều kiện thực tế công việc dạy TTK tại đơn vị anh (chị) có thể tạo được môi trường kích thích TTK 3 – 4 tuổi giao tiếp không?

- Có - Không

14. Anh (chị) nêu những khó khăn thường gặp trong việc phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK?

- Cơ sở vật chất chưa thuận lợi
- Thiếu đồ dùng trực quan phát triển giao tiếp cho TTK
- Thiếu trang thiết bị phát triển giao tiếp cho TTK
- Giáo viên chưa có kinh nghiệm phát triển giao tiếp cho TTK

Lý do khác:

15. Theo anh (chị) muốn phát triển kỹ năng giao tiếp cho TTK cần có yêu cầu và điều kiện gì?

.....

6. Anh (chị) cho biết một số thông tin về TTK 3 – 4 tuổi lớp anh (chị) đang dạy?

Sĩ số: Trong đó Bé trai ... Bé gái...

Nghề nghiệp cha mẹ

Cha: CB,CNV,trí thức... Buôn bán... LĐ phổ thông ... Khác...

Mẹ: CB,CNV,trí thức... Buôn bán... LĐ phổ thông ... Khác...

Đánh giá khả năng giao tiếp của TTK

Tốt ... Khá... Trung bình... Yếu

17. Anh (chị) cho biết một số thông tin cá nhân của anh (chị)

Nơi công tác:

Trình độ đào tạo:Thâm niên công tác:

Số năm dạy TTK:

Xin chân thành cảm ơn sự cộng tác của anh (chị)!

PHỤ LỤC 4.A
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2010 - 2011

Họ và tên trẻ: **Nh.A** Ngày sinh : **21/6/2008**

I. Đánh giá mức độ hiện tại (Nội dung mục 3.2.1 của luận án)

II. Mục tiêu năm: từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2011

a) Mục tiêu chung

Dạy cho Nh.A biết chú ý, biết nghe hiểu nội dung giao tiếp và biết sử dụng ngôn ngữ trong quá trình giao tiếp. KNGT đạt 18 đến 22 điểm của Tiêu chí đánh giá KNGT

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Cách tiến hành	Phương tiện	Kết quả	
1. Kỹ năng giao tiếp				
1.1 Chú ý - Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp - Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn - Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	Ngồi đối diện với trẻ. Hướng trẻ chú ý vào nhiệm vụ và lắng nghe, hiểu được những hướng dẫn	Tình huống hàng ngày		
1.2 Bắt chước - Bắt chước hành động của người khác - Bắt chước âm thanh của người khác - Bắt chước lời nói của người khác - Bắt chước cử chỉ/ điệu bộ của người khác	Làm mẫu cho trẻ bắt chước theo. Lúc đầu là những âm thanh, hành động sau đó đến lời nói	Hoạt động hàng ngày		
1.3 Luân phiên - Đáp ứng yêu cầu của người khác - Chờ đến lượt mình khi hoạt động - Luân lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi trong hoạt động - Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại	Yêu cầu trẻ thực hiện luân phiên giữa cô và trẻ, giữa trẻ và bạn, giữa trẻ và bố mẹ	Tình huống hàng ngày		
1.4. Nghe hiểu ngôn ngữ - Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động - Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói - Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên - Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc	Sử dụng lời nói, hành động và các hình ảnh có nhiều chủ đề cùng trò chuyện với trẻ để giúp trẻ hiểu	Tình huống hàng ngày		
1.5 Sử dụng ngôn ngữ - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	Yêu cầu trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp với mọi người xung quanh. Hạn chế dùng cử chỉ	Tình huống hàng ngày		
2. Vận động thô - Đi theo đường zíc zắc, - Đá bóng, truyền bóng; - Chạy xa - Thực hiện bài tập phát triển chung theo cô làm mẫu	Cho trẻ tham gia vào hoạt động, giáo viên làm mẫu, trẻ bắt chước theo	- Cầu thang - Bài thể dục sáng		
3. Vận động tinh - Tập cầm kéo cắt giấy theo đường thẳng - Xếp chồng khối thành hình ngôi nhà, đoàn tàu - Xúc hạt đỗ bỏ vào lọ	Làm mẫu cho trẻ cầm kéo cắt giấy, xếp hình, xúc hạt, nhặt hạt, nặn quả...	- Giấy, kéo - Hình khối - hạt đỗ		

- Biết lăn tròn, ấn bẹt, nặn hình quả				
4. Nhận thức 4.1 Toán - Nhận biết số từ 1-5 - Nhận biết to – nhỏ, cao- thấp, dài- ngắn - Nhận biết màu xanh- đỏ- vàng - Nhận biết hình vuông, tròn, tam giác	GV dạy trẻ thực hành với bộ Em học toán để giúp trẻ nhận biết và phân biệt nội dung cột bên	- Số từ 1-5 - Bảng màu		
4.2 Môi trường xung quanh Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm: - Một số đồ vật đơn giản: bàn, ghế, cốc, mũ... - Con vật nuôi, sống dưới nước, sống trong rừng - Phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, máy bay - Quả: Nhận biết tên gọi quả cam, na, chuối, đu đủ.. - Rau: Nhận biết tên gọi rau bắp cải, rau ngót	- Trò chơi - Xem tranh - Phát âm mẫu	- Đồ vật - Lô tô - Vật thật - Theo nội dung cột bên		
4.3 Tạo hình - Cầm bút vẽ hình đơn giản: lá cây, ông mặt trời, đám mây, ngôi nhà, bông hoa - Tập tô màu trong khung hình	Cát, vẽ, nặn mẫu cho trẻ bắt chước theo	- Giấy - Bút màu - Đất nặn		
4.4. Văn học - Nghe kể chuyện và kể: Thỏ con không vâng lời, hai chú dê con, đôi bạn nhỏ, chú vịt xám, cây táo - Nghe đọc và đọc bài thơ: Cô giáo, yêu mẹ, bàn tay, chi chi chành chành, kéo cưa lừa xẻ, con cá vàng	Cho xem tranh truyện và trò chuyện về nội dung	-Câu chuyện: Thần sắt - Bài thơ: Cô giáo,		
4.5. Âm nhạc - Nghe và hát bài: cả nhà thương nhau, Trường của cháu đây là trường mầm non, quả, thật là hay, trời nắng trời mưa, lai ô tô, một con vịt	Người lớn hát cho trẻ nghe, cho trẻ nghe băng trẻ thơ hát	Đĩa nhạc Lời hát		
4.6 Trò chơi: Biết chơi trò chơi xé giấy, trời nắng trời mưa, chi chi chành chành, tập tầm vông, cho em ăn, xây tháp, tập làm tiếng kêu của con vật				
5. Kỹ năng xã hội				
Đi vệ sinh: Biết tự đi vệ sinh	Như trên	Tình huống		
Mặc quần áo: Tự mặc quần	Như trên	Quần		
Sinh hoạt: Biết rửa tay				
6. Hành vi Giảm thiểu hành vi đi nhón chân, quay tròn, ăn vạ				

Lưu ý:

- Mục tiêu trọng tâm là phát triển KN sử dụng ngôn ngữ cho Nh.A, giúp con biết sử dụng lời nói, hành động, âm thanh trong giao tiếp hàng ngày.
- Phụ huynh cần mạnh dạn trao đổi với GV hòa nhập và giáo viên đặc biệt tại lớp.
- Giáo viên cần xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ tại lớp, khuyến khích trẻ tham gia trò chơi, giao tiếp với các bạn.
- Hoạt động hỗ trợ cá nhân của NhA được thực hiện tại lớp và tại một trung tâm CTS gần trường ở nhà cần được duy trì thường xuyên.

Người thực hiện kế hoạch

Ban giám hiệu Phụ huynh Giáo viên hòa nhập Giáo viên hỗ trợ cá nhân

PHỤ LỤC 4.B
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2010 - 2011

Họ và tên trẻ: **DA** Ngày sinh : **24/10/2008**

I. Đánh giá mức độ hiện tại (Nội dung mục 3.2.2 của luận án)

II. Mục tiêu năm: từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2011

a) Mục tiêu chung

Rèn cho DA biết tập trung chú ý vào trong quá trình giao tiếp, biết luân phiên trong quá trình giao tiếp. KNGT đạt 22 đến 26 điểm của Tiêu chí đánh giá KNGT

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Cách tiến hành	Phương tiện	Kết quả	
1. Ngôn ngữ - giao tiếp				
1.1 Chú ý - Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp - Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn - Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	Ngồi đối diện với trẻ. Hướng trẻ chú ý vào nhiệm vụ và lắng nghe, hiểu được những hướng dẫn	Tình huống hàng ngày		
1.2 Bắt chước - Bắt chước hành động của người khác - Bắt chước âm thanh của người khác - Bắt chước lời nói của người khác - Bắt chước cử chỉ/ điệu bộ của người khác	Làm mẫu cho trẻ bắt chước theo. Lúc đầu là những âm thanh, hành động sau đó đến lời nói	Hoạt động hàng ngày		
1.3 Luân phiên - Đáp ứng yêu cầu của người khác - Chờ đến lượt mình khi hoạt động - Luân lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi trong hoạt động - Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại	Yêu cầu trẻ thực hiện luân phiên giữa cô và trẻ, giữa trẻ và bạn, giữa trẻ và bố mẹ	Tình huống hàng ngày		
1.4. Nghe hiểu ngôn ngữ - Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động - Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói - Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên - Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc	Sử dụng lời nói, hành động và các hình ảnh có nhiều chủ đề cùng trò chuyện với trẻ để giúp trẻ hiểu	Tình huống hàng ngày		
1.5 Sử dụng ngôn ngữ - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	Yêu cầu trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp với mọi người xung quanh. Hạn chế dùng cử chỉ	Tình huống hàng ngày		
2. Vận động thô - Tập bài thể dục sáng - Đi lên xuống cầu thang - Đứng 1 chân trong 3s	Cho trẻ tham gia vào hoạt động, giáo viên làm mẫu, trẻ bắt chước theo	- Cầu thang - Bài thể dục sáng		
3. Vận động tinh - Tập cầm kéo cắt giấy theo đường thẳng - Xếp chồng khối thành hình ngôi nhà - Xúc hạt đỗ bỏ vào lọ - Biết lăn tròn, ấn bẹt, nặn hình quả	Làm mẫu cho trẻ cầm kéo cắt giấy, xếp hình, xúc hạt, nhặt hạt, nặn quả...	- Giấy, kéo - Hình khối - hạt đỗ		

4. Nhận thức 4.1 Toán - Nhận biết số từ 1- 5 - Nhận biết to – nhỏ, cao - thấp, dài - ngắn - Nhận biết màu xanh - đỏ - vàng - Nhận biết hình vuông, tròn, tam giác	GV dạy trẻ thực hành với bộ Em học toán để giúp trẻ nhận biết và phân biệt nội dung cột bên	- Số từ 1- 5 - Bảng màu		
4.2 Môi trường xung quanh Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm: - Một số đồ vật đơn giản: bàn, ghế, cốc, mũ... - Con vật nuôi, sống dưới nước, sống trong rừng - Phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, máy bay - Quả: Nhận biết tên gọi quả cam, na, chuối, đu đủ.. - Rau: Nhận biết tên gọi rau bắp cải, rau ngót	- Trò chơi - Xem tranh - Phát âm mẫu	- Đồ vật - Lô tô - Vật thật - Theo nội dung cột bên		
4.3 Tạo hình - Cầm bút vẽ hình đơn giản: lá cây, ông mặt trời, đám mây, ngôi nhà, bông hoa - Tập tô màu trong khung hình	Cát, vẽ, nặn mẫu cho trẻ bắt chước theo	- Giấy - Bút màu - Đất nặn		
4.4. Văn học - Nghe kể chuyện và kể: Thỏ con không vâng lời, hai chú dê con, đôi bạn nhỏ, chú vịt xám, cây táo - Nghe đọc và đọc bài thơ: Cô giáo, yêu mẹ, bàn tay cô giáo, chi chi chành chành, kéo cưa lừa xẻ, con cá vàng	Cho xem tranh truyện và trò chuyện về nội dung	-Câu chuyện: Thần sắt - Bài thơ: Cô giáo,		
4.5. Âm nhạc - Nghe và hát bài: cả nhà thương nhau, Trường của cháu đây là trường mầm non, quả, thật là hay, trời nắng trời mưa, lai ô tô, một con vịt	Người lớn hát cho trẻ nghe, cho trẻ nghe băng trẻ thơ hát	Đĩa nhạc Lời hát		
4.6 Trò chơi: Biết chơi trò chơi xé giấy, trời nắng trời mưa, chi chi chành chành, tập tầm vông, cho em ăn, xây tháp, tập làm tiếng kêu của con vật				
5. Kỹ năng xã hội				
ăn: Tập xúc cơm ăn Nhận biết đồ dùng để ăn: bát, thìa	- Người lớn làm mẫu	- Cơm, bát, thìa		
Uống: Tự uống nước bằng cốc	Như trên	- Cốc, nước		
Đi vệ sinh: Biết tự đi vệ sinh	Như trên	Tinh huống		
Mặc quần áo: Tự mặc quần	Như trên	Quần		
Sinh hoạt: Biết rửa tay				
6. Hành vi				
Giảm thiểu hành vi chơi một mình, hay đi xung quanh lớp, nói các từ linh tinh				

Lưu ý:

- Mục tiêu trọng tâm là rèn cho DA KN tập trung chú ý, giúp con biết tập trung chú ý khi tham gia vào quá trình giao tiếp, hoạt động hàng ngày.
- Hoạt động hỗ trợ cá nhân của DA được thực hiện tại lớp và tại một trung tâm CTS gần trường ở nhà cần được duy trì thường xuyên.

Người thực hiện kế hoạch

Ban giám hiệu Phụ huynh Giáo viên hòa nhập Giáo viên hỗ trợ cá nhân

PHỤ LỤC 4.C
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2010 - 2011

Họ và tên trẻ: **MĐ** Ngày sinh : **21/12/2008**

I. Đánh giá mức độ hiện tại (Nội dung mục 3.2.3 của luận án)

II. Mục tiêu dài hạn (năm học): từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2011

a) Mục tiêu chung

Rèn cho **MĐ** biết luân trong quá trình giao tiếp, biết chú ý vào hoạt động và biết sử dụng lời nói trong giao tiếp. **KNGT** đạt 15 đến 20 điểm của Tiêu chí đánh giá **KNGT**.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Cách tiến hành	Phương tiện	Kết quả		
1. Kỹ năng giao tiếp					
1.1 Chú ý - Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp - Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn - Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	Ngồi đối diện với trẻ. Hướng trẻ chú ý vào nhiệm vụ và lắng nghe, hiểu được những hướng dẫn	Tình huống hàng ngày			
1.2 Bất chước - Bất chước hành động của người khác - Bất chước âm thanh của người khác - Bất chước lời nói của người khác - Bất chước cử chỉ/ điệu bộ của người khác	Làm mẫu cho trẻ bắt chước theo. Lúc đầu là những âm thanh, hành động sau đó đến lời nói	Hoạt động hàng ngày			
1.3 Luân phiên - Đáp ứng yêu cầu của người khác - Chờ đến lượt mình khi hoạt động - Luân lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi trong hoạt động - Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại	Yêu cầu trẻ thực hiện luân phiên giữa cô và trẻ, giữa trẻ và bạn, giữa trẻ và bố mẹ	Tình huống hàng ngày			
1.4. Nghe hiểu ngôn ngữ - Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động - Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói - Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên - Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc	Sử dụng lời nói, hành động và các hình ảnh có nhiều chủ đề cùng trò chuyện với trẻ để giúp trẻ hiểu	Tình huống hàng ngày			
1.5 Sử dụng ngôn ngữ - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối	Yêu cầu trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp với mọi người xung quanh. Hạn chế dùng cử chỉ	Tình huống hàng ngày			
2. Vận động thô - Tập bài thể dục sáng - Đi lên xuống cầu thang - Đứng 1 chân trong 3s	Cho trẻ tham gia vào hoạt động, giáo viên làm mẫu, trẻ bắt chước theo	- Cầu thang - Bài thể dục sáng			
3. Vận động tinh - Xếp chồng khối thành hình ngôi nhà - Xúc hạt đỗ bỏ vào lọ - Biết lăn tròn, ấn bẹt, nặn hình quả	Làm mẫu cho trẻ cầm kéo cắt giấy, xếp hình, xúc hạt, nhặt hạt, nặn quả...	- Giấy, kéo - Hình khối - hạt đỗ			

4. Nhận thức 4.1 Toán - Nhận biết số từ 1-10 - Nhận biết to – nhỏ, cao- thấp, dài- ngắn - Nhận biết màu xanh- đỏ- vàng - Nhận biết hình vuông, tròn, tam giác	GV dạy trẻ thực hành với bộ Em học toán để giúp trẻ nhận biết và phân biệt nội dung cột bên	- Số từ 1-10 - Bảng màu		
4.2 Môi trường xung quanh Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm: - Một số đồ vật đơn giản: bàn, ghế, cốc, mũ... - Con vật nuôi, sống dưới nước, sống trong rừng - Phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, máy bay - Quả: Nhận biết tên gọi quả cam, na, chuối, đu đủ.. - Rau: Nhận biết tên gọi rau bắp cải, rau ngót - Nghề: nhận biết nghề bác sỹ, bộ đội, giáo viên qua tranh - HTTN: Nhận biết trời nắng, trời mưa	- Trò chơi - Xem tranh - Phát âm mẫu	- Đồ vật - Lô tô - Vật thật - Theo nội dung cột bên		
4.3 Tạo hình - Cầm bút vẽ hình đơn giản: lá cây, ông mặt trời, đám mây, ngôi nhà, bông hoa - Tập tô màu trong khung hình	Cát, vẽ, nặn mẫu cho trẻ bắt chước theo	- Giấy - Bút màu - Đất nặn		
4.4. Văn học - Nghe kể chuyện và kể: Thỏ con không vâng lời, hai chú dê con, đôi bạn nhỏ, chú vịt xám, cây táo - Nghe đọc và đọc bài thơ: Cô giáo, yêu mẹ, bàn tay chi chi chành chành, kéo cưa lừa xẻ, con cá vàng	Cho xem tranh truyện và trò chuyện về nội dung	-Câu chuyện: Thần sắt - Bài thơ: Cô giáo,		
4.5. Âm nhạc - Nghe và hát bài: cả nhà thương nhau, Trường của cháu đây là trường mầm non, quả, thật là hay, trời nắng trời mưa, lái ô tô, một con vịt	Người lớn hát cho trẻ nghe, cho trẻ nghe băng trẻ thơ hát	Đĩa nhạc Lời hát		
4.6 Trò chơi: Biết chơi trò chơi xé giấy, trời nắng trời mưa, chi chi chành chành, tập tầm vông, cho em ăn, xây tháp, tập làm tiêng kêu của con vật				
5. Kỹ năng xã hội				
Mặc quần áo: Tự mặc quần	Như trên	Quần		
Sinh hoạt: Biết rửa tay				
6. Hành vi: Giảm thiểu hành vi: chơi một mình, nói các từ linh tinh, quay tròn				

Lưu ý:

- Mục tiêu trọng tâm là phát triển KN luân phiên cho MĐ, giúp con biết lần lượt thực hiện hoạt động trong quá trình giao tiếp
- Phụ huynh cần mạnh dạn trao đổi với GV hòa nhập và giáo viên đặc biệt tại lớp.
- Giáo viên cần xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ tại lớp, khuyến khích trẻ tham gia trò chơi, giao tiếp với các bạn.
- Hoạt động hỗ trợ cá nhân của MĐ được thực hiện tại lớp và tại gia đình, có một GV giáo dục đặc biệt đến gia đình dạy MĐ vào buổi tối kết hợp cùng bố mẹ.

Người thực hiện kế hoạch

Ban giám hiệu Phụ huynh Giáo viên hòa nhập Giáo viên hỗ trợ cá nhân

PHỤ LỤC 4.D
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2010 - 2011

Họ và tên trẻ: **ĐA** Ngày sinh : **2/12/2008**

I. Đánh giá mức độ hiện tại (Nội dung mục 3.2.4 của luận án)

II. Mục tiêu dài hạn (năm học): từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2011

a) Mục tiêu chung

Dạy cho ĐA biết nghe hiểu nội dung giao tiếp, chú ý vào hoạt động và biết sử dụng lời nói trong giao tiếp. KNGT đạt 15 đến 20 điểm của Tiêu chí đánh giá KNGT.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Cách tiến hành	Phương tiện	Kết quả	
1. Vận động thô - Ném bóng trúng đích, đá bóng - Nhảy vào vòng - Đi xe đạp 3 bánh - Ném bao cát	Cho trẻ tham gia vào hoạt động, giáo viên làm mẫu, trẻ bắt chước theo	- Cầu thang - Bài thể dục sáng		
2. Vận động tinh - lắp ghép hình 3 – 5 chi tiết - Xếp chồng khối thành hình ngôi nhà - Phân đồ vật theo 2 dấu hiệu: xanh - đỏ - Biết lăn tròn, ấn bẹt, nặn hình quả	Làm mẫu cho trẻ cầm kéo cắt giấy, xếp hình, xúc hạt, nhặt hạt, nặn quả...	- Giấy, kéo - Hình khối - hạt đỗ		
3. Ngôn ngữ - giao tiếp				
3.1 Chú ý - Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp - Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn - Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	Ngồi đối diện với trẻ. Hướng trẻ chú ý vào nhiệm vụ và lắng nghe, hiểu được những hướng dẫn	Tình huống hàng ngày		
3.2 Bắt chước - Bắt chước hành động của người khác - Bắt chước âm thanh của người khác - Bắt chước lời nói của người khác - Bắt chước cử chỉ/ điệu bộ của người khác	Làm mẫu cho trẻ bắt chước theo. Lúc đầu là những âm thanh, hành động sau đó đến lời nói	Hoạt động hàng ngày		
3.3 Luân phiên - Đáp ứng yêu cầu của người khác - Chờ đến lượt mình khi hoạt động - Luân lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi trong hoạt động - Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại	Yêu cầu trẻ thực hiện luân phiên giữa cô và trẻ, giữa trẻ và bạn, giữa trẻ và bố mẹ	Tình huống hàng ngày		
3.4. Nghe hiểu ngôn ngữ - Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động - Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói - Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên - Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc	Sử dụng lời nói, hành động và các hình ảnh có nhiều chủ đề cùng trò chuyện với trẻ để giúp trẻ hiểu	Tình huống hàng ngày		
3.5 Sử dụng ngôn ngữ - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi - Sử dụng cử chỉ/lời nói để yêu cầu, từ chối	Yêu cầu trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp với mọi người xung quanh. Hạn chế dùng cử chỉ	Tình huống hàng ngày		

4. Nhận thức 4.1 Toán - Nhận biết số từ 1-5 - Nhận biết to – nhỏ, cao- thấp, dài- ngắn - Nhận biết màu xanh- đỏ- vàng - Nhận biết hình vuông, tròn, tam giác	GV dạy trẻ thực hành với bộ Em học toán để giúp trẻ nhận biết và phân biệt nội dung cột bên	- Số từ 1-5 - Bảng màu		
4.2 Môi trường xung quanh Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm: - Một số đồ vật đơn giản: bàn, ghế, cốc, mũ... - Con vật nuôi, sống dưới nước, sống trong rừng - Phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, máy bay - Quả: Nhận biết tên gọi quả cam, na, chuối, đu đủ.. - Rau: Nhận biết tên gọi rau bắp cải, rau ngót	- Trò chơi - Xem tranh - Phát âm mẫu	- Đồ vật - Lô tô - Vật thật - Theo nội dung cột bên		
4.3 Tạo hình - Cầm bút vẽ hình đơn giản: lá cây, ông mặt trời, đám mây, ngôi nhà, bông hoa - Tập tô màu trong khung hình	Cát, vẽ, nặn mẫu cho trẻ bắt chước theo	- Giấy - Bút màu - Đất nặn		
4.4. Văn học - Nghe kể chuyện và kể: Thỏ con không vâng lời, hai chú dê con, đôi bạn nhỏ, chú vịt xám, cây táo - Nghe đọc và đọc bài thơ: Cô giáo, yêu mẹ, bàn tay cô giáo, chi chi chành chành, kéo cưa lừa xẻ, con cá vàng	Cho xem tranh truyện và trò chuyện về nội dung	-Câu chuyện: Thần sắt - Bài thơ: Cô giáo,		
4.5. Âm nhạc - Nghe và hát bài: cả nhà thương nhau, Trường của cháu đây là trường mầm non, quả, thật là hay, trời nắng trời mưa, lai ô tô, một con vịt	Người lớn hát cho trẻ nghe, cho trẻ nghe băng trẻ thơ hát	Đĩa nhạc Lời hát		
4.6 Trò chơi: Biết chơi trò chơi xé giấy, trời nắng trời mưa, chi chi chành chành, tập tầm vông, cho em ăn, xây tháp, tập làm tiếng kêu của con vật				
5. Kỹ năng xã hội				
Sinh hoạt hàng ngày: Biết hòa đồng với các bạn				
6. Hành vi Giảm thiểu hành vi thích chơi một mình, hay nói các từ linh tinh, quay tròn				

Lưu ý:

- Mục tiêu trọng tâm là phát triển KN sử dụng ngôn ngữ cho ĐA, giúp con biết sử dụng lời nói, hành động, âm thanh trong giao tiếp hàng ngày.
- Phụ huynh cần mạnh dạn trao đổi với giáo viên hòa nhập và GV đặc biệt tại lớp.
- Giáo viên cần xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ tại lớp, khuyến khích trẻ tham gia trò chơi, giao tiếp với các bạn.
- Hoạt động hỗ trợ cá nhân của ĐA được thực hiện tại lớp và tại một trung tâm CTS gần trường ở nhà cần được duy trì thường xuyên.

Người thực hiện kế hoạch

Ban giám hiệu Phụ huynh Giáo viên hòa nhập Giáo viên hỗ trợ cá nhân

PHỤ LỤC 4.E
KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CÁ NHÂN NĂM HỌC 2010 - 2011

Họ và tên trẻ: **DKH** Ngày sinh : **24/10/2008**

1. Đánh giá mức độ hiện tại (Nội dung mục 3.2.5 của luận án)

2. Mục tiêu năm: từ tháng 9/2010 đến tháng 5/2011

a) Mục tiêu chung

Đạy cho ĐA biết nghe hiểu nội dung giao tiếp, chú ý vào hoạt động và biết sử dụng lời nói trong giao tiếp. KNGT đạt 15 đến 20 điểm của Tiêu chí đánh giá KNGT.

b) Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu	Cách tiến hành	Phương tiện	Kết quả		
1. Vận động thô - Đi tiến, đi lùi - Thực hiện động tác của bài tập phát triển chung - Đi xe đạp 3 bánh - Ném bóng, đá bóng, truyền bóng	Cho trẻ tham gia vào hoạt động, giáo viên làm mẫu, trẻ bắt chước theo	- Cầu thang - Bài thể dục sáng			
2. Vận động tinh - Xâu hạt, cài khuy áo - Xúc hạt đỗ bỏ vào lọ - Biết lăn tròn, ấn bẹt, nặn hình quả	Làm mẫu cho trẻ cầm kéo cắt giấy, xếp hình, xúc hạt, nhặt hạt, nặn quả...	- Giấy, kéo - Hình khối - hạt đỗ			
3. Ngôn ngữ - giao tiếp					
3.1 Chú ý - Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp - Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn - Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn	Ngồi đối diện với trẻ. Hướng trẻ chú ý vào nhiệm vụ và lắng nghe, hiểu được những hướng dẫn	Tình huống hàng ngày			
3.2 Bắt chước - Bắt chước hành động của người khác - Bắt chước âm thanh của người khác - Bắt chước lời nói của người khác - Bắt chước cử chỉ/ điệu bộ của người khác	Làm mẫu cho trẻ bắt chước theo. Lúc đầu là những âm thanh, hành động sau đó đến lời nói	Hoạt động hàng ngày			
3.3 Luân phiên - Đáp ứng yêu cầu của người khác - Chờ đến lượt mình khi hoạt động - Luân lượt sử dụng đồ vật, đồ chơi trong hoạt động - Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại	Yêu cầu trẻ thực hiện luân phiên giữa cô và trẻ, giữa trẻ và bạn, giữa trẻ và bố mẹ	Tình huống hàng ngày			
3.4. Nghe hiểu ngôn ngữ - Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động - Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói - Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên - Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc	Sử dụng lời nói, hành động và các hình ảnh có nhiều chủ đề cùng trò chuyện với trẻ để giúp trẻ hiểu	Tình huống hàng ngày			
3.5 Sử dụng ngôn ngữ - Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi - Sử dụng cử chỉ/lời nói để yêu cầu, từ chối	Yêu cầu trẻ sử dụng lời nói để giao tiếp với mọi người xung quanh.	Tình huống hàng ngày			

4. Nhận thức 4.1 Toán - Nhận biết số từ 1-10 - Nhận biết to – nhỏ, cao- thấp, dài- ngắn - Nhận biết màu xanh- đỏ- vàng – nâu – đen – trắng - Nhận biết hình vuông, tròn, tam giác	GV dạy trẻ thực hành với bộ Em học toán để giúp trẻ nhận biết và phân biệt nội dung cột bên	- Số từ 1-10 - Bảng màu		
4.2 Môi trường xung quanh Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm: - Một số đồ vật đơn giản: bàn, ghế, cốc, mũ... - Con vật nuôi, sống dưới nước, sống trong rừng - Phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, máy bay - Quả: Nhận biết tên gọi quả cam, na, chuối, đu đủ.. - Rau: Nhận biết tên gọi rau bắp cải, rau ngót - Nghề: nhận biết nghề bác sỹ, bộ đội, giáo viên qua tranh - HTTN: Nhận biết trời nắng, trời mưa	- Trò chơi - Xem tranh - Phát âm mẫu	- Đồ vật - Lô tô - Vật thật - Theo nội dung cột bên		
4.3 Tạo hình - Cầm bút vẽ hình đơn giản: lá cây, ông mặt trời, đám mây, ngôi nhà, bông hoa - Tập tô màu trong khung hình	Cát, vẽ, nặn mẫu cho trẻ bắt chước theo	- Giấy - Bút màu - Đất nặn		
4.4. Văn học - Dạy cho DKH biết khoe - Nghe đọc và đọc bài thơ: Cô giáo, yêu mẹ, bàn tay cô giáo, chi chi chành chành, kéo cưa lừa xẻ, con cá vàng	Cho xem tranh truyện và trò chuyện về nội dung	-Câu chuyện: Thân sắt - Bài thơ: Cô giáo,		
4.5. Âm nhạc - Nghe và hát bài: cả nhà thương nhau, Trường của cháu đây là trường mầm non, quả, thật là hay, trời nắng trời mưa, lái ô tô, một con vịt	Người lớn hát cho trẻ nghe, cho trẻ nghe băng trẻ thơ hát	Đĩa nhạc Lời hát		
4.6 Trò chơi: Biết chơi trò chơi xé giấy, trời nắng trời mưa, chi chi chành chành, tập tầm vông, cho em ăn, xây tháp, tập làm tiếng kêu của con vật				
5. Kỹ năng xã hội				
DKH biết thực hiện các nề nếp ở lớp và ở nhà	Như trên	Tình huống		
6. Hành vi Giảm thiểu hành vi đi nhón chân, nhại lời, nói các từ linh tinh				

Lưu ý:

- Mục tiêu trọng tâm là phát triển KN sử dụng ngôn ngữ cho DKH, giúp con biết sử dụng lời nói, hành động, âm thanh trong giao tiếp hàng ngày.
- Phụ huynh cần mạnh dạn trao đổi với GV hòa nhập và giáo viên đặc biệt tại lớp.
- Giáo viên cần xây dựng vòng tay bạn bè cho trẻ tại lớp, khuyến khích trẻ tham gia trò chơi, giao tiếp với các bạn.
- Hoạt động hỗ trợ cá nhân của DKH được thực hiện tại lớp và có 01 giáo viên GDĐB hỗ trợ tại lớp hàng ngày cho DKH ở tất cả hoạt động.

Người thực hiện kế hoạch

Ban giám hiệu Phụ huynh Giáo viên hòa nhập Giáo viên hỗ trợ cá nhân

PHỤ LỤC 5 SỐ LIỆU TRUNG GIAN

Thực trạng KNGT – trước thực nghiệm

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	30	36.00	47.00	40.2000	3.38760	.129	.427	-1.277	.833
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	30	.00	9.00	2.1667	2.70483	1.256	.427	.471	.833
Nhóm kĩ năng Bất chước	30	.00	8.00	1.8333	2.40808	1.194	.427	.429	.833
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	30	.00	4.00	1.3000	1.39333	.649	.427	-.824	.833
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	30	.00	7.00	1.8333	1.96668	1.269	.427	1.405	.833
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	30	.00	9.00	2.3667	2.57954	1.062	.427	.262	.833
Tổng điểm	30	1.00	28.00	9.5000	7.34260	1.011	.427	.507	.833
Hợp lệ	30								

Điểm sau thực nghiệm

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	15	36.00	47.00	41.8667	3.50238	-.217	.580	-.108	1.121
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	15	.00	6.00	3.4000	2.22967	-.360	.580	-1.109	1.121
Nhóm kĩ năng Bất chước	15	1.00	9.00	4.7333	2.49189	.542	.580	-.716	1.121
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	15	1.00	6.00	3.2667	1.33452	.477	.580	-.007	1.121
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	15	.00	6.00	2.7333	1.70992	.281	.580	-.753	1.121
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	15	.00	6.00	3.2000	2.07709	-.086	.580	-1.184	1.121
Tổng điểm	15	8.00	27.00	17.3333	6.13732	.038	.580	-1.232	1.121
Hợp lệ	15								

Sau thực nghiệm trẻ 1: Nh.A

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	3	42.00	48.00	45.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	3	2.00	4.00	3.0000	1.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Bất chước	3	4.00	6.00	5.3333	1.15470	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	3	2.00	6.00	4.3333	2.08167	-1.293	1.225
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	3	3.00	6.00	4.6667	1.52753	-.935	1.225
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	3	.00	4.00	2.0000	2.00000	.000	1.225
Tổng điểm	3	11.00	26.00	19.3333	7.63763	-.935	1.225
Hợp lệ	3						

Sau thực nghiệm trẻ 2: DA

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	3	42.00	48.00	45.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	3	.00	5.00	3.0000	2.64575	-1.458	1.225
Nhóm kĩ năng Bất chước	3	6.00	9.00	8.0000	1.73205	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	3	1.00	3.00	2.3333	1.15470	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	3	.00	4.00	2.0000	2.00000	.000	1.225
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	3	1.00	6.00	3.6667	2.51661	-.586	1.225
Tổng điểm	3	8.00	27.00	19.0000	9.84886	-1.244	1.225
Hợp lệ	3						

Sau thực nghiệm trẻ 3: MĐ

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	3	42.00	48.00	45.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	3	.00	6.00	4.0000	3.46410	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Bất chước	3	4.00	8.00	6.0000	2.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	3	1.00	3.00	2.3333	1.15470	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	3	.00	4.00	2.0000	2.00000	.000	1.225
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	3	1.00	2.00	1.6667	.57735	-1.732	1.225
Tổng điểm	3	8.00	23.00	16.0000	7.54983	-.586	1.225
Hợp lệ	3						

Sau thực nghiệm trẻ 4: ĐA

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thống kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	3	36.00	42.00	39.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	3	.00	2.00	.6667	1.15470	1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Bất chước	3	3.00	3.00	3.0000	.00000	.	.
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	3	3.00	4.00	3.6667	.57735	-1.732	1.225
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	3	1.00	2.00	1.6667	.57735	-1.732	1.225
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	3	5.00	6.00	5.6667	.57735	-1.732	1.225
Tổng điểm	3	12.00	17.00	14.6667	2.51661	-.586	1.225
Hợp lệ	3						

Sau thực nghiệm trẻ 5: DKH

	Số lượng	Cực tiểu	Cực đại	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Thông kê mô tả	Sai số chuẩn
Tháng tuổi	3	37.00	43.00	40.0000	3.00000	.000	1.225
Nhóm kĩ năng Tập trung chú ý	3	3.00	6.00	4.3333	1.52753	.935	1.225
Nhóm kĩ năng Bất chước	3	1.00	4.00	2.3333	1.52753	.935	1.225
Nhóm kĩ năng Luân Phiên	3	2.00	5.00	3.3333	1.52753	.935	1.225
Nhóm kĩ năng Nghe hiểu ngôn ngữ	3	1.00	4.00	3.0000	1.73205	-1.732	1.225
Nhóm KN Sử dụng ngôn ngữ	3	2.00	4.00	3.3333	1.15470	-1.732	1.225
Tổng điểm	3	9.00	23.00	16.3333	7.02377	-.423	1.225
Hợp lệ	3						

Kiểm định phép đo- Phần thực trạng

Case Processing Summary

		Số lượng	Phần trăm
Cases	Valid	30	100.0
	Excluded ^a	0	.0
	Total	30	100.0

a. Listwise deletion based on all variables in the procedure.

Reliability Statistics

Cronbach's Alpha	Cronbach's Alpha Based on Standardized Items	N of Items
.657	.678	5

ANOVA with Tukey's Test for Nonadditivity

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig	
Between People	312.700	29	10.783			
Within People	Between Items	19.733	4	4.933	1.334	.262
	Residual	20.481 ^a	1	20.481	5.765	.018
	Balance	408.585	115	3.553		
	Total	429.067	116	3.699		
Total	448.800	120	3.740			
Total	761.500	149	5.111			

Grand Mean = 1.9000

Case Processing Summary

		Số lượng	Phần trăm
Cases	Valid	30	100.0
	Excluded ^a	0	.0
	Total	30	100.0

Tukey's estimate of power to which observations must be raised to achieve additivity = -.341.

Hotelling's T-Squared Test

Hotelling's T-Squared	F	df1	df2	Sig.
7.612	1.706	4	26	.179

T- test Trê 1

Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	truocTN	2.2000	5	1.48324	.66332
	SauTN	3.8600	5	1.33903	.59883

Paired Samples Correlations

		N	Correlation	Sig.
Pair 1	truocTN & SauTN	5	.937	.019

Paired Samples Test

		Paired Differences					t	Df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	truocTN - SauTN	-1.66000	.52249	.23367	-2.30876	-1.01124	7.104	4	.002

Trê 2

Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1	truocTN	2.3333	6	2.94392	1.20185
	SauTN	6.4000	6	6.53024	2.66596

Paired Samples Correlations

		N	Correlation	Sig.
Pair 1	truocTN & SauTN	6	.934	.006

Paired Samples Statistics

	Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
truocTN	2.3333	6	2.94392	1.20185

Paired Samples Test

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	truocTN - SauTN	-4.06667	3.92309	1.60160	-8.18370	.05037	-2.539	5	.052

Trẻ 3

Paired Samples Statistics

	Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1 truocTN	4.0000	6	4.42719	1.80739
SauTN	5.7667	6	5.91664	2.41546

Paired Samples Correlations

	N	Correlation	Sig.
Pair 1 truocTN & SauTN	6	.977	.001

Paired Samples Test

		Paired Differences					t	df	Sig. (2-tailed)
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	truocTN - SauTN	1.76667	1.85652	.75792	-3.71496	.18163	-2.331	5	.067

Trẻ 4

Paired Samples Statistics

	Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean
Pair 1 truocTN	4.0000	6	4.28952	1.75119
SauTN	5.4333	6	5.57231	2.27489

Paired Samples Correlations

	N	Correlation	Sig.
Pair 1 truocTN & SauTN	6	.989	.000

Paired Samples Test

Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean						
truocTN		4.0000	6	4.28952	1.75119						
		Paired Differences				t	df	Sig. (2-tailed)			
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference						
					Lower				Upper		
Pair 1	truocTN - SauTN	-1.43333	1.47332	.60148	-2.97949	.11282	-2.383	5	.063		

Trẻ 5

Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean				
Pair 1	truocTN	3.0000	6	3.03315	1.23828				
	SauTN	5.4833	6	5.32632	2.17446				

Paired Samples Correlations

		N	Correlation	Sig.
Pair 1	truocTN & SauTN	6	.988	.000

Paired Samples Test

		Paired Differences				t	df	Sig. (2-tailed)	
		Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower				Upper
Pair 1	truocTN - SauTN	-2.48333	2.37690	.97037	-4.97774	.01107	-2.559	5	.051

Cả 5 trẻ

Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean				
Pair 1	truocTN	8.4000	5	.89443	.40000				
	SauTN	17.3000	5	2.06034	.92141				

Paired Samples Correlations

		N	Correlation	Sig.
Pair 1	truocTN & SauTN	5	-.502	.389

Paired Samples Test

		Paired Differences	t	df	Sig. (2-tailed)

Paired Samples Statistics

		Mean	N	Std. Deviation	Std. Error Mean				
truocTN		8.4000	5	.89443	.40000				
	Mean	Std. Deviation	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference					
				Lower	Upper				
Pair 1	truocTN - SauTN	-8.90000	2.62583	1.17431	12.16040	-5.63960	-7.579	4	.002

ANOVA 5 trẻ

		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
tc1	Between Groups	39.700	4	9.925	2.502	.087
	Within Groups	59.500	15	3.967		
	Total	99.200	19			
tc2	Between Groups	67.500	4	16.875	6.750	.003
	Within Groups	37.500	15	2.500		
	Total	105.000	19			
tc3	Between Groups	9.300	4	2.325	1.316	.309
	Within Groups	26.500	15	1.767		
	Total	35.800	19			
tc4	Between Groups	21.700	4	5.425	2.229	.115
	Within Groups	36.500	15	2.433		
	Total	58.200	19			
tc5	Between Groups	45.800	4	11.450	4.673	.012
	Within Groups	36.750	15	2.450		
	Total	82.550	19			

Kết quả đánh giá Small step của 5 trường hợp nghiên cứu sâu – trước thực nghiệm

	Nh.A 39 th tuổi đời	ĐA 39 th tuổi đời	MĐ 39 th tuổi đời	ĐA 33 th tuổi đời	D.Kh 34 th tuổi đời
GM (VĐ thô)	~ 32 tháng	~ 32 tháng	~ 30 tháng	~ 31 tháng	~ 30 tháng
FM (VĐ tinh)	~ 26 tháng	~ 25 tháng	~ 24 tháng	~ 25 tháng	~ 24 tháng
CO (Ngôn ngữ)	~ 21 tháng	~ 21 tháng	~ 20 tháng	~ 20 tháng	~ 21 tháng
LA (Nhận thức)	~ 20 tháng	~ 20 tháng	~ 20 tháng	~ 20 tháng	~ 21 tháng
PS-SE (TC – XH)	~ 22 tháng	~ 22 tháng	~ 21 tháng	~ 22 tháng	~ 23 tháng
Giá trị TB tuổi PT	~ 24,2 tháng	~ 24 tháng	~ 23 tháng	~ 23,6 tháng	~ 23,8 tháng

Kết quả đánh giá CARS của 5 trường hợp nghiên cứu sâu – trước thực nghiệm

	Nh.A	ĐA	MĐ	ĐA	D.Kh
Điểm/Mức độ	42 (rất nặng)	40 (rất nặng)	38 (nặng)	40 (rất nặng)	36 (nhẹ)

PHỤ LỤC 6
BẢNG QUAN SÁT TRẺ GIAO TIẾP

Ngày quan sát:

Tên trẻ:

Tiêu chí	Kĩ năng
Tập trung chú ý	1. Lắng nghe người khác nói chuyện <input type="checkbox"/>
	2. Nhìn vào đối tượng giao tiếp <input type="checkbox"/>
	3. Tập trung vào chỉ dẫn của đối tượng giao tiếp <input type="checkbox"/>
	4. Nhìn vào đồ vật trong một thời gian ngắn <input type="checkbox"/>
	5. Tập trung vào một nhiệm vụ và lắng nghe được những hướng dẫn <input type="checkbox"/>
Bắt chước	6. Bắt chước hành động của người khác <input type="checkbox"/>
	7. Bắt chước âm thanh của người khác <input type="checkbox"/>
	8. Bắt chước lời nói của người khác <input type="checkbox"/>
	9. Bắt chước cử chỉ của người khác <input type="checkbox"/>
	10. Bắt chước điệu bộ của người khác (biểu lộ tình cảm) <input type="checkbox"/>
Luân phiên	11. Đáp ứng yêu cầu của người khác <input type="checkbox"/>
	12. Chờ đến lượt mình khi hoạt động <input type="checkbox"/>
	13. Luân lượt thực hiện hành động trong hoạt động/ hội thoại <input type="checkbox"/>
	14. Luân lượt sử dụng đồ vật <input type="checkbox"/>
	15. Khởi đầu hội thoại và chờ người giao tiếp đáp lại <input type="checkbox"/>
Hiểu	16. Hiểu chỉ dẫn bằng lời kết hợp với cử chỉ, hành động <input type="checkbox"/>
	17. Hiểu được những chỉ dẫn bằng lời nói <input type="checkbox"/>
	18. Hiểu tranh, đồ vật và chỉ vào tranh, đồ vật khi được nêu tên <input type="checkbox"/>
	19. Hiểu được các cử chỉ thể hiện cảm xúc <input type="checkbox"/>
	20. Hiểu tình huống chơi giả vờ đơn giản <input type="checkbox"/>
Sử dụng ngôn ngữ	21. Đáp ứng với người lớn bằng cách nhìn mặt và quay theo tiếng động <input type="checkbox"/>
	22. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để chào và chia tay, cảm ơn, xin lỗi <input type="checkbox"/>
	23. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để yêu cầu, từ chối <input type="checkbox"/>
	24. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để đưa ra thông tin, trả lời câu hỏi <input type="checkbox"/>
	25. Sử dụng cử chỉ/lời nói/hành động để thu hút sự chú ý, duy trì giao tiếp <input type="checkbox"/>

PHỤ LỤC 7
BẢNG PHỎNG VẤN PHỤ HUYNH

Ngày phỏng vấn:

Tên phụ huynh: Tuổi:

Tên trẻ Lớp

Trường bé đang học:

1. Anh (Chị) cho biết đã phát hiện con mình bị Tự kỷ từ khi nào?
2. Trong gia đình ai là người thường xuyên dạy, chơi với cháu nhất?
3. Anh (Chị) dành ra bao nhiêu thời gian mỗi ngày để chăm sóc, dạy, chơi với trẻ?
4. Anh (Chị) đã can thiệp và chữa trị cho bé như thế nào?
5. Kỹ năng giao tiếp gồm có
 - Kỹ năng tập trung chú ý
 - Kỹ năng bắt chước
 - Kỹ năng luân phiên
 - Kỹ năng nghe hiểu ngôn ngữ
 - Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ
- Cháu nhà Anh (Chị) đã có những kỹ năng này chưa?
- Kỹ năng nào mà Anh (Chị) cho là khó dạy nhất đối với cháu?
6. Để phát triển KNGT cho TTK thì Anh (Chị) cần phải làm gì? Bắt đầu từ công việc nào?
7. Anh (Chị) chia sẻ về cách mà anh chị đã làm hoặc dự định sẽ làm để phát triển KNGT cho TTK.
8. Tình trạng khó khăn lớn nhất của Anh (Chị) hiện nay trong dạy TTK (con mình) là như thế nào?
9. Anh (Chị) định hướng việc chữa trị cho bé là như thế nào?
10. Anh (Chị) có đề xuất gì với Giáo viên/ Nhà trường/ xã hội không? Đó là những gì?

Xin trân trọng cảm ơn Anh (Chị) đã trả lời phỏng vấn của chúng tôi!

PHỤ LỤC 8
MINH HỌA TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN PHỤ HUYNH
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO TRẺ TỰ KỶ

A. BÀI TẬP RÈN KỸ NĂNG TẬP TRUNG CHÚ Ý

1. Vẽ bằng tay

Mục tiêu:

Phát triển khả năng vận động tinh, phối hợp vận động tay và mắt

Phát triển trí tưởng tượng của trẻ để tạo nên 1 bức tranh.

Nâng cao khả năng tập trung chú ý, sự phối hợp trong hoạt động nhóm.

Chuẩn bị:

Đồ dùng: Màu nước. Giấy A0 một mặt hoặc tờ lịch treo tường. Xà phòng, nước rửa tay, khăn lau.

Địa điểm: Tại gia đình

Cách thực hiện:

Phụ huynh chuẩn bị khay đựng 6 màu sắc khác nhau.

Yêu cầu: Trẻ vẽ 1 bức tranh bằng các ngón tay của mình lên giấy A4 hoặc A3. Sau đó cho trẻ tô màu.

Dự kiến tình huống. *Nếu trẻ háp tấp vội vàng, khả năng tập trung kém PH nên dán băng dính 2 mặt xuống đáy khay màu để giữ các bát màu không bị đổ. Nếu trẻ nhất định không chịu thực hiện, PH cầm tay con.*

Mở rộng hoạt động:

PH cho trẻ vẽ nội dung này bằng bút chì, màu sáp với các hình khác nhau.

2. Xâu hạt

Mục tiêu:

Phát triển vận động tinh, rèn sự khéo léo của các ngón tay và bàn tay.

Nâng cao khả năng phối hợp giữa tay và mắt

Nâng cao khả năng tập trung chú ý cho trẻ

Chuẩn bị: Đồ chơi xâu hạt

Cách thực hiện:

Cho trẻ ngồi trên bàn hoặc dưới sàn.

Cho trẻ xâu hạt theo các yêu cầu: xâu thành chuỗi số lượng 5, 7..., xâu theo qui luật xen kẽ màu: 1 xanh - 2 đỏ - 3 vàng...

Nếu kỹ năng vận động tinh của trẻ yếu. Có thể sử dụng sợi dây to, hạt có kích thước to, bề mặt hạt không quá nhẵn, lỗ to, nhẹ, số lượng hạt ít cho trẻ dễ xuyên.

Nếu trẻ vẫn không thực hiện được, PH ngồi cùng phía với trẻ làm mẫu thật chậm để trẻ bắt chước theo. Trẻ tập trung chú ý vào hoạt động

Nếu trẻ vẫn không thực hiện được bước trên, PH ngồi sau lưng trẻ cầm tay trẻ xuyên hạt. Khi sợi dây chui qua hạt, PH bỏ tay ra để trẻ xuyên tiếp để trẻ tin rằng mình có thể xuyên hạt được

Mở rộng hoạt động:

Có thể thay hạt bằng cách cho trẻ xuyên các bông hoa, con vật...Hoặc cho trẻ xuyên dây vào các tờ bia cứng có đục lỗ

4. Xếp hình

Mục tiêu:

Trẻ biết xếp các hạt thành hình: vuông, tròn, tam giác...

Phát triển kỹ năng vận động tinh, nâng cao khả năng phối hợp tay mắt

Rèn khả năng tập trung chú ý

Phát triển kỹ năng hợp tác nhóm

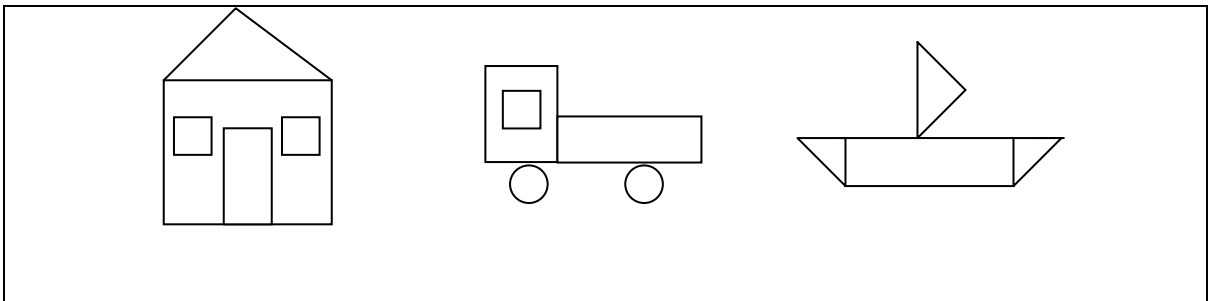
Chuẩn bị:

Nguyên vật liệu: Bộ đồ xếp hình

Địa điểm: sàn nhà hoặc ngồi trên bàn

Cách thực hiện:

Yêu cầu trong khoảng thời gian nhất định trẻ xếp thành các hình khác nhau. Cho các trẻ xếp hình ngôi nhà, ô tô, thuyền,... Trẻ phải tập trung chú ý mới tạo ra được sản phẩm.



Mở rộng hoạt động:

Thay đổi cách chơi khác: Thay đổi nguyên liệu xếp hình bằng nhựa, bằng gỗ để cho trẻ được tiếp xúc với nhiều đồ vật khác nhau.

B. BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG BẮT CHƯỚC

5. Bắt chước điệu bộ và chuyển động cơ thể

Mục tiêu:

Phát triển kĩ năng bắt chước

Phát triển các vận động: đứng lên, ngồi xuống, giơ tay lên, xoay người, đi, bò, trườn...

Qua hoạt động phát triển tố chất nhanh nhẹn, khéo léo

Chuẩn bị: Phòng rộng rãi

Cách thực hiện:

PH làm mẫu kèm theo lời nói cho trẻ bắt chước hành động: đứng lên, ngồi xuống, giơ tay lên, xoay người, đi, bò, trườn... Làm như vậy giúp bé nhận biết cách bắt chước hành động.

PH làm mẫu trẻ nếu cần. Nếu trẻ không thực hiện được phụ huynh đứng phía sau trợ giúp.

Mở rộng hoạt động: PH có thể thực hiện hoạt động này ở những nơi khác nhau...

6. Bắt chước tiếng kêu của các con vật

Mục tiêu: Luyện phát âm dài; Luyện vận động tròn môi

Luyện giọng bắt chước tiếng gà trống gáy (ò, ó, o...oo..)

Chuẩn bị: Hình ảnh con gà trống, con mèo, con vịt, con chó.

Cách thực hiện:

PH giơ tranh Con gà trống và hỏi trẻ con gì đây? (giúp trẻ trả lời con gà trống). PH nói chú gà trống cất tiếng gáy “ò ó o ...oo...” nào mẹ và con cùng bắt chước chú gà trống gáy nào ! (Bài tập này khó vì yêu cầu trẻ phải có hơi, có giọng, bết cách bắt chước thì mới thực hiện được bài tập này, PH kiên trì luyện cho con).

Mở rộng hoạt động:

Bắt chước tiếng mèo kêu (meo meo meo...), vịt kêu (cạc, cạc, cạc...), chó sủa (gâu gâu gâu...).

C. BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG LUÂN PHIÊN

7. Cùng xây nhà

Mục tiêu:

Rèn luyện kĩ năng luân phiên trong giao tiếp

Chuẩn bị:

Một chiếc bàn

01 bộ xếp hình bằng gỗ

Cách thực hiện:

PH và trẻ trẻ ngồi đối diện nhau, cho trẻ xem tranh mẫu về hình ngôi nhà. Hỏi trẻ đây là hình gì? (giúp trẻ trả lời hình ngôi nhà). Tường nhà xây bằng khối gỗ hình chữ nhật, mái nhà xây bằng khối gỗ hình tam giác. PH xếp tầng 1, trẻ xếp tầng 2... lần lượt đến mái nhà.

Mở rộng hoạt động:

Tương tự PH có thể cùng con chơi trò luân phiên khác như: cùng vẽ tranh, cùng rót nước, cùng ăn cơm...

D. BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG NGHE HIỂU NGÔN NGỮ**8. Cùng gọi tên Quả**

Mục tiêu: Rèn kĩ năng nghe hiểu ngôn ngữ

Chuẩn bị: Mô hình quả, tranh tô tô về quả.

Cách thực hiện: Gọi tên quả Cam

PH cho trẻ ngồi trên ghế *ngang tầm với mình*. PH xếp quả cam, na, táo, đu đủ lên bàn và hướng dẫn trẻ nhận biết, nhớ tên gọi của từng loại quả. Luật chơi khi PH nói tên quả nào trẻ phải cầm quả đó giơ lên và ghép quả tương ứng với tranh lô tô.

Bước 1: Gọi tên quả.

PH xếp quả cam, na, táo, đu đủ lên bàn và nói từ “quả cam” trẻ giơ quả cam lên

Bước 2: Nhận diện khái niệm tương ứng vật - tranh

PH xếp quả cam, na, táo, đu đủ lên bàn hàng 1

PH xếp tranh lô tô quả cam, na, táo, đu đủ lên bàn hàng 2

PH nói tên quả cam trẻ đặt quả cam vào thẻ tranh lô tô hình quả cam, quả na, quả táo, quả đu đủ.

Mở rộng hoạt động:

PH có thể tổ chức trò chơi tương tự để giúp trẻ nghe hiểu ngôn ngữ về: tên gọi đồ chơi, đồ dùng gia đình, tên các thành viên trong gia đình, phương tiện giao thông, Hình, màu, số...

E. BÀI TẬP RÈN KĨ NĂNG SỬ DỤNG NGÔN NGỮ

9. Đoán tên con vật

* **Mục tiêu:** Rèn KN sử dụng ngôn ngữ, Trẻ nói tên các con vật khi biết tiếng kêu của con vật

* **Chuẩn bị:** Tranh lô tô, mô hình các con vật

* **Cách tiến hành**

- PH giơ mô hình con mèo và hỏi trẻ “đây là con gì” trả trả lời (con mèo). Con mèo nó kêu như thế nào? (meo, meo, meo).

PH đưa ra luật chơi: Khi mẹ bật tiếng kêu của con vật thì con phải giơ mô hình con vật đó lên và nói tên tiếng kêu của nó.

* **Mở rộng hoạt động**

Trẻ nói được tên con vật khi biết 1 đến 2 chi tiết về con vật đó

10. Nhận diện người thân

* **Mục tiêu:** Rèn kĩ năng sử dụng ngôn ngữ, trẻ chỉ và gọi tên được ít nhất 4 - 5 người thân trong gia đình

* **Chuẩn bị:** ảnh của những người thân trong gia đình

* **Cách tiến hành**

Bước 1: Tạo tình huống (làm mẫu)

- Bố phụ ở phía ngoài cửa gỗ cửa
- Hướng dẫn trẻ chỉ tay ra ngoài và nói "mời vào"
- Khi Bố đi vào, trẻ chỉ tay và nói Bố Nam

Bước 2: Nhận diện và gọi tên người thân

- Mẹ và con ngồi đối diện ở dưới sàn hoặc trên bàn
- Khi mẹ giơ ảnh của ai trong gia đình lên, thì yêu cầu trẻ nói tên người thân.

Ví dụ: Ông nội trẻ nhận diện ông nội qua ảnh và nói tên “Ông nội”

* **Mở rộng hoạt động**

- Ngoài tên các thành viên trong gia đình, PH đến lớp chụp ảnh copy vào máy tính hoặc in ảnh ra, tổ chức chơi tương tự để giúp trẻ biết sử dụng ngôn ngữ nói để nói tên các bạn, các cô ở lớp.

PHỤ LỤC 9

Sổ tay chẩn đoán và thống kê các rối nhiễu tâm thần DSM-IV

Một trẻ được chẩn đoán là tự kỷ khi có ít nhất 6 dấu hiệu từ mục 3.1, 3.2, 3.3 trong đó ít nhất 2 dấu hiệu từ mục 3.1, 1 dấu hiệu mục 3.2 và 1 dấu hiệu mục 3.3.

3.1 Khiếm khuyết về chất lượng quan hệ xã hội: có ít nhất 2 dấu hiệu

- *Khiếm khuyết sử dụng hành vi không lời*

- Không giao tiếp bằng mắt khi được hỏi
- Không chỉ tay vào vật mà trẻ thích
- Không kéo tay người khác để yêu cầu
- Không biết xòe tay ra xin/ khoanh tay ạ để xin
- Không biết lắc đầu khi phản đối/ gật đầu khi đồng tình
- Không biểu hiện nét mặt khi đồng ý/ không đồng ý
- Không chào hỏi bằng điệu bộ (vẫy tay, giơ tay)

- *Kém phát triển mối quan hệ bạn hữu tương ứng với lứa tuổi*

- Không chơi khi trẻ khác rủ
- Không chủ động rủ trẻ khác chơi
- Không chơi cùng một nhóm trẻ
- Không biết tuân theo luật chơi

- *Thiếu chia sẻ quan tâm, thích thú*

- Không biết khoe khi được cho một đồ vật/ đồ ăn
- Không biết khoe đồ vật mà trẻ thích
- Không biểu hiện nét mặt thích thú khi được cho

- *Thiếu quan hệ xã hội hoặc thể hiện tình cảm*

- Không thể hiện vui khi bố mẹ về
- Không âu yếm với bố mẹ
- Không nhận biết được sự có mặt của người khác
- Không quay đầu lại khi được gọi tên
- Không thể hiện vui buồn
- Tình cảm bất thường khi không đồng ý

3.2 Khiếm khuyết chất lượng giao tiếp: có ít nhất 1 dấu hiệu

- *Chậm/ không phát triển kỹ năng nói so với tuổi:* (nếu trẻ nói được thì có khiếm khuyết về khởi xướng và duy trì hội thoại)
 - Không tự gọi đối tượng giao tiếp
 - Không chỉ tay vào vật mà trẻ thích
 - Không duy trì hội thoại bằng lời
 - Không nhận xét, bình luận
 - Không biết đặt câu hỏi
- *Sử dụng ngôn ngữ trùng lặp, rập khuôn hoặc ngôn ngữ lặp đi*
 - Phát ra một chuỗi âm thanh khác thường
 - Phát ra một số từ lặp lại
 - Nói một câu trong mọi tình huống
 - Nhại lại lời nói của người khác nghe thấy trong quá khứ
 - Nhại lại lời nói của người khác khi vừa nghe thấy
- *Thiếu kỹ năng chơi đa dạng, giải vờ, bắt chước mang tính xã hội phù hợp với tuổi*
 - Không biết chơi với đồ chơi
 - Chơi với đồ chơi một cách bình thường (mút, ngửi, liếm, nhìn)
 - Ném, gập, đập đồ chơi
 - Không biết chơi giả vờ
 - Không biết bắt chước hành động
 - Không biết bắt chước âm thanh

3.3 Có các hành vi bất thường: có ít nhất 1 dấu hiệu

- *Bận tâm bao trùm, thích thú mang tính định hình bất thường cả về cường độ và độ tập trung*
 - Thích đồ chơi/ đồ vật
 - Thích mùi vị
 - Thích sờ vào bề mặt
- *Bị cuốn hút không cưỡng lại được bằng các hành động nghi thức*

- Bị hút vào một đồ chơi/ đồ vật
- Mê mẩn với các thao tác của đồ dùng trong nhà
- Say xưa quay bánh ô tô, xe đạp, đồ vật
- *Cử động chân tay lặp lại hoặc rập khuôn*
 - Thích đu đưa thân mình, chân tay
 - Thích đi nhón trên mũi chân
 - Thích vê xấn, vặn tay, đập tay
 - Nghiện soi ngắm tay
- *Bận tâm dai dẳng với những chi tiết của vật*
 - Nghiên cứu đồ vật, đồ chơi
 - Nghiện mê mẩn chơi
 - Ngắm một phần nào đó của vật
- *Với các điều kiện chậm hoặc có rối loạn chức năng ở một trong các lĩnh vực sau, xuất hiện trước 3 tuổi*
 - (1) Quan hệ xã hội
 - (2) Ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp xã hội
 - (3) Chơi mang tính biểu tượng hoặc tưởng tượng
- *Các rối loạn không rõ hơn khi được giải thích bằng hội chứng Rett hoặc hội chứng Mát hòa nhập ở trẻ em.*